

VĂN-HÓA

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

MỤC-LỤC TRÍCH-YẾU

Nữ-phạm diễn-nghĩa-từ	BÛU CÀM
(của Tuy-Lý-Vương)	biên-khảo
Cổ-tích và địa-danh xưa của	
trần Gia-Định	TÂN-VIỆT-ĐIỀU
Chí-sĩ Việt-Nam	NGUYỄN-BÁ-THÈ
Núi Ngự-Bình (thơ)	PHẠM-HUY-TOẠI
Đào-duy-Từ (1572-1634)	PHẠM VĂN ĐIỀU
Dư-địa-chí	Á-NAM sưu-địch
Lau trúc trời mưa (thơ)	BOÀN-THÊM
Hồi-giáo	NGUYỄN-KHÁC-NGŨ
Ứng-Bình Thúc-Giạ-Thị	TRONG-ĐỨC
Hiềm-họa nguyên-tử	THANH-TÂM
Soi gương (thơ)	TRẦN-KINH
Lịch-sử Ngữ-Học	NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

VÀ CÁC MỤC THƯỜNG-XUYỀN

Xem mục-lục đầy-đủ nơi trang trong

GIẤY BÁN TOÀN-QUỐC } 1 số (tr-nhân) 12\$
 } 1 số (công-sở) 24\$

GIẤY PHÉP XUẤT-BÁN
 Nghị-định số 332 Cab/Sg.
 ngày 5-5-1952

In 2000 cuốn số 62
 tại nhà in BÌNH-MINH
 148-i Đ. Yên-Đỗ — Sài-gòn

LOẠI MỚI - SỐ 63 THÁNG 8 NĂM 1961

VĂN - HÓA

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

LOẠI MỚI - SỐ 63 THÁNG 8 NĂM 1961

MỤC-LỤC

I - VĂN-HÓA VIỆT-NAM

		Số trang
- Nữ-phạm diễn-nghĩa-từ, tác-phẩm chữ nôm của Tuy-Lý-Vương.	BỬU CẦM	859
- Cờ-tích và địa-danh xưa của trấn Gia-Định.	TÂN-VIỆT-ĐIỀU	867
- Chí-sĩ Việt-Nam (tiếp theo).	NGUYỄN-BÁ-THỂ	891
- Hồ-tướng Nguyễn-hữu-Tấn.	TU-TRAI	903
- Lou trúc trời mưa.	ĐOÀN-THÊM	988
- Đào-duy-Từ (1572-1634).	PHẠM VĂN ĐIỀU	910
- Du-địa-chí (tiếp theo)	Á-NAM sưu-dịch	922
- Thi-bá đất Thần-kinh : Ung-Bình Thúc-Giạ-Thị (tiếp theo).	TRỌNG-ĐỨC	941
- Thi-ca :	PHẠM-HUY-TOẠI	928
- Núi Ngự-Bình	DI-SƠN	929
- Bái-dật tự-thuật.	HOÀI-QUANG	929
- Biết đù là vui.	ĐẠM-NGUYỄN	930
- Cầm-Linh du hữu-cầm	THỦY-THIÊN	930
- Soi gương.	TRẦN-KINH	931
- Anh thuyền chài.	ĐÔNG-VIÊN	931
- Gặp bạn cũ	Á NAM	932

VĂN-HÓA — SỐ 63

1020/162

- Khóc bạn	BỬU-DUỆ	932
- Thơ mừng Không-Đức-Thành.	HY-NHAN	933
- Hồ Tĩnh-tâm.	HOÈ-ĐÌNH	933
- Nam-Xương thiếu-phụ.	HỒNG-THIÊN nữ-sĩ	934
- Hội-ngộ	TRƯƠNG-HUYỀN	935
- Nhớ đêm tao-ngộ	ĐÔNG-XUYÊN	935
- Một màu xanh	Tôn-nữ HỖ-KHƯƠNG	936
- Chiều hôm nhớ quê	PHẠM-HUY-TOẠI	937
- Đọc tập « Thuyền Thơ » cảm-đề	HOÀI-QUANG	937
- Cảm-hoài (Nguyên-tác của Đặng-Dung).	NGỌC-LÝ dịch	938
- Khóc Cha.	Tôn-nữ HỖ-KHƯƠNG	939
- Kỷ-niệm trăm ngày Thân-phụ	Trọng-Nghĩa BỬU-DUỆ	940

II - VĂN-HÓA THẾ-GIỚI

- Lịch-sử Ngữ-học (tiếp theo).	NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA	963
- Hiềm-họa nguyên-tử	THANH-TÂM	969
- Hồi-giáo.	NGUYỄN-KHẮC-NGŨ	975

III - TIN-TỨC VĂN-HÓA

- Tin trong nước.	1008
- Tin ngoài nước.	1013
- Tin sách báo mới.	1016

MỤC-LỤC

- Mục-lục tổng-quát V.H.N.S. (1955-1960) (từ số 1 đến số 57).	979
- Mục-lục V.H.N.S. số 63 (tháng 8 năm 1961).	1010

TRANH-ẢNH TRONG SỐ NÀY

- Chân-dung Ngải Tuy-Lý-Vương
- Cờ-tùng Thế-miếu
- Bản-dò Trồn Gia-Định do tướng Trần-văn-Học phác-họa năm 1815
- Phân-mộ Tướng Trần-văn-Học



VĂN-HÓA — SỐ 63

1021/163



NỮ-PHẠM ĐIỂN NGHĨA TỪ

MỘT TÁC-PHẨM CÓ GIÁ-TRỊ BẰNG CHỮ NÔM
CHƯA XUẤT-BẢN CỦA TUY-LÝ-VƯƠNG

Giáo-sư *Bừu Cầm*
Phụ-trách giảng-khoa Việt-Hán
Trường Đại-học Văn-Khoa Sài-gòn

Từ trước đến nay, người ta biết tiếng Tuy-Lý-Vương qua hai câu thơ truyền-tụng của vua Tự-đức (1) và bộ *Vĩ-dã hợp-tập* 蒼野合集, tác-phẩm bằng chữ Hán của Vương, gồm có 11 quyển cả văn và thơ, khắc vào bản gỗ năm 1875. Thơ nôm của Vương chỉ có một đôi bài được phổ-biến như: *Đề nhà mát* và *Thơ lấy văn khoai*. Mới đây, ông Thái-văn-Kiểm có in vào quyển *Cổ-đô Huế* của ông bài thơ *Song thanh điệp vận* của Tuy-Lý-Vương và bài *Hòa-lạc ca* là một khúc liên-ngâm mà Vương đã làm chung với Tùng-Thiện-Vương và Trương-An Quận-Vương. Hai bài ấy đều bằng chữ nôm. Ngoài ra, Tuy-Lý-Vương còn trữ-tác nhiều áng văn thơ nôm khác, trong số đó phải kể *Nữ-phạm*

(1) 文如超遠無前漢; 詩到從綏失盛唐:
Văn như Siêu Quát vô Tiền-Hán; Thi đáo Tùng Tuy thất Thịnh-Đường: Văn như văn của Nguyễn-văn-Siêu và Cao-bá-Quát thì không có đời Tiền-Hán; Thơ như thơ của Tùng-Thiện-Vương và Tuy-Lý-Vương thì mất cả đời Thịnh-Đường.

859/1

diễn nghĩa từ 女苑演義詞 là một tác-phẩm có giá-trị mà ít người biết tới.

Hiện nay, tôi còn giữ được một bản *Nữ-phạm diễn nghĩa* từ do ông tôi (con Tuy-Lý-Vương) chép để lại. Sách này làm năm quý-sửu, Tự-đức: thứ 6 (1853), gồm có: a) một bài tựa; b) phần chính-văn làm theo thể lục-bát (312 câu), câu nào có điền-cổ đều được chú-thích ngay bên cạnh câu đó; c) sau cùng là hai bài thơ *Phụng sắc kính đê quyền hậu* (vâng sắc vua kính đê vào sau sách), một của Tùng-Thiện-Vương, một của Trương-An Quận-Vương. Tất cả đều bằng chữ nôm.

Nữ-phạm là khuôn-phép của đàn-bà. Theo đúng nhan-đề quyền sách, tác-giả đã nêu lên những gương tốt của phụ-nữ Trung-quốc ngày xưa để làm tiêu-chuẩn cho phụ-nữ Việt-nam noi theo. Trong lúc soạn tác-phẩm này, ngoài sách « *Nữ-phạm* của nàng họ Vương » như tác-giả đã viết trong bài tựa, có lẽ tác-giả còn tham-khảo các sách khác như *Liệt nữ truyện* 列女傳 (1) của Lưu Hướng 劉向 đời Hán và *Cổ kim liệt nữ truyện* 古今列女傳 (2) của Giải Tấn 解潘 đời Minh.

Đề đọc-giả biết được mục-đích và phương-pháp soạn quyền *Nữ-phạm diễn nghĩa* từ của Tuy-Lý-Vương, tôi xin trích ra sau đây vài đoạn trong bài tựa sách ấy:

« Tôi nghe: Trời cho đều tinh năm thường, song lại gán mực phải đen, « gán đèn phải sáng; người thiêng hơn loài muôn vật, nhưng mà có ăn mới vóc, « có học mới hay. Cho nên, Thánh theo Trời sáng đạo ở trời theo, vua trị « nước tế nhà mà nước trị.

(1) *Liệt nữ truyện* của Lưu Hướng đời Hán gồm có 7 quyền, lại thêm 1 quyền tục-truyện nhưng chưa biết của ai, có thuyết bảo là của Ban Chiêu 班昭, có thuyết cho là của Hạng Nguyên 項原. Tám quyền nguyên hợp làm một bộ, không chia loại-mục. Đến đời Tống, Vương Hồi 王回 mới phân ra làm bảy mục: *Mẫu-nghi* 母儀, *Hiền-minh* 賢明, *Nhân-trí* 仁智, *Trình-thận* 貞慎, *Tiết-nghĩa* 節義, *Biện-thông* 辯通 và *Bế-nghịệt* 戾孽.

(2) *Cổ kim liệt nữ truyện* của Giải Tấn đời Minh gồm có 3 quyền: quyền thượng chép về hậu-phi; quyền trung chép về vợ của chư-hầu và đại-phu; quyền hạ chép về vợ của sĩ-thứ.

« Rày mừng thầy: mười mưa, năm gió đã thuận ba mùa; bốn bề, chín châu « lại về một mối. Nhà nhà phu-phi, sắn-sàng cơm, gạo, áo, tiền; chôn chôn ăn « chơi, vui-vẻ rượu, chè, ca, hát. Trượng thái bình đã tỏ, nên chí-trị đầu xa. « Lại khá toan cho trọn đạo người, vậy mới chẳng uổng sinh trong nước. Trãi « từ đời Đường, đời Ngu, đời Hạ, đời Thương dần xuống, việc gì lại chẳng « xét soi; đầu nối nhà Trường, nhà Tự, nhà Học, nhà Hiệu các nơi, chôn nào « cũng nên dạy-đỗ.

« Có sách *Nữ-phạm* mười một thiên còn đó, là nàng họ Vương chín mườ; « tuổi chép để biết mấy chuyện lành, lại cùng lời phải. Nay những trên bày « hậu-đức, thứ kể mẫu-nghi. Phò chúa phải hết niêm ngay, nuôi thân cho tròn « nét thảo. Thờ chống là trinh-liệt, thương chúng ấy nhân-từ. Lại như lo giữ « kiệm-cần, noi theo lễ-tiết; thêm có tài lành cũng đẹp, mà nhiều trí giỏi « càng hay [...].

« Ấy tai nghe mắt thấy, đời xưa nào, đời nay lại khác nào? Cũng mầu « đồ đầu đen, người kia vậy, người này sao chẳng vậy? Danh đã rạng quan « yêu, dân chuộng; công lại đến mẹ dưỡng, cha sinh. Ai này xin dạ liệu lòng lo, « mới gọi khôn-ngao tài-ngõ; ít cũng toại nhà yên nước lợi, đều nhờ sức « khỏe lâu dài. Lạ (lạ) vận quần mang yếm những người, tua đường ấy đã là « thực-nữ; hỡi đội mào cùi (gài) đai ghe kẻ, phải làm sao cho đáng trượng- « phu.

« Như tôi, tính vốn đại ngây, học chưa thông suốt; khôn vói (vói) « Đông-bình đức-nghiệp, nào so Từ-kiên văn-chương. Ngồi-ngồi xem giấy trắng « mực đen, riêng lòng thẹn trên hiền xưa, thánh trước; đầu đầu trái năm tròn « tháng chẵn, nghiêng mình chen trong đất thấp, trời cao. Mặc ẩm ăn no, thông-thả « luồng lưng dài vai rộng; thức khuya dậy sớm, lẩn-thần vừa tóc bạc đầu râu. « Chưa mấy lông lợi vật giúp người, còn nặng gánh ơn nhà nợ nước. Sực « ít học đòi găng-gỗ, hãy chừa nhuân nẫu sừ xôi kính; lời què nhạt-nhạnh nôm- « na, dám rằng đã liền vẫn chảy chuyện.

« Hiệu Tự-đức kể muôn năm, năm thứ quý-sửu, vâng dịch khúc ca, « trước Quốc công (1) hàng chúng tôi, tôi là Miên Trinh lại làm bài tựa. »

Bài tựa trên đây viết theo lối văn biền-ngẫu, dùng nhiều thành-ngữ và tục-ngữ nôm-na để hiểu, mà lời lẽ rất khiêm-tốn.

(1) Lúc đó Tuy-Lý-Vương chỉ mới được phong tước Quốc-công.

Phần chính-văn mở đầu bằng một chương tổng-luận gồm 16 câu :

*Trời sinh chúa thánh trị đời,
Chính lòng làm cột chính người muôn phương.
Thói hòa đời sánh Ngu Đường,
Ba giếng nghĩa tỏ, năm thương đức nên.
Họ Lưu nữ-phạm sách biên,
Khen rằng minh-giám khá truyền khuê-oi.
Nay tôi hồ đáng vấn-từ,
Dịch làm quốc-ngữ dám bì ca-chương.
Trải từ đũa định xanh vàng,
Gái trai ngôi thứ âm dương trong ngoài.
Muốn cho rạng đấng trên đời,
Tề nhà vì nước dạy người tự xưa.
Trai theo thầy bạn còn nhờ,
Gái trong khuê-các khó chờ nên thân.
Sot gương mới sửa đat cân,
Học xưa mới biết phải chững việc đời.*

Tiếp theo đó là những thiên dành cho cô kim liệt-nữ. Theo thứ-tự đã ghi trong bài tựa, trước hết tác-giả ca-tụng đức-hạnh của các bà hậu-phi xưa :

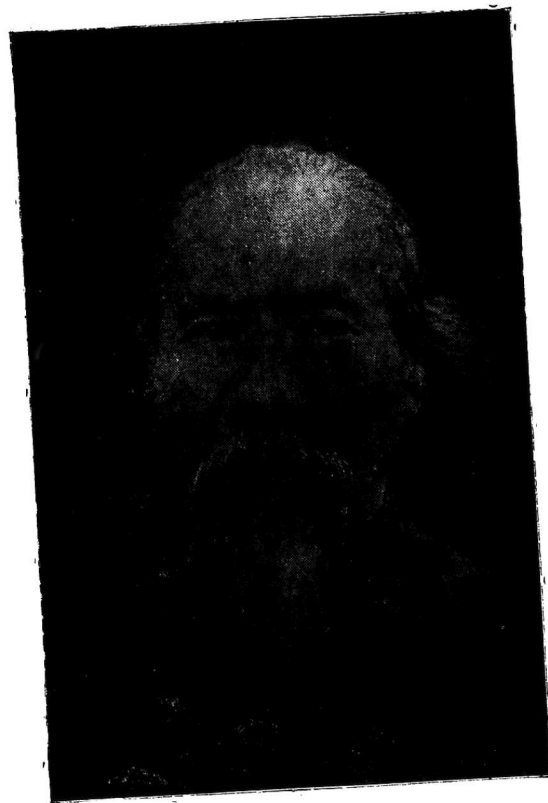
*Chương đầu thống luận vừa rồi,
Này thiên Hậu-đức xem người thuở xưa.*

Trong thiên này, tác-giả đã trưng-dẫn những gương sáng của các bà : Thái-Tự (vợ Chu Văn-Vương), Khương-Nguyên (vợ Đế Cốc), Nga-Hoàng và Nữ-Anh (vợ Ngu-Thuấn), Khương-Hậu (vợ Chu Tuyên-Vương), Mã-hậu và Đặng-hậu (đời Hán), Đâu-hậu (đời Đường), Tuyên-nhân Cao-hậu (đời Tống), v...v...

Dưới đây là câu khen bà Thái-Tự và kèm theo lời chú-thích của chính tác-giả :

*Ngâm bài Lân-chỉ, Quan-thư,
Khen bà Thái-Tự đức dư muôn đời.*

Trong kinh Thi có bài thơ Lân-chỉ là vì đức nhân-hậu, bài thơ Quan-thư là



Chân-dung

Ngài TUYÊN - LÝ - VƯƠNG

Con thứ mười một vua Minh-Mệnh

Nội-tử Ung-Bình Thúc-Già-Thị

(Tài-liệu của Giáo-sư BỬU CẦM)



CÔ-TÙNG THẾ-MIÊU (HUỆ)
Thế-Miêu làm năm Minh-Mệnh thứ hai (1821)
thờ các vua triều Nguyễn

vì đức chính sáng, đều là khen bà vợ vua Văn-vương là bà Thất-Tự nhân như con kỳ-lân, chính như con thư-cưu (1).

Sau thiên Hậu-đức, đến các thiên: Mẫu-nghi, Hiếu-hạnh, Trinh-liệt, Trung-nghĩa, Thuận-thuần, Kiệm-cần, Lễ-tiết. . .

Trong thiên Mẫu-nghi, tác-giả đã khen bà mẹ của Mạnh-tử không nói dối với con (một lời Mạnh mẫu chẳng ngoa, đã thà mua thịt không thà dối con); bà mẹ của Đào Khản đã khuyên con phải giữ đức thanh-liêm (bà Đào phong cá chín khôn, thanh-liêm làm bấu béo ngon chẳng màng), bà mẹ của Âu-dương Tu đã bẻ cành lau làm bút viết chữ dạy con học (bẻ lau làm bút chép văn, Âu-dương có mẹ dạy răn là thầy), v. . . v...

Trong thiên Hiếu-hạnh, tác-giả đã đề-cao những người con hiếu như Đê-Oanh đã xin chịu tội chết thế cho cha (Đê-Oanh mới thấy gái này, vì thương thân-phụ xin thay nhục-hình), Tào Nga đã nhả xương sống chết theo cha vì cha nàng bị chết chìm (Tào Nga hiếu nữ nên kinh, ôm cha trên sóng gieo mình giữa sâu), Mộc-Lan đã cải-trang làm con trai để đi lính thay cha (Mộc-Lan gái để có đầu, đổi thay chinh-thú dãi-dầu tuyết sương), v. . . v...

Các thiên khác đại-khái cũng như thế, nghĩa là nêu lên những người đàn-bà đời xưa có đức-hạnh, tiết-nghĩa, khả dĩ làm gương-mẫu cho phụ-nữ đời sau. Tự-trung, cũng có một vài trường-hợp quá-khích vì quan-niệm sai-lầm về chữ trinh và chữ hiếu của cổ-nhân. Chẳng hạn như vợ Vương Ngưng đã chặt đứt tay mình đi vì bị một người đàn-ông lạ nắm vào (Ngưng thê nghĩa ấy càng kinh, người lăm dặt cánh nàng đành cắt tay), và như nàng Trương Nhị đã mò lấy gan mình dâng cho bà nội ăn làm thuốc (mò gan mới thấy ở Trương, đá rùng ruột thất sắt vàng lòng don). Trong Nhị thập tứ hiếu (2) cũng có chuyện tương-tự như thế mà

(1) Đây là phần chú-thích bằng văn xuôi của tác-giả (Tuy-Lý-Vương) in chữ nghiêng cỡ nhỏ, để phân-biệt với những lời bình-giải của kẻ viết bài này in chữ đứng. Lời chú của tác-giả sẽ được bỏ-khuyết khi nào quyền Nữ-phạm điển-nghĩa từ xuất-bản.

(2) Nhị thập tứ hiếu 二十四孝 vốn là tác-phẩm của Quách Cư-Kính 郭居敬 đời Nguyên. Cư-Kính tính chỉ hiếu, vì nhớ thương cha mẹ đã qua đời, nên mới sưu tập chuyện của hai mươi bốn người con hiếu thuận (từ Ngu-Thuần 虞舜 đến Hoàng Đĩnh-Kiến 黃庭堅) và soạn ra sách này để dạy trẻ.

ngày nay chúng ta phải cho là dã-man : Chuyện Quách Cự (1) chôn sống con đi để nó khỏi chia sớt miếng ăn của mẹ già. Nhưng trừ một vài trường-hợp đặc-biệt nói trên, trong *Nữ-phạm điển nghĩa* từ còn có biết bao nhiêu gương anh-thư, liệt-nữ đáng để cho muôn đời soi chung.

Kề về phương diện văn-chương, *Nữ-phạm điển nghĩa* từ của Tuy-Lý Vương không nhường *Nhị thập tứ hiếu điển ca* của Lý Văn-Phức. Chúng ta hãy đọc những câu nhẹ-nhàng uyển-chuyển như :

*Lời lan, lòng huệ thom.tho,
Sứ-quân có vợ, La-Phu có chồng.*

Hay là :
*Ngâm-ngùi đích thứ tình sâu,
Ngắm câu Trọng-thị thêm sâu Trang-Khương.*

Và :
*Ngời sắc ngọc, ngát mùi hương,
Một tay Tô Huệ mấy đường hồi.vấn.*

Đoạn bàn về tài và đức ở phần gần cuối sách như sau :
*Đức, tài bàn luận rồi thiên,
Miễn cho có đức cũng nên có tài.
Tài hay gái dễ nhường ai,
Bằng mà không đức dẫu trai cũng hèn.
Từ xưa sách sử dạy truyền,
Tài lành cũng bởi đức hiền mà ra.*

Lời văn ấy khiến chúng ta liên-tưởng tới đoạn Nguyễn Du bàn về chữ tâm và chữ tài trong *Đoạn-trường tân-thanh*.

Dưới đây là mấy câu tổng-kết viết theo lối văn hồn-hậu, trang-nghiêm, nhưng vẫn giữ được sự quân-bình của âm-diệu :

(1) Chuyện Quách Cự 郭巨 trước hết được chép trong *Sưu thần ký* 搜神記 của Can Bảo 干寶 đời Tấn. Trong *Hiếu-phong huyện chí* 孝豐縣志 cũng có chép chuyện đó. Quách Cự-Kính cũng đem chuyện Quách Cự chôn con được vàng vào trong quyển *Nhị thập tứ hiếu* của ông.

*Bao nhiêu hiền trước kẻ phò,
Ấy mình làm phép dẫn dò kẻ sau.
Thầy đều theo dõi đạo mẫu,
Nguồn cao phong.hóa, dòng sâu trị.bình.
Trời xem chúa sáng, tôi lành,
Dạy răn tự chôn gia-đình mà ra.
Đức nhuận bốn bề âu ca,
Người người ngay thảo, nhà nhà nghĩa nhân.
Tam đa nguyện chúc Thánh-quân,
Hy hy cõi thọ dài xuân lâu dài.*

Trước khi chấm dứt bài này, tôi xin dẫn ra đây hai bài thơ của Tùng-Thiện-Vương và Tương-An Quận-Vương đề ở sau quyển *Nữ-phạm điển nghĩa* từ của Tuy-Lý-Vương để phê-bình sách ấy, theo lệnh vua Tự-đức.

BÀI THƠ CỦA TÙNG-THIỆN-VƯƠNG

Họ Lưu bày gái đã anh-hùng,
Dịch lại khen ai cũng có công.
Trải suốt mười thiên dặng Điện Bắc,
Chép dần ba phẩm nổi Tương-Đông.
Vỡ bầu theo dạng tài chưa dễ,
Lấy sách làm gương ý chẳng cùng.
Liên chuyện nhớ chừng người Tử-chính,
Một biên Liệt-nữ bảy nhiều trung.

BÀI THƠ CỦA TƯƠNG-AN QUẬN-VƯƠNG

Lần hồi chữ lạ hỏi Dương Hùng,
Đuôi ký theo đòi dấm tiếc công.
Sóng dợn tờ quyên voi biển Bắc,
Bút dần ngòi thỏ rạch non Đông.
Khương Nhâm đức trước ngàn thu rạng,
Nghiêu Thuấn nhân nay tám cõi cùng.
Đầu đó là chạng nhून-nhà hóa,
Hóa nhà con thảo, nước tôi trung.

Một tác-phẩm có giá-trị từ hình-thức đến nội-dung, cả văn-chương lẫn đạo-lý như *Nữ-phạm diễn nghĩa từ*, nếu sẽ bị mai-một đi thì thật là đáng tiếc. Bởi vậy, không dám giữ làm của riêng một áng văn-chương của tiền-bối đã tiềm-tàng trong bóng tối trên một trăm năm, hôm nay tôi đưa tác-phẩm này ra giới-thiệu cùng độc-giá. Rồi đây, tôi sẽ phiên ra quốc-ngữ toàn quyền, viết lời dẫn, tặng phần bỗ-chú và in thành sách để góp thêm một tài-liệu vào kho-tàng văn-học Việt-Nam.

BÙU CÀM



THẺ-LỆ MUA VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

Mỗi số (Tu-nhân): 12\$ 1 năm 10 số : 120\$
 nửa năm 5 số : 60\$
 Mỗi số (Công-sở): 24\$ 1 năm 10 số : 240\$
 nửa năm 5 số : 120\$

Gửi bảo-đảm, mỗi số tính thêm 7\$00

Ở ngoại-quốc, xin gửi thêm cước-phí

- ★ Mua dài hạn V.H.N.S., xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về Ô. GIÁM-ĐỐC NHA VĂN-HÓA, số 266, Đường Công-lý, Sài-Gòn.
- ★ Bài soạn đăng tạp-chí, xin gửi về Ô. CHỦ-BÚT VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN, số 266, đường Công-lý, Sài-Gòn.
- ★ Bài của các bạn gửi đến Tòa-soạn, nếu không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.

866/8

VĂN-HÓA — SỐ 63



TIM HIỆU ĐẠI NƯỚC

CỔ-TÍCH VÀ ĐỊA-DANH XƯA CỦA TRẦN GIA-ĐÌNH

Bản Việt-Điều.

Ngày mồng 4 tháng chạp năm Gia-Long thứ 14 (1815), tướng Trần-văn-Học có phác-họa một bản đồ khá tinh-vi về tỉnh Gia-Đình. Trên bản đồ này, chúng tôi thấy ghi những địa-danh sau đây :

GIA-ĐÌNH TỈNH 嘉定省

Lũy cát ngang (?)	壘 萬 昂
Đồng ngô tư	同 我 司
Lò Cốm	埕 糶 梅 寺 市
Cây Mai Tự	梅 福 林 市
Phước Lâm Thị	福 深 林 市
Rạch Cầu	深 凌 緞 處
Bến Uân Rạch	深 榮 根 處
Sài Côn xứ	深 榮 根 處
Rạch dầu	深 榮 根 處
Chợ quán rạch	深 榮 根 處
Chợ quán	深 榮 根 處
Rạch phong tiêu	深 榮 根 處
Kiểu	深 榮 根 處

VĂN-HÓA — SỐ 63

867/9

Miêu Thánh	廟 聖
Công thần Miếu	功 臣 廟
Kim Chung tự	金 鐘 寺
Cựu Lũy	舊 壘
Bầu Tròn	鞞 輪
Cò bầu tròn	鞞 輪 鞞 輪
Trường Súng	場 銃
Giám Văn quán	監 文 館
Cầu Lão Hòa	樑 老 和
Thái Hòa	太 和
Cò Tân Định	鞞 新 定
Chợ Mới Kiều	帶 蟹 橋
Cao Miên Kiều	高 綿 橋
Ngã bí mụ Trị (1)	我 秘 媒 治
Ngã bí Mũi (2)	我 秘 每
Rạch mụ Nghê	濕 媒 倪
Thủ Thiêm	守 添
Thái Hòa Thôn	太 和 村

Cộng cả thảy là 32 danh từ địa-lý. Chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu mỗi danh từ, lịch sử và địa lý mỗi nơi, sự biến chuyển qua thời gian và không gian, vì biết rằng những danh từ địa lý, cũng như con người ta, đều có một đời sống khá lý kỳ, trải qua các thời đại.

Nhưng trước khi nghiên cứu về các danh từ nói trên, thiết tưởng chúng ta cũng nên tìm hiểu thân thế và sự nghiệp người đã phác họa bản đồ ấy.

TRẦN VĂN HỌC LÀ AI ?

Ở Bà Chiểu còn có ngôi mộ Trần Văn Học trong công viên trước trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật Gia-Định. Có sách ghi là Nguyễn-Văn-Học, là vì các danh từ ở thời xưa thường được phép mang họ nhà vua (Nguyễn Ánh) như Huỳnh-Đức được ghép thêm họ Nguyễn là Nguyễn-Huỳnh-Đức chẳng hạn.

Theo « Đại-Nam chính biên liệt truyện, sơ-tập », quyển 15, tờ 16b—19b, Trần Văn-Học, người huyện Bình-dương, thành Gia-Định. Lúc đầu, Học theo

(1) Ngã ba hoặc Ngã tất. Có người phiên là Ngã tất Cò Chiên.

(2) Mới hoặc Mũi.

Giám-mục Bá-da-lộc (Evêque d'Adran) đến yết kiến Thế-tổ Cao-hoàng-Đế tại Gia-Định. Năm Nhâm-dần (1782), quân Tây-son vào đánh phá, quân Nam thất lợi. Học cùng Bá-da-lộc hộ-tùng xa-giá bà mẹ vua Thế-tổ và cung-quyển đến trú tại Long-áo (thuộc Cao-man), rồi bàn cùng nhau rằng : « Hiện nay, nước nhà gặp nhiều hoạn-nạn, chúng ta nên tùy nghi mà xử sự » ; thế rồi Học không đợi mệnh vua, tự tiện ra lệnh cho người Cao-man hộ-vệ xa-giá bà mẹ vua Thế-tổ và cung-quyển do đường Hậu-giang tiến đến Cần-thơ để tìm vua, lại sai Giám-quân Nguyễn-hữu-Thụy sang Tiêm-la cầu viện.

Đến khi quân Tây-son tới đánh phá, thuyền ngự chạy ra biển, Học theo Bá-da-lộc đem quốc-thư sang triều-đình nước Tiêm ; vua Tiêm cho binh thuyền đi đón vua Thế-Tổ vào nước, rồi gửi binh lính sang giúp quân ta nhưng bị bại trận. Vua Thế-Tổ lại sang Tiêm, và sai Học cùng Bá-da-Lộc, Phạm-văn-Nhân, Nguyễn-Văn-Liêm, v v... hộ-tùng Hoàng-trưởng-Tử Cảnh đi Tây cầu viện. Thuyền đến Tiều-tây (1), đỗ ở ngoài thành Phong-ti-thê-di (Pondichery), Học cùng phái-bộ đến yết-kiến vị trưởng quan trong trấn, nhưng vị ấy lấy có trong nước có nhiều biến-cổ mà từ chối việc viện-trợ. Bọn Phạm-văn-Nhân biết rằng vị trưởng quan ở đây không có ý muốn giúp ta, nên khuyên Bá-da-Lộc hãy cầu-viện nước Hồng-Mao (Angleterre). Bá-da-Lộc nói : « Hồng-Mao xáo trá, chẳng như Bút-tu-Kê (Portugal) nhu thuận ; như bất đắc dĩ, thì nên cầu viện nước Bút-tu-kê ». Rồi viết thư sai người mang tới thành Cỏ-á (Goa) cầu viện ; Bút-tu-Kê hứa sẽ gửi viện binh sang ; bọn Phạm-văn-Nhân chờ đợi đến mấy tháng vẫn không thấy tin-tức gì cả. Nước Hồng-Mao cũng phái người đến thành Phong-ti-thê-di nói với vị trấn-thủ ở đó rằng : « Người ta cầu-viện gấp, có sao để chậm trễ ? Nếu các ông không thể giúp họ được, thì chúng tôi xin gánh vác việc ấy, không nên để cho họ phải phí-tồn nhiều vì phải chờ đợi lâu ngày ».

Năm Bính-Ngọ (1786), vị đầu-mục Tiều-tây mới sắp sẵn hai chiến thuyền : một chiếc đưa Hoàng-trưởng-tử Cảnh cùng Bá-da-Lộc sang Đại-tây (1), một chiếc đưa Trần Văn Học, Phạm Văn Nhân và Nguyễn Văn Liêm về Vọng-các. Khi thuyền của Học về đến đảo Thổ-châu thì Nhân và Liêm ở lại với vua Thế-tổ, còn Học lại theo thuyền ngoại quốc đi nữa.

(1) Trò các xứ Tây-thuộc ở Ấn-độ thuở ấy.

(1) Trò các nước Âu-tây thời đó.

Mùa thu năm ấy, nước Bút-tu-kê sai tướng An-tôn-lôi (1) mang quốc thư và lễ vật đến nơi thành-tại để hiến dâng vua Thế-tổ, lại tặng vua Tiêm 100 tấm vải và 20 khẩu súng điều thương, rồi mời vua Thế-tổ sang nước mình, và nói rằng đã có sẵn 56 chiến thuyền đậu tại thành Cô-á đang đợi lệnh để kéo tới tiếp viện. Việc ấy đã làm cho người Tiêm sinh lòng ganh tị và tỏ ý không vui. Vua Thế-tổ liền bảo An-tôn-lôi trở về, rồi phái quan Hộ bộ là Trần-phúc-Giai cùng đoàn tùy tùng đi chiếc thuyền của xứ Mã-cao đến thành Cô-á đáp lễ. Lúc thuyền của Trần văn Học về đến đảo Thổ-châu, vua lại sai Học đi sang Tiều-tây đem việc đó hiểu dụ Bá-đa-lộc và vị trấn-mục xứ ấy.

Năm Đinh vị (1787) Trần văn Học đến Tiều-tây, xong công-tác lại đáp thuyền ngoại-quốc mang biểu-văn về trình báo. Thuyền Học về đến Ma-lặc (Malacca) vừa gặp binh thuyền Đại-tây, Học cùng với đoàn binh thuyền ấy về đảo Côn-lôn, rồi đem việc tâu lên; vua Thế-tổ liền phái Trương Phúc-Luật ra tiếp đón. Học ngồi trên thuyền ngoại quốc bỗng gặp gió lớn thổi bạt qua Lũ-tống (Luçon), hơn một năm sau mới về đến Gia-định. Từ đó Học ở lại bên vua, phụ trách việc thông-ngôn tiếng ngoại-quốc và cùng O-li-vi (Olivier) phiên-dịch ngữ-ngôn văn-tự nước ngoài, kiêm cả việc chế tạo hòa xa, (2) địa lôi và các hạng binh khí.

Năm Canh-tuất (1790), xây thành Gia-định, Học đo đất phân khu và trừ-liệu việc mở các con đường trong thành; Học lại cùng người ngoại-quốc là Nguyễn Chấn (Vannier) chỉ huy các thuyền lớn bọc đồng theo quan-quân đi đánh giặc.

Năm Nhâm-tý (1792), xây đồn Mỹ-tho, Học dâng vua bản đồ đồn ấy. Học vẽ giỏi, những bản đồ về việc xây đắp đồn-bảo, đo-đạc đường sá, đều do tay Học vẽ cả.

Năm Gia-Long thứ hai (1803), Học được thăng chức Cai-cơ, rồi thiên chức Giám-thành sứ Khâm-sai Chương-cơ.

Năm Minh-Mạng thứ hai (1821), vua sai Học vẽ bản đồ núi sông đường sá các trấn ở thành Gia-định cho đến địa-giới Chân-lạp

(1) tức Antonio Vincente Da Rosa, xem P. Huard : Les Portugais de l'Indochine, kỷ yếu của Institut Indochinois pour l'Etude de l'Homme. tập III. 1940, trang 58.

(2) một thứ chiến cụ.

đề dâng lên vua. Lúc đó Học đã già, vua dụ rằng : « Người cũng không còn sống được mấy ngày nữa, há chẳng nghĩ đến việc lưu-danh lại thế sao ? » Rồi vua ban cho Học 100 quan tiền. Chẳng bao lâu Học mất. Học không có con (1).

HIỀN-TRUNG TỬ

Niên hiệu thứ 3 (1804), vua Gia-Long giáng dụ cho Trần Gia-Định xây tại làng Tân-Triêm đền Hiền-Trung, để thờ các vị công thần đã có công lớn trong việc khai-quốc và thống nhất sơn hà.

Bàn thờ chính giữa thờ 3 vị :

- Võ Tôn Tánh, Hậu Quân Quốc Công
- Ngô Tùng Châu, Thái Sư Quận Công
- Nguyễn Tấn Huyền, Ứng nghĩa Đạo Chương Cơ.

Bàn thờ nhất bên trái thờ 10 vị :

- Châu Văn Tiếp, Chương Dinh Quận Công
 - Tôn Thất Hội, Tiền Dinh Quận Công.
 - Tống Viết Phước, Thiểu Bảo Quận Công
 - Mai Đức Nghi
 - Võ Di Nguy
 - Nguyễn Cửu Dật, Chương Dinh Quận Công
 - Nguyễn Cửu Toán
 - Nguyễn Thành
 - Tôn Thất Dũ, Hữu Quân Quận Công
 - Nguyễn Văn Chánh, Tả Quân Quận Công
- Bàn thờ nhất bên phải thờ 10 vị :
- Nguyễn Hữu Thụy, Chương Dinh Quận Công
 - Nguyễn Đình Thuyên
 - Nguyễn Kim Phàm
 - Trần Xuân Trạch
 - Tôn Thất Cốc
 - Tống Phước Hòa
 - Nguyễn Thái Nguyên, Thiểu Phó
 - Bùi Kế, Chương Dinh

(1) Bản dịch của Bửu Cầm, Nguyễn-Năng-Lự và Nghiêm-Thâm.

— Đoàn Văn Các, Chương Cơ

— Hoàng Công Thành

Bàn thờ *nhì bên trái* thờ 221 vị, trong đó có người Pháp Mạn Hoè Chương Vệ (Manuel) chết tại trận Ngã Bảy (Thất Kỳ Giang) trong khi giao-chiến với Tây Sơn năm 1782.

Bàn thờ *nhì bên mặt* thờ 221 vị

Bàn thờ *phía bên trái* thờ 275 vị

Bàn thờ *phía bên mặt* thờ 275 vị

Cộng cả thảy là 1.015 vị.

Niên hiệu thứ 6 (1846) vua Thiệu-Trị hạ lệnh cho quan tỉnh Gia-Định phải thay những bài-vị hư hỏng bằng những bài vị mới dài hơn, làm bằng gỗ thật cứng hoặc bằng đá cẩm.

Niên hiệu thứ 25 (1872), vua Tự-Đức cho lập một cái đàn (esplanade) gọi là Hiền-Trung Công Thần.

Ban đầu, đền Hiền-Trung thờ 1015 công-thần, nhưng về sau có 361 vị được di chuyển qua các đền khác như Trung-Hưng, Trung-Tiết ở Huế, Bảo-Trung ở Bình-Định, Biều-Trung ở Phú-Yên, Sanh-Trung ở Khánh-Hòa, cho nên nơi đền Hiền-Trung ở Gia-Định chỉ còn thờ 653 vị. Đền khi Pháp chiếm Gia-Định, đền thờ này không ai chăm sóc và hương khói vắng lạnh. Vua Tự-Đức mới sai làm một cái đàn thờ các vị ấy bên đền Ân-Tự, nơi Vỹ-Dạ. Đền Ân-Tự xây từ đầu niên hiệu Minh-Mạng (1820) để thờ các vị công thần.

Niên-hiệu thứ ba, (1893), vua Thành-Thái bèn truyền lệnh thờ các vị ấy nơi đền Công-Thần, đã có tại làng Thiên-Lộ: (Thọ Lộ) gần Vỹ-Dạ, thuộc huyện Hương-Thủy.

Niên-hiệu thứ 5 (1911), vua Duy-Tân cho dời miếu Công-Thần về xã An-Ninh, thuộc huyện Hương-Trà, và đặt trong Quốc-Tử-Giám cũ. Còn Quốc-Tử-Giám thì dời về Thành-Nội, đường Lục-Bộ, năm 1911. Riêng về nhà cũ Công-Thần ở làng Thọ-Lộ thì trở thành nhà thờ Lăng Quốc-Công, tức là vua Hiệp Hòa đã mất năm 1885.

MIẾU HỘI-ĐỒNG

Ở địa-phận thôn Tân-Triêm, huyện Bình-Dương, phía tây tỉnh thành Gia-Định, phụng thờ linh-thần âm-dương tam-đàng, dựng năm Ất Mão (1795).

872/14

VĂN-HÓA — SỔ 63

trùng tu năm Thiệu-Trị thứ 5 (1844), ở trước miếu có cây đa (cây dung) lâu đời lớn được hai ôm, cành lá rườm rà, hành khách qua lại thường nghỉ mát ở dưới.

Miếu Hội-Đồng cũng có tên là Miếu-Thánh (Thính) ở gần Hiền-Trung-Từ. Miếu này ở phía ngoài thành Ô-Ma (Camp des mares), hai bên miếu có hai cái ao sen tỏa hương thơm ngát trên con đường ngự (route royale, route haute) mà bây giờ là đường Võ-Tánh (Ex Freres Louis).

Trước Hiền-Trung-Từ và Miếu Hội-Đồng, ở trên lề đường hai đầu có dựng hai cái trụ đá có khắc bốn chữ: Khuyh cái hạ mã (nghe tiếng dù xuống ngựa), để cho người đi đường có dịp tỏ lòng sùng bái các bậc công thần khai quốc.

Theo « Gia-Định Thông-Chí » của Trịnh-Hoài-Đức thì Miếu Hội-Đồng cách phía nam Trấn Gia-Định 5 dặm và ở phía tây quan-lộ. Năm Ất-mão dựng lên phụng tự các vị Khai-sáng Trung-hưng Công-thần, năm Giáp-tý niên hiệu Gia-Long thứ 3 (1804) phụng chỉ trùng tu, đem thần vị Chương-Hậu-Quân Bình-Tây Tham-Thặng Đại-Tướng Quân Thái-Úy Tánh-Quốc-Công Võ-Công-Tánh và Lễ-Bộ Thái-Tử Thái-Sư Châu-Quân-Công Ngô-Tòng-Châu thờ tại gian chính-trung, kỳ dư theo thứ tự thờ ở 2 bên tả hữu, có chép vào Hội-diên bộ Lễ, mỗi năm 2 lần tế Xuân-Thu, lệ có đặt 25 lễ-phu.

Võ-Công-Tánh người huyện Phước-An, tỉnh Biên-Hòa, là người sáng suốt, võ nghệ tinh-tường, lúc đầu dấy nghĩa-binh ở huyện Kiến-Hòa trấn Định-Tường, đánh cùng Tây-Sơn có đến trăm trận, làm tiên-thanh trong lúc Trung hưng, năm Mậu-Thân (1788) được phong chức Tiên-phong dinh Chương-cơ, kế lấy Trường-công-chúa, có công đánh dẹp được gia-chức Chương-hậu-quân Tham-thặng Đại-tướng-quân. Còn Ngô-Công người huyện Bình-Dương trấn Phiên-An, là người liêm-khiết trang trọng, uyên-thâm về môn lý học, lúc đầu Trung-hưng được đình cử vào Hàn-lâm, làm lần đến Ký-lục trấn Biên-hòa, thăng Lễ-bộ Đường quan, tháng 4 năm Kỷ-vị (1799), chức Tư-Võ Tây-Sơn là Trần-Tuất và Bình-Bộ Nguyễn-Phát đem thành Qui-Nhơn đầu hàng, Vua khiến 2 ông đem binh lưu trấn tại đấy, còn quân vua trở về Gia-Định, tháng 12 Thiệu-Phó Tây-Sơn Nguyễn-Diệu cử binh toàn quốc từ Thuận-Hóa đến đánh, ông đóng chặt cửa thành chống giữ, tháng 4 năm Canh-thân (1800) quân vua từ Gia-Định ra cứu viện, binh địch cầm cự chưa đánh phá được, mùa hạ năm Tân-dậu (1801) Vua đề Chương-tiền-quân Nguyễn-Văn-Thành, Chương-hữu-quân Nguyễn-Hoàng-Đức,

873/15

VĂN-HÓA — SỔ 63

Chưởng-tướng-quân Nguyễn-Đức-Xuyên ở lại viện trợ ngoài thành ; vua để
 khiến thủy-quân thừa lúc Phú-Xuân không đề-phòng thắng ra khắc phục ; Vua lại
 khiến Chưởng-tá-quân Lê-Văn-Duyệt, Trung-dinh Thống-chế Tống công-Phước,
 Ngự-lâm-đôn Đô-thống-chế Lê-văn-Chất do tỉnh Quảng-Nam đi theo đường
 thủy và đường lục đến đóng đồn tại Quảng-Ngai để đánh sau lưng của quân Tây-
 Sơn. Tháng 5 trong thành Qui-Nhon hết lương-thực mà binh địch lại thêm
 thập bội vây đánh rất gắt, ngày 27 Vô-Công lên lầu bát giác tự đốt, còn Ngô-
 Công thì uống thuốc độc tự tử, thành trì bị thất hãm. Tháng 3 năm Nhâm-tuất
 (1802) quan binh nội ngoại giáp công, Nguyễn-Diệu tan chạy, thành Qui-Nhon
 mới dẹp yên. Vua đặc tặng : Vô-Công : *Dực-Vận Công-Thần Phụ-Quốc Đạt-tướng*
quân Thái-Úy Tánh-Quốc-Công, thụ Trung-Liệt 翊運功臣輔國
大將軍太尉性國公益忠烈 Ngô-Công : Tân-trị công-
thần đặc tấn Trụ-quốc Kim-tử Vinh-Lộc Đạt-phu Thái-tử Thái-sư Châu-quận-
công thụ Trung-Ý. 贊治功臣特進柱國金紫榮祿
 大夫太子太師周郡公益忠純 Triều-dinh nghị-tôn 2 ông
 lên bậc Trung-Hưng công-thần đệ nhất, phàm miếu Công-thần đều thờ 2 ông
 ở vị chính trung, mỗi năm tế xuân thu 2 lần.

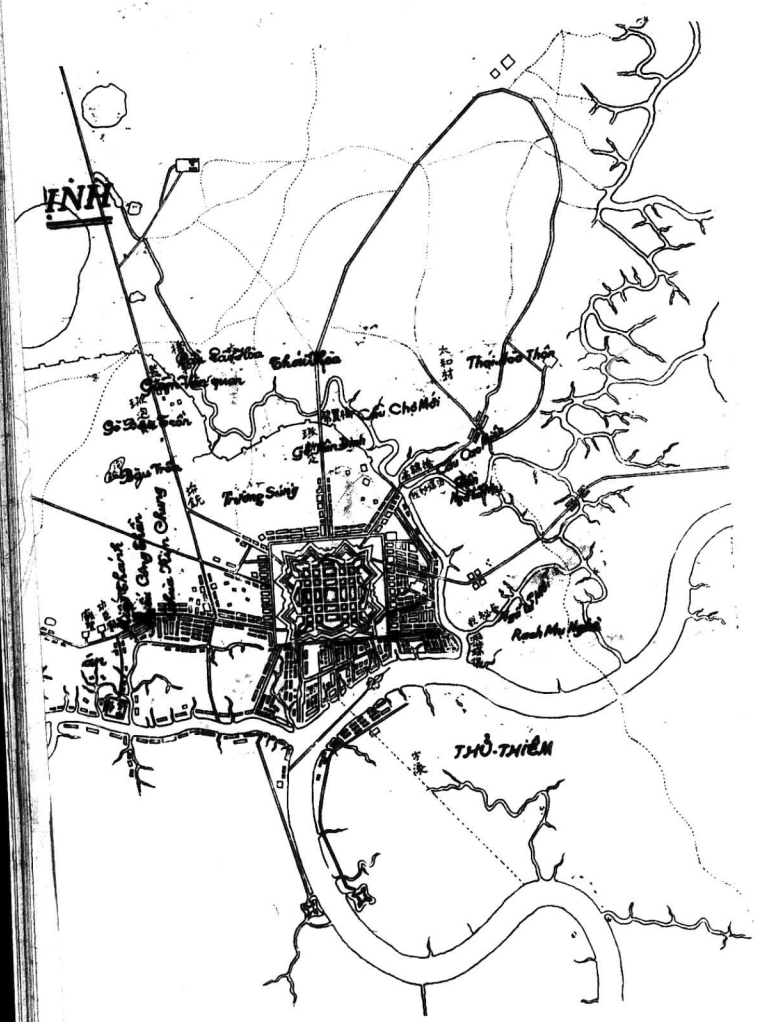
CHÙA KIM-CHƯƠNG

Trong bản đồ Trần Văn Học có ghi là « Kim Chung Tự », chùa này
 ở gần góc đường Võ Tánh và Cao-Thăng bảy giờ. Theo thứ tự thì ba ngôi
 miếu chùa này cùng nằm dọc đường Võ Tánh : đầu Chùa Kim-Chương, giữa
 Hiền Trung Từ, cuối là miếu Thánh.

Theo « Gia Định Thành Thông Chí » của Trịnh Hoài Đức thì chùa
 này ở phía tây-nam Trấn hơn 4 dặm về phía bắc quan-lộ. Ở giữa là Phật điện,
 trước sau có *đông tây-đường, sơn-môn, phương-trượng, kinh-thất, hương-olện,*
và phạn đường 東西堂, 山門, 方丈, 經室, 香院, 飯堂 chạm
 trở to sơn, tốt đẹp rộng cao, phía bắc chùa có suối nước ngọt bốn mùa dưới
 đất chảy tràn ra ước dầm cả đường đi, năm Ất Hợi (1755) đời vua Thế-Tôn
 18 (Nguyễn-phúc-Khoát) có thầy tăng ở Qui-Nhân là *Đạt-Bản Hòa-thượng*
 達本和尚 đến lập chùa ở đây, được vua sắc tứ tám biển đề là « Kim-
 Chương tự » Đạt-Bản mất truyền lại cho đồ đệ là Quang-Triệt 光澈 Năm
 Ất-vị (1775) Hòa Nghĩa đạo-lý *Tướng quân* 和義道李將軍
 lập vua Mục Vương 穆王 (Nguyễn-phúc-Dương) tại đây, lại sắc tứ một lần
 nữa, Quang-Triệt mất, Quang-Trạm kế. Quang-Trạm mất, Quang-Tuệ nối.



Phần-mộ Tướng Trần-văn-Học



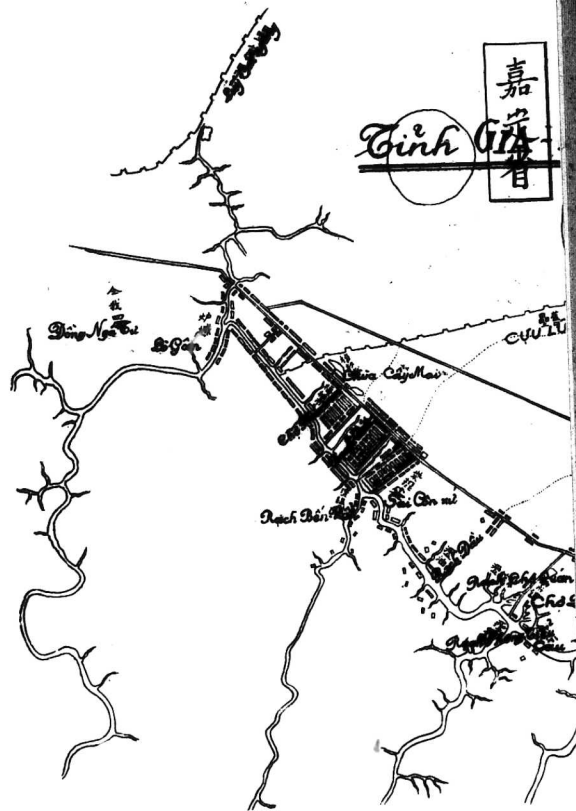
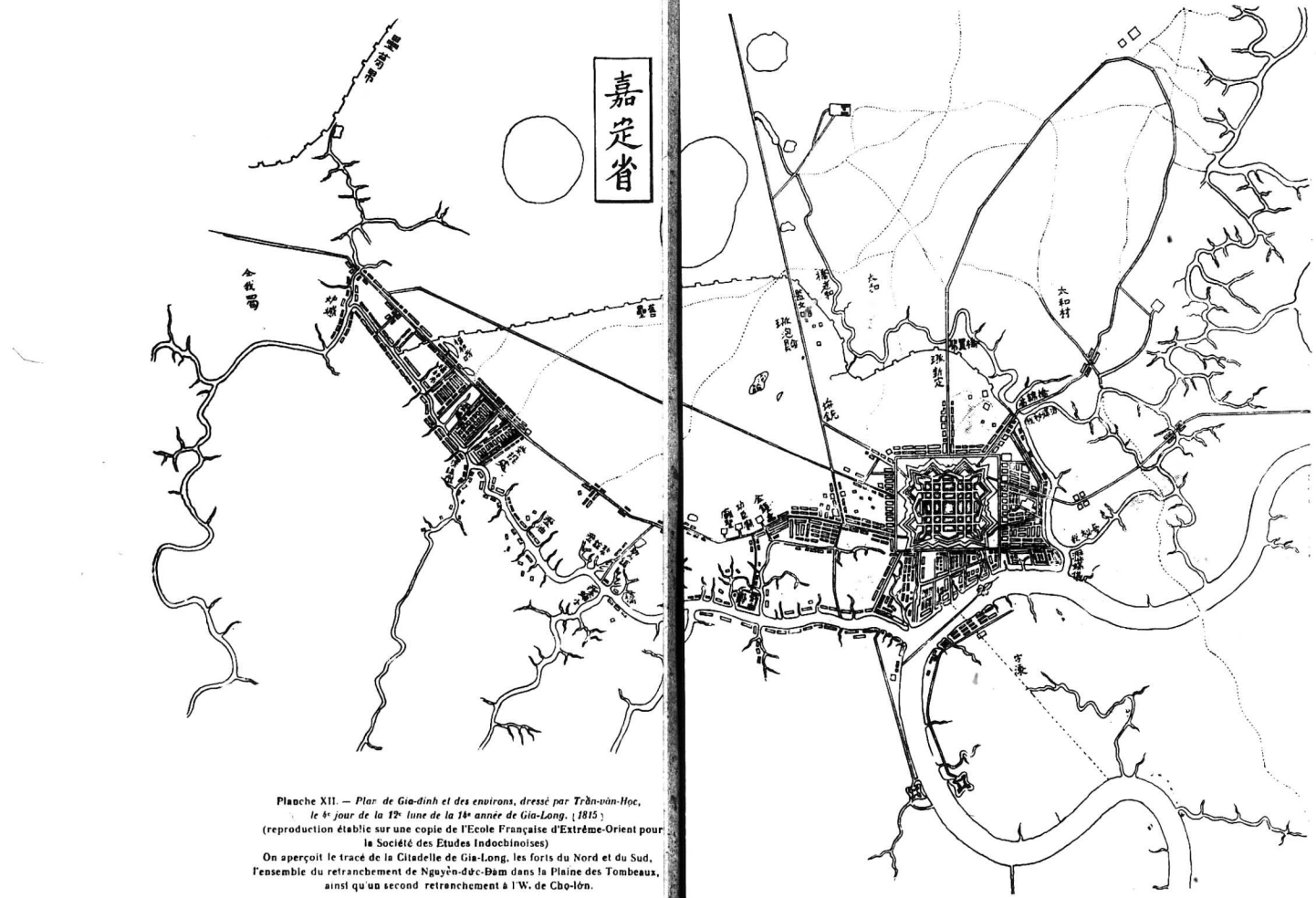


Planche XII. — Plan de Gio-dinh et des environs, dressé par Trãn-vãn-Hoc,
 le 4^e jour de la 12^e lune de la 14^e année de Gio-Long. (1815)
 (reproduction établie sur une copie de l'École Française d'Extrême-Orient pour
 la Société des Etudes Indochinoises)
 On aperçoit le tracé de la Citadelle de Gio-Long, les foris du Nord et du Sud,
 l'ensemble du retranchement de Nguyễn-dức-Bam dans la Plaine des Tombeaux,
 ainsi qu'un second retranchement à l'W. de Cho-lon.



嘉定省

Planche XII. — Plan de Gia-dinh et des environs, dressé par Trân-vân-Hoc, le 4^e jour de la 12^e lune de la 14^e année de Gia-Long. (1815)
 (reproduction établie sur une copie de l'Ecole Française d'Extrême-Orient pour la Société des Etudes Indochinoises)
 On aperçoit le tracé de la Citadelle de Gia-Long, les forts du Nord et du Sud, l'ensemble du retranchement de Nguyễn-dức-Bàm dans la Plaine des Tombeaux, ainsi qu'un second retranchement à l'W. de Cho-lôn.

năm Đinh-dậu niên hiệu Gia-Long 12 (1813) Thần-Vô quân Phó-tướng Trần nhàn-Phụng 陳仁奉 phụng di-chỉ Cao-Hoàng-Hậu ban tiền 10.000 quan để trùng tu nhà chùa và chỉnh lý những kinh tạng trống chuông cho thêm trang nghiêm, hiện nay là 1 *đại bảo sát* 大寶刹 (ngôi chùa danh thắng) ở Gia-định.

Chùa Kim-Chương (do chữ Chung đọc trại ra) ở gần chỗ nuôi ngựa (haras) ngày trước của thành Ô-ma. Chùa xây từ đời Gia-Long trên cơ sở của một ngôi chùa Chân-Lạp, Chùa này được nổi tiếng với hai sự kiện lịch sử bị đất sau đây :

Vua Duệ-Tông, chú của vua Gia-Long và hoàng-tử Mục-Vương bị Tây-Sơn bắt, người thứ nhất ở Bassac (Cà mau) năm 1776, người thứ hai ở Ba-vạc (trước kia thuộc tỉnh Vĩnh-Long, nay thuộc Bến-Tre, về phía đông bắc Mố-Cây) một thời gian sau, cả hai đều bị xử tử tại ngôi chùa này.

oOo

Chùa Kim-Chương ở gần Chợ Điều Khiển, cũng có tên là chợ « Cây Da thăng mọi ». Xưa kia ông Điều Khiển đóng doanh bộ tại nơi này, nên mới có tên là Chợ Điều Khiển. Còn chợ « Cây Da thăng mọi », là nơi mà xưa kia người ta bán thứ đèn dầu phụng bằng đất sét nung, giống hình người mọi đen đội trên đầu một cái đèn con.

Chợ này tọa lạc từ nhà Blancsubé tới đường xe lửa. Nhà Blancsubé ở ngay góc Võ-Tánh và Cống-Quynh, cho nên chợ này cũng có tên là chợ Lăng-Xi-Bền, về sau được đổi ra thành Chợ Thái-Bình (do hai chữ Xi Bền mà ra).

Từ đường Võ-Tánh đi về Chợ Lớn, chúng ta còn nhận thấy những tên đất sau đây : Chợ quán, Chợ quán rạch, Rạch phong tiêu kiều.

CHỢ QUÁN

Vùng Chợ Quán (gồm có các làng Tân-Kiềng, Nhơn-Giang, Bình-Yên), do tên một cái chợ núp dưới mấy cây me to lớn ở đường nhà thương Chợ Quán. Xưa kia nơi này có rất nhiều quán bán hàng, cho nên mới có tên là Chợ Quán.

Rạch phong tiêu tức là Rạch ông Bé (Phong là ông), là rạch con chảy vào khoảng giữa của Rạch Bến Nghé được xem như là rạch mẹ). Phía bên kia Rạch Bến Nghé là địa phận các làng Khánh-Hội, Tân-Vinh, Vĩnh-Khánh tức là từ hảng Nhà Rồng (Messageries Maritimes) cho đến Rạch ông Lớn (Đại phong giang), các làng Bình-Xuyên, Tứ-Xuân (đến rạch ông Bé tức là Xóm Te),

các làng An-Thành (Tuy-Thành), Bình-Hòa (Thanh-Bình, tức xóm Ró) An Hòa-Đông và Hưng Phú (tức xóm Than).

Bây giờ, chúng ta thử tìm hiểu các địa danh trong vùng Chợ-Lớn hiện thời là : Sài Côn xứ, bến Uân Rạch, Rạch cầu, Phúc Lâm thị và Cây Mai Tự.

SÀI-CÔN-XỨ

Sài Côn là tên xưa của Chợ-Lớn, còn tên cũ của Sài-gòn là Bến-Nghé. Người Tây-Phương hồi mới tiếp xúc với chúng ta đã chọn danh từ Sài-gòn cho dễ nghe, dễ đọc và để viết hơn là Bến-Nghé. Hoặc có lẽ họ đã thương mại với người Tàu trước tiên nên họ đã chịu ảnh hưởng về ngôn-ngữ của người Trung-Hoa ở Sài-Côn-xứ.

Sài-Côn là một danh xưng phiên-âm từ thổ danh Prei Nokor, hoặc Prei N'kor, rút ngắn thành Prie kor.

Thủ-đô của Thủy-Chân-Lạp là Prei Nokor, Prei có nghĩa là rừng, Nokor là xứ, kinh-đô, vương quốc (ville royale, royaume), còn Prei kor mới là Rừng-gòn, Nokor, theo Linh-mục Tandart, lấy gốc ở chữ pali Nagara, Nagaram là xứ, thành, vương-quốc (cité, forteresse, royaume).

Chính chữ *Pret* cùng một nguồn gốc với chữ *rây*, chữ *Nokor* với chữ *nước*, mà nhiều nơi ở xứ ta còn đọc là « *Nác* ». Ngoài ra, chúng ta còn thấy danh-từ Nagar trong Poh Nagar, có nghĩa là bà Chúa-Xứ, tức là vị nữ thần Bhagavati, dưới hình dáng của nữ-thần Uma (Ngu-Ma), vợ (cakti) của thần Civa, còn thờ tại Tháp Bà Nha-Trang.

Vì những lẽ trên, Prei Nokor có nghĩa là Rừng Vương-quốc, Rừng của vua, mà Emile Aymonier dịch là « Forêt royale » trong quyển « Le Cambodge » do Ernest Leroux xuất-bản tại Ba-Lê năm 1900. Nhưng Linh-mục Tandart, trong cuốn tự-điền « Dictionnaire Cambodgien-Français » đã dịch là « Ville de la forêt ».

Nhà cổ-học Moura là người đầu tiên đã ghi chép danh xưng Prei Nokor, trong quyển sách « Le Royaume du Cambodge » do Ernest Leroux xuất-bản năm 1883 tại Ba-Lê. Trong quyển này, tập II, trang 59, có một đoạn rất quan trọng vì có liên-hệ đến nước ta, mà chúng tôi xin chép ra đây :

VĂN-HÓA — SỞ 63

876/18

« En l'an 2167 de l'ère bouddhique, 1623 de l'ère chrétienne, un ambassadeur du roi d'Annam apporte au roi du Cambodge Preas Chey-Chesda une lettre dans laquelle le roi d'Annam exprime le désir « d'emprunter » au Cambodge le pays de Prei Nokor et Kas Krobey pour y installer ses bureaux des douanes. Preas Chey-Chesda, après avoir consulté ses ministres, donne une suite favorable à la demande du roi d'Annam et envoie à ce dernier une lettre lui faisant connaître qu'il accepte de lui donner ce qu'il demande. Le roi d'Annam ordonne alors à ses fonctionnaires des douanes de s'installer à Prei Nokor et Kas Krobey, et à partir de ce moment, de procéder à la perception des taxes douanières ».

(Năm 2167 Phật-lịch, tức là năm 1623 Công-nguyên, một sứ-giã của vua An-Nam đã dâng lên vua Cam-Bốt Preas Chey-Chesda một phong thư trong đó vua An-Nam ngõ ý « mượn » của nước Cam-Bốt xứ Prei Nokor và xứ Kas Krobey, để đặt làm nơi quan-thuế.

Preas Chey-Chesda, sau khi đã tham-khảo ý-kiến của đình thần, đã chấp thuận lời yêu-cầu trên và đã phúc thư cho vua An-Nam biết. Vua An-Nam bèn ra lệnh cho quan-chức đặt sở quan-thuế tại Prei Nokor và Kas Krobey, và từ đó bắt đầu thu quan-thuế).

Tài-liệu này còn giữ tại Văn-khố của nước Cam-Bốt (Annales manuscrites du Cambodge, Collection de la Bibliothèque royale-Fonda Cambodgien — Règne de Preas Chey Chesda, trang 369).

Sở-đất vua Chân-Lạp đã nhượng cho nước ta hai địa-điểm trọng yếu nói trên, là vì muốn được lòng Chúa Sài đã gả công-chúa Ngọc-Vạn cho mình, và đồng thời cũng muốn tìm hậu thuẫn để chế-ngự tham-vọng của người Xiêm về phía Tây.

Do tài-liệu lịch-sử trên kia, chúng ta thấy : sau danh xưng Prei Nokor, lại xuất-hiện thêm danh xưng Kas Krobey. Danh xưng này gồm có chữ Kas, có nghĩa là tiền (monnaie) và Krobey (Krabey) có nghĩa là trâu, một gia súc rất cần cho xứ Thủy-Chân-Lạp là nơi bùn lầy nước đọng.

Theo nhà cổ-học Malleret viết trong bài « A la recherche de Prei Nokor » đăng trong tạp-chí của Hội Nghiên-cứu Đông-dương năm 1912, đề-nhi tam cá-nguyệt, thì Prei Nokor là Sài-côn xứ, tức là vùng Cây-Mai, Chợ-lớn ngày nay. Bản-đồ của Trần-văn-Học vẽ năm 1815 cũng có ghi ba chữ « Sài-côn

VĂN-HÓA — SỞ 63

877/19

xứ », tại vùng này. Còn trong danh xưng Kas Krobey chúng ta thấy đã có sẵn chữ Krobey là trâu làm cho ta liên-tưởng đến xứ Bến Nghé, tức là Ngưu Tân theo Trịnh-Hoài-Đức phiên nghĩa trong « Gia-định thành thông-chí », để chỉ-định chỗ Rạch Bến Nghé (Ngưu chữ hà) chảy ra sông Tân-Bình (sông Sài-gòn), mà xưa kia người ta gọi là vàm Bến Nghé. (Chữ vàm do chữ péam : cửa biển, cửa sông mà ra).

Theo « Gia-Định Thành Thông-Chí », Chợ Sài-Côn ở cách phía nam Trấn Gia-Định 12 dặm, đường 2 bên tả hữu quan lộ, ấy là đường phố lớn thẳng suốt 3 đường giáp đến bến sông, bề ngang 1 con đường giữa, và một con đường dọc theo sông, các con đường ấy xuyên giáp nhau hình như chữ *điền* 田, phố xá liên tiếp sát mái nhau, người Tàu và người Ta ở chung lộn đài độ 3 dặm, hàng hóa trong các phố bày bán : gấm, đoạn, đồ sứ, giấy-má, châu-báu, sách vở, thuốc thang, trà bột v.v.. Những hóa vật ở Nam-Bắc theo đường sông đường biển chở đến không thiếu vật gì. Đầu phía bắc đường phố lớn có miếu Quan-thánh và 3 hội quán : Phức-Châu, Quảng-dông và Triều-châu chia đứng 2 bên tả hữu, phía tây đường lớn có miếu Thiên-Hậu 天后 gần phía tây có hội quán Ôn Lăng 溫陵 đầu phía nam đường phố lớn về phía tây có *Chương-châu Hội-quán* 漳州會館 nhằm gặp giai-thần lương-dạ, tam-ngu yên, sóc vọng thì treo đèn đặt án tranh đua kỹ sảo trông như là cây lửa, cầu sao, thành gấm vóc, hội quỳnh dao vậy, kèn trống huyền não, nam nữ dập dùi, ấy là thị phố lớn, đô hội náo nhiệt.

Trong đường phố lớn có giếng xưa, nước ngọt tràn trề 4 mùa không kiệt. Trên đường ngang có gác cầu ván lớn, có 2 dãy điểm ngói xây liệt ở trên, treo màn che nắng, đường đi êm mát, như đi ở dưới mái nhà cao vậy. Phía đông đường lớn giữa phố có chợ Bình-An 平安 đủ sản vật quý báu ở núi biển và thổ-sản các nơi, ban đêm còn thấp đèn mua bán.

CHÙA CÂY MAI

Đền Cây Mai chính là trung tâm diêm của thành Prei Kor (Sài-Côn) ngày xưa. Trên gò Cây Mai (Mai khâu) xưa kia có một ngôi chùa, ở địa phận thôn Phú-giao, huyện Tân-Long, trên gò có 7 cây mai, bóng ngã lơ thơ mùi hương phảng-phất, rất thích ý cho những người tầm phương du lâm. Sau mấy cuộc binh đao trên gò nay chỉ còn một cây bạch mai mà thôi. Ngày xưa có chùa Ân-Tôn, qua năm Gia-Long thứ 15 (Bính tý 1816) có thầy tăng trưởng

878/20

VĂN-HÓA — SỞ 63

tu tự viện, đào được ba miếng vàng lá rộng hơn 1 tấc, mỗi miếng nặng hơn 3 đồng cân, trên mặt khắc ông « Phật xưa cõi voi », người ta truyền rằng đó là vật ngày xưa của Hồ-tăng trấn tháp.

Năm 1960, chúng tôi có gởi cho Thiếu-Tá Phạm-Văn-Sơn, chỉ huy trưởng Quân-sự Cây-Mai, 6 cây bạch mai nhỏ (ochrocarpus siamensis odoratissimus) để trồng cho đủ 7 cây như xưa.

LŨY CŨ

Sau lưng đồi Cây Mai, còn thấy dấu vết lũy cũ Nguyễn Cửu-Đàm xây từ năm 1772, chạy dài từ đó cho đến Cầu-Bông (Cầu Cao-Mên), xuyên qua trường đua Phú-Thọ, Hòa-Hưng theo đường Tô-Hiến-Thành, xóm giồng Chúa Cửu-Thế, Xóm-Lách (Bến tắm ngựa) và gò Tân-định (Huỳnh-Tĩnh-Cửa). Bắt đầu từ ngã tư Lê-Văn-Duyệt Hiền-Vương trở đi, lũy này đã được sử dụng làm con đường Yên-Đồ và con đường Trần-Quang Khải bây giờ. Vì lũy quanh co, chạy theo phía trong rạch Thị-Nghê, nên hai con đường nói trên cũng phải chịu ảnh hưởng sự quanh co ấy.

Nơi Ngã Tư Lê-Văn-Duyệt (đường Thuận-Kiều cũ) và Hiền-Vương (phía Nguyễn-Thông) xưa kia là *Trường Súng* (chỗ tập bắn)

Gần Cây-mai là *Rạch Lò gốm*, *Đông Ngã Tư* và *Lũy Cát Ngang*
Rạch Lò gốm bắt đầu từ Rạch Bến-Nghé, từ đường Không-Tử đến đường Trang-Tử, qua bến gốm tới kinh Lò gốm.

Lũy Cát Ngang là một cái lũy gần Rạch Cát, dấu tích còn trông thấy ở mút con đường tỉnh-lộ từ Bà-Queo về Bà Hom. Nơi này, có một cầu cái rộng lớn và có cái đập đất cao tức là Lũy-cát ngang, nay dùng làm đường đi tắt từ Bà-Queo về Bà-Hom.

Vùng Hòa-Hưng xưa kia là *Gò Bàu Tròn*, *Bàu Tròn* (trong thành Pháo Thủ, nay là Công-Binh), *Giám-Văn-Quán*, *Cầu Lão-Hòa* băng qua rạch *Nhiều Lọc*, có lẽ là cái cầu Ngã ba Ông Tạ gần chợ ông Tạ ngày nay.

Nơi vùng này có thấy ghi *Thất-Hòa*, có lẽ đã đổi ra Tân-Sơn-Hòa, *Chợ mới kiêu* tức là Cầu Kiêu, trên rạch Thị-Nghê (đầu đường Phú-Nhuận và Tân-Định).

Rời đến *Cao-Miên-Kiều* (tức Cầu Bông), *Ngã ba mụ Trị*, *Ngã ba mồi*, *Thất hòa thôn* (có lẽ là Bình-Hòa ?), *Rạch mụ Nghê* và *Thủ-Thiền*.

VĂN-HÓA — SỞ 63

879/21

RẠCH MỤ NGHÈ

Rạch mụ Nghè lấy tên bà vợ ông Nghè làm thơ-lại ở trấn Gia-Định (nơi chỗ Sài-gòn bây giờ). Theo Trịnh-hoài-Đức, Bà tên là Nguyễn-thị-Khánh, con của Thống-suất Văn-Trường-Hầu Nguyễn-Cửu-Vân, và là em ruột của Nguyễn-Cửu-Đàm, người đã xây cái « lư cũ » 1772 đã nói trên kia. Văn-Trường-Hầu lại là cháu nội của Nguyễn-Cửu-Kiều, trấn thủ Quảng Bình và là rể của chúa Sãi Nguyễn-Phúc-Nguyên (1613-1635). Đốc binh Nguyễn-cửu-Đàm chính là con trai thứ 5 của Văn-Trường-Hầu ; ông đã giữ chức Điều-khiển tổng suất binh thuyền đánh quân Tiêm-La tại Nam-Vang năm Nhâm-Thìn 1772.

Chính ông đã lập ra chợ Điều-Khiển, nay là chợ Thái-Bình mà Pétrus Ký có nói đến trong « Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs » (1885). Cũng chính ông Điều-Khiển đã mở rộng con kênh ruột ngựa (Má trường-giang) nối liền Rạch-Cát (Sa-giang) với sông Lò gồm ở Chợ-lớn.

CẦU CAO-MIÊN

Theo bản đồ Trần-Văn-Học vẽ năm 1815, cầu này tức là Cầu-Bông bây giờ, nối liền Gia-Định với Bà-Chiều. Theo Pétrus Ký viết trong « Souvenirs historiques sur Sài-gòn et ses environs » (1885) thì cầu Bông xưa kia tên là Cầu-Hoa. Sau vì húy tên Hoa là tên một ông Hoàng nên phải đổi là Cầu-Bông.

Sự thật tên Hoa là tên bà Hồ-thị-Hoa, vợ nhất của vua Minh-Mạng, mẹ vua Thiệu-Trị. Bà là con ông Hồ-văn-Vui (Bôi), người huyện Bình-An, khi đầu Trung-Hưng, ông theo hầu cương-ngựa, có công ở Vọng-Các, làm quan đến chức Cai-đội, trong niên hiệu Gia-Long thăng chức Chương Cơ rồi mất. Người con gái được chọn vào hầu nơi Tiềm-Đề ; sau được phong là Tá Thiên-Nhơn Hoàng-Hậu. Vua Minh-Mạng ít khi gọi tên Hoa mà thường gọi bà là « Thiệt » ý khen bà là thiệt-thà chất-phác. Bà mất 13 ngày sau khi sanh vua Thiệu-Trị.

Năm Thiệu-Trị nguyên niên (1841), ông thân sinh của bà được tặng chức Tá-Quân Đô Thống Phủ Chương Phủ sự, Thái-Bảo, Thụy-Trung Đông Phước Quốc Công.

Miếu thơ họ Hồ và lăng của ông Hồ-văn-Vui và bà mẹ là Hồ-Văn-Rạng hiện còn ở Làng Linh-Chiều-tây (Thủ-Đức). Lăng họ Hồ ở Thủ-Đức

và lăng họ Phạm ở Gò-Công (đồng bà Từ-Dú) có nhắc đến trong hiệp-ước Việt-Pháp ký năm 1874, khoản 5.

Vì húy chữ Hoa, nên cửa Đông-Hoa đã được gọi là cửa Đông-Ba (Kinh Thành Huế), Tu-Hoa đổi ra Tu-Bông (Khánh-Hòa) và tỉnh Thanh-Hoa đã đổi ra tỉnh Thanh-Hóa. Còn người Nam, vì kính nể bà, nên thường đổi chữ Hoa ra chữ Huế (Huê-Kiều, Huê-Kỳ v.v...) hoặc Ba, hoặc Bông, như cầu Bông chẳng hạn.

Theo « Gia-Định thành Thông-Chí » của Trịnh Hoài-Đức, thì cầu Cao-Miên cách phía tây bắc trấn 1 dặm rưỡi. Trước đây *Giao-Hoa Yem-Vương* 膠花淹王 ở Cao-Miên già yếu ủy thác việc nước cho con là *Nặc-Tha* 匿他 quyền nhiếp chính-sự, lỵ sở tại thành *Bích-la* 璧羅 ngày 18 tháng 4 năm Tân-Dậu (1731) đời vua Túc-Tồn năm thứ 7, người Lào là *Sá-Tốt* 訖卒 khởi nguy tại *Câu-nam* 求南 hiệp cùng người Cao-Miên ở rừng hoang kéo xuống Gia-Định cướp giết, dân kinh thuở ấy ở cảnh nội đương vô sự, nên không phòng bị, khi giặc đến thành lịnh bức hiệp, công tư đều rún sợ, có *Điều-khiển tấn-huy cat-cơ* là *Đạt-thành-hầu* 調遣迅揮該奇 達成候 đem binh chống ngự ở *Bến-lức* 定策, vì có quân không binh viện-trợ nên bị giặc giết, sau có Thống-binh *Định-sách-hầu* 陳大定 龍門 chặn đánh *Định-sách* 陳大定 đem bọn thuộc-tướng *Long-môn* 龍門 chặn đánh ở *Vườn trâu* 艾園 phá được tiền-binh của địch, dẹp lần được nhuệ khí của chúng đương hăng ; Đại-định bèn đắp lũy đất một mặt ở *Hoa-phong* 瓊鳳 để chống cự ; Thống-suất *Vĩnh-trường-hầu* *Phúc-Vĩnh* 永長 侯福永 lại điều bát *giám-quân cat-đội* *Nguyễn-phúc* 監軍該隊 阮福雷 đến cứu ứng binh *Bến-lức* 凌粟 giết đánh giặc Lào lui về *Vũng-gù* 滄虬 (2) *Phúc-Vĩnh* chia binh làm 3 đạo, tự cầm thủy-binh do đường *Liền-giang*, *Phúc-Triêm* do đường giữa, *Bát-chiến* Đại-Định do đường lục *Quang-hóa* nhất tề kéo tới ; binh Lào tan chạy núp trốn trong rừng sâu, cha con *Yem-Tha* 淹他 (Cao-miên) khi ấy sợ họa cũng chạy trốn vào phủ *Tân-bô* 新通 Đại-Định án cứ *Câu-nam*, *Nặc-Tha* gởi thơ đến kể hết công việc người Lào gây ra *biên-hãn*, xin đại-binh tạm-đình, đề y tự nguyện dẹp xong và bắt

(1) Con của Trần-Thượng-Xuyên, rể của Mạc-Cửu và lấy em của Mạc-Tông.

(2) Tân An.

bọn cu-thủ đem đến trước quân môn trình nạp đái tội. Đại-Định đem việc ấy chuyển báo với Phúc-Vĩnh, Vĩnh không nghe theo, muốn truy nã cho đến cuối cùng. Nặc-Tha nghe vậy cả sợ, bèn tự trốn xa. Vừa đến tháng 7 vào kỳ mưa lụt, Phúc-Vĩnh nhân đó mới y cho, và truyền lệnh cho binh 3 lộ triệt về Gia-Định, còn Nặc-Tha trở về La-bích, khi ấy người Lào tự tập lại ở Cầu-Nam rồi đi cướp giết như cũ, Nặc-Tha sức yếu không địch nổi, dương kêu gọi binh các phủ đề hiệp mưu chinh tiểu. Tháng giêng năm Nhâm tý (1732) Phúc-Vĩnh tiếp được tin ở ngoài biên cương báo về, Vĩnh lại đốc binh tấn chinh, thì người Lào lại chạy trốn nơi xa, còn Nặc-Tha cũng lên núi trốn, toan lo dứt lốt yếu cầu hoãn binh đề chậm mưu đồ công việc sát tặc. Tháng 3 Phúc-Vĩnh bèn lưu Đại-Định ở lại dẹp giặc cho yên, còn Vĩnh tự kéo đại binh về tại Đồn-dinh an nghỉ. Thử ở đây đã dùng binh liên tiếp nhiều năm mà chưa bắt được tội nhân của địch, Triều đình nghiêm khiển đốc trách, Phúc-Vĩnh sợ tội, bèn đặt lời đồ hồ công việc ấy là do Đại-Định năm trước hành binh dẫn dã kết nạp tư riêng với người Cao-Miên, nay lợi dụng biến cuộc người Lào, cầm binh quyền được lâu, mà truy tiêu bất lực, rồi mật phong gởi tâu lên vua, không ngờ Đại-Định đóng binh ở Lò-Việt vừa tấn công, vừa phủ-ủy làm gồm cả 2 phương sách, còn Nặc-Tha thì dùng mưu chước phỉnh dụ người Lào mà giết sạch, rồi tự trói mình đến trước quân-môn thỉnh tội. Đại-Định về Nặc-Tha ở Lò-Việt, chiêu dụ lưu-dân còn ông kéo binh về can thiệp. Đi đến Gia-Định Phúc-Vĩnh toan nghĩ chước đề chế ngự Đại-Định trước đi cho xong bèn định ngày hội đồng chư-tướng đề vấn nghị. Đại-Định biết cơ mưu ấy tự nghĩ : trước đây do Đại-sứ (chỉ Phúc-Vĩnh) điều độ không hiệp cơ nghị, nên Đạt thành hầu bị quân giặc giết, kể lại ân của hối-lộ rồi kéo quân về, tiến thoái không rõ sự trạng, nay lại đồ tội cho ta, nếu đề cho nó câu thúc tra hỏi, thì nó lấy quyền thế áp đảo tra đòi ra thành ngục-án thì mối oan ở dưới cái chậu úp (1) lấy ai bặc bạch cho rõ ràng được. Chỉ bằng ta về Kinh đề hầu thăm cứu, đầu chết cũng cam tâm.

Ông nghĩ thế, bèn nhân ban đêm cùng bọn thuộc-hạ cỡi một chiếc chiến-thuyền về Kinh. Thuyền đến gần núi *Bút-la* 筆羅 người em chú bác của Đại-Định là *Thành* 成 can rằng : Phúc-Vĩnh là người thế-trần của

(1) Sách xưa có câu : nhật nguyệt tuy minh, nan chiếu ư phúc bồn chi hạ : mặt trời mặt trăng tuy sáng, khó soi cho tới dưới cái chậu úp.

nước Nam, ở Triều có nhiều người thân-thích, nay anh muốn cầu cho mình sự khức trực thì lấy ai biện bạch cho, chỉ bằng chạy thẳng về Quảng-Đông tìm nơi an thân đề cho khỏi bị người ta sát hại.

Đại-Định nói : Cha ta là *Thượng-Xuyên công* 上川公 nhờ hậu-ân Triều-Đình, đã từng có dụ nói : « Nguyễn vi vương, Trần vi tướng, đại công hầu bất tuyệt : họ Nguyễn làm Vương, họ Trần làm Tướng, đời đời không dứt tước Công-hầu » Như vậy vinh hạnh biết chừng nào, nay một khi bị Viên Biên-sứ (chỉ Phúc-Vĩnh) có lòng tư che lấp công trạng, mình không đến Triều-Đình bày tỏ, thì mình rõ là có tội phản nghịch, thành ra sự nghiệp của tổ-tông như núi mà đổ vào sông suối, chẳng những làm tội bất trung mà làm con cũng bất hiếu, mặt mũi nào đứng trong trời đất ? Ông nói như vậy, rồi hết bọn chèo thuyền phải chèo vô cửa Hàn. Khi ấy Thành cương quyết không nghe theo, đành cầm lái cho thuyền vọng biển đông chạy thẳng ra, Đại-Định thấy gió Nam thổi mạnh, sợ thuyền đến Quỳnh-hải thì khó trở buồm đi lại, trong lòng bực bội, bèn rút gươm chém Thành, hết người đốc thuyền phải quanh vào cửa Hàn háy đậu neo, rồi đem đủ duyên do trình quan dinh Quảng-Nam nhờ đề đạt lên Triều.

Từ đêm Đại-Định trốn đi, thì viên Điều-khiển cho là đã trốn về Quảng-Đông, nên bắt cả toàn gia Đại-Định, và đem việc ấy tâu lên đề thỉnh chỉ của vua. Ngày ấy dinh Quảng-Nam đệ tờ đại-đạt cho Đại-Định đồng thời đến, bách quan nghị tội Trần Đại-Định đã giao thông với Cao-Miên lại cố ý không tuân tướng-lệnh, xin sắc hạ làm tội chính-pháp đề răn người ngoan cố.

Nhờ vua có lượng hồng từ nghĩ Trần-đại-Định nếu có phản tâm bội quốc, thì bây giờ y chẳng khác như con cá lớn ở ngoài biển, ai chế được từ mạng của y, nay y đến Kinh yêu cầu thăm cứu, thì trong tình lý cũng có chỗ đáng khoan thứ. Vua dụ câu lưu Trần Đại-Định ở Quảng-Nam, và khiến quan vào Gia-định phúc thăm, đợi án-lý kết xong sẽ định đoán.

Đại-Định ở trong lao nhiều ngày không xiết khí phân, thổ huyết vài tháng rồi thọ bệnh liên miên đến tháng 12 mất.

Kịp khi tờ phúc thăm tâu lên, thì có Nguyễn-phúc-Triêm làm yếu chứng nói: Đại-Định không có tình trạng (dẫn dã giao thông). Vì vậy Đại-Định được mong Ân-diên truy tặng « Đốc Đốc Đông-Tri » thụy là *Tương-mẫn* 都督同知 溫襄敏. Nguyễn-phúc-Triêm được gia chức Cai-cơ, vì người ta xưng rằng

người Lào sợ Triêm như sợ cọp. Còn Trương-Phúc-Vĩnh mắc tội « thất cơ nghi và tẩu đối bất thiết », bãi chức Thống-suất, quyền giáng xuống làm Cai-đội ; đem Cai-cơ Nguyễn-hữu-Doãn qua làm việc Điền-khiên.

Ngoài những địa-diêm có ghi rõ trong bản đồ của Trần-văn-Học, chúng ta thường nghe nhắc đến 4 địa-danh và cổ tích của Trấn Gia-dịnh hồi thuở xưa là :

- Chùa Giác Lâm
- Đền Phi-Vận Tướng-quân
- Chợ Tân-Cảnh
- Cầu Sơn

oOo

CHÙA GIÁC-LÂM

Chùa này ở gần trường đua Phú-Thọ, từ trường đua về Phú-Thọ-Hòa chừng 1 cây số về tay phải, có tấm bảng ghi « Chùa Giác-Lâm », một cổ-tích có xếp hạng. Chùa này xưa nhất ở Nam-Việt và được Viện Khảo-Cổ trông coi thay thế cho Viện Đông-Bác Cổ Học Viện

Chùa ở trên gò Cẩm Sơn, cách phía tây lúy bán bích Nguyễn-Đức-Đàm, tức lúy cũ, 3 dặm. Gò này bằng phẳng 100 dặm, dẹt khỏi 1 kim-đôi có hình thế như dựa bình phong, đội nón lá, mở màng trái nệm vậy, rộng được 3 dặm, cây cao như rừng, hoa nở tựa gấm, mai chiều mây khói nổi bay quanh quất, địa thế tuy nhỏ mà có nhả-thú. Mùa xuân năm Giáp-tý (1744) đời vua Thế-Tôn thứ 7, người xã Minh-hương là Lý-thụy-Long 李瑞龍 quyền của xây dựng, nhà chùa trang nghiêm, cửa thiền u-tịch, những thi-nhân du-khách mỗi lần đến tiết Thanh-minh Trùng-cửu rành rỏi kết bầy 5, 3 người đến mở tiệc đề thưởng hoa, chúc chén và ngâm vịnh, ngó xuống chợ búa rộn ràng xa cách ra ngoài tầm mắt, thật là một nơi đáng dành cho những khách du thường. Gần đây có Viên-quang-đại-lão hòa-thượng 圓光大老和尚 thuộc về Phật-phát Lâm-tế chính-tông 臨濟正宗 đã 36 đời (Phật phái này ở Trung-hoa), trải từ tuổi nhỏ cho đến khi già kiên trì tu-hành ngày càng linh tấn, lại có tánh ưa cảnh yên hà tuyền thạch 烟霞泉石, ít khi đi đến chỗ thành thị huyền ảo.

Từ khi ông đến chùa này, có tình cảnh hiệp với câu thơ : Sơn trung tức phiến não, lâm hạ xuất già-lam 山中息煩惱, 林下出伽藍 nghĩa là trong núi dứt mối phiền não, dưới rừng xuất hiện Già-lam (1). Năm Gia-

(1) Già Lam : biệt-danh chỗ chùa Phật.

Long 18 (1819) ông mở rộng giới-đàn 壇戒, rồi những thiện nam tín nữ đến qui-y rất đông, mà sơn-môn lại thêm sinh sắc.

ĐỀN PHI-VẬN TƯỚNG-QUÂN

Đền này ở địa-phận thôn Tân-Long, huyện Tân-Long, nguyên dựng ở phía nam Phú-Nha, thờ Tùng-giang Văn-Trung-Công 松江文忠公 rất được linh-ứng, thường năm 2, lệ tế về tháng 3 và tháng 9, viên Tri-phủ thừa tế, dùng lễ trung-lao (heo, dê) ngày tế trần thiết đồ tế như ve chén, mâm cổ đầu đầy dàng hoàng, còn con heo thì để sống, khi gần sáng làm lễ, khiến người công con heo chạy quanh theo đờn tế, làm cho heo kêu la lên như có ý kêu vang cho được tinh toàn vậy, vì Thần khi chết dưới lưỡi dao (bị chém) nếu giết heo sợ súc động lòng Thần, nên không nỡ giết. Từ khi binh loạn, phủ nha không đặt lễ tế bỏ khuyết nhưng miếu mạo vẫn nghiêm nhiên, người làng đến cúng hương đèn không dứt, nay theo trong tự-điền thì miếu Hội-đồng thờ ông đứng đầu.

Xét trong « Ô-Châu Cận-Lục » của Dương-văn-Sọan 楊文撰烏州近錄 chép : ông họ Nguyễn 阮 tên Phục 復 người xã Tùng-giang, huyện Gia-Phước 嘉福松江社人, đời vua Lê-Nhân-Tôn niên-hiệu Thái-hòa khoa Quý-Dậu (1453) ông đậu Tam-giáp tiến-sĩ làm lần đến Chuyển-vận-hòa khoa Quý-Dậu (1453) ông đậu Tam-giáp tiến-sĩ làm lần đến Chuyển-vận-sứ, Thanh-Hoa đạo Hành-khiên-sứ ; thưở vua Thánh-Tôn chưa lên làm vua thì ông dạy vua học, khi tức vị, bạt tặc ông lên chức Hàn-lâm Tham-chưởng-viện-sự, 3 lần đi sứ Tàu, về làm Đại-lý tự-khanh, lại hay Binh-chính-viện tham-nghị rồi làm Thân-quân-ty Cẩm-y-vệ Chi-huy sứ tư-thiệm-sự. Khi vua đi đánh Chiêm-thành ông phụng mệnh làm Phi-Vận Tướng-quân Chuyển-luân đội Tân-lý đến cửa biển Tư-dung bị gió sóng lớn ngăn trở không tiến hành được, chúng nhân đều sợ tội xin đi, ông nói : thà để một mình ta cam chịu lưỡi gươm 3 thước ta không nỡ đem kho gạo lúa hữu hạn và nhân mạng vô tội quăng bỏ một cách khinh dể vào trong chỗ gió cuồng sóng lớn để chôn dầy bụng cá. Vì vậy mà phải đình dãi, sau ông chờ đến đã trễ kỳ, vua giận khiến bắt tội, vừa có cận thần gièm pha, vua giết chết, chúng nhân đều thương cảm lập đền thờ tại nơi ấy, thường có linh ứng kỳ dị ai có cầu khấn việc gì đều được ứng nghiệm ngay. Niên-hiệu Cảnh-Thống (1498-1501) đời Lê-Hiến-Tông tặng ông làm Văn-Trung Chính-nghị chi-thần 文忠正毅之神 và lịch-triều cúng gia tặng mỹ-hiệu cho ông có chép vào Tự-Điền.

Cứu trong « Ô-Châu Cận-Lục » của Dương-Văn-An, tức Dương Chấp-

Nhất (1), chúng tôi có thấy ghi rằng ở miền Ô-Châu có hai ngôi đền thờ Phi-Vận-Tướng quân, một ngôi ở cửa Tư Dung tức Tư-Hiền (Thừa-Thiên), một ngôi ở cửa Đà-năng (Quảng-Nam). Đền này có tên là đền Tùng-Giang.

Đền thờ ông Nguyễn-Phục, người xã Đoàn-Tùng, huyện Gia-phúc. Ông đỗ Tân-sĩ năm Quí-dậu, làm chuyền-vận-sứ, kiêm Hành-khiển đạo Thanh-Hoa. Khi Thánh-tông nhà Lê còn là ông Hoàng, ông từng làm chức Sư-phó dạy Vương. Khi Ngài lên ngôi vua, ông được thăng làm Hàn-lâm-viện Tham-chường. Ba lần đi sứ Bắc-quốc, lúc về nước được cử làm Đại-lý tự-khanh, giữ việc thăm lý, những tù tọng trong nước. Rồi chuyền sang chức Hữu-Tham-ngự bình-chính-viện, lại làm Đô-chỉ-huy-sứ thiêm sự ở vệ Cầm-y, Thân-quân. Hồi vua Lê đi đánh Chiêm-thành, ông phụng mệnh làm Phi-vận-Tướng-quân Tân-lý đội chuyền thâu. Thuyền đến cửa bể Tư-khách (2), chợt gặp bão bể, lộ trình rất là nguy hiểm, Mọi người sợ lương chậm thì bị tội, dục ông cho đội thuyền cứ lên đường. Ông nói : « Thà đem tấm thân bé nhỏ chịu hình phạt búa rìu chứ không nỡ đem của nông-sản hữu hạn mà để chìm xuống biển, đưa bọn người vô tội làm mồi cho cá ». Nói xong mới quyet chí cho neo thuyền lương lại.

Vì có chậm trễ như thế nên quân-lương bị thiếu thốn. Vua Lê thấy vận lương sai nhật-kỳ, nổi giận sai giam vào ngục, Bọn cung-nhân và cận-thần đem với vua xin giết đi. Đền lúc vua sực giác-ngộ ra liền tuyên-chiêu tha tội cho ông, thì ông đã bị xử-tử rồi.

Sau đó thường hiền linh, nên dân địa-phương lập đền thờ cúng. Khoảng niên-hiệu Cảnh-thông đời Lê-Hiền-Tông (1498-1501), được phong tặng là Văn-trung chính-ngự. Hoàng-đê (chỉ vua nhà Mạc) gia phong thêm bốn chữ Minh-đạo hiền-ứng.

Đền đời con ông là Nguyễn-Đạm, đỗ Tân-sĩ khoa Giáp-tuất niên hiệu Hồng-thuận đời Lê Tương-Dực (1510-1516) lần lần làm Hiền-sát-sứ và thừa-tuyên sứ đạo Thuận-Hóa.

Nhắc lại tấm lòng trinh-trung và khí chính-trực của tiên-sinh, dầu thác rồi mà vẫn phảng-phất như còn sống. Khi tiên-sinh mới mất, con trai lên chỗ mai-táng rước hài cốt về quê nhà. Lúc sắp lên đường, bỗng có đàn voi rừng hàng trăm con, lũ lượt đi phía trước, phía sau tựa như hộ tống. Mọi người nhìn nhau rất là sợ hãi, song thấy loài ấy không có vẻ dữ-tợn, nên mới yên tâm.

(1) Dương văn - Soạn còn có tên là Dương-văn An, tức Dương-chấp-Nhất.

(2) tức cửa bể Tư-Hiền.

Lại có một người đồng-hương cùng ông là bạn du-học thời niên-thiếu, bấy giờ làm huyện lại ở hạt ấy, một hôm đi qua cửa đến chỉ có một bình rượu nhỏ, mới khản rằng : « Mổ may mắn được là bạn cũ, xin ông chứng giám chút lễ mọn này ». Khản rồi, nhìn ra bờ sông, tự nhiên thấy một con cá lư nổi lên, liền bắt đem cúng. Quan huyện bản hạt là Phạm-Chính có soạn bài văn bia để ghi chép sự-tích.

Khoảng năm Cảnh-thông có hai vị đại-tướng phụng-mệnh đi đánh Chiêm-thành, qua cửa đến đóng quân lại nghỉ ngơi. Đêm nằm mộng thấy tiên-sinh đến, ân-cán ký-thác việc thi-cử của con. Đền khi các tướng ban-sư về kinh, thăm-thoát tới khoa thi, hai tướng được cử làm Đề-điệu, con tiên-sinh quả nhiên trúng tuyển. Viên tướng suy-nghiệm nguyên-do rất lấy làm thần-phục, mới triệu người con đến, nói cho biết chuyền ứng-mộng và tiếp đãi rất ân-cán thận-mật. Ấy đại-khải có những điềm linh-dị tiên-tri như thế.

Con ông làm quan ở Hóa-châu, chính-tích cũng không tốt đẹp được như người. Tiên-sinh thác-mộng bảo rằng :

« Con nên về quê nhà, ta không nỡ để con mệnh một ở đây ». Quả nhiên đầu xuân năm sau người con về đền nhà thì mất.

Còn những truyện hiền-ứng khác rất nhiều, không thể ghi chép hết được.

CHỢ TÂN-CẢNH

Hiện nay, gần Chợ-quán, còn có đình làng Tân-Kiến thường dùng làm hi-viện hát bội và cải lương. (Chữ Cảnh đổi ra Kiến vì húy tên Hoàng-Tử Cảnh).

Theo Trịnh-Hoài-Đức, chợ Tân-Cảnh ở phía nam trấn Gia-Định hơn 6 dặm, chợ phở trù mật, thường năm ngày Nguyễn-đán, có cuộc chơi Văn-xa và Thu-tiên thật xứng là một chợ lớn. Từ trước đến cuối năm thường có chém tù ở đây : cách sông ở bờ phía đông, người trước có Nặc-Địch người Cao-Miền theo Tha-Vương đến được an tháp ở đây, bèn làm cầu ngang qua sông để đi thông đền chợ, gọi là cầu Nặc-Địch, sau bị loạn bỏ hư, đường lớn ở đầu phía tây có đình bộ-đạo (bắt kẻ trộm) đóng giữ ở đây.

Ngày 25 tháng giêng năm Canh-dần (1770) đời vua Duệ-Tôn, sau khi mọi người đều an nghỉ, có con mãnh hổ vào nhà người ta ở phía nam chợ

kêu gào dữ ợn, nhân-dân kinh-khủng báo đèn Đón Dinh (1) phải binh đèn vây bắt, phải úy triệt phòng ốc, làm nhiều lớp rào bao vây, nhưng con hồ rất dữ không ai dám xúc phạm đèn, qua ngày thứ 3 có thấy chừa đi du-phương là Hồng-An 洪恩 cùng người đó-đệ là Trí-Năng 智能 xin vào bắt. Hồng-An chiến đấu cùng hồ một chập lâu, hồ bị đánh đau, chạy núp trong lùm tre, Hồng-An theo đánh, hồ bị khôn, trở lại đấu với Hồng-An, An lui bước sụp vào mương nhỏ bị hồ dấn xé, nhờ có Trí-Năng tiếp viện đánh trúng đầu hồ chết ngay theo cây gậy. Nhưng Hồng-An bị thương nặng cũng chết liền trong khi ấy, người tại chợ cho An có nghĩa khí, đem chôn tại đây rồi xây tháp, nay vẫn còn.

Tháng 3 năm Đinh-dậu (1777) Tây-Son vào chiếm Gia-Định, quan Tham-tán Nguyễn-Tĩnh 阮靖 ản tại nơi đây, bị quân địch bắt giết.

Trước đây ở Bắc-Hà có tình thế quân-nhược thần cường, vua Lê-Cánh-Hưng chỉ hư vị, Trịnh-Sâm 鄭森 chuyên chánh, tự xưng là Tĩnh-Vương, nghe Tây-Son Nguyễn-văn-Nhạc nhiều loạn miền Nam, hân hạnh tại biên ấy; tháng 5 năm Giáp-ngọ (1774) Trịnh-Sâm khiên Quốc-Lão Hoàng-ngũ-Phúc làm chức Bình-Nam thượng-tướng quân, Việp quận-công 聶郡公 đốc binh các đạo Sơn-Nam, Hải-Dương, An-Quảng, Thanh-Hóa và Nghệ-An vào xâm lăng miền Nam, binh đi đến Bồ-chính ngoại-châu vào ngày tháng 9 mới có kinh báo; ở miền Nam được thừa binh đã lâu, không chính tu binh bị, khi ấy vua Mạng tướng xuất sự thì bị bại trận luôn. Sau dùng Tôn-Thất-Chí 尊室 暉 (hay Chất 質) làm Tiết-chê Bộ-binh, Nguyễn-Tĩnh 阮靖 làm Tham tán quân vụ ra đánh cũng bị thua chạy, binh Bắc-Hà đến chiếm kinh Phú-Xuân, Tĩnh ản núp không ra mặt, Nguyễn-văn-Huệ tìm kiếm được, có ý yêu cầu giúp việc cho Huệ, Tĩnh nghĩ việc lập công để mưu sự sinh tồn thì không phải nghĩa người vong-quốc nên làm, Tĩnh xin dặt mẹ đi tìm vua, ngờ hầu cho trọn thân-tiết. Huệ không muốn mang tiếng giết 1 kẻ sĩ, đành phải cam tâm ản nhẫn tha cho Tĩnh Tĩnh lặn lội vào Gia-Định yết-kiến vua Duệ-Tôn được tham gia mưu nghị. Năm Đinh-dậu (1777) Gia-Định thất-thủ, Tĩnh theo hộ-gia không kịp, phải dặt mẹ lánh ở nhà người thôn Tân-Cảnh, bị binh Tây-Son bắt được.

Huệ hỏi: « Ngày trước người từ già ta dề đi tìm vua, ý muốn xoay chuyển kiến khôn theo tay của người chỉ sử, nay thế lực đều bị khôn, là do

(1) Đón Dinh ở Bền Nghệ.

thiên-mạng đã định, đã là người tuấn kiệt mà ám muội thời cuộc, thì đâu khỏi hối hận về sau, vậy thì ngày nay con đường khử tỵ ý-kiên của người thế nào?»

Tĩnh đáp: « Vua bị nhục, làm tôi phải chịu chết, ấy là phận sự, còn phải nói gì nữa.»

Huệ nói: đã muốn thế, ta sẽ làm hoàn thành khí tiết cho ».
Bèn đem chém.

CẦU SƠN

Cầu này bắt ngang rạch cùng một tên thuộc địa-phận làng Thạnh-Mỹ Tây bảy giờ. Từ Thị-Nghê đến cầu này chừng 1 cây số, và từ đây đến trại chân núi của các Thầy Dòng Taberd chừng 2 cây số nữa.

Theo Trịnh-Hoài-Đức, cầu này có tên là Tắt-kiểu, ở phía bắc Trần 7 dặm, vì sông nơi đây có nhiều cây tắt (cây sơn) nên gọi tên ấy. Khi Nguyễn-Trần (Đồ-úy của Tây-sơn Nguyễn-Nhạc) cứ-thủ Gia-Định, lo sợ những trung thần nghĩa sĩ của Nguyễn-Ánh, không thiếu chi người, bắt ngờ khởi-binh; nếu ở giữa chỗ đất bằng muốn liên lạc nhau mà không có thành trì ngăn cản, thì khó phòng bị khi có biến cố xảy ra, nên định lấy địa-phương Tắt-kiểu trên có đột khởi nông cao, giữa trái ra-gò bằng, dưới giáp rạch nhỏ ruộng cạn, xuyên suốt từng bực từng vạt, rộng rãi chu vi ước hơn trăm dặm, 4 mặt có sông ngăn trở, có thể đóng binh ở đây. Năm Canh-Tý (1780) Nguyễn-Trần dựng dinh trại trên đầu nông cao, nơi gò bằng thì lập chợ phở, dưới bọn thương nhân Sài-gòn đến đó ở. Chỗ đất này nguyên đất nước mặn thấp ướt, nhân dân đến ở bị nhiều sự bất tiện, chỉ vì oai lực hiệp-chê, nên miễn cưỡng làm theo. Vậy nên kinh dinh mấy năm mà không thành thôn ấp. Vừa tháng 5 năm ấy, Nguyễn-văn-Huệ đánh dẹp Bắc-hà khi trở về lại kiêu ngạo càng lắm. Tháng giêng năm Đinh-vị (1787) nhân ngày tề cờ khai binh đầu năm, Nguyễn-Văn-Huệ đem cả bán-binh vây đánh anh là Văn-Nhạc ở Qui-Nhơn, Văn-Nhạc đóng chặt cửa thành cố-thủ, và cáo cấp cho Nguyễn-Trần, Trần dề Tham-Độc Trần-Tú 陳秀 ở giữ Gia-Định. Tháng 4, Trần tự đem thủy binh về cứu viện thành Qui-Nhơn, đi mới đến Tiên-Chử 仙渚 địa đầu tỉnh Phú-Yên bị binh Nguyễn-văn-Huệ đón đánh bắt được. Nguyễn-Trần bị bại, nên phò ở Tắt-kiểu phải bỏ, duy có Trần-Tú nhọc nhằn chống chọi với Võ-quốc-công (Vô-Tánh) ở Định-Tường, Nguyễn-văn-Tuyết ở Biên-Hòa, Nguyễn-văn-Nghĩa ở Hiệp-Lâm.

Các nơi đều đầy nghĩa-binh, do đó binh thế của Tây-Sơn mỗi ngày càng thêm suy nhược.

oOo

Như vậy là chúng ta đã xét qua tất cả các danh xưng địa-lý có ghi trên bản đồ do Trần-Văn-Học phác-họa ngày 4 tháng chạp năm Gia-long 14 (1815). Tất cả các địa-danh và cổ tích này đã giúp chúng ta hiểu biết nhiều về một thời-kỳ xa xăm, khi tổ tiên chúng ta xung phong vào Nam để khai giang phá thạch, đắp lũy xây thành, củng cố vị trí cho các thế hệ mai sau.

TÂN-VIỆT-ĐIỀU

VỪA PHÁT-HÀNH

VIỆT-NAM VĂN-HỌC GIẢNG-BÌNH

của

PHẠM VĂN ĐIỀU

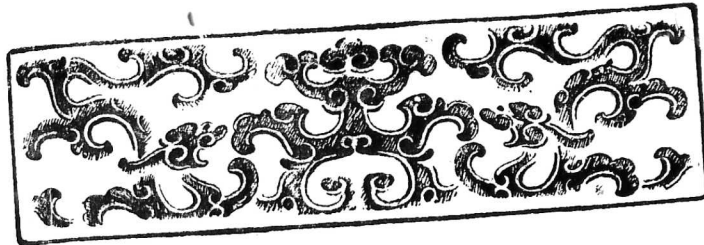
GIẢNG-BÌNH VĂN-HỌC
THẾ-KỶ XIX, VĂN-HỌC
TIỀN-BẢN THẾ-KỶ XX

- Tập sách giáo-khoa dẫn đầu Phong-trào biên-soạn sách giảng-văn, văn tuyên ĐỆ-NHỊ và ĐỆ-TỨ.
- Một tập bình-giảng văn-học đúng với danh-xưng đã được báo-chí và học-giới tám năm qua đặc-biệt tán-thưởng.
- Kỳ tái-bản này, sửa-chữa cẩn-thận, gồm thêm trên 350 trang tăng-bổ, tổng-cộng 612 trang.
- Rát đầy đủ cho GIỚI TỰ-HỌC.

Giá bán toàn-quốc: 160\$
NHÀ TÂN-VIỆT XUẤT-BẢN

890/32

VĂN-HÓA — SỐ 63



CHÍ-SĨ VIỆT-NAM *

NGUYỄN-LỘ-TRẠCH

(NHÂM-TÍ 1852 — ẤT-VI 1895)

Thê-*Nguyễn*
IGUYỄN-BÀ-THÊ

Sau Nguyễn-Trường-Tộ, còn có một nhân-vật khác — Nguyễn-Lộ-Trạch — cũng đồng kiến-thức và đồng cảnh-ngộ thất thời thất chí, đáng cho chúng ta nghiêng mình yêu kính.

Nguyễn-Lộ-Trạch, người xã Kế-môn, huyện Phong-diễn, tỉnh Thừa-thiên. Thân-sinh vốn là một vị minh-quan: Tuân-phủ Nguyễn-quốc-Uy, thanh liêm mẫn-cán, kiến-thức sâu-rộng, có chí hướng duy tân cải-cách. Chịu ảnh-hưởng của cha ngay từ thuở nhỏ, Nguyễn-Lộ-Trạch đã chăm đọc sách, hay suy tư, cố-công giùi mài sở-học để mưu ích lợi cho dân nước.

Lấy biệt hiệu « Quý-ru », Nguyễn Lộ-Trạch đã ngụ ý mình lo nước, như người con gái ở làng Tố-thất nước Lỗ thuở xưa, thấy vườn rau quý của mình bị ngựa đạp gãy nát, mất ăn, mà động lòng lo xa đến nông-nỗ nguy-biến xây tời cho Quốc-gia.

Năm Đinh-sửu (1877), tình thế rối-ren, binh Pháp toan đánh chiếm luôn đất Bắc Triều-đình lo lắng. Nhưng bấy giờ người Pháp chỉ cốt ra oai, chớ chưa có ý định đánh lấy thật sự, nên lại chịu giảng hòa, giao trả những tỉnh đã đánh chiếm được. Một số đông quan-lại cao cấp trong triều lấy thế

(*) Tiếp theo V.H.N.S. số 61.

VĂN-HÓA — SỐ 63

891/33

làm mừng, cho là việc đã êm, không lo nghĩ sâu xa gì nữa. Nguyễn Lộ-Trạch nhìn thấy quốc-sự triều-đình hủ bại, lập tức đem kiến thức trần tình trong một bản « Thời-vụ sách » dâng lên nhà vua. Đại ý Nguyễn thống thiết tỏ bày tình thế trong nước, xin triều-đình chú lấy sự được hòa là xong chuyện nên vui mừng, mà phải nên lo sửa đổi gấp chính-trị, học-thuật, quân-sự, không thì nước nhà ắt phải bị mất mà thôi.

Lời Nguyễn trần tình, rốt lại không có một tiếng vang nào. Và chỉ trong bốn năm sau, Nhâm-ngọ (1882), binh Pháp lại rầm-rộ từ trong Nam kéo ra hạ thành Hà-nội một phen nữa, rồi thừa thế đánh chiếm luôn nhiều tỉnh miền Bắc. Tình thế lúc này càng cực kỳ nguy ngập, đúng như lời Nguyễn Lộ-Trạch đã tiên đoán.

Vấn nặng lòng yêu nước, nồng nàn một tấm nhiệt thành xây dựng đất nước, Nguyễn Lộ-Trạch lại hằng-hải hiển dăng sách-lược cứu quốc, đem tâm can bày giải trong một bản « Thời-vụ sách » thứ hai, xin triều-đình kíp thi hành mấy việc thiết thực :

- 1) Dời kinh-đô về Thanh-hóa, lấy chỗ địa thế hiểm yếu để giữ vững gốc nước.
- 2) Đồn điền.
- 3) Luyện binh và sắm vũ-khí theo lối mới.
- 4) Học cơ-khí phương tây.
- 5) Ngoại-giao, thông-thương với các nước ngoài cho rộng.

Năm khoản chính yếu nêu lên, mỗi khoản Nguyễn Lộ-Trạch đều giải thích rõ-ràng từng phương pháp thực hành.

Nhưng kết quả cũng như lần trước, không được một ai nghe theo cả.

Vấn không nản chí, đã không thể nói thối tai vua để xoay chuyển thời cơ, Nguyễn-Lộ-Trạch lại gắng gượng gián tiếp gửi thư điều-trần việc nước với các vị chấp chính trọng thần ở đương thời. Rốt cuộc vẫn hoài công. Ôm lòng công-phần, Nguyễn thất chí đau buồn nằm bệnh !

Rồi cuộc thế biến thiên, mười phần có đến bảy tám phần đúng như chỗ Nguyễn Lộ-Trạch dự liệu, Nguyễn càng cời đau khóc hận. Kinh thành thất thủ, vua Hàm-nghi xuất bốn (Ất-dậu 1885), các chí-sĩ nghĩa-sĩ, cần vương

đẩy lên khắp nơi. Giữa lúc ấy, mặc dầu đang bệnh, Nguyễn Lộ-Trạch cũng lại gắng gượng ôm bệnh mà hoạt động, vào Nam ra Bắc liên-kết đồng chí để cứu-vãn nước nhà.

Lại một điều đáng ngưỡng-mộ tâm-chí của Nguyễn Lộ-Trạch : Trước cả cuộc mượn đề thi mà ra tay làm bài cảnh-tình sĩ-phu của Phan-Chu-Trinh, Trần-quý-Cáp và Huỳnh-thúc-Kháng đã làm ở Bình-định sau này, trong năm Thành-thái thứ 4 (Nhâm-thìn 1892), nhân kỳ thi đình có ra đề hỏi về đại-thế hoàn-cầu, Nguyễn-Lộ-Trạch tuy không thi cử gì, nóng lòng sốt ruột về việc nước bèn thừa dịp thảo một bài « Thiên-hạ đại-thế luận », được người đương thời thường thức cảm phục. Chính trong dịp này, Nguyễn được thêm một đồng-chí tâm-giao : Nguyễn Thượng-Hiền.

Nhưng sức Nguyễn bấy giờ đã bị ma bệnh giữ gìn mòn. Năm Ất-vị 1895, sau khi ở Nam về, Nguyễn bệnh nặng mà mất.

Một tập « Quý-ưu lục » — tập sách của Nguyễn Lộ-Trạch ghi chép những chính-kiến và tâm-sự mình đối với nước lúc cuối đời Tự-đức — đủ làm chứng-tích khiến các thế-hệ sau lấy làm thương cảm, không thể quên được một chí sĩ thức thời mà thất thời đáng tiếc !

Mà xét ra, trước kia từ triều Minh-Mạng đã có một Lý-Văn-Phức đi công-cán ở các nước phương tây về, tha thiết tâu bày những điều đã nghe thấy ở các nước khác, vua quan đã chẳng thêm nghe. Rồi đến khoảng giữa triều Tự-đức, những Phạm-Phú-Thứ, Phan-Thanh-Giản cũng đã từng tâu bày về văn-minh cơ-khí Âu-tây, mà nào đình-thần có chú-ý cho đâu ! Một bài « Biện di luận » của Võ-Phạm-Khải đã làm đau đớn lòng và gây cảm hận cho biết bao chí-sĩ :

« Ta nghe : Thuở xưa bản Hậu-Nghệ không hề dùng cây cung của Hậu-Nghệ, giết Hạng-Võ không phải dùng thanh kiếm của Hạng-Võ, trừ giặc Hung-nô đâu có cần ngựa tốt tên độc của Hung-nô, mà chỉ dùng chước hay quan giỏi của nhà Hán, cũng như đánh Tần, Sở đâu có phải dùng ngay giáp bên dao bén của Tần Sở, mà chỉ dùng cây, gậy của Tề, Lương.

« Cổ-ngữ nói : Thấy sự gì quái lạ, mình đừng thêm cho là quái lạ, tự-nhiên sự quái lạ ấy tự hết ; thấy cọp đừng sợ, tự nhiên cọp phải sợ

minh. Nay các anh đừng tăng bốc người Tây-dương là tài khéo, thì họ có khoe-khoang tài khéo với ai được...»

Bác bỏ những lời điều-trần của các chí-sĩ' bằng luận-diệu như thế, đã chết cho chưa ? Ngay hơn nữa, từ trong cung cấm còn có đức Tư-Dù Thái-hậu cũng thường có những luận-diệu na ná như vậy. Và đây, một luận điệu tai hại biết bao : « Chưa đánh được thì hòa để chờ cơ-hội. Chớ còn sự cho người sang Âu-châu học tập là việc không nên. Người Nhật là đông-di (rợ ở phương đông) nên mới học được với tây-di. Chúng ta con Rồng cháu Tiên, nghìn năm văn-hiến, há lại học thói mọi rợ được ư !...»

Bao luận-diệu xuyên-tạc làm hoang mang ý chí của vua Tự-Đức, bảo sao nhà vua chẳng chần chờ do dự ; bảo sao các chí sĩ như Trần-đức-Hậu, Nguyễn-trường-Tộ, Nguyễn-lộ-Trạch chẳng ốm hận mà chết ? !

Tuy nhiên, đem so sánh với các chí-sĩ thất thời của ta với các chí-sĩ Nhật đã thành-công, nhiều người đã than dài, đổ trút tội lỗi cho nền quân-chủ mà ra cả, nếu có minh-quân thì tiền-đồ Việt-nam đâu đến nỗi như thế. Nhưng theo ông Tôn-Viêm, trong tuần báo « Tân-Văn » số 68 tháng 11 năm 1935, thẳng thắn cho rằng các chí-sĩ của ta không khỏi có một phần trách-nhiệm, mà rằng :

« Đám chính-khách Nhật-bản sở dĩ được thành công, là vì khi họ xướng việc duy-tân, có ngổ nhà vua biết rằng nếu vua không tán-đồng việc làm của họ, thì họ sẽ đánh đổ vua đi ; còn ở ta thì chỉ biết có van xin và tôn-trọng cái hạnh-phúc của một người, một nhà, to lớn hơn hạnh-phúc của một dân-tộc.

« Nếu phải chi chí-sĩ ta cương-quyết ra và không chịu khuất-phục một cách vô-ý-thức, thì dù mình chẳng bằng Nhật cũng hơn Xiêm (Thái-lan) rồi. Đời nhà Nguyễn, quân ta đã tiến tới kinh-thành Xiêm và đặt tại kinh đô Xiêm chức tổng-trấn. Thế mà ngày nay thì dân Xiêm đã ngang hàng với các liệt-cường.

« Thôi, những cái đã qua là cái đã chết. Chúng ta ngày nay chỉ còn

biết làm phận-sự ngã nón chào cái đã chết và kính-trọng cái đã qua. Và chúng ta lại mong người sau cũng lại cung-kính cúi chào chúng ta, như chúng ta đã cúi chào tiền-nhân ».

oOo

NGUYỄN-VĂN-NGÔN

Nguyễn-Văn-Ngôn, hiệu Tùng-Nham, người làng An-nội, phủ Đức-thọ tỉnh Hà-tĩnh. Đồ tú-tài Hán-học.

Thọ-giáo cụ Đặng-Nguyên-Cần — một bậc lão-thành có tâm-huyết được hầu hết các sĩ-phu trọng vọng —, Nguyễn chịu ảnh-hưởng của thầy học, nên tuy còn trẻ mà đã tỏ ra là trang thanh-niên có chí-khí.

Thuở 14, 15 tuổi, một ngày ra đường gặp gái đẹp, Nguyễn khâu-chiến hai câu :

*Tài sắc đó dành nghiêng cả nước,
Anh hùng đây cũng lúc không nhà !*

Các bạn đồng-học truyền hai câu ấy làm giai-thoại. Thầy học cũng đem lòng kỳ-vọng ở Nguyễn.

Bạn đồng-học của Nguyễn là Đặng-Thái-Thân vẫn là bậc can-trường, cùng nhau giao-du rất thân, hằng-hái một lòng một chí hy-sinh cho dân nước.

Năm Ất-tị (1905), cụ Sào-Nam sang Nhật, Nguyễn cho người em đi theo. Rồi đó vẫy vùng trên miền thượng-du Bắc-hà và Nghệ Tĩnh, Nguyễn liên-kết hầu khắp các tay hào-kiệt, lập một cái đồn nơi Yên-thế, tục gọi đồn Tú-Nghệ.

Nhà cầm quyền ra lệnh bắt bà mẹ của Nguyễn, buộc phải đi gọi Nguyễn về đầu thú. Bà mẹ xin vâng. Nhưng khi tìm gặp con, bà mẹ nghiêm-trang bảo Nguyễn :

— Tao vâng lệnh quan đi tìm mày. Nếu mày về sẽ không khỏi làm tên tù, về hay không tùy ý mày, nhưng không về thì hơn.

Bà mẹ trở về, quan trên quở trách, lại bắt buộc một người em khác của Nguyễn là Nho Hai phải đi tìm anh. Nho Hai cũng xin vâng, và một đi không về, theo anh ở luôn trong rừng núi.

Thủy chung Nguyễn chỉ chuyên một mặt thiết-huyết. Tính hiên-ngang quả cảm của Nguyễn từng bộc-lộ trong văn thơ hùng-tráng, như hai bài tuyệt-tác tả cảnh ở đồn Vụ-quang do Phan-Đình-Phùng lập ra ngày trước :

Yêu hoành cỏ kiếm khí như hồng,
Quốc sĩ gia cầm thế thủy chung.
Thập tới Vụ-Quang doanh lũy địa,
Triều đôn do quái vạn sơn hồng.
Nhất sơn hiệu vụ tỏa hàn khe.
Xích lập ô thương phục ngọc tề.
Nhất hướng đồng la hàm khởi xứ,
Đợi giờ tề quyết thượng lưu đê. (1)

Bản dịch của Huỳnh Thúc-Kháng :

*Gươm lưng tia sáng suốt cầu vồng,
Hò nước thù nhà quyết một lòng.
Non Vụ mười năm dinh lũy đất,
Đò dâng lớp núi bóng vừng đồng.
Mù núi ban mai phủ kín khe.
Sóng đen nỏ đỏ núp bờ kia.
Đồng-la một tiếng cùng reo dậy,
Đồng suối trên nguồn thác vỡ đê.*

(1) Trong quyển « Phan Đình-Phùng », nhà Tân-Việt in lần thứ hai, tr. 218, Đào Trinh-Nhất có nhắc sơ đến bài thơ trên đây của Nguyễn Văn-Ngôn, nhưng chép là họ Phạm và chỉ chép có bài thứ hai, có đôi chữ khác như sau : Câu đầu, chữ thứ nhất và nhì chép là Phi vi ; câu hai, chữ thứ nhất chép là Chu ; câu ba, chữ 6, 7 chép là sát tặc và dịch :

*Gió lạnh sương mù buổi rạng đông.
Ba quân phục sẵn ở bên sông.
Chiêng khua một tiếng quân reo dậy,
Đè phá trên nguồn nước chảy hung.*

Năm Kỷ-dậu (1909), một đêm trong tháng tư, Nguyễn lên về ở trong nhà nơi làng nọ, có kẻ đi mách. Đang đêm bị vây, Nguyễn thoát khỏi vòng, đi được một đôi xây gặp hai tên lính núp đập mấy báng súng, gãy mất hai cái răng. Chúng hò reo đuổi bắt. Nguyễn sa cơ chịu trói, bị giam tạm ở khám tỉnh Nghệ-An, để chờ ngày đi đày Côn-lôn.

Trong khám Nghệ-an, được tin người bạn là Vương Hữu-Phu đỗ đình-nguyên tiến-sĩ, Nguyễn vẫn ngạo-nghe gửi ra đôi câu đối mừng, lời lời cực kỳ chua chát :

« Phụ giúp u hương, huynh út u hội, quân khôi u đình, khoa hoạn nhất môn trung, quốc sủng gia khương như thử đã ;
« Phan du vu Nhật, Đặng hệ vu tù, Ngô lưu vu hải, công danh thiên lý ngoại, trâm bào hoa hốt vị hà tai ? »
Võ Oanh dịch .

« Cha quán trường hương, anh nhì thi hội, bác trên bảng đình, khoa hoạn một nhà đầy, phúc tổ ân vua thế thế ;

« Phan đi chơi Nhật, Đặng nhất trong tù, Ngô đầy ngoài biển, công danh nghìn dặm cách, áo bào hốt bạc chi chi. »

Rời đó bị đưa ra đảo. Ít lâu, người em là Nho Hai cũng bị bắt đày ra.

Lúc ở đảo, nghe tin bạn đồng-học đồng-chí là Đặng Thái-Thân mất trong cảnh nỗ súng tự-vãn, Nguyễn cảm-khái :

« Song phong uất uất có nhân quy hà quy ?
Thập niên lai báo quốc thâm tâm, huyết vụ chi đầu, túc vụ chi nuy, bốn tâu giang san phong vũ tịch ;

« Nhất bệc oanh oanh quốc hồn tỉnh vị tỉnh ?
Thiên lý ngoại tửu bôi trung » (1).

Bản dịch của Võ-Oanh :

(1) Ở quyển « Thi-tù tùng thoại » Huỳnh Thúc-Kháng chép có khác đôi chút : (Xem tiếp trang sau)

« Đồi hòn núi thăm bạn cũ bỏ đi đâu? Hơn mười năm tính việc nước nhà, gân chun rũ liệt, máu miệng tuôn rơi, cạy bắt non sông cơn gió thổi;

« Một tiếng súng vang hờn ai tình chẳng tình? Ngoài nghìn dặm gửi thân đất khách, bạn nghe buồn thương, thầy nghe chua xót, nâng cao ly rượu khóc người xưa ».

Rốt lại, anh em Nguyễn đều chết ngoài đảo. Người em ở Nhật thi chết ở bên ấy.

Trong quyển « Thi-tù tùng thoại », Huỳnh Thúc-Kháng viết về Nguyễn :

« Người tính kháng-khái, có phong thái người kiếm-hiệp đời xưa mà học cũng uyên súc, văn rất cứng-cỏi. Văn hào võ hiệp, một tay gồm cả hai bên, trong bọn đồng thời rất là xuất sắc, mà toàn cả nhà Nguyễn hy-sinh về việc nước cả mấy anh em, lại là một nhà rất hiếm có. »

Nguyễn mất, thầy học là Đặng-Nguyên-Cần rất lấy làm thương tiếc, có câu đối viếng :

« Huyền hoàng vị định, đương thử thế như tài, hữu phần nhi quệ giả thù dư, hữu kỳ quệ nhi phục phần giả thù dư, tầu ngã ư cùng hối hoang sơn, thi chúc vạn hờn đồng cứu quốc ;

« Đào thời vô tình, chỉ nghi thiên dục túy, bí nghi tử hồ vi nhi

« Song sơn uất uất cố nhân quy hà quy ? số niên lai gian hiểm bị thương, thân ký ư chi tụy, huyết diệp ư chi khô, bốn tầu giang san phong vũ tịch ;

« Nhất bực oanh oanh quốc hờn tình vị tình ? thiên lý ngoại bình-bồng ọj định, thúc vấn chi nhi bí, sự vấn chi nhi đồng, khắp ca hào-kiệt kiệt thư biên. »

Và dịch :

« Hai hòn núi ngui ngút, bạn cũ về, về đâu ? trải vài năm cay đắng đủ mùi, mình vì đó mà ốm, máu vì đó mà khô, giang ruồi non sông chlu sấm gió ;

« Một tiếng nổ rầm, hờn nước tình, tình chưa ? ngoài nghìn dặm bước đường phiêu lạc, chú nghe thế mà buồn, thầy nghe thế mà khóc, hò reo hào-kiệt cạnh đàn gươm »

sinh giả, bí nghi sinh hựu hồ vi nhi tử giả, liên quân dĩ không quyền bạch diện, bốn truy thập tải bát tri gia. »

Nghĩa :

« Đen vàng chưa định, đời chưa hiểm tài dùng, đã dậy mà ngã ấy ai ư ? đã ngã mà lại dậy ấy ai ư ? đặt ta giữa góc bể chân trời, cầu khần muốn hờn đồng cứu nước ;

« Lừa lọc vô-tình, trời xem ra say quýt ! nọ nên chết sao sống nhân kia vậy ? nọ đáng sống sao lại chết tươi như vậy ? xót người chỉ tay không mặt trắng, ruồi giông một kiếp hăn quên nhà. »

Hoàng hoa cụu-nhân cũng vô cùng cảm khái :

« Thiếu niên đầu bút, ngô Việt-nam hữu thử nam nhi, vị hiệp quyên xu, Côn-đảo hoang tần thiên lý ngoại ;

Tân nhôn ly hình, ngô Hà-sóc cứu tri danh tánh, khước tài phách thủ, Phồn-xương chiến-sử lục niên tiền. »

Nghĩa :

« Tuổi xanh ném bút, trai Việt-nam có bậc hào hùng, há nỡ bỏ mình, Côn-đảo gò hoang nghìn dặm ngoại ;

« Gươm sắc ra lò, bạn Hà-bắc sẵn nghe tên họ, mới vừa võ vẽ, Phồn-xương trận thắng sáu năm nay. »

oOo

DẶNG-THÁI-THÂN

DẶNG-THÁI-THÂN hiệu Ngư-hải, cũng có hiệu khác là Ngư-ông, người làng Hải-côn, tỉnh Nghệ-an. Đỗ đầu-xứ, tục gọi xứ Đặng.

Đặng cùng với bạn thân là Nguyễn-Văn-Ngôn vẫn là học trò xuất sắc của cụ Đặng-Nguyên-Cần. Chịu ảnh-hưởng của thầy học, Đặng nặng lòng yêu nước, hứa thân cho Tổ-quốc.

Quê Đặng ở gần cửa bể Hội-thống, ngoài xa có hai trái núi đột ngột gọi là Song-ngư-phong, đêm đêm lắng nghe sóng vỗ, Đặng có mấy câu trắc-lạc :

Dạ thính hồng đào tam lương thịnh,
Thủy tri thử ngoại hữu đồng-minh.
Xuân phong dục ký tương-tư mộng,
Chi không thương thương thức đắc tình.

Bản dịch của Huỳnh Thúc-Kháng:

*Đêm nghe tiếng sóng một đôi hồi,
Mới biết miền đây có bề khơi.
Toan mượn gió xuân đưa giấc mộng,
Tình riêng e lộ thấu anh trời.*

Đang buổi bảy giờ là buổi chí-sĩ ra mặt hoạt động chính-trị cứu dân nước, mà Đặng làm thơ như thế, đủ hiểu lòng ấy ôm ấp sự gì, chí ấy toan tính những gì. Đặng thật đầy lòng « Toan mượn gió xuân đưa giấc mộng », nhưng « Tình riêng e lộ thấu anh trời. » Tâm-sự ấy vẫn là nỗi khổ của hầu hết chí-sĩ khi bỏ-đào xuôi ngược. Lời thơ ấy cũng đầy vẻ cao ngạo phúng hước mà trong hàm ý nạt tri lo toan.

Trước bản viết của Đặng, Đặng tự tay đề đôi câu đối tình ý cũng vô cùng cảm-khái :

« Hành canh tam thập nhị do vị thành nhân, đoản thán trường hu, tâm huyết cứu hồng thiên-địa phạn ;

« Độc thư bách thiên dư như hà thức tự, độc cư thâm niệm, nhiệt thành nga xỉ thánh hiền đấng. »

Bản dịch của Huỳnh-Thúc-Kháng

« Ba mươi hai tuổi lẻ, vẫn chưa nên người, thơ vẫn than dài, bầu tâm huyết thiếu cơm trời đất.

« Trăm thiên sách đọc thừa, còn chưa biết chữ, riêng ngồi lắng ngắm, lửa nhiệt thành rọi được thánh hiền »

Trong quyển « Ngọc trung thư » (1), Phan Bội-Châu viết về Đặng :
« Đặng quân vốn người háng-hải, gan dạ, nhân-phẩm lại cao, trải 10 năm vừa là thầy vừa là bạn tôi »

Chính Đặng đã đứng ra họp sức với các chí-sĩ lão-thành mưu quốc,

(1) Bản dịch của Đào Trinh-Nhất, Tân-Việt xuất-bản.

nỗ-lực lo việc liên-kết đồng-chí ba miền Trung, Nam, Bắc. Việc lo lắng tận-tâm của Đặng, đến Phan Bội-Châu cũng phải công nhận Đặng là chủ não của đảng mình.

Năm Mậu-thân (1908), có dân biến ở hai tỉnh Quảng-nam Quảng-ngãi.

Nhà đương cuộc ra tay bắt bớ khá nhiều. Đặng rút vào núi.

Ít lâu sau, một hôm Đặng lên về trọ một nhà trong làng nọ. Có kẻ đi báo. Đặng bị bao vây, tự biết không thoát khỏi, rút súng bắn chết một người lính, rồi quay súng tự sát, chết ngay trong đêm ấy.

Trong quyển « Thi tù tùng thoại », Huỳnh Thúc-Kháng đã trạng dung mao Đặng và hạ lời thương tiếc :

« Người khảng-khái, trầm tĩnh học vấn uyên súc, dờm thức hơn người ; cái năng-lực gánh nặng đi đường xa không lộ ra ngoài, không phải người đồng-chí thâm giao thì không ai biết là người thế nào. Cự Sào-Nam ở ngoài, sau Tây-Hồ và Tiều-La (Nguyễn Thành) bị vây, mà trong khoảng vài năm phong-trào Đông-học còn ảnh-hưởng lừng lẫy không dứt, chính là nhờ sức Ngự-Hải. Trong miền nam thì có Sơn-Tẩu (Đỗ Tuyên) và Nam-Xương (Thái Phiên).

« Từ Ngự-Hải mất mà Cự Sào như mất cánh tay, cái dây liên lạc trong ngoài bị đứt đoạn ».

Phan Bội-Châu khi nghe tin Đặng đã bỏ mình vì nước, vô cùng thông-bận :

... Ưu thế kỹ hồ thương hải khắp,

Kinh nhân nhất chỉ Ngọc-sơn đời.

... Khả vô mãnh hỏa thiêu sấu kử,
Thiên hựu cường phong tống hận tai.

Nghĩa :

... Lo nước bao phen sa huyết lệ,

Tin quê đưa tới lưỡng kinh tâm.

... Đã không ngọn lửa thiêu sấu rụi,
Lại có cơn giông thổi giận thêm.

Đặng Nguyên-Cần khi nghe tin người học trò yêu đã nạt thân, cũng bồi-hồi cảm :

Bát linh văn sĩ tuyệt hư danh,
Bút kiếm lao lao nhất vị thành.
Hỏi ngoai vạn ngôn thư hữu lệ,
Lâm biên quần mã thiết vô thanh.
Khả kham cố quốc thiên niên hận,
Do hữu hùng tâm nhất tử khinh.
Tất cánh ái quần hoàn tự ái,
Thập niên tân khổ vị thương sinh.

Bản dịch của Huỳnh-Thúc-Kháng :

*Không rửa hờn chung cái lối nho.
Cả gươm lẫn bút chẳng ra trò.
Sách in ngoài biên tuôn dòng lệ ;
Ngựa sắt bên sông vắng tiếng hò.
Nước cũ nghìn năm dồn giận mãi,
Thân coi một chết thấy gan to.
Yêu người cũng lại yêu mình nữa,
Vì nợ thương-sinh sống phải lo.*

Thế-Nguyên
NGUYỄN-BÁ-THẾ

Tòa-soạn VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN
NHA VĂN-HÓA (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)
266, Đường Công-Lý — Sài-Gòn
Điện-thoại : 24.633

— Chủ-nhiệm : NGUYỄN-KHẮC-KHAM
— Chủ-bút : THÁI-VĂN-KIỆM
— Quản-lý : BÙI-ĐÌNH-SAN
— Thư-ký : NGUYỄN-VĂN-NINH

Ấn-Quán : BÌNH-MINH
148.i, Đường Yên-Đồ — Sài-Gòn
Tổng Phát-Hành bán lẻ : THỐNG-NHẤT
329, Đại-lộ Trần-Hung-Đạo — Sài-Gòn



HỒ-TƯỚNG

NGUYỄN-HỮU-TẤN*

TU-TRAI dịch-thuật

Ông nguyên người ở huyện Ngọc-sơn tỉnh Thanh-Hóa, sau dời vào ở huyện Bồng-sơn (nay đã đổi làm phủ) tỉnh Bình-Định, trạng mạo khôi-ngô, vai như vai cọp, lòng bàn chân có 7 cái nốt ruồi đen, cha mất sớm, nhà nghèo phải ở đợ với người ta. Ông người thâm-trầm cương-ng nghị có chí lớn, thường tự nói : « Ta nếu gặp thời, sẽ dẹp yên họa-loạn để cho rõ tài ở thế gian. » Người ta nghe ông nói đều chê cười cho ông là người si.

Năm Tân-vị đời Hy-Tông Hoàng-đế (Nguyễn-Phúc-Nguyên) năm thứ 18 (1631), Nội-tán Đào-duy-Từ lúc ban đêm mộng thấy con cọp đen theo từ phía nam đến, ông hối quân vậy bắt, thốt nhiên cọp nọ lại sinh ra 2 cánh bay múa ở trên tầng mây. Khi tỉnh dậy, ông mặc y phục chỉnh tề ngồi đợi một chấp thi thấy ông Tấn ở ngoài đến, mình mặc áo đen, cầm quạt lông, đứng hầu dưới thềm, Duy-Từ nhìn thấy trạng mạo không phải người phàm.

* Dịch thuật theo « Đại-Nam Liệt truyện tiền biên ».

Hỏi tánh danh, ông đáp là Nguyễn-hữu-Tấn, hỏi đến tuổi, ông đáp là tuổi Nhâm-dần. Duy-Từ mừng thầm cho là quả hiệp với điềm mộng trong đêm vừa qua. Từ mời ở lại bàn chuyện, Từ rất trọng Tấn, đem con gái gả cho, lại đem Tấn tiến cử lên. Vua trao cho Tấn chức Đội-trưởng, quản suất Nội thủy địch-cần-thuyền.

Sau khi Tấn lãnh nhiệm-vụ, nhân lúc ban đêm thao diễn quân-sĩ, có tên Kỳ-trưởng (người cầm cờ) làm trái luật pháp, ông đem chém rồi báo cho cả quân sĩ biết, quân-sĩ đều run sợ. Duy-Từ nghe tin cũng kinh hãi, vội vàng vào chầu, đương lúc vua rảnh rồi ngồi xem sách, rồi cùng Từ đàm luận binh-pháp xưa nay. Từ nói đến việc Tôn-vũ-Tử (1) dạy tập trận trong cung nước Ngô mà chém nàng hầu thương yêu nhất của vua Ngô. Hy-Tông khen ngợi nói: « Ngô-Vương là quyết đoán, mà Tôn-vũ-Tử là uy nghiêm, nên mới tạo thành nghiệp bá », Duy-Từ nhân câu chuyện ấy đem việc Hữu-Tấn chém tên Kỳ-trưởng tâu bày và thỉnh tội. Hy-Tông bảo: « binh sĩ không chính tề chém đi là phải, chớ có tội gì. » Liền đó, Hy-Tông cho Tấn thăng lên chức Cai-Đội. Từ đấy, sĩ tốt đều quý phục, Tấn thăng lần lên Cai-cơ rồi lên Chưởng-cơ.

Mùa xuân năm Mậu-tý đời Thần-Tông thứ 13 (1648) Tấn theo Thế Tử (Nguyễn-phúc-Tần) ngăn Trịnh-binh ở cửa biển Nhật-lệ, Tấn đi trước đem hơn 100 con voi đánh úp dinh của địch, sau đại binh kế đến đánh phá tan cả, chém chết hơn 10 tướng và bắt sống cũng rất đông, đuổi quân địch đến Linh-giang rồi trở lại. Khi ấy Tấn lãnh 3000 binh đóng ở Vũ-xá để phòng bị gọi là Lưu-đồn-đạo (tục danh Thập dinh).

Mùa xuân năm Ất-vị đời Thái-Tông Hoàng-Đế thứ 7 (1655), Trương Trịnh là Trịnh-Đào khiến Thủ-tướng Phạm-tất-Đồng qua sông đánh phá dinh Bố-chính. Thái-Tông muốn bắc-chính, nhưng đương lo nghĩ sao cho có người hiền-tài để phú-thác việc biên-cảnh. Thế rồi mộng thấy Thần-nhân trao cho bài thơ:

(1) Tôn-vũ-Tử người nước Tề, đời Xuân-thu, làm tướng nước Ngô.

Tiên kiệt nhân-tâm thuận.
Hậu thi đức hóa chiêu.
Chi diệp kham tời lạc.
Căn bản dã nan điều.

Nghĩa là: Trước hết phải liên-kết lòng người cho hòa thuận, sau thì hành đức hóa cho tỏ tường, cảnh là không khỏi có khi rụng rập, còn cội rễ phải giữ bền chặt cho khó lay.

Thái-Tông cho bài thơ ấy là ứng theo mấy chữ « Thuận nghĩa chiêu vũ 順義招武 » (Nguyễn-hữu-Tấn xưng là Thuận-Nghĩa-Hầu, Nguyễn-hữu-Dật xưng là Chiêu-Vũ-Hầu). Cho nên phạm những việc binh đều giao cho 2 ông mưu tính. Và lại trao cho Hữu-Tấn làm Tiết-chế, hiệp cùng Đốc-chiến Nguyễn-hữu-Dật đem binh tấn-thảo.

Khi quân qua sông Linh-giang, Hữu-Tấn trước tiên khiến Trấn-thủ Cựu-dinh là Tống-hữu-Đại đem binh đến xã Lũ-Đặng đánh đuổi Tham-đốc Đặng-minh-Tắc (trưng Trịnh) cướp lấy địch-dinh, lại khiến Phù-Dương đến đất Phù-lưu đánh phá dinh Tam-hiệu, làm cho Phạm-tất-Đồng phải chạy đến Lũng-Bồng. Tấn lại khiến cho Xuân-Son làm Hạ-đạo tiên-phong, bọn Nguyễn-cửu-Kiều phụ thuộc, vừa kéo binh đi, gặp Trịnh-tướng Lê-hữu-Đức ở Hoành-son, Xuân-Son đánh phá quân địch tan chạy, bắt được voi ngựa và khí giới vô số kể, rồi thừa thắng thẳng đến dinh Hà-Trung. Trịnh-Đào hết sức cự chiến, vừa lúc đại-binh Hữu-Tấn kế đến chém được ty-tướng của Trịnh là Tấn-Bái ở nơi trận, binh Trịnh thua chạy, lấy được dinh Hà-trung. Phù-Dương đuổi theo kịp Tất-Đồng ở Lũng-Bồng, Tất-Đồng đầu hàng và dựng đất châu ấy, còn Trịnh-Đào thì chạy trốn theo đường sau núi Hoành-son.

Trước khi giao-chiến, Hữu-Dật tiên-định khi Trịnh-Đào thua, thế nào cũng chạy theo đường núi Bạch-thạch-Cương, nên Dật đem binh phục trước tại đường ấy. Kịp khi Đào thua chạy đến đấy, nói với thuộc-hạ rằng: « chỗ này như có phục binh thì chúng ta không có đường chạy vậy ». Nói chưa dứt lời, phục-binh đã ào dậy, Hữu-Dật bắn trúng cánh tay trái của Đào, Đào bỏ cả voi ngựa và khí-giới, cùng Hữu-Đức chạy về An-trường, khi ấy Hữu-

Dật muốn thừa thắng đuổi theo cho xa, nhưng Hữu-Tấn không cho, bèn hội-binh ở Hà-trung rồi báo-tiếp về triều. Vua Thái-Tông mừng rỡ, bảo rằng: «Hữu-Tấn và Hữu-Dật thật là hổ-tướng vậy». Rồi khiến sứ đến quân-môn khao thưởng quân-sĩ, và khiến đóng binh ở đấy chiêu-dụ nhân-dân để đợi cơ-hội. Từ đó, Hữu-Tấn lập bài chiêu-an để thâu-phục nhân-tâm, sau đấy có Trịnh-trưởng là bọn Đặng-minh-Tắc đến quân-môn đầu hàng. Hữu-Tấn đem phân phối ra các dinh, lại biên số tướng-sĩ mới đầu hàng dựng lên. Còn Hữu-Dật thì viết thơ dụ Trịnh-Đào qui hàng, Đào không chịu, Dật mưu kế phản-gián với họ Trịnh, Trịnh-Tráng nghi Đào cho bắt về nửa đường, Đào chết.

Việc ấy tâu lên, Thái-Tông rất vui mừng, thưởng cho Tấn 30 lượng vàng, 100 lượng bạc, thưởng cho Dật 30 lượng vàng, 80 lượng bạc, lại thưởng thêm cho Dật 1 áo gấm, 1 bảo kiếm và các tướng đều thưởng có sai đẳng.

Mùa hạ năm ấy, Trịnh-Tráng khiến Thái-bảo Trịnh-Trượng làm Thống-lãnh, Bồi-túng Nguyễn-văn-Trạc và Cấp-sự-Trung Nguyễn-Tánh làm Đốc-thị lãnh theo 18 tướng vô thâu phục dinh Hà-trung, lại khiến Vũ-văn-Thiểm lãnh chiến-thuyền 50 chiếc đóng giữ cửa biển Kỳ-La.

Nguyễn-hữu-Tấn nghe tin mời Hữu-Dật bàn định. Dật nói: «Quân của họ đông, quân của ta ít khó nổi tranh-phong, bây giờ chúng ta nên tạm về Linh-giang, thị cho họ biết mình là yếu, rồi ta mật khiến bộ-binh mai phục ở *Lũng-Bồng*, thủy binh trú đóng ở cửa Ròn để đợi chúng nó. Thế nào bọn Trịnh-Trượng thấy quân của ta kéo về Nam, cũng bảo ta khiếp-nhược, không thêm phòng bị, khi đó ta nhân dịp mà tấn-công, thế nào cũng được toàn thắng, ấy là thiện-sách vậy.» Hữu-Tấn cho là phải, bèn khiến Cai-Cơ Trương-phước-Hùng đem binh mai phục ở *Lũng-Bồng*, Tôn-thất-Tráng đem binh thuyền ra đóng cửa Ròn, mà tự triệt-binh về Linh-giang.

(Còn tiếp)

TU-TRAI dịch-thuật

ĐÓN ĐỌC

ĐƯỜNG VÀO TÌNH SỬ

Thơ của Đinh Hùng

(Gồm 60 bài Truyện lòng và Tiệc Bướm)

Do Nam Chi Tùng Thư xuất bản

Kim Lai Ân Quán ấn hành

kèm thêm

Một Phụ Bản của Họa Sĩ Tạ Tỵ

Một Bức Thư Văn Nghệ gửi Tác Giả

của Đoàn Thêm

Bìa và Nền do Tác Giả trình bày

Bắt đầu từ ngày 7.7.61 :

Những Bạn muốn đặt tiền mua sách trước, xin hỏi ở những địa-điểm sau đây :

1.— Câu Lạc Bộ Văn-Hóa 138, Đường Tự Do - Saigon

2.— Số Nhà 7, Đường Trần Văn Thạch
(Vassogne cũ - Tân Định)

ĐÁ PHÁT-HÀNH

THẦN-LIÊN THI TẬP

Tác-giả : THẦN-LIÊN LÊ-VĂN-TẮT

☆ Gồm nhiều loại thi : Đạo-Đức, Tình-cảm, Mía-mai, Trào-lộng v.v...

☆ Sách dày trên 300 trang (gom 16 Tập thơ vào 1) giá : 100\$.

● Sàt-gòn : Nhà sách VINH-BẢO 66, Lê-Lợi,

● Tân-Định : Báo-Quán T.H.T.T.H. 72/6 Nguyễn-Đình-Chiêu.

● Hậu-Giang : PHONG-VÂN THƯ-CUỘC — Châu-Đốc.



LAU TRÚC TRỜI MƯA

Giới Anh Đ. Paris

ĐOÀN-THÊM

Xóm cũ êm đêm phận trúc lau
Bên sông rủ mát bóng rung cầu
Mái gianh rợp nắng ngày pha biếc
Phẳng phất trưa hè giấc mộng trâu

Đến thuở dạt dào nghiêng gió loạn
Túi thân rữ ngọn lướt trời giông
Tiếc không muôn dặm cao ngàn trượng
Mọc bức thành che cả núi sông...

908/50

VĂN-HÓA — SỐ 63

Một dòng rẽ ngã cuộn mây trời
Bên đục bên trong nước cạn rồi
Đáy đó hai phương cầu gãy nhịp
Cả vầng trăng lạnh cũng chia đôi

Đò ngang hết chuyến không về nữa
Lau trúc mưa gieo giọt ngấn dài
Hạt lệ nếu yên đời sấm sét
Nguồn thương hãy chảy suốt hôm mai.

Đ.T.



VĂN-HÓA — SỐ 63

909/51

TIÊU-SỬ ĐÀO DUY-TỪ (1)

Đào Duy-Từ 陶維慈 người làng Hoa-trai 花齋 (2), huyện Ngọc-sơn 玉山 (nay là phủ Tĩnh-gia), tỉnh Thanh-hóa 清化. Cha ông là Đào Tá-Hán 陶佐漢 làm nghề xướng-ca (3). Ông sinh ra người dĩnh-ngộ, phi-thường, làm văn hay, học thông kinh-sử, lại càng tinh hiểu về những môn tượng-vĩ (tức là thiên-văn), thuật-số. Khi ông ra ứng hương-thí đời nhà Lê (4), thì bị quan trường

(1) Phần tiêu-sử Đào Duy-Từ viết ra căn-cứ theo *Đại-Nam tiền-biên liệt-truyện* 大南前編列傳, Quyển thứ 3, tờ 10b-15b. Trong bài có những điểm cần chú-thích cũng như những chi-tiết cần bổ-khuyết, sẽ tường-chú theo những tài-liệu xác-đáng đầy đủ hơn đề cho kẻ học nhận-thức đầy-đủ. Lại có những chỗ cần bổ-sung cho rõ nghĩa, cũng sẽ luôn luôn ghi-chú xuất-xứ minh-bạch đề cho kẻ học tiện việc khảo-chứng.

(2) Theo *Đại-Nam thực-lục tiền-biên* 大南寔錄前編, Quyển thứ 2, tờ 8a.

(3) « Hán, do chân Quân-giáp trong nghề hát, thăng dần lên chức Linh-quan coi đội nữ-nhạc trong nội-khoảng triều Lê Anh-tông » (Theo Khái-sinh Dương Tự-Quán, *Đào Duy-Từ, Tiêu-sử và thơ-văn, Đông-Tây thư-quán, Hà-nội, 1944, trang 11, chú 1*).

(4) Theo Khái-sinh Dương Tự-Quán thì bấy giờ là mùa thu năm 1592 Bình-an vương Trịnh Tùng mở khoa thi, vừa lúc Duy-Từ mới 21 tuổi (*Sách đã dẫn, trang 12*).

910/52

VĂN-HÓA — SỞ 63

xét lẽ là con nhà hát xướng mà không cho ông vào trường thi dự-thí (1). Ông rất lấy làm phẫn-úat mà trở về. Bị khinh-rẻ và bị bạc-đái, Duy-Từ bấy giờ nghe tiếng Thái-tổ hoàng-đế triều Nguyễn (2) có lòng thương dân, yêu chuộng kẻ hiền-tiêng, nhiều người hào-kiệt đều về theo, bèn quyết chí đi vào trong Nam (3). Hoàn-cảnh và tư-tưởng này của Từ hãy còn được ghi rõ ở sách *Tang-thương ngẫu-lục* trong lời Từ nói với bạn là ông Lê Thời-Hiến trước khi chia tay vào Nam là « Tôi nghe xứ Quảng-Thuận đất hiếm mà dân giàu, vị chúa ở đây lại biết đãi người một cách nhún-nhường, đó là tư-cách của bậc bá-vương. Nếu ta đến theo rồi đem mưu kế ra thuyết cho họ nghe thì trên có thể làm được như Tề-Hoàn, Tấn-Văn, dưới cũng không mất được cái thể chân vạc... » (4).

Đào Duy-Từ đầu tiên vào trong Nam đi đến Võ-xương 武昌 ở hơn một tháng lạ nước lạ non, thân bơ-vơ, không ai biết ông là người thế nào. Bấy giờ, Từ nghe tiếng ở Qui-nhon 歸仁 có quan Khâm-lý 勸理 Trần Đức-

(1) Sách *Việt-Nam khai-quốc chí-truyện* 越南開國誌傳 của Bảng-trung hầu Nguyễn Khoa-Chiêm chép rằng « Quan trường xét ra Từ là giòng-giới phường chèo, chiếu trong lệ-luật, không được ứng cử, bèn không nhận quyền bắt phải trở về với cái nghề « vô-loại » (Dẫn theo Khái-sinh Dương Tự-Quán, *Đào Duy-Từ, Tiêu-sử và thơ-văn, Đông-Tây thư-quán, Hà-nội, 1944, chú 1, trang 12*).

(2) Tức là Nguyễn Hoàng, chúa Tiên. Điều này chắc là chép sai, vì theo *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, Quyển thứ 2, tờ 8b, thì ấy là vào thời chúa Sãi-vương, và sách lại chép rõ rằng Đào Duy-Từ vào Nam nhằm năm ất-sửu, 1625. Như thế thì bấy giờ chúa Nguyễn Hoàng chết đã lâu rồi, và vị chúa nói trên ấy phải là chúa Sãi như *Đại-Nam thực-lục* chép thì mới đúng.

(3) Trường-hợp Đào Duy-Từ có thể xem là trường-hợp điển-hình cho ta thấy rõ chính-sách dùng người của các chúa Nguyễn để xây-dựng củng-cố vùng Nam-hà 南河 mà chống với họ Trịnh ở Bắc-hà. Chính-sách ấy là chính-sách chiêu hiền lễ sĩ, kêu gọi những kẻ bất-mãn với triều-đình họ Trịnh, những người bị miền Bắc ngược-đãi và khinh-rẻ thường rất háng-hái đi vào Nam để tìm đường tiến thân, tận tâm phục-vụ cho chúa Nguyễn mà báo thù lại họ Trịnh.

(4) Xem bản dịch *Tang-thương ngẫu-lục* của Trúc-khê, Tân-dân, Hà-nội, 1943, Mục « Ông Lê Thời-Hiến », trang 44-45.

VĂN-HÓA — SỞ 63

911/53

Hòa 陳德和 là người trí-muru được chúa quyền-chú thân-tín (1), ông bèn tìm vào Qui-nhơn để chờ cơ-hội, lúc đầu thác thân vào một nhà giàu (2) làng Tùng-châu 叢珠 (3) ở chân trâu cho nhà ấy (4). Một ngày kia, chủ phú-gia này bày tiệc rượu hội-họp các tay danh-sĩ để đánh chén vịnh thơ cho vui. Từ chiều hôm ấy đánh trâu về, bèn cầm roi đứng trước bàn tiệc, cùng các danh-sĩ đàm-luận việc cổ kim và kinh-sử trăm nhà (kinh-sử bách-gia) tất cả thầy đều thông-suốt, ai nấy trong bàn tiệc đều kinh. Phú-ông bấy giờ rất lấy làm kỳ-dị, mới đem chuyện nói với Đức-Hòa. Đức-Hòa cùng Duy-Từ hỏi truyện, thấy Từ là người học-vấn rộng, kiến-thức nhiều, bèn thương yêu Từ một cách đặc-biệt. rồi mời Từ ở dạy học luôn trong nhà và gả con gái cho.

(1) Xem *Đại-Nam liệt-truyện tiền-biên*, Quyền thứ 3, tờ 9b — 10b. Tóm-lược như sau: Trần Đức-Hòa là người phủ Bông-son, tỉnh Bình-dịnh. Đời tổ là Trần Ngọc-Trà 陳玉窄 làm quan nhà Lê được tặng Vinh-lộc đại-phu, cha là Trần Ngọc-Phán 陳玉芬 thờ nhà Lê làm chức Phó-tướng Quảng-nam dinh. Hòa vốn người hào-mại, do con nhà tướng mà được bổ quan, làm đến chức Cầm-y-vệ-đồ-chỉ-huy-sứ-thự-vệ-sự. Có quân-công, Hòa được phong làm Qui-nhơn Khâm-ly Công-quận công 歸仁勳理貢郡公. Hòa rất được Sãi-vương tín-nhiệm trong các việc quân-cơ và là người được chúa đặc-biệt yêu trọng. Gặp khi Nam-Bắc dùng binh, việc nước bề-bộn, Hòa cũng là kẻ triều-đình nương cậy nhiều. Hòa rất tinh xét người, đã biết hậu đãi Duy-Từ trong cảnh hàn-vi mà gả con gái cho, và đề-bạt Từ lên chúa Sãi trọng-dụng. Khi mất, Hòa được phong làm Phúc-thần, dân Bồ-đề 蒲提 lập đền thờ-tự rất trọng-vọng.

(2) Có sách chép rằng nhà giàu này họ Lê.

(3) Thuộc phủ Hoài-nhơn, tức phủ Bông-son, tỉnh Bình-dịnh bây giờ.

(4) Sách *Việt-nam khai-quốc chí-truyện* của Bàng-trung hầu Nguyễn Khoa-Chiêm có giải-thích lý-do tại sao Duy-Từ không dừng chân lại ở vùng Quảng-trị để tìm cơ-hội gặp chúa Sãi mà lại đi vào ở vùng Bình-dịnh, như sau: « Từ đến tận nơi dinh-thự Nam-chúa xem xét căn-thận quá-nhiên thấy có vương-khí, trong bụng mừng lắm. Song ngại vì chỗ đó là nơi đô-hội, người ở đông-dúc, khó lòng rõ được kẻ hay người dở, làm rạn vỡ tiếng-tâm của mình e không được, nên Từ mới tìm đi nơi khác », (Khái-sinh Dương Tự-Quán dẫn trong *Đào Duy-Từ, Tiểu-sử và thơ-văn*, sách đã dẫn, trang 20, chú 1).

Duy-Từ thường hay ngâm một thiên *Ngoa-long cương* 卧龍崗 làm bằng thơ quốc-âm có ý tự sánh với Chư-cát Lượng 諸葛亮 (1). Đức-Hòa thấy thế mới nghĩ thầm rằng: « Duy-Từ của ta đây có lẽ là Ngoa-long (tức là Không-minh) đời này chăng? ».

Năm丁-mão, 1627, triều đức Hy-tông hoàng-đế (tức Nguyễn Phúc-Nguyên, đương-thời gọi là chúa Sãi) thứ 14, quân chúa Nguyễn đánh bại binh họ Trịnh ở Nhật-lệ 日麗, Đức-Hòa nghe tin báo-tiếp bèn từ Hoài-nhơn 懷仁 về triều yết mừng, khi chúa hỏi-han việc dân-tình Quảng-nam xong (2) Hòa bèn thung-dung rút bài *Ngoa-long cương ngâm* 卧龍崗吟 trong túi áo ra dâng lên chúa mà tâu rằng: « Bài ca này của thầy đồ dạy học ở nhà tôi tên là Đào Duy-Từ làm ra ».

Chúa xem và lấy làm lạ, lập tức cho đòi Duy-Từ vào yết-kiến.

Cách vài ngày sau, Đức-Hòa với Duy-Từ cùng đến yết chúa. Bấy giờ, để thử tài Từ, chúa Sãi mình mặc áo lụa trắng, chân đi giầy xanh, ra đứng đợi ở cửa dịch-môn (cửa bên). Duy-Từ trông thấy thế bèn lui lại không vào. Chúa hiểu ý, nên tức thời vào chỉnh-nghi áo mào rồi cho triệu Từ vào. Duy-Từ bấy giờ liền vội-vàng làm lễ bái. Chúa hỏi truyện cùng Duy-Từ, rất cả mừng, phán rằng: « Khanh về với ta sao muộn vậy! ». Chúa liền phong cho Từ làm chức Nha-úy 衙尉 và Nội-tán 內贊 (3), lại ban tước Lộc-khe hầu 錄溪侯, kiêm quản cả

(1) Ngoa-long cương vốn là tên hiệu của Chư-cát Lượng danh-thần kiêm danh-tướng của Lưu Bị Khi Lưu Bị đến mời ra giúp cho ông ta thì là lúc Chư-Cát Lượng đương ẩn-cư. Theo Khái-sinh Dương Tự-Quán (Sách đã dẫn, trang 28) thì Duy-Từ bấy giờ còn có bài *Tư-dung văn* 思容輓 bằng thơ quốc-âm. Đó cũng là ý-kiến của các ông Bùi Văn Lãng Tô Văn Căn, Ngô Lê-Tổ trong sách *Lịch-sử Đào Duy-Từ*, Hà-nội, Imprimerie Trung-Bắc tân-văn, 1937.

(2) *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, Quyền thứ nhì, tờ 11b — 12a.

(3) Nha-úy là một chức quan trọng-yếu trong bộ máy hành-chánh của chúa Nguyễn đứng đầu cơ-quan chăm nom coi-sóc việc lễ-nghi tế-tự, việc quân-lương ở triều gọi là *Lịnh-sử-tư* 令史司. Trong nước, ở kinh-đô có một lịnh-sử-tư, và ở toàn cõi Gia-dịnh cũng có riêng một lịnh-sử-tư. Ngoài ra, còn có một cơ-quan gọi là *Nội-lịnh-sử-tư* 內令史司 coi việc thuế-khoá (chuyên về thuế điền-thò), một cơ-quan gọi là *Tả-lịnh-sử-tư* 左令史司, và một cơ-quan nữa

(Xem tiếp trang 53)

việc quân-cơ trong ngoài và xét-dịnh việc quốc-chính. Chúa thường triệu và nội-thất đề đàm-luận, ông hết lòng bày tỏ sự-việc rất sâu-xa và tinh-tế, không vấn-đề gì ông đã biết mà không tâu bày ra. Chúa cho rằng Đức-Hòa hiểu-biết người, bèn ban thưởng cho ông trọng-hậu (1).

Mùa thu năm kỷ-tỵ, 1629, Trịnh-Tráng 鄭 樞 bàn định muốn vào xâm trong Nam. Bèn sai Nguyễn Khắc-Minh 阮 克 明 mang tờ sắc-thư vào trước tấn-phong cho Hy-tông làm Thái-phó Quốc-công 太 傅 國 公 và giục ngài kiếp ra Đông-dô (Hà-nội) để đi đánh giặc (2). Sau khi Khắc-

gọi là Hữu-lệnh-sứ-tư 右 令 史 司 coi việc thu thuế sai-dư-tiền 差 餘 錢 (một loại thuế thân). Năm 1617, cơ-quan nội-tĩnh-sứ-tư còn có nhiệm-vụ quản-lý những kho tàng hoàng-cung tức là đờ-gia 國家. Do đấy, ta có thể thấy rõ chức Nha-úy đứng đầu các cơ-quan này thực là hệ-trọng.

Về chức Nội-tán không thấy ghi trong quan-chế đời các chúa Nguyễn. Song xét theo văn-mạch trong Đại-Nam thực-lục tiền-biên, Quyền thứ nhì, tờ 25b ghi là Nội-tán Đào Duy-Từ 內 贊 陶 維 慈, ta có thể rằng chức nội-tán là một chức riêng mà chúa Sãi đặc-ban cho Đào Duy-Từ.

(1) Theo Đại-Nam thực-lục tiền-biên, Quyền thứ 2, tờ 12b.

(2) Đại-Việt sử-ký toàn-thư về năm này không thấy chép chuyện trên. Trong Đại-Nam thực-lục tiền-biên, Quyền thứ hai, tờ 13b, có chép rõ tâm-ý Trịnh Tráng về việc này. Như sau: «Mùa đông, tháng mười (15 tháng mười một—14 tháng chạp, 1629), Trịnh Tráng lại bàn định việc phát-binh đại qui-mô để Nam xâm. Một vị triều-thần là Nguyễn Danh-Thế 阮 名 世 tâu lên rằng: «Hiện nay ở cõi Nam, quân thần cố-kết, nước giàu binh mạnh. Trái lại, bên ta nạn đói kém xảy liên-tiếp bao năm. Quân-nhu không được chuẩn-bị sẵn-sàng. Vậy không gì bằng cứ sai sứ vào tấn-phong cho Sãi-vương tước Quốc-công và ủy-nhiệm cho trấn giữ hai xứ, rồi ta sẽ truyền lệnh cho đem quân ra đánh giặc ở Cao-băng; nếu họ tuân lệnh nhà vua và về châu, thì sẽ bắt giữ lại rất dễ-dàng. Nhược bằng họ trái mệnh, ta sẽ có danh chính để đem binh chinh-phạt». Về tước Quốc-công ban phong cho Sãi-vương, thì trong Việt-nam khai-quốc chí-truyện chép là Nhân-Quốc công 仁 國 公; nhưng sách Đại-Việt sử-ký toàn-thư chép là Thụy-Quận công 瑞 郡 公; do đó, ta có thể tin rằng tước ấy chắc là Thụy-Quốc công 瑞 國 公.

Minh tới nơi rồi, chúa Sãi bèn triệu quần-thần lại nghị bàn. Đào Duy-Từ tâu rằng: «Đây là họ Trịnh mượn sắc-mệnh của vua Lê để như ta. Nếu ta chịu phong, thì kẻ kia tất động-binh đánh ta. Ngoài biên-thùy một khi xảy ra sự xung-đột thì không phải là cái phúc cho sinh-dân. Huống nữa, thành-quách của ta chưa vững, quân của ta chưa luyện, nếu quân địch kéo đến thì lấy gì mà chống trả lại cho được. Vậy chỉ bằng ta hãy cứ dẫn lòng nhận lấy sắc-mệnh làm họ không ngờ, để ta được để bề chuyên ý sửa-sang bờ-cõi cho kiên-cố, rồi sau sẽ dụng kế đem trả lại sắc-thư, thì kẻ kia không làm gì nổi ta được nữa».

Chúa Sãi nghe theo lời nhận lấy sắc-thư, và hậu-đãi sứ-giã cho về. Duy-Từ lại khuyên chúa đừng nạp thuế-má cho họ Trịnh nữa. Chúa nghĩ việc ấy là khó, phán rằng: «Tiên-vương ta tài-trí quán thiên-hạ mà còn phải thường thương sai sứ giao-hào. Nay ta vốn không theo kịp phải thường thương sai sứ giao-hào. Nay ta vốn không theo kịp Tiên-vương, mà cảnh-thờ quân-binh thì lại không sánh nổi Đông-dô (Hà-nội) trong một phần mười. Như thế, nếu ta không nộp lễ-vật cống-hiến thì làm sao mà bảo-vệ nổi cảnh-thờ và tiếp-tục sự-nghiệp của Tiên-vương?» (1). Duy-Từ bèn thưa: «Thần nghe cô-giã có câu «Đầu có trí-tuệ không bằng thừa thế» (2). Tiên-vương ta xưa là bậc anh-quân mưu-trí khôn-ngoan không thể là không chiếm nổi cõi đất này, nhưng chỉ vì trước kia Tam-ty thuộc-tướng đều do họ Trịnh bỏ-nhiệm sai vào, nên hề có cử-động làm một việc gì là bị bọn chúng kiểm-chế, sở-đĩ phải ăn-nhân mãi đến nay. Giờ đây, Chúa-thượng chuyên-chế riêng một giảng-sơn, các hàng quan-liêu đều tự một tay Chúa-thượng bổ-dụng, một lời phán ra ai dám trái mệnh. Thần xin dâng hiến một kế-sách không cần phải nộp cống-phú thường-niên mà vẫn có thể bảo-thủ được bờ-cõi, thành-từ được đại-nghiệp».

Chúa Sãi hỏi chước ấy thế nào, Duy-Từ tâu: «Phàm mưu-đồ sự-nghiệp vương-bá, cốt-yếu là phải tìm cách vạn-toàn. Cô-giã có câu «Không chịu khó-nhọc một phen thì không được thông-thả lâu dài, không chịu tốn kém một lần thì không được yên-đàn mãi mãi» (3).

(1) Đại-Nam thực-lục tiền-biên, Quyền thứ nhì, tờ 15a.

(2) Do ở sách Mạnh-tử: «Hữu trí tuệ bất như thừa thế 有 智 慧 不 如 乘 勢».

(3) Nguyên-văn là: «Bất nhứt lao bất cửu đạt, bất tạm phí bất vĩnh ninh 不 一 勞 不 久 獲, 不 暫 費 不 永 寧».

«Thần xin đem quân-dân hai xứ (1) ra đắp Trường-lũy, trên chạy từ núi Trường-dục 長育山, dưới xuống đến phá Hạc-hải 涸海沙溝, nhân theo địa-thế hiểm-yếu mà đặt đồn lũy để củng-cố biên-phòng, quân địch dù có kéo đến cũng không thể rục-rịch gì được.»

Chúa bèn nghe theo. Mùa xuân tháng ba năm canh-ngọ, 1630, Duy-Từ đem cả binh-dân ra đắp Lũy Trường-dục 長育壘 (2), hơn một tháng thì xong.

Bấy giờ, việc phòng-thủ trong nước đã tạm ổn, Duy-Từ bèn xin Chúa (3) làm một cái mâm đồng hai đáy, dẫu tờ sắc-thư đã nhận lần trước vào giữa, rồi trên mâm sắp vàng lượm phẩm-vật đầy-dủ, sai Văn-Khuông 文匡 (4) trong ty Tướng-thần-

(1) *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, Quyền thứ nhì, tờ 16a, chép là trấn thì không được sát-hợp vì không đúng với tờ-chức hành-chính và danh-xưng thời bấy giờ vẫn gọi Nam-hà là xứ Thuận-Quảng (Thuận-hóa và Quảng-nam). Dưới đời các chúa Nguyễn, các tỉnh vốn có tên gọi là *định*.

(2) Trường-dục 長育 là tên làng, thuộc về huyện Phong-lộc 豐祿, tỉnh Quảng-bình. Lũy Trường-dục là một rặng lũy lớn bắt đầu từ chân núi Chùa-non (Thần-đình-sơn) theo dọc bờ sông Rào-đá rồi sông Kiến-giang, kinh-quá các làng Trường-dục, Xuân-dục, Cỗ-hiền, Bình-thôn đến làng Quảng-xá (những làng này đều thuộc huyện Phong-lộc, tỉnh Quảng-bình) chạy mãi giáp với khu nam của phá Hạc-hải (phá: hồ lớn cửa ăn thông ra biển, những lúc hạn-hán có khi cạn, nước thường cạn). Lũy dài 2.500 trượng (độ 10 cây số), chân rộng một trượng (độ 6m), cao gần một trượng (ước 3m). Lũy này ở chặn vòng trên có xây cất dinh-đồn, kho-tàng theo hình chữ *đ* ở trong chữ *hồi* 回, cho nên còn tên là *Hồi-văn* nhân vì thế. Lũy đắp ra có công-dụng án-ngữ không cho quân chúa Trịnh ngược dòng sông Nhật-lệ vào đất chúa Nguyễn. Những dinh-trại kho-tàng cũ nay không còn nữa, chỉ còn dấu vết ở một khu ruộng gọi là *Ruộng Dinh* bên cạnh một xóm gọi là *Xóm Kho*.

(3) *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, Quyền thứ nhì, tờ 16a, thì chép rằng chúa Sãi, sau khi Lũy Trường-dục đắp xong, đã thân hỏi Duy-Từ kẻ-sách trả hoàn lại sắc-thư cho họ Trịnh.

(4) Theo *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, Quyền thứ nhì, tờ 16a, thì chỉ có tên sứ-giã là Văn-Khuông, và ngay dưới có lời chú-thích rằng là tên *khuyết-tính*.

lại 將臣吏 (1) làm sứ-thần đi tạ ơn. Duy-Từ còn nghĩ sẵn hơn 10 điều vấn-đáp đề dặn Văn-Khuông ra đi phòng khi ứng-đời. Văn-Khuông lúc đến Đông-đô, chúa Trịnh Tráng triệu vào hỏi chuyện Nam-hà, Văn-Khuông, chống-cại biện-bác không chịu khuất thê (2), Trịnh Tráng cả kinh, đãi Văn-Khuông rất trọng-hậu. Văn-

(1) *Tướng-thần-lại* là do ở tên một cơ-quan gọi là *Tướng-thần-lại-tư* 將臣吏司 mà chúa Sãi đặt ra vào năm 1614 (xem *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, Quyền thứ nhì, tờ 2b, 3a) đề coi việc thu bạc, lúa-thóc, và phân-phát lương-thực cho quân-binh. Đứng đầu cơ-quan ấy là chức *cái-bộ* Vệ, danh-xưng *Tướng-thần-lại* đứng trước tên sứ-giã Văn-Khuông có thể chỉ sự Văn-Khuông là viên-chức đứng đầu trông-nom ty ấy, hoặc-giã là một viên quan thuộc ty ấy. Và chẳng, do sự chép liền như thế nên có người đọc *Đại-Nam liệt-truyện tiền-biên* đã nhầm lẫn đọc thành ra sứ-giã có họ với tên: *Lại Văn-Khuông*.

(2) *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, Quyền thứ nhì, tờ 16b, 17ab, có thuật lại cuộc đối-thoại giữa chúa Trịnh Tráng và Văn-Khuông như sau : « Văn-Khuông đến nơi (Đông-đô) rồi, Trịnh Tráng triệu vào hỏi rằng : Trước đây có lệnh trưng-thâu cống-lễ đề nạp cho Minh-triều, Nam-chúa lâu nay vẫn không thấy đem nạp là tại làm sao ? Văn-Khuông thưa rằng : Voi và thuyên vốn không nằm trong lệ cống nhà Minh, nên chúng tôi e rằng người truyền mệnh sai-ngoại, bởi đó mà không dám thi-hành lệnh ấy. Hỏi : Tại sao lại không sai con ra châu để làm tin. Đáp : Nam Bắc hai bên tình nghĩa như cùng một nhà, lòng thành-thực và tin-cậy cùng như nhau, thì có cần chi phải dùng con tin. Hỏi : Hoàng- đế có lệnh triệu Nam-chúa đi chinh-thảo Cao-băng, vì lẽ gì mà lại không ra ? Đáp : Cao-băng là thế giặc cùng đồ, quân-binh Trung-đô có sức bắt giặc bằng thừa. Chúa tôi thì phụng-mệnh trấn-thảo giặc Mạc, xét nghĩ cho sâu, thì lại ngại rằng không thể bảo-toàn cảnh-thê. Bởi vì lo-lắng e sợ những nỗi ấy mà không dám bỏ đi xa. Hỏi : Việc Nam-chúa xây đắp Lũy Trường-dục, có phải là muốn chống lại mệnh nhà vua ư ? Đáp : Thừa mệnh giữ đất thì việc thực-hiện xây-đắp củng-cố biên-cảnh không thể không kiên-cố cho được. Thế sao lại có thể gọi là chống mệnh nhà vua ? Hỏi : Tướng-kiên-cố cho được. Thế sao lại có thể gọi là chống mệnh nhà vua ? Hỏi : Tướng-kiên-cố cho được. Thế sao lại có thể gọi là chống mệnh nhà vua ? Hỏi : Tướng-kiên-cố cho được. Thế sao lại có thể gọi là chống mệnh nhà vua ? Hỏi : Tướng-kiên-cố cho được. Thế sao lại có thể gọi là chống mệnh nhà vua ? Hỏi : Tướng-kiên-cố cho được. Thế sao lại có thể gọi là chống mệnh nhà vua ?

Khuông nhân đẩy đem cái mâm vàng lụa dâng lên cho Tráng. Rồi ngay ngày hôm đó, Văn-Khuông rời khỏi thành-đô, do đường bề mau xuôi mà lên về (1).

Người họ Trịnh khi trông thấy mâm đồng hai đáy lấy làm lạ, mới tách ra (1), thì thấy trong có dấu tờ sắc trước kèm một cánh thiệp để chữ rằng:

Mâu nhi vô dịch,
牙而無脫
Mịch phi kiến tích,
覓非見跡
Ái lạc tâm trường,
愛落心腸
Lực lai tương địch.
力來相敵

họ bèn đem tâu lên với Tráng. Tráng hỏi quần-thần, song không một ai biện ra nghĩa gì cả. Duy có quan Thiếu-úy Phùng Khắc-Khoan 馮克寬 hiểu biết, nói đó là câu ẩn-ngữ có bốn chữ: *Dur bất thụ sắc* 予不受物, nghĩa là: *Ta không chịu sắc* (sắc phong) (2).

Trịnh Tráng cả giận sai người đuổi theo bắt Văn-Khuông, thì Khuông đã đi tềch xa lâu rồi. Tráng muốn đẩy binh vào đánh trong cõi Nam thì vừa gặp khi ấy ở Cao-bằng và Hải-dương có giặc nên bèn thôi đi.

Văn-Khuông trở về tới nơi, chúa Sãi mừng rỡ, ban khen rằng: «Duy Từ là Từ-Phong (3) và Khổng-Minh đời nay vậy»; rồi trọng-thưởng cho Từ.

(1) *Đại-Nam liệt-truyện tiền-biên*, quyền thứ 3, tờ 13 b, 14 a, chỉ chép sơ-lược. Đây viết theo *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, Quyền thứ hai, tờ 17 b, để cho được rõ nghĩa hơn.

(2) *Mâu nhi vô dịch* 牙而無脫: chữ *mâu* 牙 mà không có phẩy (、) ở nách là chữ *dur* 予 (nghĩa là ta); *Mịch phi kiến tích* 覓非見跡: chữ *mịch* 覓 mà bỏ chữ *kiến* 見 là chữ *bất* 不 (nghĩa là chẳng); *Ái lạc tâm trường* 愛落心腸: chữ *ái* 愛 mà rụng mất lòng ruột tức là chữ *tâm* 心, thì còn là chữ *thụ* 受 (nghĩa là nhận); *Lực lai tương địch* 力來相敵: chữ *lực* 力 với chữ *lai* 來 sánh cùng nhau thì là chữ *sắc* 物 (nghĩa là sắc-mệnh, sắc-phong). Hiệp cả bốn chữ này lại với nhau thì thành ra câu: *Dur bất thụ sắc* 予不受物.

(3) Là tên tự của Trương Lương, người đã giúp vua Hán Cao-tô định được thiên-hạ.

VĂN-HÓA — SỐ 63

918/60

và thăng Văn-Khuông lên chức Cai-hợp 該合.

Đầu tháng 9 mùa thu, trong năm ấy (1630), Đào Duy-Từ lại khuyên chúa Sãi phát binh chiếm đất Nam Bô-chính 南布政 (1) bắt Tri-châu Nguyễn Tịch 阮籍 giữ đất ấy, và lấy sông Linh-giang 靈江 làm giới-hạn để cùng-cố biên-giới. Chúa nghe lời bèn sai Nguyễn Đình-Hùng 阮廷雄 đem binh tập-kích, hai bên cùng cự hăng. Đình-Hùng đánh chém được Nguyễn Tịch giữa trận, rồi chiếm đóng lập ra Dinh Bô-chính 布政營, biên dân-số vào ngạch lính, đặt thành 24 đội thuyền 隊船, và cử Trương Phúc-Phấn 張福善 làm Trấn-thủ (1).

Mùa thu, tháng 8 năm tân-mùi, 1631, lũy Nhật-lệ 日麗壘 xây đắp hoàn-thành (2). Trước tiên, chúa Sãi sai Đào Duy-Từ và Nguyễn Hữu-Dật 阮有錡 ra Quảng-binh xem xét hình-thế núi sông (2). Phái-bộ Đào Duy-Từ đến Quảng-binh nắm hiểu tất cả hình-trạng đất-dai cao thấp rộng hẹp (2). Đến khi về (2), Duy-Từ tâu lên cùng chúa rằng: «Thần xem thấy từ cửa biển Nhật-lệ 日麗海口 cho đến núi Động-hồ 洞湖兜葵山 ngoài có khe sông bùn sâu lấy sinh, nhân theo đó mà làm hào hố, trong đắp rặng lũy mới, thì thế hiểm-yếu của nó hơn thập bội Lũy Trường-dục».

Chúa Sãi rất lấy làm khó mà không nghe theo, Duy-Từ bèn xưng bệnh, mượn lời ngâm-vịnh để khuyên răn, từ-ý rất khản-thiết 托語吟咏以損, 辭甚凄切 (3). Bấy giờ Chúa mới y cho, sai ông cùng

(1) Đây chép theo *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, Quyền thứ hai, tờ 18a-18b, để cho được rõ nghĩa hơn.

(2) Đây chép theo *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, Quyền thứ hai, tờ 20a. Nhưng theo bài Văn bia do vua Thiệu-trị cho dựng lên vào năm 1842 ở Đò Cầu-dài thì chính Đào Duy-Từ đã xin chúa Sãi đi xem xét hình-thế núi sông để dự-trù việc xây đắp Lũy Nhật-lệ.

(3) Trong *Việt-Hán văn-khảo*, ông Phan Kế-Bính có chép một bài thơ Đường-luật bát-cú của Đào Duy-Từ «Nhà là lá, cột là tre», và cho là có «chủ-ý cốt nói cảm động lòng chúa» (Phan Kế-Bính, *Việt-Hán văn-khảo*, Nam-ký, Hà-nội, 1938, trang 179-180). Ta nay xét từ-ý bài thơ ấy thì thấy rất sát-hợp với hoàn-cảnh trên, nên có thể tin chắc rằng bài «Nhà là lá cột là tre» ắt làm trong giai-đoạn này. Theo ông Khái-sinh Dương Tự-Quán, trong sách *Đào Duy-Từ, Tiều-sử* (Xem tiếp trang 59)

VĂN-HÓA — SỐ 63

919/61

Nguyễn Hữu-Dật đốc-suất công-trình khởi đắp Trường-lũy 長壘 (1) tục gọi là Lũy Thầy 崇壘 (2), vài tháng mới xong. Lũy cao một trượng năm thước (độ 6 m), mặt ngoài Lũy chôn kè bằng gỗ lim, mặt trong đắp đất thành 5 cấp, voi ngựa đều có thể đi lại được (2). Lũy tựa vào núi dựa theo sông chạy dài trên ba nghìn trượng (18 cây số), cứ cách một trượng (độ 4m) thì đặt một khẩu súng khóa-sơn, cách ba hoặc năm trượng (12m hoặc 20m) thì lại đặt một pháo-dài trang-bị súng lớn, một ụ thuốc súng, và đạn vạ; bấy giờ Lũy đã là một miền biên-phòng hiểm-yếu kiên-cố nhất ngăn cách giữa hai cõi Bắc Nam (3).

và thơ-văn, sách đã dẫn, thì bài trên làm ra sau khi Lũy Trường-dục đã được hoàn-thành và trong trường-hợp Từ yêu-cầu chúa Sãi tiến binh đánh Trịnh và vì lẽ không được toại-nguyện nên mới soạn ra bài thơ ấy. Ta không rõ soạn-giả đã căn-cứ vào đâu mà chép thế. Tuy nhiên, có điều chắc là ta không thấy Đại-Nam liệt-truyện tiền-biên cũng như Đại-Nam thực-lục tiền-biên, tức những bộ sử chính đáng tin-cậy hơn cả, thì đều không đã-dộng gì đến việc ấy. Và chẳng, từ-y bài thơ lại không liên-hệ gì với việc đánh Trịnh nó chưa phải là một tâm-lý thiết-tha của Từ lúc bấy giờ. Điều nhận xét này càng làm cho luận-diêm ở trên vững-chắc hơn.

(1) Trong bài văn bia ở Đò Cầu-dài gần thành Đồng-hới, cũng như trong Đại-Nam liệt-truyện tiền-biên, Quyền thứ ba, tờ 14b, và trong Đại-Nam thực-lục tiền-biên, Quyền thứ hai, tờ 20a đều gọi « Lũy Nhật-lệ » là « Trường-lũy ». Ngoài ra, còn có những tài-liệu xưa khác cũng chép tên Lũy như thế. Ta có thể nghĩ rằng chữ « Trường-lũy » cũng là một tên riêng của Lũy Nhật-lệ thường vẫn gọi là Lũy Đồng-hới hoặc Lũy Thầy.

(2) Trong bài văn bia ở Đò Cầu-dài, về nguồn-gốc của tên « Lũy Thầy », có thấy lời giải-thích như sau : « Cổ thời nhân, thường dĩ sự lễ sự chi, hữu hô kỳ lữ vi Sư lữ. 故辰人, 常以師禮事之, 有呼其壘為師壘 » nghĩa là « Cho nên người thời bấy giờ thường lấy sự-lễ để tôn-thờ đền-dáp ông, và lữ ông làm ra người ta gọi là Sư-lữ (tiếng nôm tức là Lũy Thầy). Chữ Thầy tiếng nôm khi viết đã dùng chữ sai 崇 là một chữ Hán-Việt có nghĩa là cũi đề đọc ra Như thế Lũy Thầy là một tên thông-tục của Lũy Nhật-lệ biểu-tỏ cả lòng cảm-mộ và kính-trọng sâu-xa của người đời đối với Đò Duy-Từ.

(3) Đây viết theo Đại-Nam thực-lục tiền-biên, Quyền thứ hai, tờ 20b, đề cho được đầy đủ hơn.

Ngoài ra, ở cửa bể Nhật-lệ, cửa Minh-linh 明靈海口 đều đem thiết-tòa (giây lớn có mắc mũi sắt nhọn) dăng ngang để phòng-bị (1).

(Còn nữa)

Giáo-sư PHẠM VĂN ĐIỀU



(1) Tâm quan-trọng và hiểm-cố của Lũy Thầy cũng đã được ghi rõ trong tục-ngữ ca-dao đương-thời :

Thứ nhất thì sợ Lũy Thầy,
Thứ nhì sợ lầy Võ-xá.

Sách Đại-Nam nhất-thống chí chuyên-dịch câu ấy ra Hán-văn như sau :

Nhất khả kỳ hề Động-hải Trường-lũy,
一可忌兮洞海長壘
Nhị khả kỳ hề Võ-xá nê-diễn,
二可忌兮武舍泥田

Hoặc là :

Có tài vượt nổi sông Gianh,
Dẫu thêm hai cánh, Trường-thành khó qua !

Sách Đại-Nam nhất-thống chí chuyên-dịch ra Hán-văn là :

Hữu trí dũng hề khả quá Thanh-hà,
有智勇兮可過清河
Túng hữu dục hề Trường-lũy bất khả quá.
縱有翼兮長壘不可過



LỊCH TRẠI TỰ QUANG CÔNG DI TẬP

DƯ-ĐỊA-CHỈ

(Tiếp theo V.H.N.S. số 62)

Á-NAM
sưu-địch

CHƯƠNG THỨ 7

Phủ gồm có 50, Châu gồm có 41, Huyện gồm có linh 100, và dân-số được 310 vạn.

Đời Lê chia thiên hạ ra làm 10 đạo; bộ Hộ dâng lên dân-số có 500 vạn 6.500 suất định.

Nhà Lý chia thiên hạ làm 24 lộ; quan Hành-khiển dâng số Hộ được 330 vạn 100 suất định.

Nhà Trần chia thiên-hạ làm 12 Xứ; Nguyễn-quan (?) dâng Hoàng-sách (tức là sổ kê số Đinh hoàng-nam), gồm Đại-nam và Trung-nam là 490 vạn suất và Hoàng-nam là 210 vạn 4.300 suất.

Đến triều Lê ta hốt nhất thiên-hạ làm 15 Đạo. Phủ gồm 56, Huyện gồm 187, Châu gồm 54, Hương (Làng) gồm 1, Xã gồm 9.728, Thôn gồm 294, Phường gồm 59, Châu-thờ gồm 119, Trang gồm 119, Động gồm 534, Sách gồm 465, Sở gồm 58, Trại gồm 74, Nguyên gồm 16, Doanh gồm 110 và số Đinh gồm 70 vạn 945 suất.

LỜI CHỦ GIẢI

Đây là mục lục châu, huyện và hộ-khẩu các đời vua. Từ khi họ Hồ bị

922/64

VĂN-HÓA — SỔ 63

bất, người nhà Minh tịch tất cả số đất chiếm được là 48 Phủ và Châu, 168 Huyện, số hộ 316 vạn, voi 112 con, ngựa 420 con, trâu 35.700 con và thuyền 8.865 chiếc. Tới khi vua Thái-Tổ bình Ngô xong, đặc biệt chuẩn định số Đinh: Sơn-Nam 14 vạn suất, Hải-Dương 11 vạn suất, Sơn-Tây và Bắc-Kinh đều 10 vạn suất, Thanh-Hoa 7 vạn suất, Nghệ-An 5 vạn suất, An-Bang và Thái-Nguyên đều 3 vạn suất, Tuyên-Quang và Hưng-Hóa đều có 1 vạn suất, Cao-Bằng và Lạng-Sơn đều 1 vạn 120 suất, Thăng-Hoa (tức là Quảng-Ngãi trở vào) 540 suất.

BÀI BÀN CỦA CHÚC-LÝ HỌ NGÔ

Vua Lạc-Long có 50 con trai theo mẹ lên núi, suy tôn người lớn nhất lên làm Hùng-Vương, còn các con thứ mỗi người chia trị một quận hay một sách, tức là các Động, Sách, Trang hay Phường ngày nay vậy. Lại đến đời vua Thánh-Tôn nhà Lý, đi đánh Chiêm-Thành, bắt người Chiêm đem về cho ở rải rác ra các Châu, Ấp, những Ấp đó đều theo tên cũ của nước Chiêm-Thành, tức là các Trại ngày nay vậy.

BÀI BÀN CỦA THU-HIÊN HỌ NGUYỄN

Xét ra vào đời trung-cổ, 2 châu An và Quảng có 4 quận 5 huyện thuộc về Khâm-Châu; 12 châu Hưng-Hóa thì 7 châu thuộc về đất Trung-Quốc. Ngoài ra, 2 đạo Thuận và Quảng lại chia ra làm Nam-Hà và Dương-Hóa. Sau đó chỉ còn lại 12 đạo, 50 phủ, 166 huyện, 48 châu, gồm 8.671 xã.

Vào khoảng niên-hiệu Long-Đức (1732) Vương-phủ vàng chiếu nhà vua xét định dân-số, thực-thọ có 311.670 suất. Trong số đó trừ những hạng lương lộc các viện-vệ các biên-binh, các người am-hiểu cùng các hạng đóng góp diêm-tiền, tất cả là 32.676 suất; vậy chỉ còn lại số thực-nạp là 276.201 suất.

BÀI THÔNG-LUẬN

Nước An-Nam ta ở liền bờ biển, các thứ vàng ngọc cánh lông răng đa, không gì là không có. Chất đất rất béo tốt, nhân dân rất dịu-dàng, duy người Trung-quốc thấy là nơi lam-chường, cho nên bảo là người ở đây ngu, ngờ, dối, ngạo. Nhưng đó chỉ là luận điệu khi miệt trang sức chứ

VĂN-HÓA — SỔ 63

923/65

đâu phải lời nói thực tình ? Thực ra trong ý bọn họ là thích sự giàu có của nước Nam mà lại lợi vì nước Nam còn yếu, và đương thời chưa có một vị anh hùng nào đặc đột đứng lên. Bởi thế từ sau khi Vũ-Đế họ Triệu kiêm tính đất này, thì trải đời vua khác liền nhân đó mà chia làm quận huyện theo ngay. Trái lại, vì bằng lại nghèo xác như đất nước Ngụy, hay là hung hãn như dân nước Tần, ngay người chiếm được cũng khó lòng mà cây cấy chăn nuôi, thì người ngoài trông thấy phỏng còn nhòm ngó tới chi ?

Từ nhà Hán trở về sau, các quan Thú, Mục thay đổi bất thường, thầy đều bừa bãi vợ vét, thu cá bắt chim, nhân dân lại càng cực khổ. Trong thì Ngô, Ngụy gây mối tranh giành, ngoài thì Đạt-Mại giở trò cướp bóc, giặc Thục giặc Quảng không ngày nào là không nhòm ngó, Nhật-Nam Cửu-Chân không lúc nào là không binh lửa. Dân ta khổ sở lắm than, không lúc nào là hơn lúc này. Theo trong kinh Dịch, lẽ tất nhiên phải có hội-thông, cho nên lời thần ngữ « Nam quốc sơn hà Nam đế cư » (Sông núi nước Nam vua Nam ở), quả là thiên-đạo không sai.

Từ đây Đinh, Lê, Lý, Trần nổi dậy, hai bên Nam Bắc cũng đều chia đất làm vua. Vì bằng người có quốc-gia thực biết cẩn thận đề phòng đề giữ ngôi vua trong nước mà bảo hộ dân-con của mình, thì vận hội lẽ nào mà cùng cực được ?

Người nhà Minh đã có câu : « Trong khoảng non xanh nước biếc, tất có hạng người áo vàng xưng trẫm ». Vậy thì trời sanh các nước, há nước nào chẳng có thượng-hoàng ? Can chi ta phải tức giận những việc đẽ qua mà không gắng gượng tự cường lên được ?

BÀI BÀN CỦA NGỌ-PHONG HỌ NGÔ

Từ khi Vũ-Đế nhà Hán, diệt họ Triệu đem đất đai chia làm 9 quận, lúc ấy chưa có phân biệt đạo châu. Mãi tới nhà Ngô, mới bắt đầu chia đất Giao-Châu, đặt ra Quảng-Châu. Đến đời Đường lại chia thiên hạ ra làm 10 đạo, đem 9 quận của nhà Hán trước, đặt ra làm đạo Lĩnh-Nam. Trong đó các quận Thiều-Quảng, Ninh-Thụy, Phong-Ngô, Đằng-La và Lôi-Nhai trở về phía đông là thuộc phận Tinh-kỷ, còn các quận Quế-Lâm, Quát-Lâm, Phú-Chiêm, Long-Mông, Tú-Dung, Bạch-La trở về tây cùng xứ

92A/66

VĂN-HÓA — SỐ 63

An-Nam là thuộc về phận Thuận-vỹ. Trong có 5 quận thì Quế, Quảng, Ung và Dung đều đặt chức Đốc-phủ, duy có An-Nam thì đặt Đô-Hộ-phủ đóng ở Giao-châu. Như thế thì Cửu-Chân, Nhật-Nam tức là Giao-Châu và An-Nam, mà đều thuộc vào Lĩnh-Nam ; nghĩa là trong số 9 quận thì 3 quận thuộc về Giao và 6 quận thuộc về Quảng vậy.

Hoặc có người hỏi : Nước ta từ Triệu-Vũ về sau, trải hơn 1.000 năm phụ thuộc vào Trung-Quốc, nhưng riêng các nước như Lâm-áp, Chân-Lạp, Ai-Lao, đều là những nước nhỏ xíu, cũng còn có quân trưởng cả, khi nào lại quá quân như ở nước ta ?

Xin thưa rằng : Các nước đó đều ở góc biển xó rừng, đất cát của cải, không đủ làm lợi cho Trung-Quốc, khi chúng phản bần thì đánh giết, khi chúng phục-tùng thì phá đi, các sự triều cống dù có hay không, cũng không đủ trách. Duy nước ta là một nơi đại đô-hội ở về phía nam, ruộng cấy được lúa, đất trồng được dâu, non sản vàng bạc. Bề sản châu ngọc, kẻ buôn bán tới đó làm nên giàu có rất nhiều. Bởi vậy kẻ xa nghe thấy cũng nức động lòng, muốn chia để làm quận huyện và bắt để làm thần thiếp, thực đã từ lâu. Kẻ chưa làm được cũng còn nghĩ cách làm cho ki được, huống đã được rồi khi nào lại chịu nhả ra ?

Ồi ! đường đường một nước, tất nhiên có bực anh-hùng, há lại đành cúi mày sắp mặt, vui lòng chịu để cho bọn Đô-đốc, Thứ-sứ sai khiến hay sao ? Nhưng khổn vì nhiều phen nội thuộc, chia bộ đặt quan, xen liền trong nước, uy phúc ở đó, ai chẳng phụng thủ. Một thổ hào nổi, bọn quận thú tiêu diệt đi ngay ; một quận thú lên, bọn Thứ-sứ xúm vào đánh thẳng ; rồi một Thứ-sứ lên, Trung-Quốc lại đem toàn lực để mà áp chế. Như bọn Lý-Tồn, Lương-Thạc đời Tấn, bọn Dương-Thanh, Lý-Mạnh-Tu, Mai-Thúc-Loan và Vương-Triều-Thăng đời Đường, chẳng hạn... Ngoài ra duy có hai đời họ Lý, có lẽ là vì nhà Lương nhà Trần bèn Trung-Quốc đương buổi thiên an, và chẳng Giang-Tả cũng đương nhiều việc, không gấp tới việc Giao-Chỉ, cho nên mới có thể giữ nước xưng vua tới 5, 6 mươi năm dằng dẳng. Vì bằng lại gặp chính đương những khi Hán hay Đường toàn thịnh, phỏng khi nào họ chịu bỏ vất những nơi đã chiếm được, không màng những lễ cống hiến đã có từ lâu, mà để cho đứng riêng thành một đại-quốc ở chốn miền Nam ?

VĂN-HÓA — SỐ 63

925/67

Vì những lý do như thế, cho nên mấy phen nổi lên chìm xuống, rút cục họ vẫn cho là phản nghịch, đến nỗi đánh cúi đầu làm dân quận huyện, chốc là hơn một ngàn năm, đó cũng là thời thế xui ra như vậy. Hoàng chi lòng trời chưa muốn bình trị, nếu đem đổ tội cho người, sao cho xứng đáng !!!

oO

CHƯƠNG THỨ 8

Bèn sai Dân-bộ, biên vào chính thư. Nhà vua phán rằng: « Quốc đồ từ trước tới nay, tên hiệu thay đổi, cùng non sông khí hậu sẵn vật; tiên sinh nên trả bày ghi rõ, vì trăm thuật hết những điều được thấy và được nghe. » (Dân-hộ tức là Hộ-bộ. Chính thư là tập sách biên chép chính trị lúc bấy giờ).

Trời bèn nói rõ lên rằng: — Vua Kinh-Dương-Vương 涇陽王 dựng nước gọi là Xích-Quỷ 赤鬼 và vua Hùng-Vương 雄王 gọi là Văn-Lang 文郎, đều đóng đô ở Phong-Châu 峯州. Đời Thục 蜀 gọi là Âu-Lạc 夔絡, đóng đô ở Phong-Khê 封溪. Đời Triệu 趙 (2) gọi là Nam-Việt 南越 đóng đô ở Phiên-Ngung 番禺. Đời vua Trưng 徵 (3) vẫn gọi là Hùng-Lạc 雄雒, đóng đô ở My-Linh 雒冷 (Chữ âm彌 (mà)). Theo sách Thiên-Hán Địa-lý Chí nói: Giao-Chỉ đóng đô ở Mê-Linh là nơi lị-sở của quan Huyện Đô-úy).

LỜI CHỮ-GIẢI

Phong-Châu tức là vùng Tam-Đới 三帶 thuộc Bạch-Hạc 白鶴 ngày nay.

Phong-Khê là Cổ-Loa 古螺 thuộc huyện Đông-Ngân 東岸 ngày nay.

Phiên-Ngung thuộc Châu Quảng-Đông 廣東 cách phía tây-nam chừng 30 dặm.

Mê-Linh thuộc huyện Phúc-Lộc 福祿 Hát-Môn 喝門 ngày nay.

BÀI BÀN CỦA ÔNG NHÂN-UYÊN HỌ LÊ

Trưng-Nương là một người con gái, một tiếng hô lên mà 56 thành thầy đều hưởng ứng, dựng nước xưng vương, dễ dàng như trở bàn tay.

- (1) — Thục là vua Thục An-Dương-Vương, húy là Phán (267 trước D.L.)
- (2) — Triệu Vũ-Đế húy là Triệu-Đà (208 trước D.L.)
- (3) — Trưng Nữ-Vương húy là Trưng-Trắc (40 sau D.L.)

926/68

VĂN-HÓA — SỔ 63

Mới biết hình thế nước Việt ta đây, có đủ tư cách rất hùng để lập cơ nghiệp đế-vương vậy.

BÀI BÀN CỦA ÔNG HY-TU HỌ NGUYỄN

Từ khi Bà Cù Thái-Hậu gây ra tai nạn, vua Hán Vũ-Đế nổi việc binh đao, 7 quận Lĩnh-Nam bị làm nô lệ người ngoài, bao nhiêu quan thú quan Lệnh tham tàn, dân không thể nào chịu nổi. Trưng-Vương lấy tư cách giông dõng thần minh, thừa lúc lòng dân oán giận, một cơn nổi phẫn, khuyến khích đồng cừ, nghĩa binh tới đâu, xa gần hưởng ứng, 56 thành một chốc thu về tay cả. Những dân đã lâu chịu đắng cay, chẳng khác thoát nơi cạm bẫy mà được trông thấy ánh sáng mặt trời. Kề cái khí khái anh hùng, thực quả hơn người biết mấy? Cho dầu bọn quân mới hợp, rút cục chẳng giữ được lâu, song cũng biết được đôi chút cái hận của quý thân dân chúng bấy nay.

Duy có một điều lấy làm đáng tiếc là: cái nghiệp phủ cường trong đời Thục-Việt lại lọt vào trong tay hai gã phụ-nhân; cái khi chìm đắm của cõi Thần-châu, lại xuit khỏi phục bởi một người nữ chúa; như thế há chẳng đáng là than tiếc lắm thay !!!

BÀI BÀN CỦA NGỌ-PHONG HỌ NGÔ

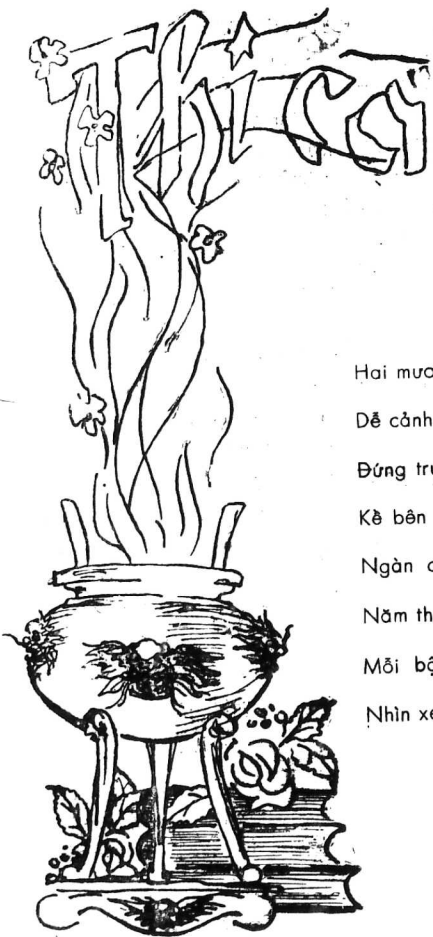
Ồi ! Giao-Chỉ, Cửu-Chân, Nhật-Nam đều là đất Thục, Thục không giữ được để mất về Triệu; Nam-Hải, Xương-Ngô, Quất-Lâm, Hợp-Phổ đều là đất Triệu, Triệu không giữ được mà mất về Hán. Bà Trưng chỉ là một người vợ góa trong bộ Giao-Chỉ, trong tay không có một tấc đất hay một người dân, thế mà chỉ vị cái thù của chồng, nổi quân vùng dậy, đến nỗi 6 quận hưởng theo, quan Thú, Quận hàng hơn 100 năm cai trị ở đây cũng đành bỏ tay ngồi nhịn, không hề ai dám ho he. Than ôi ! linh khí của đất trời lại không chung đúc vào bậc nam-nhi mà lại chung đúc vào một phụ-nhân như vậy. Giá khiến trời thương nước Việt thì suốt mạn Kinh-Dương trở về phía nam cũng đều nắm được, nửa riêng chi là miền Ngũ-Lĩnh mà thôi? Bởi vậy, nếu ta tiếc đất Ngũ-Lĩnh thì nên tiếc ngay sau khi họ Trưng bị diệt, mà không nên tiếc lại từ khi họ Triệu mất ngôi..

(Còn tiếp)

Á-NAM sưu-dịch

927/69

VĂN-HÓA — SỔ 63



NÚI NGŨ-BÌNH

Hai mươi thặng-cảnh chốn Thần-Kinh,
 Để cảnh nào hơn núi Ngũ-Bình ?
 Đứng trước Hoàng-cung ngăn gió táp,
 Kề bên Hương-thủy đón giăng thanh.
 Ngàn cây tùng cổ đã thua thớt,
 Năm thức mây lành cũng vắng tanh.
 Mỗi bận Cổ-đồ thăm viếng lại,
 Nhìn xem non nước xiết bao tình !

Đồng-Viên
 PHẠM-HUY-TOẠI

928/70

VĂN-HÓA — SỐ 63

BÁT-DẬ TỰ-THUẬT

Xem sách qua làn khói phải gương,
 Rượu trưa trà sớm khỏe như thường. .
 « Truyện Kiều » xuất-bản hơn ngàn quyển,
 « Lành Mạnh » huy-hoàng góp ít chương.
 Bạn tác khen đưa ông quốc-thước,
 Gia-đình chung sống cảnh an-trường.
 Tuổi nhiều từng trải con đầu bề,
 Thân-thể nằm trong cuộc hý-trường.

Di-Son UNG-DỰ (1)

HỌA-VẬN

« Cảnh vàng » nhật-nguyệt vẫn lồng gương,
 « Quắc-thước » như ai thực khác thường. .
 « Thượng-thọ » trời còn ban phúc-lộc,
 « Di-son » bút vẫn diềm văn-chương.
 Kể chơn Thúc-Giạ (1) thơ càng hứng,
 Dẫn truyện Kiều-Nương (2) nghĩa rất tường.
 « Lành Mạnh » giúp ai tìm đạo-Lý, (3)
 Tu-tâm xa lánh lợi-danh trường.

H.Q.

(1) Cụ Di-Son Ung-Dự là bảo-đệ cụ Thúc-Giạ Ung-Bình. Sau khi cụ Thúc-Giạ qui-án (4-4-61), thi-hữu trong Hương-Bình thi-xã đồng-thanh để-cờ Cụ Di-Son kẻ chơn Cụ Thúc-Giạ làm Hội-Chủ thi-đàn. Cụ Di-Son đã nhận lời:

(2) Cụ Di-Son là soạn-giả quyển « Kim-Vân-Kiều đại-toàn » do Cụ chú-thích, dẫn-giải và đính-chính rất công-phu và kỹ-lưỡng. Quyển này xuất-bản tại Huế năm 1960.

(3) Cụ Di-Son có góp phần biên-tập trong tạp-chí « Lành-Mạnh » xuất-bản tại Huế.

VĂN-HỌA — SỐ 63

929/71

BIẾT ĐỦ LÀ VUI

Biết đủ cho vui một cuộc đời,
Can chi cầu cạnh nữa lời thối...
Cơn nguy giúp nước tài chưa có,
Bướ lượn an thân phước đầy rồi.
Số phận đã may nhờ nét đất,
Đầu-thẳng thối chó có thum giời.
Kẻ vàng giặc mộng; Lu-Sinh đó,
Chuyện cũ còn đây hãy mở coi.

ĐẠM-NGUYỄN

CẨM-LINH DU HỮU-CẨM

Cẩm-Linh (1) bảo-vệ biết bao đầu,
Thành đá trời xây chót-vót cao.
Mây mịt tường che khi biển cò,
Một đường cửa mở lúc ra vào.
Nga-hoàng chiến-hạm mã nương đó,
Nhật-quốc hàng-binh để phủ đàn! (2)
Tạo-hóa vì ta gây dựng sẵn,
Ta nên gắng gỏi buổi dân-rào.

THÙY-THIỆN

(1) Cẩm-Linh tức Cam-Ranh là một hải-cảng đứng vào hàng thứ hai trong 4 hải-cảng thiên-nhiên của thế-giới. Vì là một nơi hiểm-trở, nên người Pháp trước kia lấy đây làm quân-cảng. Năm 1905, hồi Nhật-Nga chiến-tranh, chiến-hạm của Nga-hoàng không thể qua kênh Suez mà sang giao-chiến với Nhật được, vì nước Anh bây giờ là đồng-minh của Nhật, không cho qua. Nga đành phải đi đường Phi-Châu, rồi sau khi vòng qua mũi «Hảo-vọng» (cap de Bonne Espérance) mới kéo sang Viễn Đông để giao-tranh với Nhật. Khi qua bờ bẻ Việt-Nam, chiến-hạm của Nga-hoàng có ghé vào quân-cảng Cam-Ranh để nghỉ-ngơi và sửa soạn cuộc thủy-chiến.

Vì Nhật phản-kháng, Pháp tuy bây giờ là đồng-minh của Nga cũng không dám để chỗ chiến-hạm Nga đậu ở Cam-Ranh nữa. Bởi vậy, nên sau có trận thủy-chiến giữa Nga và Nhật ở Đồi-Mã thì chiến-hạm Nga bị nhật phá tan-tành.

(2) Đây có ý nói Cam-Ranh là một quân-cảng cực-bộ hiểm-yếu, đầu chiến-dã nương-náu ở trong thì-tàu chiến địch ở ngoài, dù mạnh đến đâu, cũng khó lòng mà phá được.

930/72

VĂN-HÓA — SỐ 63

SOI GƯƠNG

(Hạn vãn : gương)

Một mình đứng tựa trước đài gương,
Ánh rọi dung-quang thấy tỏ tường.
Khăn áo chưa phai màu cổ-kính,
Râu mày đã nhuộm nét phong-sương.
Tâm lòng ngay thẳng thân không lụy,
Muốn thuở trong ngời bụi chẳng vương.
Mặt đời mặt, sao cho chữ thiện,
Mỗi chung-tình, khăng-khít yêu-đương.

An-Đình
TRẦN-KINH

ANH THUYẾN CHÀI

Một chiếc thuyền con nhẹ nhẹ veo,
Đầu thuyền quen chỉ đứng cheo leo.
Buông tung giăng gió hai tay lưới,
Vùng vẫy non sông một mái chèo.
Bao quân xông pha cơn sóng gió,
Những mong quét sạch giống mè nheo.
Tắm thân ở nước lòng yêu nước,
Danh-lợi trên đường mặc kẻ theo.

Đông-Viên
PHẠM-HUY-TOẠI

VĂN-HÓA — SỐ 63

931/73

GẶP BẠN CŨ

Bước trần xuôi ngược đã bao lâu ?
Lần-lữa ai cầm lại gặp nhau.
Nhìn mặt băng-khuàng tình cố-cựu,
Cầm tay than-thở chuyện xưa sau.
Đầu xanh còn nhớ khi buông tóc,
Mặt đỏ ai ngờ đã nhuộm râu.
Thế-sự ngậm-ngùi thôi chớ nghĩ,
Gặp nhau ta tạm cất cơn sầu.

Á-NAM

KHỐC BẠN

(Trần-lưu-Dzur) từ-nạn tại Đa-Nhim

Hẹn nhau sao hết gặp nhau rồi! (1)
Tình-ngĩa sao mà có vậy thôi..
Tiên-cảnh ngao-du yên phận bác,
Trần-gian lưu-luyến một thân tôi.
Thanh-cao đề tiếng trên dòng nước, (2)
Liêm-khiết vang danh giữa chợ đời.
Hai ngã âm-dương đều lẻ bạn,
Mối tình chung-thủy chẳng pha-phôi.

19-6-1961

Trọng-ngĩa BỬU-DUỆ

(1) Ngày 30-4-61, nhân ngồi uống rượu với nhau ở Đa-lạt, anh Dzur có dặn tôi : « Tuần sau thì nào Bác cũng lên Quận, vì tôi rất cần gặp Bác ». Tôi không lên kịp thì ngày 15-5-61, nghe tin ông Quận Đôn-Dương (tức Trần-lưu-Dzur) biệt-tích.

(2) Dòng nước Đập Đa-Nhim (tỉnh Tuyên-Đức).

932/74

VĂN-HÓA — SỐ 63

THƠ MỪNG KHÔNG-ĐỨC-THÀNH

sáng tham hội Không-Học (Sài-gòn)

Chẳng ngại băng ngàn vượt biển sâu,
Nặng tình đồng-đạo; nghĩa đồng-châu.
Gặp ngày Thánh-dân thơ liền vận,
Mừng mặt Hiền-nhân rượu rúc bầu.
Hưng diệt đã không Tấn với Hán,
Dung hòa vui có Mỹ cùng Âu.
Hội thành giởng môi thêm bền vững,
Hân thuyết tam-vô hết nhiệm-mầu.

HY-NHAN

HỒ TỊNH-TÂM Ở HUẾ (năm 1953)

Tịnh-Tâm chiều xế đạo chân vô,
Cây đá cheo leo giữa cái hồ.
Bên lở dòng cần năm bảy cậu,
Cầu xiêu rào bước một vài cô.
Bồng-dinh gió cuốn chửa tu-bồ,
Thượng-uyển bìm doanh vắng diêm-tô.
Nước bi, bèo sen xen lẫn-lộn,
Chạnh lòng du-từ biết chùng mô!...

Hồ-Đình UNG OANH (1)

(1) Cụ Hồ-Đình Ung-Oanh sinh tại làng Võ-Dạ (Thừa-Thiên) ngày 13-5-1896 và mất tại Sài-gòn ngày 8-5-1960, hưởng-thọ 65 tuổi. Cụ là nội-tôn Ngài Tuy-Lý-Vương, đường-đệ cụ Thúc-Gia Ung-Bình, bào-huynh của cô-giáo-sư Ung-Quả, và là thân-sinh của nhà học-giá kiêm thi-sĩ Bửu-Cám (hiện nay là giảng-sư trường Đại-Học Văn-Khoa Sài-gòn). Lúc sinh-thời, cụ là một thi-sĩ nổi tiếng trong Hương-Bình thi-xã (Huế). Thơ đăng trên đây là trích trong thi-tập «Tor Lòng» của cụ (gồm có vài trăm bài thi-ca và sẽ cho xuất-bản nay mai).

VĂN-HÓA — SỐ 63

933/75

NAM-XƯƠNG THIẾU-PHỤ

Thu về liễu rủ sầu ai,
Nào lòng cho kẻ hôm mai đợi chờ.
Tiếng quyên dài-dặc xa đưa,
Nam-Xương thiếu-phụ ngàn-ngờ đợi chông.
Ngàn mây thăm thẳm bóng hồng,
Hỏi chính-phụ có thấu lòng nhớ thương?
Sắt cầm vừa bén duyên hương,
Những mong trọn nghĩa đá vàng phu-thê.
Nước nhà gặp buổi loạn-ly,
Tấm thân nam-tử nặng vì nước non,
Trắng thề dài mảnh lòng son,
Cảnh phân-ly ấy có buồn chẳng ai?
Chàng đi xa cách phương trời,
Đình-ninh thiệp vẫn giữ lời sắt son.
Hững-hờ gởi chiếc chân đơn,
Ba năm đặng-đặng nuôi con đợi chông.
Tháng ngày gạo chợ nước sông,
Tảo-tần buôn bán một lòng thẳng ngay.
Sớm hôm mưa nắng dạn-dầy,
Môi son lạt thắm, tóc mây kém huyền.
Nhớ-nhung bao xiết nỗi phiền,
Bên sông đối bóng ngọn đèn hắt-hiu,
Trẻ thơ nay đã đủ điều,
Mỗi khi thấy mẹ ra chiều ử-ê,
Lại gần bên mẹ tỉ-tê,
« Cha đâu sao chẳng thấy về nhà ta? »
Nhìn con giọt lệ chan hòa,
Nghĩ càng thêm nỗi xót-xa đoạn-trường.
Canh tàn trắng lạt mờ sương,
Bâng-khuâng chiếc bóng in tường lè-loi.
« Con ơi ! cha đã về rồi »,
Ngây thơ con trẻ nghe lời biết chi !...
Đêm đêm cùng bóng vuốt-ve,
Nâng-niu ôm-ấp gần kề đã quen.

(Còn tiếp)

HỒNG-THIÊN nữ-sĩ

934/76

VĂN-HÓA — SỞ 63

HỘI-NGỘ

Cùng nhau họp mặt tại nơi đây,
Ta chén tha-hồ, chén thật say.
Ly rượu hàn-huyên mừng gặp bạn,
Câu thơ chúc-tụng kính dâng thầy.
Tuổi xanh, kỷ-niệm còn ghi nhớ,
Tóc bạc, tâm-tình chẳng đổi thay.
Mong cuộc tương-phùng nơi cố-quận,
Ta còn đối-đàm, chuyện còn hay !...

TRƯƠNG-HUYỀN

NHỚ ĐÊM TAO-NGỘ

(Gửi cụ Tịnh-Chi)

Danh vang giáo-giới tự lâu rồi,
Ngẫu-nhĩ hôm nay được thấy người.
Đắt khách xuân còn xanh lá liễu,
Nhà vẫn tóc đã trắng hoa mai.
Không đi đâu biết tình mây nước?
Dễ cảm nhau là bạn tiếng hơi !
Nhớ mái Lan-đình đêm hạ-thọ (1)
Duyên thơ như có hẹn-hò ai ... !

ĐÔNG-XUYỀN

(1) Đêm mừng 9 tháng 2 năm Tân-Sửu, mừng khánh-thọ bát-tuần Cụ Đông-Viên tại Ngọc-Lan-đình (Chợ-Lớn).

ĐÍNH-CHÍNH. — Trong V.H.N.S. số 61, về bài thơ « Đêm tháng ba » cũng của thi-sĩ Đông-Xuyền, xin đính-chính lại câu luận (câu thứ 5) như sau :

« Muốn gửi hồn thơ vào mộng đẹp ».

VĂN-HÓA — SỞ 63

935/77

MỘT MÀU XANH

(Trên núi Bạch-Mã tại Huế)

Tặng Tùng, Tuyền, Liên (Huế)

Một dải nước non xanh,
Dưới nền trời trong xanh.
Ngàn cây xanh bát-ngát,
Một màu xanh tràn-ngập cả rừng xanh !
Đứng trên tầng cao xanh,
Nhìn mặt biển xanh xanh,
Núi đồi xanh thăm thẳm...
Một màu xanh lộng-lẫy giữa trời xanh !...
Nước mặt hồ xanh biếc,
Sắc nước suối trong xanh.
Nắng chiếu, xanh biếc-biệt...
Tà áo xanh tha-thiết quần rừng xanh !...
Hỡi ai lên thác xuống ghềnh,
Cho em nhắn gửi chút tình nhớ thương !

TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG

936/78

VĂN-HÓA — SỐ 63

CHIỀU HỒM NHỚ QUÊ

Chuong chùa vắng vắng tiếng ngân-ngoa,
Gió thổi mây trôi bóng ác tà.
Về tổ chim ngàn bay tới.tấp,
Bên sông lữ-khách nhớ quê nhà.

Đông-Viên
PHẠM-HUY-TOẠI

ĐỌC TẬP «THUYỀN THƠ» (1) CẢM-ĐỀ

Thuyền ai xa bên sông Hồng,
Mượn nàng Thơ chở xuống Đông lên Đoài.
Nhẹ nhàng chèo lái hôm mai,
Thao.Giang rỡ sóng, Đông.Nai lướt dòng.
Theo ai, mây tỏa trắng lông,
Bắc Nam vui cảnh bẽnh.bồng có nhau.
Giang.hồ hẹn với «Cao Sâu»,
«Thuyền Thơ» vui đón bạn bầu bốn phương.
Trong khoang ngào.ngạt muôn hương,
Tình Thơ còn đậm, bạn đường còn say...
Nước non ai hỏi có hay ?
Hoa thơm cỏ lạ còn đây «Thuyền Thơ»..

HOÀI-QUANG

(1) Tập «Thuyền Thơ» là thi-phẩm của bạn Đông-Xuyên Nguyễn-Gia-Tru (quê ở làng Đông-Ngạc, tỉnh Hà-Đông, Bắc-Việt).

VĂN-HÓA — SỐ 63

937/79

CẨM - HOÀI

Nguyên-tác bằng Hán-văn của
Đặng-Dung (danh-tướng đời Hậu-Trần)
đã đăng trong Văn-Hóa Nguyệt-san số 60 (trang 447).

· DỊCH-NGHĨA

I

Tuổi sớm già, đời lại rối bời,
Say trông trời đất hát khôn người.
Duyên may đờ-điếu nên công đó,
Vận rủi anh-hùng nuốt hận thôi!
Phò chúa rập tâm nâng trái đất,
Rửa đao hết lối kéo sông trời.
Quốc-thù chưa trả, đầu mau bạc,
Mãi kiếm trăng soi mấy độ rồi !...

II

Rồi bời thế-sự, tài thân già,
Trời đất ngùi trông, nhấp chén ca.
Đổ-điều gặp thời, công hiển-hách,
Anh-hùng lỡ vận, hận bốn-ba.
Toan xoay trục đất phò vua thánh,
Khôn kéo sông trời rửa giáp ta.
Thù nước chưa xong, đầu vội bạc,
Bao lần mài kiếm ánh trăng tà !..

NGỌC-LÝ

VĂN-HÓA — SỐ 63

938/80

KHÓC CHA

Âm dương xa cách kể từ nay,
Cha ở phương nào, con ở đây ? (1)
Một phút chia ly, sáu vạn kỷ,
Đôi hàng lụy đỏ, thắm càng cay !

Cha với con như bóng với hình,
Vui già tóc bạc, trẻ mày xanh.
Mền đời Lý Đổ, say ngắm vịnh,
Ưa thú thanh-nhàn, cảnh đẹp xinh.

Mà nay cha với bỏ đi đâu ?
Nỡ để mình con dạ héo sầu !
Một bóng, một hình, con lủi-thủi,
Ra vào ngo-ngân suốt canh thâu !...

Nhớ buổi chiều kia mới dặn-dò :
« Bệnh cha, con chớ có buồn lo.
« Chỉ cần ngắm vịnh, nghe ca hát,
« Ăn uống không cần, cũng cứ no. »

Đền lúc lâm chung, cha vẫn cười,
Mây sương, rầu tuyết lại càng tươi.
Nhìn cha, con ngỡ còn say ngủ,
Sức nhớ, ôi thôi ! bỗng rụng-rời !...

Hôn cha, già biệt, lệ tuôn trào...
Càng nghĩ, càng thêm nỗi ngán-ngao !
Có có, không không, không lại có,
Cuộc đời như một giấc chiêm-bao !...

Một đóa hoa lòng, một nén hương,
Khóc cha với ít vận thơ Đường.
Chan hòa nét mực theo dòng lệ,
Lão-thảo đôi hàng chứa trọn chương...

Vỹ-Dạ (Huế) đêm 5-4-1961
TÔN-NỮ HỖ-KHUƠNG

(1) Tác-giả bài thơ này là ái-nữ Cụ Ứng-Bình Thúc-Giạ (Cụ tạ-thế tại Huế đêm ngày 4-4-1961, hưởng-thọ 85 tuổi).

VĂN-HÓA — SỐ 63

939/81

KỶ-NIỆM TRĂM NGÀY

Thân-Phụ (Thúc-Giạ-Thị) cảm-tác (1)
(12-7-1961)

MƯỜU

Chạnh lòng nhớ chữ « Tam-Xuân »,
Biết đem tác cớ đến ân thù nào?... (2)
Nhớ Cha cưỡi hạc tiêu dao,
Ngậm-ngùi nuốt hận Trời cao thấu lòng !...

NÓI

« Tử dục dưỡng nhi thân bất đãi » (3)

Nhớ lời xưa khắc-khoái chạnh lòng con...
Đứng trăm ngày, dạ lại héo-hon,
Cha vắng bóng mà Anh-hồn nhường phảng-phất...

Đạo-lý Cha khuyên, bền dạ sắt,
Cương-thường Mẹ dạy, vẹn thân trai.

Vẫn ghi câu : « Trọng-ngĩa khinh tài »,
Nhờ gương trước sáng ngời nêu mãi đó !
Nợ tình-ngĩa, con lo tròn, đầu ngai khó,
Sống bên trời, sương gió có nề chi !
Hương lòng khói quỳên đề thi...

12-7-1961

Trọng-Nghĩa BỬU-DUỆ

(1) Ô. Bửu-Duyệt là thứ-nam Cự Ứng-Bình Thúc-Giạ (Cụ mất đêm ngày 4-4-61 và lễ bách-nhật nhằm vào hôm 12-7-61).

(2) Rút ở câu thơ cò của Mạnh-Giạo : « Dục tương thốn thảo-tâm, Báo đáp tam xuân-huy », nghĩa là : « Muốn đem tác lòng cò để đền-đáp ánh sáng của ba tháng xuân ».

(3) Rút ở câu cò-ngữ : « Thụ dục tính nhi phong bất đình, Tử dục dưỡng nhi thân bất đãi », nghĩa là : « Cây muốn lặng mà gió chẳng chịu ngừng, Con muốn nuôi mà cha mẹ chẳng kịp đợi ».



THI-BÁ ĐẤT THẦN-KINH

Ứng-Bình Thúc-Giạ-Thị

(1877 - 1961)

(Tiếp theo V.H.N.S. số 62)

B — THÂN-THỂ VÀ HÀNH-TRẠNG THỨC-GIẠ-THỊ

Xem lại những thi-ca hợp-tuyên in trong mấy tác-phẩm kể trên, ta còn nhận thấy Thúc-Giạ Lão-Tiên-sinh thật chan-chứa cảm-tình đối với thiên-nhiên cảnh-vật, đối với cò kim danh-nhân cùng đối với nam nữ thi-hữu gần xa đã từng sẻ ngọt chia bùi, hoặc đã từng vì tình thanh-khí xướng họa cùng Tiên-sinh. Đối với Cổ-đô Huế (tức xưa gọi là Phú-Xuân-Kinh), Tiên-sinh đã cảm-vịnh như sau :

Trông ra mặt biển Thái-Bình-Dương,
Cảnh Phú-Xuân Kinh đẹp khác thường :
Năm về sáng ngời mây núi Ngự,
Một màu trong vắt nước sông Hương,
Hoa cù liễu-mạch doanh cung cầm,
Từ-quán ca lâu khắp thị trường.
Nhưng cửa Ngọ-Môn là Đê-khuyết.
Chòm râu đã bẹ vết tang thương.

(Nam Mậu-Tuất — 1958)

Khi dạo chơi xem khắp đó đây trong thành Phú-Xuân, Tiên-sinh cũng đã cảm-tác một bài thơ khác sau đây :

Vào cửa Đông-Ba lúc chợ trưa,
Đi quanh một đôi ngẫm bưà vờ.
Trên lầu Ngũ-Phụng, chim reo gió,
Trong điện Bồng-Doanh, thỏ núp mưa,
Đến sở Tam-tòa thăm bạn mới,
Qua đường Lục-bộ nhớ quan xưa.
Gặp bà cung-nữ « xoan trăm tuổi »,
Câu chuyện tiền-triều nói dễ ưa...

(Năm Nhâm-Thìn — 1952)

Du-ngoạn nơi sông Hương núi Ngự là hai thắng-cảnh đất Phú-xuân, Tiên-sinh không khỏi xúc-động can-trường mà ngâm-vịnh như sau :

SÔNG HƯƠNG

Một giải trong ngân gó dễ ưa,
Sang sông chạnh nhớ cảnh ngày xưa :
Trái bơi Cồn Hến già khen mãi (1),
Giá ngự Thuyền Rồng trẻ thấy chưa (2) ?
Sáu nhịp vòng cung cầu đã bắc (3),

(1) Giữa sông Hương, có cái Cồn gọi là Cồn Hến, vì dân ở đó ngày trước đều lấy nghề cào hến trên sông Hương làm kế sinh-nhai. Cồn Trái bơi là thứ thuyền ngồi mà bơi. Vài ba mươi năm trước đây, khi còn nhiều hến giữa sông Hương, thường năm về mùa hè, dân trên Cồn vẫn có lệ đưa trái bơi, gọi là rước Hến, nghĩa là cầu cho được nhiều Hến ; mỗi lần đưa trái bơi, có rất nhiều trái bơi các làng khác tham-dự, song bao giờ trái Cồn Hến cũng giệt giải nhất.

(2) Thuyền Rồng là thuyền trước mũi có đầu Rồng, tức là thuyền của vua ngự (có từ triều Gia-Long đến hết triều vua Tự-Đức mới không thấy nữa).

(3) Cầu sáu nhịp trước gọi là cầu « Clémenceau », tục gọi là cầu Trường Tiền, vì ở đó xưa có bến đò Trường Tiền và có Trường Đức Tiên ; ngày nay gọi là cầu Nguyễn-Hoàng.

942/84

VĂN-HÓA — SỞ 63

Trăm năm bên cũ dẫu còn lưu (1),
Biết bao giọt lệ trôi dòng nước (2),
Tan hiệp đây là chỗ đón đưa...

(Năm Kỷ-Hợi — 1959)

NÚI NGỰ-BÌNH

Một bức bình-phong giữa Đê-Kinh,
Vẻ thanh cao đó gọi non Bình.
Quý thần xây đắp cơ thiên-tạo,
Hoa cỏ tươi cười dấu địa-linh.
Tiếng nhạc cảnh đờng reo thánh-thốt,
Cung đàn rạch suối chảy rung-rinh.
Đây đây gọi thú chơi trùng-cửu (3),
Nhớ chuyện năm xưa cảnh thái-bình.

(Năm Kỷ-Hợi — 1959)

Đối với hồ Tịnh-Tâm, nổi tiếng trong 20 thắng-cảnh Thần-Kinh, Tiên-sinh thường năng lui tới thường-ngoạn, nên cũng cảm-đề mấy bài thơ (theo thể đường-luật và ca-trù) :

(1) Bến cũ tức chỉ bến đò Trường Tiền nói trên.

(2) Trên sông Hương, có hai thứ thuyền gọi là đò dọc với tròng ngao để đón đưa rất nhiều du-khách qua sông.

(3) Nhân tiết Trùng-Cửu (mùng 9 tháng 9 âm-lịch), tao-nhân mặc-khách chốn Thần-Kinh thường hay lên du-ngoạn trên núi Ngự-Bình. Chính Tiên-sinh cũng ưa thú « Trùng-Cửu dâng cao » này lắm và đã làm nhiều thơ cảm-vịnh, xin trích-lục một bài sau đây :

Đà im trận gió, xôn cơn mưa,
Nhẹ bước lên cao mấy cũng vờ.
Núi Ngự rêu phong tầng tháp cổ,
Non Thai khét lợp cảnh chùa xưa.
Khóm lau cụm lách hoa còn nở ;
Cội bá cây tùng bóng đã sưa. (A)
Tìm tổ liệng quanh không thấy tổ,
Tiếng chim xào-xạc dễ buồn chưa !

(Năm Mậu-Tuất — 1948)

(A) Bóng đã sưa, vì thông trên núi Ngự và Nam-giao đã bị đốn trụ.

VĂN-HÓA — SỞ 63

943/85

ĐẠO CHƠI HỒ TỊNH-TÂM

I

(Làm theo thể Đường-luật)

Lòng theo mặt nước cũng vui vui,
Hồ Tịnh-Tâm đây lão đến chơi.
Bèo hiệp với tan chi xiết nỗi,
Sen tàn lại nở ấy là nơi.
Tiếng chim tìm bạn kêu quanh núi,
Tâm cá tha mồi dợn giữa khơi.
Ngư-Phủ đi đâu, tiêu nở cỏ,
Có tránh sơn-thủy điện Bồng-Lai.

II

(Làm theo thể ca-trù)

Tịnh-Tâm hồ danh-thắng,
Giữa thành Xuân xây dựng đã từ xưa.
Một trăm năm kể lại có thừa,
Bồng-doanh điện hãy còn lưa nét chơ (1).

Vì tiểu phân lai hồng-trụ nữ (2),
Lãng-ngâm thiêm cá bạch-đầu nhân (3).

Kìa rêu xanh cỏ lục nhuộm màu xuân,
Cây cỏ-thụ cũng mừng thêm một tuổi.
Gành Châu-Đảo (3) tiếng con chim học nói,
Giải bích-câu con cá lội mà thương,
Lạnh nồng trái báy tinh-sương..

(Tháng 2 Nam Kỳ-Mảo — 1939)

(1) Trong hồ Tịnh-Tâm, có điện Bồng-Doanh và giữa hồ có treo 1 tấm biển đề ba chữ lớn : « Bồng-Doanh điện » với hàng chữ nhỏ đề niên-hiệu « Minh-Mệnh cửu niên chính-nguyệt cát nhật tạo ». Kể từ năm đó tới năm nay, tính được hơn 1 trăm năm.

(2) Khi Tiên-sinh vào du-ngoạn nơi đây, chợt thấy một đoàn thiếu-nữ độ năm sáu người, ăn mặc áo màu hồng-rực-rỡ, dạo trên hồ xem hoa sen vừa nở, trông rất đẹp mắt.

(3) Bạch-đầu nhân chỉ vào Tiên-Sinh, đầu tóc đã bạc phơ.

(3) Châu Đảo là tên một hòn giả-sơn ở giữa hồ Tịnh-Tâm, về phía tây điện Bồng-Doanh, còn Bích-Câu là ngòi nước liếc.

Còn một nơi nữa mà Tiên-sinh cũng thích lui tới luôn đề thường cảnh trắng nước gió mây cho nhẹ nỗi u-hoài : Đó là cảnh nhà mát Trạc-Anh Đình dựng trên sông Hương, phía đông dựa về miền Vỹ-Dạ, phía tây trông về Cồn Hến. Tiên-sinh cũng có đề-vịnh một bài như sau :

Hương-giang giang-thượng,

Trạc-Anh đình hưởng lượng tiếng ngư-ca,

Trên trời dưới nước giữa ta,

Trong vũ-trụ rẽ ba phần thế-giới.

Trăng gió tròn ngao (2) xoay mũi lại,

Cỏ cây còn Hến ngảnh đầu qua.

Khi xem đờ thủy-mặc, khi lắng khúc Tỳ-Bà,

Ly-phụ có, Mê-gia-thuyền cũng có,

Cuộc đấu bèo với đày kim cồ,

Khách với mình thôi nở nói làm chi.

Này này, chén rượu câu thi..

(Năm Bính-Tý — 1936)

Ngoài ra, Tiên-sinh còn thường cùng thi-hữu đi du-ngoạn các thắng-cảnh khác ở ngoài Huế, như động Huyền-Không ở Quảng-Nam, núi Kim-Sen và động Phong-Nha ở Quảng-Bình, Hồ-Tây ở Hà-Nội v.v... và gót chân lưu ở đâu cũng có thơ cảm-vịnh để lại, lắm bài ý-tứ rất tân-kỳ siêu-thoát :

Đầu bia trắng rọi còn in chữ,

Cửa động mây cài chằng khác then.

(Đi chơi núi Kim-Sen — 1924)

E động Thiên.Thai cũng chôn này,

E chàng Lưu, Nguyễn có vô đây.

Lạc đường ta khỏi như ai trước,

Không gặp tiên là rụi hóa mây.

(Đi chơi Động Phong-Nha — 1936)

Riêng đối với tư-thất ở thôn Vỹ-Dạ gọi là Lộc-Minh-Đình, nơi Tiên-sinh từng dưỡng-nhàn khi về trí-sĩ, Tiên-sinh tỏ lòng quyến-luyến vô cùng, coi như một người bạn tri-giao đã trước sau tận-tình giúp đỡ Tiên-sinh giải

được nhiều điều trần-luy khó khăn. Vì thế, Tiên-sinh đã làm riêng một bài thơ cảm-vịnh như sau, theo điệu ngũ-ngôn cô-thê, để tạ lòng tri-kỷ :

Đã mười mấy năm trôi,
Về hưu ở với người.
Nhờ người chỗ thờ tự,
Nhờ người chỗ nghĩ-ngợi.
Nhờ người mới mạnh khỏe,
Nhờ người mới thánh-thời.
Vợ đau nằm có chỗ,
Con học ngồi có nơi.
Khi lảng giềng qua lại,
Khi bạn-hữu tới lui.
Khi chén rượu đầy vơi.
Tiếng oanh chào trước ngõ,
Cụm hoa nở ngoài cơi.
Yên Tạ hươu Tấn sau nở biết,
Cảm ơn người, phải vịnh đôi lời.

(Năm Nhâm-Ngọ — 1943)

oOo

Đối với cờ-kim danh-nhân trong lịch-sử Việt-Nam, Tiên-sinh cùng tỏ lòng tôn-kính và thường đặt những câu hò hoặc thi-ca để tỏ lòng sùng-bái, tán-thán hoặc tri-ân như sau :

Vịnh Hậu-Quân Võ-Tánh

Thương hại sinh-linh, phải liễu mình một thác,
Tro lâu Bát-giác, có bia tạc có thanh-giản lưu-truyền.
Trông lên hồn tháp Cánh Tiên (1),
Nhớ ơn Quan Hậu (2) thủ thiêng (3) ba năm.

(1) Tháp Cánh Tiên dựng trên đỉnh núi (thuộc huyện Phú-Mỹ, tỉnh Bình-Định), hiện có đền thờ Bà Nữ-Thần Thiên-Y A-Na. Mộ-phần Võ-Tánh xây ở gần tháp Cánh Tiên, chính ở lâu Bát-Giác là nơi ông đã tự thiêu mà tử-tiết (ngày 27 tháng 5 năm Tân-Dậu, tức ngày 7-7-1801).

(2) Quan Hậu : Hậu-quân Võ-Tánh.

(3) Thủ-thiêng : thủ-thành.

946/88

VĂN-HÓA — SỐ 63

Vịnh Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt

Trăm trận gian-nan, là trang danh-tướng,
Trung-can nghĩa-khí, là vị danh-hiền.
Hương-hoa lễ bạc đừng quên,
Đi ngang Gia-Định viếng đền (quan) Tả-Quân.

Vịnh Tổng-Trấn Phan-Thanh-Giản

Trọng-trấn Nam-Kỳ, gặp thì nguy-biến,
Trung-can kính-tiết, thành diệt thân vong.
Chức Kinh-Lược chẳng siêu lòng (1),
Cụ Phan-Thanh-Giảng là ông tôi hiền.

Vịnh Văn-Hào Trương-Vinh-Kỷ

Đạo-đức văn-chương, là ông Trương-Vinh-Kỷ,
Có tâm-thơ, có báo-chí, có tự-vị rõ ràng.
Thanh-danh rạng rỡ doanh-hoàn,
Học xưa biết trước, chỉ đàng cho hậu-sanh.

Vịnh Thi-hào Tôn-Thọ-Tường

Nhà ngọc phun châu, có nhiều câu kiệt-tác,
Hào-đoan lối-lạc, có nhiều đoạn danh-ngôn.
Một tay thi-si tiếng đồn,
Cuối đời vua Tự-Đức là ông Tôn-Thọ-Tường.

Kính-điều mộ Cụ Nguyễn-Du

Áo xiêm triều Nguyễn lúc khai-ky,
Chạnh nỗi Lê-vong đã thề thì !
Sóng vỗ sông Lam mời Ngũ-Tử, (1)

(1) Theo dã-sử, khi thành Gia-Định bị hãm, tướng Pháp vào thăm Cụ Phan và xin Cụ nhận chức Kinh-lược Nam-Kỳ. Cụ cười mà không trả lời, và sau khi tướng Pháp lui về thời Cụ tử-tiết.

(2) Sông-Lam là Lam-giang — Mời Ngũ-Tử là nhắc đến « Ngũ-Tử-Tư trào », nghĩa là ngọn sóng (mời) của Ngũ-Tử-Tư, tức hồn thiêng ông Ngũ-Tử-Tư.

VĂN-HÓA — SỐ 63

947/89

Mây dâng ngàn Hồng hạc Đĩnh-Uy (1)
Bề dẫu một cuộc đời không mây,
Hương lửa ba sinh bạn thiếu gì.
Hồn cụ có thiêng e cũng biết,
Văn chương quốc ngữ chuyện đời ni !...

Đối với các nhân-vật sống đồng-thời với Tiên-sinh, hoặc là bạn đồng-liêu hoặc là bạn thi-tử, Tiên-sinh thường làm thơ xướng-họa rất nhiều hoặc vì thù-tạc xã-giao, hoặc vì khờ-hững vui chơi, song có lẽ những bài do Tiên-sinh hoặc vì ngẫu-cảm ngẫu-hứng mà làm, hoặc gặp bạn đồng-thanh mà ngâm vịnh, mới chính là những bài có nhiều câu tuyệt-diệu, nhẹ-nhàng mà sâu-sắc, điều-luyện mà hồn-nhiên :

Son phần vẫn nhờ nơi chú thợ,
Cán-trường đã gửi với người thương.
(Bức tranh Mỹ-Nhân — 1918)

Bè hoa núi Ngự gây mùi nhớ,
Rừ nước sông Hương dọn sóng tình.
(Họa thơ năm mới — 1922)

Cuộc cờ tính mãi nên long óc,
Tóc bạc thêm hoài lưỡng hễ người.
Đồn nợ bút nghiên vay phải trả,
Đượm hơi son phấn ử rồi tươi.
(50 tuổi tự-thuật — 1926)

Trăm giận nghìn thương câu cảm-tác,
Một say mười tỉnh chén tha-hương.
(Tiết Trưng-Dương — 1927)

Giời phần văn-minh, em rử chi,
Ra trường khiêu-vũ, bở thua con.
(Ngày Tết năm Bính-Tý — 1937)

(1) Ngàn-Hồng là Hồng-sơn.— Mộ Cụ Nguyễn-Du an-táng ở làng Tiên-Điền (tỉnh Hà-Tĩnh) ở phía bắc chân núi Hồng-sơn, giáp bờ sông Lam-giang về phía Nam.— Hạc Đĩnh-Uy : Nhắc chuyện Đĩnh-Lệnh-Uy hóa hạc về đậu trên trụ-biêu mà xem thành-quách nhân-dân.

948/90

VĂN-HÓA — SỔ 63

Cái thân phù-thế còn vương nợ,
Mái tóc vô-tình lại trở hoa.
(Đề tám ảnh của mình — 1937)

Úp voi đánh nổi khôn nghiêng thúng,
Đợi thỏ sao còn muốn núp cây.
Tưởng đến con ong hờn trận gió,
Trông lên bóng nguyệt giận chòm mây.
(Họa thơ bạn — 1937)

Trăm năm tính gượng vừa trăm tuổi,
Một tuổi đồn thêm bớt một năm.
Bữa lười làm chi thân cái nhện,
Se tơ rứa mãi ruột con tằm.
(Ngày Tết của đời người — 1938)

Quạ không ai bẫy vì đen cánh,
Voi có người săn bởi trắng ngà.
Ôm ngọc phải cam phiền với ngọc,
Yêu hoa sao khỏi lụy dưỡng hoa.
(Ngẫu-ngâm — 1939)

Tao-dân sẵn bạn trau ngòi bút,
Chủ-soái trông ai dựng lá cờ.
Chừa món đình-chung cho khỏe dạ,
Thi tiên rượu thánh chẳng nên chừa.
(Họa thơ bạn về hưu — 1939)

Đống tro binh-hoả chưa vùi lại,
Hàng lệ tang-thương đã chứa đầy.
Rộng hẹp giành chi nhau quả đất,
Non sông đó của thợ trời xây.
(Họa vãn « Thương cuộc đời » — 1940)

Rền-rập sóng sau xô sóng trước,
Nghênh-ngang thuyền nhỏ lẫn thuyền to.
Nước trong ra đục chìm tầm cá,
Rượu cạn thành sâu ngóng cò cò.
(Cảnh nước lụt sông Hương — 1941)

VĂN-HÓA — SỔ 63

949/91



**THÚC-GIÀ-THỊ
HẠ-BÚT ĐỂ THƠ**

*Nghiên bút ham vui trời Cổ-Việt,
Can-qua biếng hỏi cuộc Hoàn-đoanh.*

Năm Nhâm-Ngọ (1942)

*Tang.hồ nợ trẻ đương hăng bước,
Nghiên bút nghề già dầm rãnh tay.
Khuya sớm trau giồi gương dạ-sứ,
Đề xem ông Tạo máy vẫn xoay.*

Năm Canh-Dần (1950)

*Son phần trò hề năng kể lại,
Bút nghiên nghề mọn vẫn khoe chơi.
Cứ ngắm-nga mãi quên đầu bạc,
Quên cuộc tang-thương trái mấy đời.*

Năm Mậu-Tuất (1958)

VĂN-HÓA — SỐ 63

950/92

Có khi Tiên-sinh còn mượn câu chuyện chim muông hoa cỏ trắng nước đề
miêu-tả nhân-tình thế-thái éo-le mai-mĩa như thế nào :

Ông Bướm hỏi chuyện nhau

1 — Ông hỏi :

*Cũng ưa nếm nhụy cũng tìm hương,
Lui tới hoa-viên cũng một phường.
Nhưng bạn áo xiêm màu rực-rỡ,
Ai trông thấy bạn cũng đành thương.*

2 — Bướm trả lời :

*Áo xiêm rực-rỡ ích gì đâu !
Họ mến mà khinh, tôi cũng rầu...
Ước được như chàng thân chiến-sĩ (1),
Thước gươm thiên-tạo quỳ đàng sau (2).*

Chim khóc tổ

*Con sáo trên cành giọng ní-non,
Sau cơn gió bão trận mưa đờn.
Liệng quanh cái tổ tan-tành đó,
Là tổ thương-tâm mẹ vắng con (3)*

Bông hoa hải-đường

*Biết mình đây đã có quân-vương,
Giấc ngủ Dương-Phi đẹp khác thường.
Rửa cũng vui trong vòng hiệu-kiếp,
Màng chi trở phần lại thêm hương.*

Trăng rằm tháng tám

*... Cuộc đời dâu bể năng thay mới,
Bóng nguyệt xưa nay chẳng khác thường.
Say tỉnh nổi kê trong giấc mộng,
Sang giấu mây nổi thầy mà thương !*

(1) và (2) *Chiến-sĩ-thân* và *Chiến-sĩ kiếm* là hai điển-tích đề chỉ tên con ong có ngòi, có nọc.

(3) Bài này làm vào đầu năm 1929, ngụ-ý thương-xót cho dân đã chịu nhiều cảnh sâu-thảm điêu-linh sau cuộc biêu-tình của dân nổi lên ở Hà-Tĩnh.

VĂN-HÓA — SỐ 63

951/93

Dạo chơi trong vườn

Sơn gió sưa mưa buổi tạnh trời,
Dạo chơi vườn cũ ngắm thu chơi.
Mây xanh dương-liễu to tan tác,
Má thắm phù-dung lụy nhỏ rơi,
Xây tổ bầy ong đương rú bạn,
Liêng vành con bướm vẫn trêu người.
Tình này cảnh ấy khi hieu-quanh,
Khóit lửa xa xa nhớ cuộc đời.

(Tháng 8 năm Tân-Tị — 1941)

Bầy chim cộc ở công-viên (1)

1 — Cả bầy chim cộc xúm đến cây,
Không đậu non xanh, đậu chốn này.
Ở phải, chim khôn, chim khéo lựa,
Thạo nghề săn bắn, chẳng về đây.
(Đinh-Sửu — 1937)

2 — Năm trước tôi qua lại ngõ này,
Thấy đoàn chim cộc nhìn nhau đây.
Độ này chim bỏ đi đâu vắng,
Đề lại bờ sông mấy gốc cây!
(Năm Quý-Mùi — 1943)

Mỗi lần đồng hết xuân sang, hè qua thu tới, là mỗi lần dào-dạt bao nguồn cảm-hứng trong lòng thi-nhân, nên Tiên-sinh gặp những kỳ giai-tiết đó, hay làm nhiều giai-tác gọi cảm vô cùng :

Hỏi Chúa Xuân

— Gặp xuân chào hỏi chúa Xuân ta,
Hỏi có thương không bạn tuổi già?
Chúa gọi rằng thương không tính tuổi,
Thương nhau chỉ vị cái tài-ba.

(1) Công-viên này ở trước Tòa Khâm-sứ, gần mé cầu Trường-Tiền (Huê).

— Thương nhau chỉ vị cái tài-ba,
Câu nói Đông-Quân vẫn thật-thà.
Rõ áng mây xanh thương tóc bạc :
Chuyện cô Cẩm-Tháo, lão Đông-Pha.

(Xuân Quý-Mùi — 1943)

Xuân-cảm

Quên thú phong-lưu kể tự ngày,
Là ngày chiến-họa xảy ra đây.
Hoa vườn thượng-uyển không ai viếng,
Rượu chốn sa-trường có kẻ say.
Đục nước đã buồn cơn sóng dậy,
Che trời dễ giận đám mây bay.
Chào xuân lại thấy xuân hờ-hững,
Giọt lệ khôn hàn với cỏ cây!..

(Xuân Đinh-Hợi — 1947)

Thu-cảm

Lo-thơ cụm liễu với chòm lau,
Nhuộm hạt sương thu đã úa màu.
Cây bùa lá vàng, người tóc bạc,
Ở, cây với lão ngộ in nhau!

Nhưng cây cỏ nó ngộ hơn mình,
Rụng lá vàng rồi trở lá xanh.
Tóc bạc mình đây thêm bạc mái,
Bạc sao cho mãn kiếp phù-sanh.

Phù-sanh ai nầy cũng như ai,
Quý, tiện, hiển, ngu, cũng một đời.
Chỉ ước lòng son theo tóc bạc,
Hiếu-trung hai chữ vẹn hòa hai.

(Mậu-Tý — 1948)

(1) Theo sách *Hoạt-Kê Liễn-thoạt* có chép : Đại-Lão Tô-Đông-Pha với Hòa-Thượng Phật-Án và người kỹ-nữ Cẩm-Tháo thường qua lại thi-từ xướng-họa cùng nhau rất là tương-đắc.

Rồi những đêm trường năm không ngủ, Tiên-sinh trần-trọc lo nghĩ gần xa :

*Lo tưởng tở-lối lo tam-bậy,
Nghĩ chuyện tào-lao nghĩ tứ-tung.*

Tiên-sinh không khỏi nghĩ đến những biến-cổ xưa và nay :

*Thất-lộ khó tìm corn Phất-Mẫu,
Đặc-thời chả thiếu rượu Đông-Pha:
Giúp nên cơ-nghịệp nhờ ngay thảo,
Đánh đố gang-sơn bởi nịnh tà,*

Có khi gặp những sự biến-chuyển lớn trong nước, khiến vật đổi sao rời, gieo bao nhiêu tang tóc cho non sông :

*Gió tạt cánh thu chm ngát tở,
Trăng soi cửa cấm nhện dăng mùng.*

(Năm Ất-Dậu — 1945)

*Miếu đường lạnh-lẻo hơi hương khét,
Chợ búa tràn-lan vết cỏ rêu.*

(Năm Đinh-Hợi — 1947)

Tiên-sinh trong lòng không khỏi sầu trường man-mác vì :

*Cảnh linh lạc điêu-tàn chi xiết,
Nói khôn cùng tử-biệt sinh-ly.*

hoặc vì :

*Tìm tở liệng quanh không thấy tở,
Tiếng chim xao-xác dễ buồn chưa l*

Nên Tiên-sinh muốn khuấy-khỏa trong lòng, thường phải :

*Say tỉnh với đời ba cốc rượu,
Đờ hay theo bạn mấy vần thi.*

THÚC-GIA-THỊ VỚI HƯƠNG-BÌNH THỊ XÃ

Như trên đã nói, Ung Bình Thúc-gia-Thị Lão-tiên-sinh, đến năm Quý-mão (1932), đã xin về hưu-trí tại quê nhà, (tức làng Vỹ-Dạ), vì nghĩ rằng :

*Ba chục năm dư biến hoạn rồi,
Khởi cơn giông tố vậy thì thôi.
Thuyền quay đến bến neo neo lại,
Ngựa trở về non bước bước lui...*

Tháng ngày Tiên-sinh vui cảnh điền-viên ở chốn đình-hưu, gần kề nơi sông Hương núi Ngự :

*Say khi nửa tở vài chung rượu,
Tỉnh giấc ban mai một chén trà.*

Còn những thân-bằng cố-hữu thời thường đến chơi thăm rất đông-đào, vì mến phục Tiên-sinh là bậc thi-gia hiểu-khách lại hào-hoa phong-nhã :

*Bạn cũ tới lui kèm bạn mới,
Người gần yêu mến rủ người xa.*

Sân cơ-hội tốt lại gặp bạn đồng-tâm đồng-điệu, nên Tiên-sinh cùng một nhóm thi-hữu tri-giao lập ra năm 1933 ở chốn đình-hưu (gọi là Lộc-minh-đình), giữa nơi sông Hương thôn Vỹ (tức Vỹ-Dạ) một thi đàn đặt tên là *Vỹ-Hương Thi-xã*, thường tổ-chức những cuộc du-lãm các nơi danh-lam thắng-cảnh ở đất Thần-Kinh, hoặc khi lên núi xem hoa, hoặc lúc chèo thuyền thưởng-nguyệt. Nhân dịp này, các thi-hữu vui-vẻ cùng nhau vừa thờng-ngoạn, vừa xướng-họa ca-ngâm. Trong mỗi cuộc đi chơi như vậy, các bạn làng thơ thường không quên đem theo một vài nữ-danh-ca để giúp cho cuộc vui chung thêm phần thanh-nhã hào-hứng (1).

Mãi đến năm 1945, gặp lúc Nhật-Pháp giao-chiến tại Việt-Nam, chiến-tranh bùng nổ khắp nơi trong nước, nên những thú phong-lưu mấy năm về trước của thi-xã không thể tiếp-tục được nữa. Phần nhiều các bạn trong thi-xã phải lo việc tản-cư tị-nạn cho mình và cho gia-đình, thường đều sống trong cảnh bấp-bênh chìm nổi :

(1) Theo tài-liệu của một Thi-Gia lão-thành trong Hương-Bình thi-xã, tức Cụ An-đình Trần-Kinh, năm nay 74 tuổi, hiện giờ (1961) là Phó-Hội-chủ Hương-Bình thi-xã.

*Dầm gỏi mang theo miền Hải-ngạn,
Cờ đỏ để lại chôn Xuân.Kinh.
Ăn hờn nuốt thắm muôn câu chuyện.
Ngái cảnh xa quê một mối tình...*

Mãi đến cuối mùa thu năm 1950, khói lửa trong nước bớt mịt-mù, tình-thế chung thấy tạm ổn-định, các thi-hữu lần lượt mới hồi-cư. Lúc này, Thúc-Giạ-Thị Lão-Tiên-sinh lại nghĩ đến chuyện xưa :

*Son phần duyên già tuy đã nhạt,
Bút nghiên nghề mọn hãy còn tươi.
Dầm ba vận cũ chào xuân mới,
Rủ khách tao-đàn xướng-họa chơi,*

nên lại cùng các bạn làng thơ cũ và mới tập họp lại :

*Xiêm áo mặc đâu xen mới cũ,
Bạn bè coi chẳng khác xưa nay.*

Số thi-hữu được chừng hai mươi vị, thường đã cao-niên (tuổi vào khoảng từ 60 đến 80) và lại suy-tôn cử Tiên-sinh làm *Tao-Đàn Nguyên-sốt* của thi-xã ; đồng-thời các thi-hữu cũng bắt đầu từ đây đổi tên nhóm thơ « *Vỹ-Hương* » thành « *Hương-Bình thi-xã* » Thế là từ đó trở đi :

*Kinh-Địa có Hương-Bình thi-xã,
Nhân-vật đều trang-nhã nho-phong.
Nở ai vô đó lạ-lùng,
Chỉ trong con cháu Tiên Rồng gặp nhau.
Khi nhập-xã, kẻ sau người trước,
Hội tao-đàn chẳng ước mà nên.
Non sông sẵn có bạn hiền,
Văn-chương là nợ, bút nghiên là tình...*

Chính Tiên-sinh cũng nhân dịp này trình với thi-hữu trong Hương-Bình Thi-xã một bài ca-trù, xem như có ý phác-định đường lối của thi-xã và phong-độ của bạn thơ trong Tao-đàn :

956/98

VĂN-HÓA — SỘ 63

MỘT SỐ THI-HỮU TRONG HƯƠNG-BÌNH THI-XÃ
(chụp năm 1954)



Vị đứng giữa, ở hàng trước, đeo kính trắng và mặc quốc-phục, tức Cụ Ung-Bình Thúc-Giạ-Thị, Hội-chủ Hương-Bình Thi-Xã. (Từ năm 1933 đến năm 1961).

Trong ảnh này, ở hàng trước, từ trái qua phải (10 vị) :

Ô.Ô. Thăng-Nhạc Hoàng-đình-Khải, Thái-Son Nguyễn-văn-Lệ, Ngồn-Chi Trần-Chân, Sa-Minh Tạ-thúc-Khải, Thúc-Giạ Ung-Bình (Hội-Chủ), Dương-Chi Hồ-đắc-Liêu, Thái-Phong Nguyễn-Tiểu, Hồ-Đình Ung-Oanh, Hương-An Nguyễn-khoa-Tự, Phong-Viên Lê đình-Loan.

Ở hàng sau, từ trái qua phải (9 vị) :

Ô.Ô. Bãng-Hồ Trần-Tự, Vân-Phổ Hoàng-Đệ, Tiều-Xuân Tôn-thất-Đình, An-Đình Trần-Kinh, Tống-Nguyên Nguyễn-hữu-Hậu, Thảo-Am Nguyễn-khoa-Vy, Bích-Hiên Dương-Sung, Quỳ-Uu, Nguyễn-đơn-Dur, Ngô-văn-Mạch.

CHỮ-THÍCH. — Còn một số thi-hữu nữa khá đông trong H. B. T. X. mà chưa chụp trong ảnh này như :

Ô.Ô. Kinh-Chi Phan-văn-Hy, Đông-Viên Phạm-huy-Toại, Mục-Tử Bửu-Đông, Ngự-Xuyên Hoàng-xuân-Vĩnh, Từ-Hương Hồ-đình-Lan, Tùng-Son Trần-đình-Kinh, Phú-Mậu Trần-xuân-Đàm, Giang-Đình Lê-văn-Kinh, Gia-Phu Hương-Khanh, Thanh-Huy Thái-quang-Cự, v.v...

VĂN-HÓA — SỘ 63

957/99

Hương-Bình Thi-xã

Đình-tịch rày ngó đã đông đông.
Vẻ-vang thay con Lạc cháu Hồng,
Lui tới thấy tao.ông cùng mặc-khách.

Bồng-bộ tân-trào tuy tấn khích.
Thanh.bình cò-điệu bát chi ly.

Đầu tài cao học rộng đến chi chi,
Chữ khiêm tốn thường ghi trong tác dạ.

Vui theo thú Kỳ-anh Lạc-xã,
Mới gọi là thanh-nhã nho-phong.

Tao.đàn tửu-tịch thung-dung..

Các bạn làng thơ đều vui-vẻ ước hẹn với nhau cứ mỗi tháng Hương-Bình thi-xã họp một kỳ, vào ngày chủ nhật đầu tiên, gọi là kỳ « Hội-ngâm ». Mỗi tháng có một đề-thi chung cho các thi-hữu theo đó mà làm, đề thi do vị Nguyễn-Soái (hay Hội-chủ) hoặc làng thi lựa chọn và tùy bài, sẽ đề phóng-vận hoặc hạn-vận.

Chỗ hội-ngâm không nhất-dịnh hẳn vào nơi nào, cứ mỗi tháng luân-phiên ở tư-thất của một thi-hữu đề tiện dịp cho các bạn làng thơ được cùng nhau thân-mật và chung vui. Thực ra, chốn hưu-đình của vị Hội-chủ H.B.T.X. (gọi là Lạc-Minh-đình) phần nhiều được các thi-hữu vui-vẻ tán-đồng làm nơi Hội-ngâm của H.B.T.X. và đồng-thời cũng là nơi họp mặt của các thi-nhân nghệ-sĩ gần xa trong nước, mộ tiếng H.B.T.X. và nhất là cảm mến thái-độ phong-nhã hào-hoa, nền nếp nho-phong thuần-cần, và tấm lòng trọng-hiến hiếu-khách rất đậm-thấm chân-thành của bậc vương-tôn quốc-lão, biết hòa đồng cùng nhịp sống với các bạn đồng-thanh đồng-điệu Thế là căn nhà cò-kính thanh-u, lần bóng giữa một khu vườn tươi thắm ở thôn Vỹ-Dạ, thường lúc nào cũng thấy đặt diu êm-ái cung đàn điệu hát, hoặc giọng ngâm thơ lẫn với tiếng hò..

Muốn đề khuyến-khích các thi-hữu nức lòng hưởng-ứng vào thi-xã cho vui-vẻ đông-đáo, Tiên-sinh đã có lần lấy đề thơ sau đây để các bạn làng thơ hứng bút cùng làm :

Vợ khuyên chồng vô làng Thi.

(Hạn vận : Chồng)

Rực-rỡ làng thi lắm thức bông,

Chen vai chó trẻ vợ khuyên chồng :

Mang danh giai-sĩ chàng như nguyệt,
Mở tiệc đồng hương thiệp găng công ! (1)
Vớ bạn chau tria ngời bút sắt,
Mặc ai mê-mản cái hơi đồng.
Gương vàng của báu đem soi mặt,
Phận liêu-bổ đây vẫn ước mong.

Những bài thơ của các thi-hữu, thường đầu tên, phải gửi đến trước kỳ-hạn hội-ngâm và khi đã tới kỳ, được đem ra đọc và phê-bình công-khac. Cả thi-xã đều cố nhận xét rõ ràng, một cách hoàn-toàn vô-tư, những ưu khuyết-diêm về mỗi bài, rồi sau cùng họp bàn, định rõ thứ bậc trên dưới của các bài. Sau cùng, thi-xã lựa những bài thơ nào tương-đối hay nhất đem ra bình, hoặc nhờ một nữ-danh-ca cao-ngâm cho toàn-thê thi-hữu thưởng-thức.

Những đề thơ ra có nhiều đề lựa chọn rất hợp-thời hợp-cảnh, hoặc ngụ nhiều ý-tử sâu-sắc dí-dỏm, hoặc mỉa mai, cay đắng, nhẹ-nhàng, tỉ-dụ :

1 — Trung-Thu với Thi-Xã

Mến cảnh thường soi nơi Lạc-động, (2)

Nên thơ lại giỡn bóng Thiềm-cung.

Giọng thuyền chèo rượu tuy vui thú,

Nghe nhận kêu sương cũng sốt lòng..

THÚC-GIÀ-THI

2 — Sông Hương trong (n. 1952).

Ngại bầy cò bay xa mặt nước,

Hàm mỗi cá lặn tận chân rong.

Cây đa bến cũ rầy đông khách,

Cô lái tay chèo có vững không ?

HOÈ-ĐÌNH UNG-OANH

3 — Núi Ngự-Bình (n. 1952)

Hơi thu thêm chạnh cảnh non Bình,

Vì cuộc tang-thương kém vẻ xinh.

(1) Chuyện vui của làng Thi là mỗi tháng có một phiên dọn cơm đãi làng.

(2) Chỉ nơi Lạc-Minh-đình.

Trụi gốc tùng xanh dành cảm-tử,
Si gan đá trắng cũng hy-sinh...

HOÈ-ĐÌNH UNG-OANH.

4 — Xuân Nhâm-Thìn (1952)

Lửa binh gây họa quá lâu ngày,
Biết mấy lần xuân trở lại đây.

Mong mỗi rống thiêng ra giúp vận,
Rống bay nở thấy, thấy chim bay. (1)

THỨC-GIA-THI

5 — Cầu Trường-Tiền hiện-thời

Hai phen sửa lại liền như trước,
Sáu nhịp vòng cung nửa mất đầu ?
Muốn ngoắc ông ngư mà hỏi chuyện,
Ông cười há há cứ giơng câu ..

THỨC-GIA-THI

6 — Nước non đâu cũng nước non nhà
(DT phó vi đề)

Nước non đâu cũng nước non nhà,
Nợ nước này non đó của ta.
Bốn bề soi chung vầng nhật-nguyệt,
Năm châu góp lại cảnh sơn-hà.

THỨC-GIA-THI

7 — Ngày Xuân gặp bạn

Thường-thức nhà Nho chung rượu nhạt,
Vui lòng cửa Phật bát cơm chay.
Chúc nhau thêm tuổi đôn thêm nợ,
Là nợ làng thi trả với vay.

THỨC-GIA-THI

(1) Chim bay đây tức là tàu bay.

8 — Khai-bút năm Quý-tỵ (1953)

Rắn doanh rỗng lộn không sai tiết,
Én liệng oanh ca khéo trở nghề.
Sơn chuốt móng tay người kẻ chợ,
Cơm chan nước mắt bạn nhà quê...

9 — Phú-Xuân Kinh (1958)

Phế-hưng lớp sóng sông Hương-Thủy.
Tán-tụ làn mây núi Ngự-Bình.

ĐÔNG-VIÊN PHẠM-HUY-TOẠI

10 — Trung-thu Kỳ-Hợi (1959)

Không cỡi bè tre trên mặt nước,
Lại đua chim sắt giữa lưng trời.
Bánh xe nhân-tạo đầu thay đổi,*
Bức vẽ thiên-nhiên cứ rặng ngời.

AN-ĐÌNH TRẦN-KINH

Trong các đề thi hàng tháng của Hương-Bình thi-xã, Tiên-sinh còn cho phú-đắc nhiều câu ca-dao miền trung rất tinh-tử hay chua-chát như câu :

1 — Rồi mùa tốt rả rơm khô,
Bạn về quê bạn biết mớ mà tìm !..

...Dập nước hò xe duyên thảng trước,
Thay vầng đời lạt nghĩa hôm tề.
Chẳng mai thời một đây xa ngái,
Mang gánh tương-tư sẽ nặng-nề.

2 — Đói lòng ăn trái khồ-qua,
Nuốt vào thời đắng, nhả ra bạn cười.

... Đưa vào cuống họng e long nảo,
Sơn bát đầu môi lại hồ ngư-ơ.
Ngậm mãi mà nghe lâm nước bí,
Nói ra sao đặng hơi trời ơi !..

3 — Tham giàu đã thấy giàu chưa ?
Vừa ăn vừa khóc như mưa tháng mười.
Vàng trít cổ tay cam lờ đại,
Cơm chan nước mắt chịu ôm sầu...

Hoặc có khi Tiên-sinh và các thi-hữu đặt những câu hò đối-dáp nhau trong những buổi hội-ngâm đề thêm phần hào-hung :

VẤN :

Núi Ngự không cây, cu ngử đất,
Sông Hương vắng khách, đi kêu trời.
Ai ơi ! cho hỏi một lời,
Vì đâu non nước đời đời ra ri ?

ĐÁP :

Ới em ơi ! nọ nước kia non, hãy còn như cũ,
Giang-sơn hữu-chủ, ai rử em lo ?
Rồi đây tái-tạo cơ-dờ,
Sẽ có cây cho chim đậu, cũng có đò cho em đi.
Thúc-Giạ-Thị và Tháo-Am

Hoặc có khi Tiên-sinh còn đặt ra những câu hát đố rất oái-oăm và lý thú như mấy câu sau đây :

— Vui non vui nước vui tình,
Vui thi, vui rượu, vui mình với ai ?

a) Đố là cái gì ?

b) Trả lời : Cái « lạc lạc đồng »

— Thương chi thương cả vừa đời,
Non môn biển cạn, không đời tắm thương.

a) Đố là tên một làng nào ở gần Huế ?

b) Trả lời : Làng Thai Dương (huyện Phú-vang, gần Huế) « Thương dai » nói lái thành « Thai Dương ».

— Cam ngon quýt ngọt, anh không hỏi cũng không chào,
Anh lại đi thăm cây viếng cội, lại đào cửa chùa.

a) Đố là tên một thứ bánh nào ?

b) Trả lời : « Bánh Chung ».

Đố là « Búng chanh (Chanh thì chua) — Nói lái, thành ra chiếc « Bánh chung ».

(Còn tiếp)

TRỌNG-ĐỨC



LỊCH-SỬ NGŨ-HỌC

(Tiếp theo V.H.N.S. số 62)

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

Đại-Học Văn-Khoa Sài-gòn

Các thứ tiếng ở Ba-tư (Iraniêng) giống tiếng Phạn hết sức. thành thử ta có thể chắc chúng có họ với nhau. Một mặt khác, tiếng Slavic lại giống các thứ tiếng Ban-tích (Lithuanien, Lettish, Phô-cô). Ông Jones phỏng-đoán rằng các tiếng Nhật-nhĩ-man có họ với La-tinh, Hy-lạp và Phạn. Ông đoán đúng. Điều phỏng-đoán của ông về Keltic (cô Ái-nhĩ-lan, Wales, Cornish, Bretông, và tiếng cô của xứ Gaulle) cũng đúng. Sau nữa, người ta còn thấy tiếng Armeniêng, và Anbanie, và một vài thứ tiếng cô mà nay ta chỉ còn ít bài văn tàn-mạn thôi, cũng thuộc ngữ-tộc Ấn-Âu. Ngôn-ngữ thay đổi thế nào trong thời-gian ? Nếu một thứ ngôn-ngữ được nói trong một vùng rộng lớn, hoặc ở nhiều khu rời-rạc nhờ sự di-cư thì thứ ngôn-ngữ ấy sẽ thay-đổi theo tốc-độ khác-nhau ở mấy nơi đó. Kết-quả sẽ là một loại các thứ ngôn-ngữ có họ với nhau, như tiếng Ý, tiếng Pháp, tiếng Tây-ban-nha, tiếng Bồ-đào-nha, tiếng Lô-ma-ni, và các thổ-ngữ Rô-măng khác. Chúng ta cho rằng những nhóm ngôn-ngữ khác, như nhóm Nhật-nhĩ-man, Slavic hay Keltic, cũng biến-chuyển như thế. (Chỉ vì một sự tình-cờ mà ta không có tự-tích để biết được xem các nhóm đó, trước khi tách ra mấy ngành thì nói ra sao). Ta gọi những ngôn-ngữ nguyên-thủy không có văn-tự đó là Tiên-Nhật-nhĩ-man, Tiên-Slavic, Tiên Keltic, v.v... Rồi đến khi ta thấy tất cả những thứ tiếng hay nhóm tiếng đó (Phạn, Ba-tư, Armeniêng, Hy, Albanie, La-tinh, Keltic, Nhật-nhĩ-man, Ban-tích Slavic) đều

giống nhau không phải vì tình cờ, thì ta bảo rằng nó thuộc ngữ-tộc Ấn-Âu. Và ta kết-luận với Jones rằng tất cả đều là những biến-dạng của một thứ ngôn-ngữ tiền-sử, gọi là Tiền Ấn-Âu-ngữ.

Phương-pháp so-sánh cũng rõ-ràng ngay từ đầu. Thí-dụ :

« mẹ » : Hy-lạp *meter*, La-tinh *mater*, Nga *Mat*, Anh *mother*. v.v...

Bất cứ một sắc-thái nào chung cho cả hay một số đồng ngôn-ngữ thân-thuộc tất đã phải có rồi ở thứ ngôn-ngữ tổ-tiên của chúng Chẳng hạn, tất cả những tiếng chỉ « mẹ » đều bắt đầu bằng âm mà ta viết *m*. Còn nếu có sắc-thái khác nhau, thì một số hoặc tất cả các ngôn-ngữ liên-hệ đã thay đổi: thí-dụ từ-âm thứ 2 trong những tiếng « mẹ » lúc khởi đầu ở Ấn-Âu là âm *t*, còn âm *th* /*d*/ trong tiếng *mother* của Anh-ngữ là do sự thay-đổi mà ra.

Năm 1816, Franz Bopp (1791-1867) xuất-bản một cuốn sách so-sánh các chuyên-hóa (thay-đổi tiếp-vĩ) của các động-từ trong tiếng Phạn, Hy-lạp, La-tinh, Ba-tư và Nhật-nhĩ-man : công-việc so-sánh đã có hệ-thống.

Ngữ-học ti-hiệu mới thực-sự bắt đầu một cuốn sách truy-tầm căn-nguyên tiếng Islande và xuất-bản vào năm 1818 : Rasmus Kristian Rask (1787-1832) chứng-minh rằng những tiếng trong các ngôn-ngữ Nhật-nhĩ-man có quan-hệ rõ-ràng đều-dẫn với những tiếng trong các ngôn-ngữ Ấn-Âu khác. Thí-dụ, các ngôn-ngữ Nhật-nhĩ-man có âm *f* thì các ngôn-ngữ kia trong họ lại có âm *p* :

« cha » Anh *father* : La-tinh *pater*
« chân » Anh *foot* : La-tinh *pes*
« 5 » Anh *five* : Hy-lạp *pente*
« ít » Anh *few* : La-tinh *pauci*

Công-trình của Rask đã là manh-nha của các phương-pháp cận-đại. Năm 1819, Jakob Grimm (1787-1863) xuất-bản cuốn đầu của tập *Deutsche Grammatik* không phải là văn-phạm tiếng Đức, nhưng là văn-phạm so sánh các tiếng Nhật-nhĩ-man (Gô-tích, Bắc-âu, Anh, Frisian, Hà-lan, Đức). Tái-bản (1822) của sách đó chỉ rõ sự tương-xứng về các từ-âm giữa Nhật-nhĩ-man và các thứ tiếng Ấn-Âu khác : ta gọi đó là Định-luật Grimm. Những sự tương-xứng có ý nghĩa là nó chỉ rõ hành-động con người không phải ngẫu-nhiên, mà lại đều-dẫn, cả trong việc đọc từng âm một. Công việc khảo-cứu của Grimm về tiếng Germanic vẫn còn gọi là vô-dịch Năm 1826, 1831, 1837 có thêm 3 quyển nữa Còn quyển thứ 5, về cú pháp, không bao giờ ra cả. Năm 1833, Franz Bopp bắt đầu một cuốn sách so sánh các tiếng Ấn-Âu.

Trong khoảng năm 1833-36, cuốn *Etymological Investigations* của August Friedrich Pott (1802-1887) ra đời. Ngữ-nguyên (etymology) được hiểu là lịch-sử của một ngữ-thể tìm được sau khi thấy các thể cũ trong một ngôn-ngữ x và những thể ở các ngôn-ngữ cùng họ tất cả đều là biến-dạng của một nguyên thể. Thí dụ ta cần tìm ngữ-nguyên tiếng Anh *mother* Anh-ngữ cổ (thế kỷ thứ 9) *mōdor* : Bắc-âu cổ *moder*, Frisian cổ *mōder*; Saxon cổ *mōdar*, Đức cổ *muoter*, vì tất cả đều do Germanic cổ * *moder* Tất cả những thể Germanic vừa rồi lại có họ với : Phạn *mātā*, Avestan (cổ Ba-tư) *mātā*, cổ Armenian *mair*, cổ Hy *meter*, cổ Anbanie *motre*, La-tinh *mater*, cổ Ai-nhĩ-lan *māthir*, Lithuanien *mote*, cổ Bảo-gia-lợi (Slavic) *mati*, v.v... Hết thầy đều là những biến-thể của tiếng * *māter* mà ta giả-thiết là nguyên-thể trong ngôn-ngữ Tiền Ấn-Âu.

Trong mấy chục năm sau, ngành ngữ-học ti-hiệu tiến-bộ nhanh lắm, khiến cho những sách vở chóng thành « cũ ». Sách của Bopp, tuy có tái-bản, nhưng năm 1861 cũng thua cuốn Văn-phạm Ti hiệu các Ngôn-ngữ Ấn-Âu của August Schleicher (1823-1868).

Cực-diêm của ngữ-học lịch-sử trong thế kỷ 19 là năm 1886 : Karl Brugmann (1849-1919) và Berthold Delbrück (1842-1922) bắt đầu xuất-bản *Outline of the comparative Grammar of the IE Languages*. Tái bản thứ nhì, xuất-hiện từ 1897 tới 1916 vẫn còn là sách tham-khảo chính đề so-sánh các tiếng Ấn-Âu.

Theo gương Grimm khảo về chi Germanic, Friedrich Diezj (1794-1876) khảo về chi Rô-măng trong bộ văn-phạm ba cuốn (Bonn 1836-1844), Johann Kaspar Zeuss (1806-1856) khảo về chi Keltích trong cuốn *Grammatica Celtica* (1853) và Franz von Miklosich (1813-1891) viết Văn-phạm ti-hiệu của chi Tư-lạp-phu.

Cả đến ngày nay, ngành Ấn-Âu tương-đối rất phong-phú. vì 2 lý-do : (a) phương-pháp khoa-học gần đây phát-triển nhiều, giúp ta soát lại những kết-luận trước, và (b) nhờ khoa khảo-cò và các khoa khác, người ta tìm ra nhiều tài-liệu mới mẻ về các tiếng Ấn-Âu, thí dụ hai loại tiếng Tocharian (Trung Á), tiếng Hittite và những tiếng cò khác ở Tiều Á-Tế-Á.

Dù sao chăng nữa, lúc đó, với những dữ-kiện rõ-ràng, các học-giả có thể dùng phương-pháp qui-nạp thay thế cho lối phỏng-đoán để kết-luận xem ngôn-ngữ biến-chuyển ra sao.

Một học-giả Phạn-ngữ người Mỹ là William Dwight Whitney (1827-

1894) viết hai cuốn sách *Language and the Study of Language* (1867) và *The Life and Growth Language* (1874). Cả hai, đều được dịch ra nhiều thứ tiếng Âu-châu, vì chứa đựng nhiều khái-niệm căn-bản cho khoa-học ngôn-ngữ.

Năm 1880, ta có *Principles of Linguistic History* của Hermann Paul (1846-1921) (lần thứ 5 xuất-bản năm 1920): chỉ rõ phương-pháp ngữ-học lịch-sử.

Cuốn nguyên-tắc của Paul dùng rất nhiều thí-dụ để chứng minh sự thay-đổi ngôn-ngữ người ta nhận-thấy trong các thứ ngôn-ngữ Ấn-Âu. Tuy viết không hay bằng sách của Whitney, song nó có nhiều chi-tiết và có phương-pháp hơn. Vì vậy nó đã có một ảnh-hưởng lớn-lao đến khoa ngữ-học. Sách Nguyên-tắc vì viết từ thế-kỷ 19, nên có vài khuyết-diểm ta thấy rõ ngày nay:

Trước hết, Paul không đề ý đến việc miêu-tả. Tuy công-nhận rằng phải cần miêu-tả từng thứ ngôn-ngữ một, song ông chỉ bàn đến các vấn-đề biến-chuyển của ngôn-ngữ thôi. Thời đó ai cũng thiếu-sốt như thế. Muốn nghiên-cứu cách biến-chuyển của ngôn-ngữ, ta phải so-sánh các thứ ngôn-ngữ có họ hoặc là so-sánh các trạng-thái trước sau của một ngôn-ngữ nào đó. Thí-dụ: thấy chỗ tương-dị tương-đồng của các ngôn-ngữ Anh, Frisian, Hà-lan, Đức, Bắc-Âu, và Gô-tích, ta có thể biết được cái ngôn-ngữ Tiên-Đức, là ông tổ các tiếng đó, nó ra sao. Lúc ấy, mới xem mỗi thứ tiếng kia đã biến-chuyển ra thế nào. Hoặc là nếu ta so-sánh văn-tự bằng Cổ Anh — thí-dụ, bút-tích của Vua Alfred — với Anh-văn ngày nay ta có thể biết được trong 10 thế-kỷ nay tiếng Anh đã thay-đổi thế nào. Thế nghĩa là muốn so-sánh A với B thì cần phải biết rõ A với B đã chứ. Còn muốn học cách ghép tiếng (phức-hợp) trong ngôn-ngữ Nhật-nhĩ-man, ta phải biết đủ cách ghép tiếng trong các ngôn-ngữ Nhật-nhĩ-man; vì ta không biết rõ cái sau nên không biết được lối ghép tiếng ở thời-kỳ trước được. Học-giả thế-kỷ 19 thiếu sót điếm đó, mà hình như lại không nhận-thức vấn-đề khó-khăn thế nào.

Một nhược-diểm nữa của Paul là cứ nhất-định giải-thích bằng tâm-lý; ông định giải-nghĩa những hoạt-động tâm-lý tiến-diễn khi người ta nói. Cuốn sách của Paul, cũng như nhiều sách ngày nay, vẫn còn chịu ảnh-hưởng của sự suy-luận triết-lý của người Cổ Hy-lạp.

Paul và đa-số học-giả đồng-thời với ông chỉ khảo-cứu về các ngôn-ngữ Ấn-

Âu thời và vì họ đã chèn-màng đối với những vấn-đề miêu-tả, nên họ không chịu nghiên-cứu về các ngôn-ngữ xa-lạ, có cấu-thức đặc-thù thiếu hẳn những sắc-thái của ngữ-tộc Ấn-Âu.

Song-song với công-cuộc khảo-cứu lịch-sử, có một trào-lưu khảo-cứu về ngữ-học đại-cương. Cuốn sách đầu-tiên có giá-trị là của Wilhelm von Humboldt (1767-1835), xuất-bản năm 1836 và nói về các loại ngôn-ngữ của người ta. Năm 1861, H. Steinthal (1823-1899) cũng xuất-bản một cuốn sách nói về những cách cấu-tạo ngôn-ngữ thường thấy.

Lần-lượt, các học-giả quay sang theo đuổi những khảo-hướng mới: Otto Bohtlingk (1815-1904) áp-dụng phương-pháp miêu-tả vào ngôn-ngữ Yakut bên Nga. Friedrich Muller (1834-1896) xuất-bản cuốn *Cương-yếu Khoa-học Ngôn-ngữ*. Franz Nikolaus Finck (1867-1910) phân-tích tâm ngôn-ngữ khác nhau.

Ferdinand de Saussure (1857-1913) trong giảng-khoa của ông tại Đại-học Genève chủ-trương rằng chỉ có phương-pháp miêu-tả mới có thể làm căn-bản cho cả việc khảo-cứu lịch-sử lẫn việc suy-luận theo triết-học. De Saussure, theo cuốn sách sao lại các bài giảng của ông (do hai đồ-đệ Charles Bally và A. Sechehaye) phân-biệt *ngữ-học tĩnh* (hay đồng-bộ hoặc cộng-thời) và *ngữ-học động* (hay tiến-hóa).

Hai nhà ngữ-học Pháp Maurice Gammont và Antoine Meillet cố gắng hiến rất nhiều cho ngành ngữ-học đại-cương.

Bên Đan-mạch thì có Otto Jespersen viết nhiều về Anh-ngữ, nhưng cũng có công đối với khoa ngữ-học nói chung.

Ta cũng cần nói qua đến một nguyên-tắc phân-tích ngôn-ngữ nó giúp nhiều cho việc phân-tích miêu-tả về sau: đó là quan-niệm âm-vị. Hai người có công nhất đối với quan-niệm ấy là hai người Nga, nhà ngữ học Boudouin de Courtenay và đồ-đệ là Kruszewski. Về sau, có những ngữ-học phái Prague nghiên-cứu thêm vào: Jacobson và Trubetskoy là hai người có tên tuổi nhất.

Dần dần các thứ tiếng ngoài họ Ấn-Âu cũng được chú-ý, Người ta so-sánh các thứ tiếng Fân-Ugrian (Fânlan, Lapp, Hung-gia-lợi, v.v..) bắt đầu từ 1799. Cuốn sách của Humboldt đặt căn-bản cho văn-phạm miêu-tả so-sánh của họ Mã lai-Polynesiêng. Ngày nay ta còn có tài-liệu so-sánh những họ Semitic, họ Bantu ở Phi-châu. Phía bắc Mễ-tây-cơ, có hàng tá những thứ tiếng không có họ với nhau, mà khi ta cố ghi chép, ta không có thì giờ bàn rộng về triết-lý.

Một mặt khuynh-hướng lịch-sử so-sánh, một mặt khuynh-hướng triết-lý miêu-tả, hai cái hợp vào nhau cho thấy những nguyên tắc mà các nhà chuyên-môn Ấn-Âu thế kỷ 19 như Hermann Paul không thấy rõ. Việc nghiên-cứu lịch-sử phải căn-cứ vào sự so sánh 2 hay nhiều tài liệu miêu tả và phải đích xác đầy đủ. Còn muốn tả một thứ ngôn-ngữ thì không cần phải biết tài-liệu lịch-sử. Việc miêu-tả phải hoàn-toàn không thiên-lệch.

Riêng về Hoa-kỳ, ông Whitney có thể được gọi là người dẫn đầu khoa ngữ-học cho thế-hệ sau noi-theo : ông làm giáo-sư tiếng Phạn tại Đại-học Yale. Hai cuốn sách của ông đã kể trên kia có những ảnh hưởng sâu-xa ở Âu và ở Mỹ, và ngày nay cũng còn đáng được đọc.

Giáo-sư Franz Boas ở Đại-học Columbia mới thật là đàn-cảnh cho khoa ngữ-học kim-thời phát-triển tại Hoa-kỳ. Nguyên từ năm 1897 tới 1908 ông Boas thu-thập nhiều tài-liệu về các tiếng da đỏ để cốt hiệu-dính lại cuốn *Introduction to the Study of Indian Languages* của Powell. Nhân làm việc ấy, ông viết xong cuốn *Handbook of American Indian Languages* nói rất rõ ràng về các thứ tiếng da đỏ ở Mỹ.

Nhưng từ Boas trở đi, lịch-sử ngữ-học ở Mỹ là lịch-sử của ảnh-hưởng của hai nhà đại-tài Edward Sapir và Leonard Bloomfield. Hai người bồ-túc lẫn cho nhau, Sapir thì kiến-giải nhiều và hiểu biết rộng. Bloomfield thì nghiêm-tú, khắc-khò, theo đúng lý-thuyết. Sapir dạy học nên ảnh-hưởng nhiều đến học trò cũ của ông, ngày-nay đều là giáo-sư trong các trường danh tiếng. Còn Bloomfield thì chỉ viết thôi. Sapir nghiên-cứu nhiều thứ tiếng, nhất là các thứ tiếng da đỏ, còn Bloomfield về thực hành chỉ lo nhất về tiếng Algonkian và Tagalog, tuy ông rất am-tường các vấn-đề của ngữ-học Ấn-Âu.

Ngày nay, khuynh-hướng miêu-tả mỗi ngôn-ngữ theo cấu-thức riêng của nó càng thêm rõ rệt tại các viện đại-học lớn nhất ở trời Âu, Á, Mỹ. Những viện ngữ-học ở các thủ-đô như Luân-Đôn, Balê, Oslo, La-mã hoạt-động ráo-riết để một mặt nghiên-cứu các ngôn-ngữ xa-lạ chưa có văn-tự, một mặt bồi đắp thêm cho lý-thuyết ngữ-học, mỗi ngày thêm phong-phú hơn ngổ hầu làm khởi sắc một thiên-phủ độc-đáo của nhân-loại — tiếng nói. Kết-quả rực-rỡ của những hoạt-động bác-học đó, ta sẽ thấy rõ hơn một cách tổng-quát trong vài chục năm nữa, khi ta lại ôn lại quãng đường đã vượt qua từ hồi chiến-tranh thế-giới.

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA



HIỂM-HỌA NGUYÊN-TỬ

THANH-TÂM sưu-tôm

Hơn 15 năm đã qua đi sau khi trái bom nguyên-tử đầu tiên được nổ thử tại căn cứ Alamogordo trong sa mạc Tân Mê-Tây Cơ (16-7-1945). Tuy hai ngày 6 và 8 tháng 8 năm 1945 vẫn còn được nhắc tới, vì chúng đã mở đầu cho một loại chiến tranh khốc liệt vô cùng, bằng hai trái bom nguyên tử rơi xuống đất Nhật, tuy những con số vẫn còn đó : ở hai tỉnh Hiroshima và Nagasaki 10 cây số vuông bị tàn phá trơ trụi, 120.000 người chết, 65.000 người bị thương, 65 010 cơ sở bị tan rã v.v... nhưng con người vốn dễ quên, không mấy ai còn cảm thấy tất cả nỗi kinh hoàng đã qua nữa.

Nhưng quên đi không phải là hiểm họa không còn. Trái lại, không bao giờ mối hiểm họa nguyên-tử lại ghê gớm và kề cận bằng hiện nay. Với ít hàng dưới đây, ta sẽ rõ tại sao các nhà bác học cũng như các nhà cầm quyền tại các khối đối lập trên thế giới lại có những cố gắng lớn lao, tuy có vẻ như tuyệt-vọng, để đi đến sự ngừng chế-tạo loại khí giới ghê gớm ấy.

MỘT TỶ-LỆ TUY NHỎ BÉ NHUNG ẢNH-HƯỞNG LẠI RẤT LỚN.

Quả đất chúng ta ngày một nguội dần. Tuy nhiên, từ khi vỏ ngoài cứng lại và dày tới 50 cây số ngàn, thì sức nóng nội-tâm thấm ra được rất

ít, và chỉ chiếm một phần cực nhỏ trong số nhiệt lượng mà trái đất để tỏa ra không trung Phần lớn nhiệt lượng tỏa ra như vậy còn do một duyên cớ khác mà chắc hẳn ít ai ngờ tới: các chất phóng xạ tự nhiên tản mát trong vỏ trái đất.

Chúng ta đã quen với sự khan hiếm của các chất phóng xạ uranium, thorium v.v.. ắt không ngờ rằng những chất ấy ở đâu cũng có. Ngoại trừ một số quặng mỏ chứa đựng khá nhiều chất phóng xạ, tỉ như chất quặng kẽm u ran (pechblende) tại xứ Bohême mà bà Curie đã dùng lọc ra được chất radium, còn ở những vật thường như trong huyền vũ nham (đá basalte) có 1, 5 phần triệu uranium và 5 phần triệu thorium, trong hoa cương thạch có 4 phần triệu uranium và 13 phần triệu thorium. Với tỷ-lệ quá nhỏ ấy, không ai quan niệm có thể khai thác được. Đề mặc chúng thì chúng cũng tự tan vỡ, nhưng cực kỳ chậm chạp. Người ta đã tính rằng số năng lực do một tấn uranium tự nhiên phát ra như vậy trong 30 năm trời chỉ đủ hâm nóng một tách cà phê. Tuy thế, sức nóng âm ỷ do vỏ trái đất phát ra bằng phóng xạ chất, vẫn đủ bù đắp cho số nhiệt năng tự mặt đất tỏa ra từ phía.

Trên đây không hề nói đến trong lòng trái đất, vì người ta đã tính: nếu lòng trái đất cũng có phóng xạ chất thì riêng năng-lượng của chúng đã lớn gấp bội năng-lượng mà trái đất mất đi vì tỏa nhiệt. Vậy thì do một sự trở trêu nào đấy của tạo hóa, tất cả các phóng xạ chất đều « quy-tụ » (nếu ta có thể dùng được danh từ này) ở vỏ trái đất. Nếu chẳng may (hay là may?) mà chúng lại tản mát trong toàn khối địa cầu, thì tỷ-lệ của chúng còn nhỏ gấp mấy ngàn lần, và có lẽ như thế thì không bao giờ người ta có cơ hội lưu ý tới chúng và chiến tranh nguyên-tử có lẽ cũng không bao giờ thành vấn đề.

HIỂM-HOẠ TRONG THỜI BÌNH

Tháng 4 năm 1959, một luồng dư luận mạnh mẽ nổi lên khắp hoàn cầu và nhất là tại Mỹ-Quốc, làm cho mọi người, kể từ dân chúng đến nhà cầm quyền, đều sồn sáo lo ngại về số phận của chính mình cũng như cho thế

hệ mai hậu, trước một kẻ thù vô-hình: chất phóng xạ strontium 90. Mười lăm năm « thử » bom nguyên-tử hiện đã có một kết quả tai hại gấp bội hai vụ « ném thật » tại đất Nhật, đối với toàn thể nhân loại, nhất là đối với xương cốt con người, đang bị chất bụi strontium 90 gậm nhấm.

Theo những con số tính được, bệnh bạch huyết (leucémie) và bệnh ung thư ở xương (cancer des os) do bụi strontium 90 gây ra đã làm 1 phần trăm nhân loại lâm bệnh. Con số này tính ra thực là ghê gớm: 20 triệu người, tức là gấp đôi số nạn nhân của trận thế chiến thứ nhất.

Chất strontium 90 không hề tự nhiên có trong hoàn vũ. Nó là sản-phẩm của những vụ thử bom nguyên-tử mà các nhà bác-học vẫn tưởng là không nguy hại.

Mới 15 năm chuẩn bị khí giới mà đã tai hại gấp đôi một trận đại chiến thực sự máu đổ, thịt rơi, nhà tan, nước vỡ thì thử hỏi một khi chiến tranh nguyên-tử khởi sự, nhân loại sẽ đi đến đâu?

NHỮNG CHIẾC NẮM ĐỘC

Vòng đai « bụi nguyên-tử » bắt đầu lượn trên đầu chúng ta kể từ ngày 16 tháng 7 năm 1945, khi trái bom đầu tiên thành-tựu tại sa-mạc Alamogordo. Quả cầu lửa khổng lồ bốc lên đốt tan chiếc lầu thép chứa bom cuốn theo vụn sắt li ti và cát bụi, cùng những vi phân tử phóng xạ, rồi tản, ra thành một đám mây ngày thêm rộng lớn, reo rắc hết ngày ấy sang ngày khác thứ bụi giết người kia xuống đầu chúng ta.

Tuy thế, cái ngày đen tối nhất trong lịch sử nguyên-tử có lẽ là ngày thử trái bom thượng thặng 3 F (tan-nhập-tan) Bravo. Trái bom này rắc bụi phóng xạ rất mạnh xuống một khoảng 18.000 cây số vuông của Thái-Bình-Dương. Nó có một sức phá-hoại tương đương với 18 triệu tấn thuốc nổ TNT (trinitotoluène, thứ thuốc nổ hóa-học mạnh nhất). Hàng triệu tấn cát và san hô bị hút lên trên không, trong một trận cuồng phong ghê gớm, đi theo chiếc « nắm » sáng ngời của trái bom.

Trái bom Bravo đã nổ trong những trường hợp đúng như dự tính của các nhà bác-học. Nhưng về phần bụi nguyên-tử phóng xạ thì lại xảy ra

không được gió đưa đi và rơi trở xuống trong vòng đầu tiên quanh trái đất, và phần lớn đã rơi hết sau vài tuần lễ, tùy theo hướng gió.

Bằng này thì trái lại. Sau khi chiếc nấm lửa của trái bom Bravo đã tan, các đài khám phá phóng xạ chất tại Mỹ cũng như tại các nơi khác trên hoàn cầu đều chờ đợi bụi phóng xạ rơi xuống cực nhiều, nhưng thực sự các máy đo Geiger chỉ tìm ra có một sức phóng xạ cực kỳ yếu ớt. Tại sao lạ vậy?

Sau những công cuộc dò xét tại mặt đất cũng như ở thượng tầng không khí, người ta mới Khám phá ra căn do.

Một phần những mảnh vụn phóng xạ của trái bom Bravo, rơi xuống ngay khu kế cận chỗ nổ, còn thì đều tung lên thượng tầng không khí, và sẽ ở trên đó rất lâu. Nguyên Tử Lực Cuộc của Mỹ đã nghiệm chắc là phải từ 4 đến 7 năm mới rớt được phân nửa số bụi bay lơ lửng đó. Trái bom nổ ngày 1-3-1954, đến nay vừa đúng 7 năm. Vậy là còn 1/2 đám mây của bom Bravo ở trên đầu chúng ta.

Một sự bất ngờ khác cũng lại đã xảy ra, trái hẳn các điều ước lượng của các khí-tượng gia: Họ đã chọn lúc thí nghiệm để cho gió đưa đám mây độc về phương tây, không để nó lại bay về phương đông. Những vi phân tử phóng xạ lớn nhất đều rơi xuống phía đông thì-diêm, một giờ sau chúng đi xa tới 70 cây số, và vài giờ nữa lại xa thêm khoảng 100 cây số, đúng trên đường đi của một chiếc tàu đánh cá Nhật Bản. Thủy thủ đều bị phóng xạ rất nặng, khoảng 200 roentgens, khiến một người 6 tháng sau bị thiệt mạng, một nửa số những người sống sót phải điều trị hơn một năm tại bệnh viện, trong số đó 3 người phải gần 4 năm sau mới bình phục.

Số người bị hại không phải vắn vắn chỉ có thế. Bụi rơi xuống biển đã đầu độc các phiêu sinh vật là thức ăn chính của cá, và do đấy hàng ngàn vạn con cá đã bị nhiễm độc. Sự nguy hiểm đã rõ rệt đến nỗi chính phủ Nhật phải cho dùng máy Geiger khám cá của 564 chiếc tàu. Máy Geiger để cách dạ dày cá khoảng 10 phân mà ghi được từ 30 đến 40 tiếng trong một phút

thì còn cho phép bán và coi là bình thường, nhưng từ 100 tiếng trở lên thì phải bỏ, và coi là nguy hiểm?

Bụi nguyên tử bị hãm lâu năm trên thượng tầng không khí đủ thì giờ cho một số các phóng xạ chất mất tính cách phóng xạ, nhưng riêng đối với chất Strontium 90 thì không thấm vào đâu: 28 năm trời mới chỉ đủ để cho một nửa tiêu tan. Như vậy chất strontium 90 khi rớt xuống đất vẫn phóng xạ mãnh liệt gần bằng lúc mới tự trái bom tung ra. Người ta đã tính là chỉ một thia strontium 90 đủ làm chết 30 triệu người, thế mà riêng một trái bom Bravo đã tung lên thượng tầng không khí khoảng 10 ký lô chất ấy. Một con số này đủ cho ta thấy sự đe dọa của nguyên tử lên đến mực nào. Mà đây là chưa nói đến những trái bom khác do Mỹ, Anh, Pháp và Nga, nhất là Nga, sau đây đã thử cho đến ngày nay.

Trong số ngoài 200 trái bom nguyên tử đủ loại mà họ đã cho nổ để thí nghiệm, chắc hẳn cũng còn nhiều trái mạnh bằng và thường khi còn mạnh hơn cả trái bom Bravo đã dẫn ra trên đây nữa.

Sau khi đã nghiền nát lòng cá ăn phải chất phóng xạ trong Thái Bình Dương và đem ra nghiên-cứu, người ta mới biết rằng chất uranium 238 của bom Bravo, cũng như uranium 235 trong bom ném ở Hiroshima, đã tạo ra chừng 200 phó sản phóng xạ với những thời kỳ phóng xạ không đều nhau, (Thời kỳ phóng xạ nói ở đây có nghĩa là thời gian đủ cho sức phóng xạ bớt đi phân nửa): strontium 90 trong 28 năm, cesium 137 trong 33 năm, ruthenium 106 trong một năm, promethium 147 trong 2 năm rưỡi và nhất là carbone 14 với sức phóng xạ bền hơn cả strontium 90 nữa v.v. Tất cả đều có trong những bụi nguyên tử đang đều đều rơi xuống mặt đất.

Sở dĩ người ta lưu ý nhất đến chất strontium 90 là vì nó có hầu hết mọi đặc-tính hóa học của chất calcium và cũng được cơ thể sinh vật hấp thụ một cách dễ dàng như chất calcium. Vì thế, nó đã theo nước mưa, theo sương mù hay tuyết mà thâm nhập vào cây cối. Tai hại hơn nữa là những vùng nhiều mưa, nơi con người trồng tỉa nhiều nhất dễ kiếm lương thực, lại chính là những vùng mà bụi strontium 90 rơi xuống nhiều hơn cả. Rồi đến các giống súc vật ăn phải cây cỏ, uống phải nước có chất strontium 90,

cũng giữ lại chất đó để rồi khi bị ta làm thịt sẽ mở đường cho chất ấy thâm nhập cơ thể chúng ta.

Chất strontium 90 giống như calcium, nên cây cối mọc ở vùng hiếm calcium liền hút strontium 90 thế, ngay cơ thể con người cũng không phân biệt nổi nên càng thiếu calcium bao nhiêu, nó lại càng thâu nạp nhiều chất strontium 90 bấy nhiêu.

Hiện nay thì trong mọi người chúng ta, trong mọi sinh vật, nhất là loài vật ăn cỏ, trong rau, đều có chất strontium 90. Đáng ngại cho thể-hệ mai hậu hơn hết là chất sữa, một thứ đồ ăn hoàn toàn và xưa nay vốn nhiều calcium, hiện lại là thứ đồ ăn chứa nhiều chất phóng xạ strontium 90 nhất. Trẻ con đều làm nguy. Từ lúc sơ sinh đến khi lên 4, chúng giữ lại chất strontium 90 nhiều gấp 5 lần người lớn. Theo công cuộc nghiên cứu của Bác-sĩ Arthur Wolff cách đây 2 năm, thì dù rằng các cường-quốc có thỏa thuận thôi thử thêm bom nguyên-tử đi nữa, số bụi strontium phóng-xạ còn lơ-lửng trên không-trung, cũng đã quá nhiều có lẽ phải tìm cách tẩy độc phóng-xạ trong sữa rồi mới dám cho trẻ em ăn.

(Còn tiếp)

THANH-TÂM sưu-tầm

DẤ PHẬT-HÀNH

CỔ-ĐỒ HUẾ

Lịch-sử - Cờ-tờh - Thắng-cảnh - Thi-ca

do THÁI-VĂN-KIỆM biên-soạn

In trong tập-san Văn-Hóa Tùng-Thư

số 7 và 8 hợp-nhất

Dầy 487 trang, gồm 53 tranh-ảnh và bản-đồ

Giá bán : 70đ

Có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các tỉnh, nhà Tổng-phát-hành THỐNG-NHẤT (329, Đợi-lộ Trần-Hung-Đạo, Sài-gòn) và tại NHA VĂN-HÓA (266, Đường Công-Lý, Sài gòn).

HỒI-GIÁO

NGUYỄN-KHẮC-NGŨ

Sau Phật-giáo và Thiên-chúa giáo, Hồi-giáo là một tôn-giáo thứ ba có một số tín-đồ đông đảo. Nếu người ta bảo Phật-giáo là Đạo của Đông-phương, Thiên-chúa giáo là đạo của Tây-Phương thì ta cũng có thể nói Hồi-giáo là đạo của cả một vùng rộng lớn nằm giữa hai miền trên.

Xuất-phát tự quê-hương của chúa Jésus hơn sáu thế kỷ sau, đã bành trướng khắp hoàn cầu và gây thành một thế-lực khá mạnh, Hồi-giáo với những tổ-chức đặc-biệt của nó về phương-diện tôn-giáo cũng như Quốc-gia, xã-hội phải là một trong những vấn-đề quan-trọng mà ta cần tìm hiểu.

I

Ả-RẬP TRƯỚC THỜI MAHAMMED (1).

Ả-Rập là một cái tên gọi chung cho một khu-vực khá rộng lớn ở miền Tiểu-Á. Khu-vực này ở ngay nơi tiếp-giáp giữa ba châu Á, Âu, Phi và nằm trên ngã ba đường giao-lưu quốc-tê nối các trung-tâm văn-hóa cổ-kính của hoàn-cầu nên từ lâu Ả-Rập đã có một nền văn-hóa khá đặc-biệt và giữ một vai-trò quan-trọng trong văn-minh thế-giới.

Về phương-diện địa-lý, Ả-Rập là một cao-nguyên đá hoa-cương hơi nghiêng về phía vịnh Ba-tư, ngoài bìa có những dãy núi không cao lắm bao quanh. (2)

Khí-hậu vùng này rất nóng, ít mưa chỉ về phương nam còn có ít gió mùa nên đời sống dễ chịu hơn. Bởi thế cho nên có người đã ví Ả-rập như một lò lửa không ló, nơi đó phát xuất những tôn-giáo làm dịu lòng nhân thế nhưng âm-ý thiếu đôt đám dân nghèo khó của vùng này.

Thời thượng-cổ người ta chỉ biết nhiều đền vùng bờ biển phía Tây từ Hồng-hải tới cao-nguyên trung-ương Nedjed, từ bán đảo Sinai đến phía Nam thành

(1) Người sáng-lập đạo Hồi, người ta thường quen gọi là giáo-chủ đạo này.

(2) Cao-nguyên này gồm cả bán đảo Ả-Rập nằm giữa Vịnh Akaba, Hồng-hải, vịnh Aden, Ấn-độ-dương, vịnh Oman, vịnh Ba-tư và sa-mạc Syrie.

phò Mecca — chính ở vùng này Hồi-giáo đã ra đời và là cái bàn đạp để truyền đạo này tới cả ba châu tiếp giáp (1).

Về phía Nam cũng có vài xứ như Yemen, Hadramut, Oman, Bahrein nhưng dân cư còn thưa thớt và vai trò của Hồi-giáo ở các xứ này cũng không quan-trọng lắm.

Dân chúng Ả-rập thường tập-trung trong các vùng núi non. (Ở đó tương-đối phi-nhiều hơn) và ở các ốc-đảo chính ở miền Taif, Tabouok, Taima, El-Ola, Khaiba v.v...

Các thành phố chính là Mecca và Medina (2).

Về phương-diện nhân-văn, dân Ả-rập chia làm 2 nhóm nguồn gốc và nếp sống khác hẳn nhau. Hai nhóm này thường kinh-địch nhau từ đời này qua đời khác.

1/ Ở miền nam dân thuộc dòng Yémenites con cháu của Quahtan gồm các người Lakhm, Kinda, Ghassan v.v. Dân dòng này từ lâu đã biệt định-cư một chỗ chứ không sông du-mục như những dòng khác. Họ cũng có một lịch-sử văn-minh khá cao :

Vương-quốc Minéen, Vương-quốc Saba, Vương-quốc Hymyarites đều là những vương-quốc lừng-lẫy tiếng tăm từ thế kỷ thứ IX trước kỷ-nguyên Tây-lịch đến thế-kỷ thứ II đều thuộc dòng này cả (3).

2/ Ở miền Bắc dân thuộc dòng Nizarites (hay Maaddites) vốn là con cháu của Ismael (4), gồm các bộ-lạc Qais và Qoraich.

Vùng này tương-đối chậm tiến hơn miền Nam, dân đều là người du mục sống lang thang với những đàn lạc-đà và cừu ngay ở giữa vùng sa-mạc. Hai bộ-lạc vào thế-kỷ thứ hai bị triều-đại Himyrites xâm-lăng, sau khi triều

(1) Vùng này xưa gồm các xứ Hidjáz ở ven Hồng-hải từ Akra đến EL-Lith, xứ Asia ở về phía nam, xứ Madian ở bên bờ vịnh Elamitique.

(2) Xưa có tên là Yathrib.

(3) Vương-quốc Mineen nổi tiếng từ thế-kỷ thứ IX trước công-nguyên, Vương-quốc Saba đã từng buôn bán với Ấn-độ mấy thế-kỷ trước khi chúa Christ ra đời, Vương-quốc Himyrites từ thế-kỷ thứ hai đã làm bá chủ cả một phần lớn Ả-rập.

(4) Theo kinh thánh Hồi-giáo thì người Ả-rập đều là con cháu của Abraham. Sau họ này chia làm hai dòng Ismael và Quahta (hay Yoktan).

đại này đó, hai bộ lạc trên hợp thành một nước cộng-hòa thương-mại đã có thời giữ độc-quyền về mậu-dịch giữa Địa-trung hải và Ấn-độ-dương.

Tuy giữa hai dòng Nam và Bắc luôn luôn có sự tương-tranh nhưng về phương-diện ngôn-ngữ, sinh-hoạt kinh-tế đều đồng nhất.

Nói chung dân chúng còn dã man, thích chơi-bời rượu chè và hiếu-chiến. Riêng giới thượng-lưu Ả-rập rất ưa tự-do lại có nhiều hiệp-sĩ tính. Họ hết sức trọng danh-dự và đề cao nghệ-thuật đèn cực độ.

Người Ả-rập theo chế-độ đa thê. Tuy giàu nghèo, sang hèn họ sẽ có một số vợ và nàng hầu khác nhau. Đàn ông có thể bỏ vợ một cách dễ dàng hay đem bán như những người nô-lệ. Xã-hội Ả-rập rất khinh rẻ đàn bà, nên họ thường có tục chôn chết những con gái nhỏ ngay từ lúc sơ-sinh. Có lẽ họ cho rằng sự hiện-diện của một đứa con gái trong nhà là một cái nhục.

Trong giới hạ-lưu Ả-rập còn đầy rẫy những trộm cướp, giết-tróc, thù hận. Họ thường bắt cóc trẻ con các nhà giàu có để đòi tiền chuộc hay đem bán sang các vùng xa làm nô-lệ.

Tôn-giáo của họ là Đa-thần giáo. Đạo này biến-thể tùy từng địa-phương, tùy từng bộ-lạc nên mỗi nơi dân chúng có sắc-thái khác nhau :

Bộ-lạc Qais ở Mecca thờ 2 vị nữ-thần Manát và Allát. Manát tượng-trưng cho hạnh-phúc của loài người và Allát đại-diện cho trời. Trên hai vị nữ thần này có chúa-trời Allah, một vị thần cao cả nhất cai-trị cả các thần và muôn loài.

Trong khi ấy các bộ lạc bán du mục ở vùng Syria cũng thờ thần Allah nhưng thần này không được đứng ở hàng đầu mà còn bị xếp sau các vị thần khác xa.

Vào đầu Tây lịch kỷ nguyên, Thiên-chúa giáo bành-trướng vào tới vùng này nhưng chỉ có một số dân người Lakhm và Ghassa ở miền Nam theo tôn-giáo mới còn hầu hết đều cố giữ lấy tôn-giáo cổ-truyền. Đại-đế thời ấy người Ả-rập thờ các vật như cây cỏ, đá, cát... ngay ở Mecca bộ-lạc Qoraich thờ trong đền Kaba một tảng đá đen (Vân-thạch) lớn. Chính tảng đá này người Hồi-giáo sau này vẫn giữ lại thờ ở ngôi đền ấy cho đến ngày nay. Ngoài các vật, cũng ngay ở ngôi đền Kaba đó người ta còn thờ thêm đến

360 vị thần khác của đủ các bộ lạc khác ở dưới quyền cai trị của bộ-lạc Qoraich.

Người Đa-thần giáo Ả-rập rất cuồng tín. Họ đối xử một cách rất tàn bạo đối với các người khác phái và thực-hành nghi-lễ tôn-giáo một cách mù-quáng không phân-biệt thế nào là tín-ngưỡng, là mê-tín, dị-doan.

Họ tin-tưởng rất nhiều vào kiếp sau, họ coi người đã chết như người đang sống. Chẳng thế mà khi đi thăm mộ thân nhân, câu nói cửa miệng của họ là :

— « Đừng xa chúng tôi nhé ! »

Ngoài Hồi-giáo, ở Mecca cũng có một vài gia-đình theo Thiên-chúa-giáo nhưng thường chỉ là những gia-đình nghèo khổ sống ở ngoại ô mà thôi. Những người này dù có sự nâng-đỡ của các người đồng-đạo ở Constantinople, ở Abyssinie; Ghassan, Lakhm... sự cạnh-tranh với địa-phương giáo cũng rất yếu ớt.

Chính Mahammed, giáo-chủ đạo Hồi trong buổi đầu đã gặp những người này, để tìm hiểu Cơ-đốc giáo, nhưng vì họ không thông-hiểu lắm nên ông không định được rõ giá-trị và tôn-chỉ tôn-giáo ấy.

Ngoài Thiên chúa-giáo, ở vùng này còn có Do-thái giáo. Trong thời kỳ bắt đầu giảng đạo, ông có tìm hiểu Do-thái giáo trên sách vở. Lúc đó, ông có đồng ý với đạo này về nhiều điểm, nhưng về sau khi tiếp xúc thực-sự với những tín đồ đạo Do-thái, nhận-xét hành-động của họ, ông nhận thấy họ có nhiều chỗ sai lầm. Từ bây giờ, ông bác bỏ hoàn-toàn tôn-giáo này cũng như ông đã bác bỏ Thiên-chúa-giáo để khai sinh một tôn giáo mới, một tôn giáo độc thần, một tôn giáo ông cho là đúng nhất, xứng đáng mở đầu cho một kỷ nguyên mới : *Kỷ-nguyên Hồi-giáo.*

(Còn tiếp)

NGUYỄN-KHẮC-NGŨ

ĐÍNH-CHÍNH

Trong V.H.N.S. số này, ở mục « Thi-ca », trong bài thơ « Khóc-Bạn » của Trọng-Nghĩa Bửu-Duyệt, câu thứ hai xin đọc là : « *Tình-nghĩa chi mà có vậy thôi !* »

978/120

VĂN-HÓA — SỐ 63

MỤC-LỤC TỔNG-QUÁT VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

LOẠI MỚI

1955 — 1960

SỐ 1-57

- I. — Mục-lục phân-tích (theo mẫu-tự ABC)
- II. — Mục-lục các tác-giả (theo mẫu-tự ABC)
- III. — Mục-lục các tranh-ảnh.

Thiết-lập do NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN

LỜI TÒA SOẠN. — Để giúp bạn đọc thân mến tiện việc tra cứu các bài đã đăng trong tạp chí Văn.Hóa Nguyệt.san (Loại mới) từ năm 1955 đến 1960, tức từ số 1 đến số 57, bản báo có nhờ vị Linh Mục Nguyễn-khắc-Xuyên biên soạn giúp bản Mục.lục tổng quát, theo mẫu tự ABC, tất cả những bài (kèm tên các vị soạn giả) và những tranh.ảnh đã lần lượt in trong V.H.N.S. từ trước đến nay. Bắt đầu từ V.H.N.S. số 63 trở đi, bản báo xin cho đăng dẫn bản mục-lục tổng quát đó và đồng-thời, xin trân-trọng ghi nơi đây lời cảm tạ L.M. Nguyễn.khắc.Xuyên đã dày công-phụ giúp bản.báo trong việc biên.soạn bản mục.lục này.

V.H.N.S.

I. — MỤC-LỤC PHÂN-TÍCH (theo mẫu-tự ABC)

A

- An-Giang An-giang xưa và nay, Tân-việt-Diệu, 1959, 39, tr. 178-193.
Angkor Những truyện truyền-kỳ về Đế-thiên Đế-thích, Hồng-Thiên, 1958, 33, tr. 862-865.
Anh-ngữ Máy điều nhận xét về tiếng Anh, Vũ-đức-Trinh, 1958, 30, tr. 394-396.
Tìm hiểu văn-chương Anh-cát-lợi, Trần-phúc-Vỹ, 1960, 48, tr. 153-156;
49, tr. 304-311 ; 50, 481.485 ; 54, tr. 1185-1187 ; 56, tr. 1507-1515.

VĂN-HÓA — SỐ 63

979/121

Assoudan Đập nước lớn nhất hoàn-cầu : đập Assoudan, *Nguyễn-công-Huân*, 1956, 15, tr. 1703-1705.

Âm-nhạc Lược-sử âm-nhạc, *Thiên-Phụng*, 1955, 1, tr. 122-130; 2, tr. 278-284; 4, tr. 487-494; 6, tr. 719-722.

Những thề-nhạc mới Việt-Nam, *Thăm-Oánh*, 1955, 3, tr. 303-312; 4, tr. 406-416.

Âm-nhạc : một cửa dẫn đến chân-lý, *Nguyễn-Thiệu*, 1958, 29, 161-166; 30, 279-288; 31, 464-473.

Ấn-độ Ấn-độ và Việt-Nam trong công cuộc phục-hưng Á-châu, *Phan-Khoang*, 1957, 25, 915-916.

Giáo-dục xã-hội tại Ấn-độ, *Tân-việt-Điều và Nghi-Ba* dịch, 1958, 31, 548-561.

Tìm hiểu triết-học và văn-hóa dân-tộc Ấn-độ, *Nguyễn-đăng-Thực*, 1958, 32, 716-719; 33, 866-869.

Chống nạn mù chữ tại Ấn-độ, *Tân-Việt-Điều và Nghi-Ba*, 1958, 35, 1192-1200.

Vai trò của vô-tuyến truyền-thanh trong sự giáo-dục hương-thôn và trong sự sinh-hoạt của các trường học Ấn-độ, *Thiện-Phước* dịch, 1959, 46, 1506-1519; 47, 1681-1687.

Ấn-loát Nghệ ấn-loát ở Việt-Nam *Nguyễn-Quang*, 1957, 25, 885-889.

B

Bá-linh Tìm hiểu văn-đề Bá-linh (Berlin), *Tân-việt-Điều*, 1959, 39, 295-306.
Bạch-vân-am Dịch Bạch-vân-am thi-tập, *Trần-thanh-Dạm*, 1959, 42, 746-754.

Bahnar Đồng bào Bahnar tại Kontum, *Nam-Hưng*, 1957, 20, 262-276.

Banmêthuột Bên lề Hội chợ Banmêthuột, *Thái-văn-Kiểm*, 1957, 20, 313-317.

Ban-sa Gỗ ban-sa, *Nguyễn-văn-Phúc*, 1955, 1, 38-42.

Bàng-bá-Lân Cảnh-vật với thi-ca (trong Bàng-bá-Lân), *Thanh-Sơn*, 1957, 23, 626-628.

Báo-chí Tự-do báo-chí, *Huỳnh-khắc-Dụng*, 1959, 41, 533-539.

Bát-trần Bát-trần, *Thái-văn-Kiểm*, 1958, 37, 1419-1422.

Bằng phát-minh Bằng phát-minh sáng-chế, *Nam-Hưng*, 1957, 22, 556-565.

Beethoven Beethoven hay tài và mệnh, *Anh-Nguyên*, 1956, 13, 1506-1509.

Bông sợi Bông sợi, một nguồn lợi của Việt-nam, *Nghi-Ba*, 1958, 29, 214-228.

Bùi-huy-Bích Bùi-huy-Bích (1744-1816), *Trọng-Đức*, 1960, 48, 102-116.

C

Cơ-đạo Giá-trị nghệ-thuật trong ca-đạo, *Phạm-văn-Diêu*, 1957, 27, 1135-1144; 1958, 28, 59-69.

Cá colacăng Thủy-tô loài người phải chăng là cá colacăng? *Duy-Việt*, 1956, 11, 1271-1273.

Cao-nguyên Hai trang-sử Cao-nguyên, *Tế-Vân*, 1956, 11, 1185-1190. Đặc-san Cao-nguyên Trung-phần, 1957, 20. Địa-thế và kinh-tế Cao-nguyên Trung-phần, *Sơn-Trung*, tr. 281-290, 301-304; Người kinh đầu tiên lên Kontum, *Đỗ-năng-Văn*, tr. 305-309.

Cao-su Cao-su, *Chàng Hai*, 1957, 18, 89-98.

Cây đa Cây đa bến cộ, *Hương-Giang*, 1958, 28, 70-74.

Con ve Con ve và cái kiến, *Vương-hồng-Sơn*, 1958, 29, 191-195.

Cờ-học Thú chơi cờ cờ. *Vương-hồng-Sơn*, 1957, 27, 1127-1134; 1958, 28, 25-37.

Đồ sứ đời Tống, *Bửu-Cầm*, 1958, 37, 1501-1505

Ấm chén và đồ xưa, *Trần-thanh-Dạm*, 1960, 52, 710-721.

Cờ-diễn Bàn về phương-pháp duy-trì học cờ-diễn, *Bùi-Lương*, 1955, 6, 640-643.

Cờ-tiền Cờ tiền Việt-Hoa, *Nguyễn-Triệu*, 1960, 53, 962-970; 55, 1274-1278; 56, 1442-1445.

Cờ-tích Về văn-đề bảo-tồn cờ-tích, *Phạm-văn-Diêu*, 1957, 26, 994-997.

Cờ-tích danh-thắng Việt-Nam, *Tu-Trai*, 1958, 36, 1303-1305; 1959, 38, 103-105; 40, 448-453; 1960, 48, 96-101; 52, 781-784; 56, 1446-1452

Cờ-văn Bài « Kê minh thập sách », *Bừu-Cầm*, 1958, 32, 659-662.

Bài « Phóng cuồng ca » của *Trần-quốc-Tảng*, 1959, 39, 208-213.

Bài hát « Yêu nữ » (Ái miên ca) của Na-sơn ăn-si, *Bừu-Cầm*, 1959, 40, 422-426.

Sách « Tự-học giải-nghĩa ca » của vua Tự-Đức, *Bừu-Cầm*, 1959, 43, 920-926.

Công-dân giáo-dục Coi: *Đức-dục* và công-dân giáo-dục.

Công-lý Coi: *Khoa-học* và công-lý.

Cung-oán Bóng nga trong Cung-oán ngâm-khúc, *Phạm-xuân-Dô*, 1959, 40, 402-407.

Khảo luận về Cung-oán ngâm-khúc, *Phạm-văn-Diêu*, 1959, 44, 1078-1087; 45, 1243-1259; 46, 1450-1464; 47, 1608-1616

Curie (bà) Một nhà nữ bác-học hai lần được giải Nobel: Bà Curie, *Nguyễn-quảng-Huân*, 1956, 8, 921-927.

Cười Người Việt-Nam có mấy giọng cười, *Vương-hồng-Sên*, 1957, 25, 858-866.

Cường-đề Kỳ ngoại hầu Cường-đề, *Anh-Nguyễn*, 1958, 29, 186-190.

Chí-sĩ Ngày xuân với chí-sĩ Việt-Nam, *Tu-Nguyên*, 1957, 27, 1161-1174.

Chiêm-thành Chiêm-Thành và người Chăm, *Nguyễn-khắc-Ngữ*, 1957, 20, 326-331.

Ảnh-hưởng văn-hóa Chăm qua Việt-Nam, *Nguyễn-khắc-Ngữ*, 1957, 25, 898-905; 26, 1037-1046.

Ảnh hưởng và di tích Chiêm thành trong nền văn hóa Việt-Nam, *Thái-văn-Kiểm*, 1958, 29, 139-146, 152-160.

Một đám cưới Chăm theo đạo Balamôn, *Bổ-Thuận* và *Nguyễn-khắc-Ngữ*, 1958, 30, 334-336.

Một đoạn lịch-sử Chiêm-thành (từ đời Nguyễn-Hoàng đến triều Minh-mệnh), *Bừu-Cầm*, 1958, 36, 1246-1249.

Cờ-tích Chăm: thần Lửa, *Nguyễn-khắc-Ngữ*, 1959, 38, 67-74.

Ngài Chăm, *Bổ-Thuận* và *Nguyễn-khắc-Ngữ*, 1959, 46, 1473-1476; 1960, 48, 88-95.

Bà Xá-y-nư, dã-sử Chiêm-thành, *Nguyễn-khắc-Ngữ*, 1960, 51, 569-572.
Tại sao người Chăm Bà-ni kiêng thịt heo và thịt nhồng? *Bổ-Thuận* và *Nguyễn-khắc-Ngữ*, 1960, 53, 987-990.

Đi thăm kho tàng của các vua Chăm, *Nghiêm-Thâm*, 1960, 56, 1359-1366; 1960, 57, 1567-1575.

Chiết-tự Thánh nghề chiết-tự, *Trần-tuấn-Khai*, 1955, 2, 287-289.

Chim Tung cánh chim, *Thái-văn-Kiểm*, 1958, 30, 294-301.

Thú chơi chim, *Vương-hồng-Sên*, 1958, 36, 1275-1280; 37, 1423-1427.

Chinh-phụ-ngâm Khảo-luận về Chinh-phụ-ngâm, *Phạm-văn-Diêu*, 1960, 49, 213-225; 50, 367-376; 51, 521-537; 52, 747-761; 53, 939-955.

Thử so-sánh Chinh-phụ-ngâm-khúc với đoạn-trường tân-thanh, *Nguyễn-Khoa*, 1960, 54, 1093-1098; 55, 1268-1273.

Chlorophyle Hiệu-lực vạn năng của cơ-lô-rô-phin, *Chàng Hai*, 1957, 19, 196-206.

Chu-văn-An Chu-văn-An hay gương tiết-táo (1370), *Nam-Hưng*, 1957, 18, 43-50.

Chu mạnh-Trình Chu-mạnh-Trình một nhà văn phong nhã (1862-1905), *Vân-Cương*, 1956, 15, 1666-1672.

Churchill Winston Churchill, thạch-trụ của Vương-quốc Anh-cát-lợi, *Thanh-Tâm*, 1960, 55, 1313-1322; 56, 1479-1487; 57, 1662-1668.

Chư-tử Học-thuyết Chư-tử, *Trần-đình-Khai*, 1960, 51, 607-615; 52, 794-799; 54, 1131-1141; 56, 1468-1478

D

Dân-chủ Tinh-thần dân-chủ cổ-truyền tại Việt-nam, *Phan-Khoang*, 1957, 24, 728-731.

- Dân-tộc-Tính** Dân-tộc-tính, *Nguyễn-dăng-Thục*, 1955, 2, 156-169.
- Dầu hỏa** Khảo cứu về dầu hỏa, *Minh-Tuyết*, 1955, 5, 608-616.
- Diệu-Liên** Diệu-Liên nữ-sĩ, *Tôn-thất-Cảnh*, 1960, 57, 1556-1566.
- Doãn-Uần** Thân-thể và thi-ca của một nhà nho cận-đại : Doãn-Uần, *Nguyễn-dình-Diệm*, 1959, 40, 413-416 ; 42, 732-738 ; 44, 1111-1117.
- Dư-luận** Dư-luận và thanh-nghị, *Phang-Khoang*, 1957, 19, 114-147.
- Dự-cảm** Dự-cảm trong thi-văn Việt-Nam, *Văn-Thôn*, 1957, 21, 355-359.
- Dương-Khuê** Thi-nhân cận-đại : Dương-Khuê (1839-1902), *Dương Thiệu-Cương*, 1960, 54, 1048-1055.

D

- Đại-dương** Đại dương một kho tàng vô tận, *Chàng Hai*, 1956, 11, 1258-1261.
- Đại-học** Việc mở mang nền đại-học Việt-Nam, *Bộ trưởng Bộ Q.G.C.D.*, 1955, 1, 133-136.
- Lễ chuyên-giao Viện Đại-học hỗn-hợp, *Bộ trưởng Bộ Q.G.C.D.*, 1955, 3, 389-393.
- Diễn văn khai giảng niên-khóa 1955-1956, *Ngô Tổng-thống*, 1956, 8, 937-938.
- Diễn-văn khai giảng 55-56, Bộ-trưởng, 1956, 8, 938-944.
- Đà-lạt** Đà-lạt tươi thắm, *Hương-Giang*, 1958, 30, 315-319.
- Đào-duy-Từ** Một bậc kỳ-tài kiến-quốc : Đào-duy-Từ (1572-1634), *Tư-Nguyên* 1958, 32, 677-692.
- Đạo-đức** Chấn hưng đạo-đức, *Nam-Hưng*, 1956, 12, 1319-1326.
- Đạo-học** Đạo học hay là Triết học, *Nguyễn-dăng-Thục*, 1955, 6, 655-665.
- Đarlac** Giống người và gốc tích-tính Darlac, *Hồ văn Đàm*, 1960, 50, 438-445.
- Đường cao** « Đường cao » : bài thơ Đường hay nhất, *Vũ đức Trinh*, 1959, 41, 641-647.
- Đêm thu** Đêm thu gió lọt song đào, *Bao la cư sĩ*, 1960, 49, 207-212.
- Đi câu** Triết lý người đi câu, *Duy Việt*, 1957, 22, 498-500.

- Địa-Danh** Cõi : Vấn đề phiên-âm địa-danh ngoại-ngữ (trong mục : *Việt-ngữ*).
- Địa-lý** Cõi : Địa-lý-học Việt-nam qua các thời-đại.
- Điền-địa** Vấn-đề cải-cách điền-địa qua lịch-sử Việt-nam, *Nguyễn-công-Huân*, 1955, 2, 147-155.
- Vấn-đề cải-cách điền-địa ở các nước, *Nguyễn-công-Huân*, 1955, 3, 318-322 ; 4, 401-405.

Định-mệnh Định-mệnh con người, *Nguyễn-mạnh-Bảo*, 1960, 53, 909-913 ; 54, 1061-1067.

Đoan-ngộ Tết đoan ngộ, nói truyện Khuất-nguyên và tục giết sâu bọ, tục kháo cây, *Nguyễn-công-Huân*, 1959, 40, 364-372.

Đoàn-thị-Điễm, Đoàn-thị-Điễm, *Phạm-xuân-Dộ**, 1957, 27, 1145-1152 ; 1958, 28, 51-58 ; 29, 167-172 ; 30, 328-333 ; 31, 492-496.

Đông lai bác nghị Cầm thông và gián cách, *Nguyễn-trọng-Hân*, 1955, 2, 290-292.

A-đồng tư-tướng, trích « Đông lai bác nghị », *Nguyễn-trọng-Hân*, 1957, 21, 457-458.

Đông-Hời .. Đông-hời, Đông-hà, Đông-nai, *Hương-Giang*, 1959, 45, 1266-1273.

Đức-dục Đức dục và công-dân giáo-dục, *Phan-Khoang*, 1957, 25, 869-871.

Đức, Tài Luận về đức và tài, *Thái-văn-Kiểm và Tu-Trai*, 1958, 34, 909-914

Đường thi Thơ Đường-luật, *Liễn-vai-Thư ợc*, 1956, 10, 1072-1077 ; Thi-ca đời Đường, *Nguyễn-quảng-Xương*, 1957, 21, 435-477

E

Einstein Nhà vật-lý-học trứ-danh : Albert Einstein, *Nguyễn-văn-Tích*, 1955, 3, 372-374.

F

Franklin Benjamin Franklin, *Anh-Vinh*, 1956, 1, 1588-1591.

G

Gia-huấn-ca Luận bản về « Gia-huấn-ca » của cụ Phan-sào-Nam, *Phù-Lang* 1959, 40, 408-412.

Giáo-dục Nền giáo-dục mới tại Âu-Mỹ, *Phạm-xuân-Độ*, 1957, 25, 923-929.

Nhà giáo-dục, *Phạm-xuân-Độ*, 1958, 32, 637-645.

Một quan-niệm mới về giáo-dục, *Phạm-xuân-Độ*, 1958, 33, 818-822; 34, 953-959; 35, 1119-1124.

Nền giáo-dục mới với hiệu-doàn học-sinh, *Phạm-xuân-Độ*, 1958, 36, 1257-1261; 37, 1414-1418; 1959, 38, 50-56; 39, 202-207.

Triết-lý của giáo-dục, *Phạm-xuân-Độ*, 1959, 45, 1207-1214.

Kỹ-thuật với giáo-dục, *Phạm-xuân-Độ*, 1959, 47, 1580-1586.

Đức tñn với giáo-dục, *Phạm-xuân-Độ*, 1960, 49, 197-206.

Khuyến-cáo gửi các bộ giáo-dục về việc đào-tạo những nhân-viên giáo-huấn bậc trung-học, *Hội-nghị quốc-tế giáo-dục*, 1955, 1, 85-91.

Tính-chất cuộc cách-mạng về giáo-dục ở Âu-châu cuối thế-kỷ XVIII, *Trần-ngọc-Quế*, 1955, 2, 240-244.

Giáo-dục căn-bản tại Nam-Việt, *Võ-văn-Lúa*, 1955, 2, 297-298.

Nhà giáo qua các thời-đại, *Nam-Hưng*, 1956, 15, 1712-1721, 1740-1746.

Cuộc cách mạng giáo-dục cuối thế-kỷ XVII, *Nguyễn-Cương*, 1957, 22, 522-526.

Giá-trị và tính chất nền giáo-dục căn-bản, *Thái-văn-Kiểm và Nghi-Ba*, 1958, 30, 397-409.

Ban hát thồn quê tại xứ Ghana, *Thái-văn-Kiểm và Nghi-Ba*, 1958, 30, 409-416.

Việc dùng dụng-cụ thính-thị trong công cuộc giáo-dục kẻ trường-thành, *Thái-văn-Kiểm và Nghi-Ba* dịch, 1958, 33, 891-898.

Vô tuyến truyền-hình và giáo-dục căn-bản, *Thái-văn-Kiểm và Nghi-Ba*, 1958, 34, 1031-1037.

Vấn-đề giáo-dục và chương-trình của Unesco, *Nghi-Ba* dịch, 1958, 35, 1211-1214.

Phát-triển và cải-thiện giáo-dục học-đường, *Thiện-Phước*, 1958, 37, 1526-1530.

Unesco và giáo-dục quốc-tế, *Thiện-Phước*, 1959, 39, 331-334.

Ấn-phẩm của Unesco về giáo-dục, *Thiện-Phước* dịch, 1959, 40, 496-498.

Giáo-viên hương-thôn với giáo-dục căn-bản, *Thiện-Phước* dịch, 1959, 41, 653-660.

Bản-chất và vai trò của giáo-dục tráng-niên, *Thiện-Phước* dịch, 1959, 42, 827-836.

Tương-lai của giáo-dục tráng-niên, *Thiện-Phước* dịch, 1959, 43, 1013-1025; 44, 1164-1172.

Việc dùng vô-tuyến truyền-thanh trong ngành giáo-dục, *Thiện-Phước* dịch, 1959, 45, 1326-1341.

Đào-tạo tháp-họa-viên cho miền Đông Nam Á, *Thiện-Phước* dịch, 1959, 47, 1688-1694.

Vấn-đề giáo-dục tráng-niên, *Thiện-Phước* dịch, 1960, 51, 626-632.

Giáo-dục tráng-niên là một xa-hoà hay là một nhu yếu? *Thiện-Phước* dịch, 1960, 52, 842-849.

Các mục-tiêu và cách tổ-chức giáo-dục tráng-niên, *Thiện-Phước* dịch, 1960, 53, 1008-1014.

Liên-quan giữa mục-tiêu, phương pháp và xã-hội, *Thiện-Phước* dịch, 1960, 54, 1151-1158.

Giáo-dục trước thực-tế hiện-đại, *Nguyễn-minh-Châu* dịch, 1960, 55, 1330-1339.

Mục-tiêu của giáo-dục tráng-niên, *Thiện-Phước* dịch, 1960, 56, 1488-1496.

Thật có sự khủng-hoàng của nền giáo-dục tráng-niên không? *Nguyễn-minh-Châu* dịch, 1960, 57, 1669-1675.

Coi: Vai trò của vô-tuyến truyền thanh... trong sinh-hoạt trường-học Ấn-độ.

Chính-sách giáo-dục tại Việt-nam, *Trần-hữu-Thế*, 1959, 38, 1-X.

Tuần-lễ giáo-huấn, *Bộ-trưởng*, 2, 293-295.

Một nguồn gốc của nền giáo-dục Âu-tây, *I. V.* 1957, 24, 670-677.

Coi : Nền giáo-dục và học-vấn ở Mỹ.

Ghen Ghen dưới hai ngọn bút thần của Racine và của Nguyễn-Du, *Nghiêm-Toán*, 1957, 23, 678-692 ; 24, 784-796.

H

Hà-thành Ai là tác-giả câu « Phát-phơ cành trúc la đà » ? bài Hà-thành tức cành, *Dương-thiệu-Cương*, 1936, 8, 874-875.

Hỏi-học Hải-học-viện Nha-trang. B..., 1957, 19, 212-216.

Halley Edmond Halley, nhà thiên-văn nghiên-cứu các sao chổi, *Nghi-Ba*, 1957, 19, 217-220.

Hàn-dữ Coi : Hai bài *văn-tế* cá sấu.

Hàn-lâm-viện Thế-kỷ Lê-thánh-Tôn và việc thiết-lập Hàn-lâm-viện đầu tiên của nước Việt-nam, *Thái-văn-Kiểm*, 1955, 5, 507-517.

Hàn-mặc-tử Một thi-hào Việt-nam : Hàn-mặc-Tử, *Hương-Giang*, 1957, 26, 998-1012.

Thi-sĩ Hàn-mặc-Tử, nhà thơ cam chịu nhiều đau khổ nhất trong đời, *Nguyễn-Quang*, 1958, 29, 196-201.

Đôi nét về Hàn-mặc-Tử, *Quách-Tấn*, 1959, 46, 1377-1405.

Hàn-thuyên Coi : Hai bài *văn-tế* cá sấu.

Hát bội Khảo cứu về hát bội qua vài điệu niêu-nồi và pha phách, *Vương-hồng-Sên*, 1958, 31, 482-491 ; 32, 626-636.

Hiệu-đoàn Hiệu-đoàn học-sinh với tâm-lý-học, *An-Khê*, 1957, 18, 37-42, 51-62.

Coi : Nền giáo-dục mới với hiệu-đoàn học-sinh.

Hitler Đời phiêu-lưu của Hitler, *Minh-Tuyết*, 1955, 2, 245-255 ; 3, 367-371 ; 4, 461-467 ; 5, 576-583.

Hoa Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa..., *Nguyễn-công-Huân*, 1958, 28, 19-24.

Hoa mai Hoa mai vàng của miền Nam, *Nguyễn-công-Huân*, 1956, 17, 1923-1925.

Hoa quỳnh Đóa hoa quỳnh với mùa thu, *Nguyễn-công-Huân*, 1956, 15, 1664-1665.

Hoa Tiên Khảo luận về Truyện Hoa Tiên, *Phạm-văn-Điêu*, 1959, 41, 513-532 ; 42, 713-723 ; 43, 931-951.

Học Việc học của tỉnh Bắc-ninh, *Vũ-huy-Chân*, 1955, 2, 170-184.

Học-chế Học chế ở Việt-nam qua các triều-đại, *Bửu-Cầm*, 1958, 33, 811-813 ; 34, 947-952 ; 35, 1102-1108.

Học-đường Học-đường trung-lập, *Nghi-Tâm*, 1956, 12, 1327-1330.
Công-cuộc bồi-túc học-đường, *Phạm-xuân-Độ*, 1957, 26, 1058-1063.

Học-vấn Cái thú học-vấn, *Trần-luấn-Khải* dịch, 1957, 24, 797-799.

Hòa-tĩnh Văn chuyện hòa-tĩnh, *Nguyễn-chung-Tú*, 1957, 21, 431-434.

Hoàng-Diệu Sống chết với Long-thành : Hoàng-Diệu, *Hoài-Quang*, 1956, 11, 1196-1204.

Hoàng-học-lâu Hoàng-học lâu, *Quách-Tấn*, 1960, 50, 331-334.

Hoàng-kế-Viêm Thân-thể và sự-nghiệp Hoàng-kế-Viêm, *Nguyễn-Quang*, 1959, 38, 75-81 ; 39, 246-251 ; 41, 579-583.

Hồ (nhà) Những cải-cách của nhà Hồ (1400-1407) *Nguyễn-Cương*, 1957, 21, 349-354.

Hồ-xuân-Hương Nữ-sĩ Hồ-xuân-Hương, *Văn-Cương*, 1956, 17, 1915-1922, 1935-1940.

Hộ-tĩnh Câu chuyện hộ-tĩnh nhân-tạo, *Nguyễn-chung-Tú*, 1956, 8, 916-920.

Hội-họa Triển-lãm hội-họa mùa xuân Kỷ-hợi 1959, *Đoàn-Thêm*, 1959, 38, 82-86.

Nền hội-họa Trung-hoa qua các thời-đại, *Hương-Giang* và *Nghi-Ba*, 1959, 39, 320-329 ; 40, 478-483.

Hôn-nhôn Văn-đề hôn-nhôn, *Tam-Chi*, 1958, 36, 1297-1302 ; 1959, 39, 238-245.

Hồng-lâu-mộng Hồng-lâu mộng lược-khảo, *Vương-hồng-Sên*, 1958, 33, 870-877 ; 34, 1025-1030 ; 35, 1182-1186.

Hồng-Sơn Văn-phái Hồng-sơn và vị-trí ti-đổi của sách đoạn-trường tân-thanh trong văn-phái ấy, *Phạm-văn-Diêu*, 1960, 57, 1533-1544.

Huế Huế muôn thuở, *Thái-văn-Kiểm*, 1957, 19, 120-130.

Hai mươi thắng cảnh Thần-kinh, *Thái-văn-Kiểm* và *Tu-trai thị*, 1958, 35, 1071-1085, 1109-1118.

Lăng-tâm-Huế, *Hương-Giang*, 1959, 41, 548-556.

Những ngày oanh-liệt của quân cảng Hương-giang, *Tôn-thất-Cánh*, 1960, 53, 956-961.

Hùng-Vương Tưởng-niệm về ngày quốc-tử, *Tư-Nguyên*, 1958, 29, 202-213.

Mười tám vị vua dựng nước ta là Lạc-vương hay Hùng-vương ? *Phạm-hoàn-Mi*, 1960, 50, 414-423 ; 51, 573-581, 52, 762-769 ; 54, 1104-1108 ; 55, 1279-1288.

Huyền-Trân Huyền Trân về Chiêm quốc, *Bao-la*, 1959, 43, 913-919.

Hương Hương thơm, *Thanh-Tâm*, 1959, 42, 799-808.

Hướng-đạo Phong-trào hướng-đạo ở thế-giới và Việt-nam, *Nghiêm-Thạch*, 1959, 41, 626-634.

Thánh Georges và hướng-đạo đoàn, *Trịnh-Văn*, 1960, 50, 392-395.

Hylạp Hiền-triết Hylạp, *Lê-chí-Thiếp*, 1960, 49, 288-291 ; 50, 459-462 ; 51, 621-625 ; 54, 1124-1130 ; 56, 1502-1506.

K

Kiều Cái án bán tơ trong truyện Kiều, *Bùi-quang-Tung*, 1956, 13, 1461-1467.

Truyện Kiều và lời thơ tập Kiều, *Hoài-Nhã*, 1956, 14, 1536-1547.

Văn-chương triết-lý và khoa-học trong truyện Kiều, *Thái-văn-Kiểm*, 1957, 25, 839-857 ; 26, 973-989.

Tiếng « người » và tiếng « ai » trong văn chương truyện Kiều, *Phù-Lang*, 1958, 34, 941-946 ; 35, 1143-1147.

Những tài liệu mới lạ của đoạn-trường tân-thanh; *Nguyễn-dình-Diệm* dịch, 1958, 34, 979-983 ; 35, 1139-1142.

Truyện Thúy-Kiều với người ngoại-quốc, *Vũ-đức-Trinh*, 1958, 36, 1236-1245, 37, 1440-1447 ; 1959, 38, 39-43.

Mấy nét tế-nhị trong truyện Kiều, *Phạm xuân Dật*, 1959, 41, 540-547.

Thanh-tâm tài-nhân là ai ? *Bửu-cầm*, 1959, 41, 557-561 ; 42, 694-700.

Coi : Thử so-sánh *Chinh-phụ* ngâm-khúc với đoạn trường tân thanh.

Coi : Văn-phái *Hồng-Sơn* và vị-trí...

Kim-cương Kim-cương nhân-tạo, *Nguyễn chung Tú*, 1956, 13, 1503-1505.

Kinh-tế Lịch-sử tiến-hóa xã-hội kinh-tế, *Nhất-Chi*, 1955, 1, 113-122.

Kinh-thi Tìm hiểu Kinh thi, *Bửu-Cầm*, 1959, 45, 1301-1307 ; 46, 1499-1505.

Khinh-khí Bom khinh-khí, *Anh-Nguyễn*, 1955, 2, 275-277.

Khoa-học Tin tức khoa-học, *Chàng-Hai*, 1955, 3, 385-388.

Thiên bất dung gian, *Nguyễn-chung-Tú*, 1956, 10, 1150-1152.

Khoa-học và công-lý, *Nguyễn-thị-Thuần*, 1957, 26, 1084-1093 ; 27, 1204-1210.

Không-gian Không-gian công-pháp, *Thanh-Tâm* dịch, 1959, 43, 998-1006.

Không-học Chữ « Đạo » trong Không-học, *Bùi-Lương*, 1956, 11, 1262-1265
Học-thuyết « tam vô » của đạo Không, *Tế-Xuyên*, 1958, 33, 826-827.

Không-Mạnh Thành tín (trong Không-Mạnh), *Tu-Trai thị*, 1958, 29, 147-151 ; 30, 289-293.

Người và ta trong học-thuyết Không-Mạnh, *Tế-Nguyên*, 1959, 38, 44-49.

Không-tử Cương đạo-đức. hay tiêu-sử đức Không, *Nam-Hung*, 1956, 15, 1747-1750.

Quan-niệm qui thần theo Không-giáo, *Huyền-Mặc*, 1957, 19, 192-195.
Không-tử dưới con mắt các nhà tân-học Trung-quốc, *Trần-tuấn-Khải*, 1957, 21, 451-454.

Triết-lý chính-trị của Không-tử, *Nguyễn-dăng-Thục*, 1957, 22, 551-555.

Giá-trị trường-cửu của tư-tưởng Không-Mạnh, *Nguyễn-dăng-Thục*, 1957, 25, 827-838.

Lý-tính đại-đồng ở Không-tử và Descartes, *Nguyễn-dăng-Thục*, 1957, 26, 990-993 ; 27, 1153-1160.

Khi đức Khổng-tử chấp chính, *Tế-Xuyên*, 1959, 39, 330.

Công-nghiệp giáo-dục của Khổng-phu-tử, *Đặng-mộng-Lâu*, 1959, 43, 1007-1012; 44, 1156-1163.

Luận về sự lập chí theo quan-niệm của Khổng-tử, *Đặng-mộng-Lâu*, 1960, 48, 157-160; 49, 284-287.

Khuyến Những giai thoại về con « khuyến » xưa và nay, *Trúc-Lâm*, 1958, 28, 38-50.

Khương-công-phụ Khương-công-phụ, *Bửu-Cầm*, 1960, 51, 1117-1123.

Kỷ-hội Những năm Kỷ-hội trong lịch-sử Việt-nam, *Phù-Lang*, 1958, 37, 1400-1405.

Kỳ-tài Buổi thiếu-thời của những bậc kỳ-tài Đông-Tây, *Bao-La*, 1960, 48, 33-53.

L

Lam-sơn Một vài tài-liệu về những tấm bia ở Lam-sơn, *Anh-Nguyễn*, 1955, 3, 329-333.

Giá-trị lịch-sử và tinh thần của cuộc khởi-nghĩa Lam-sơn, *Đắc-tò*, 1956, 14, 1531-1535.

Lãng mạn Nhìn lại một thời Lãng-mạn trong thi-ca Việt-nam, *Hà-như-Chi*, 1957, 22, 471-492; 23, 604-621.

Lão-tử Đạo-đức-kinh (của Lão-tử), *Nghiêm-Tôn* dịch và chú-giải, 1955, 3, 358-366; 4, 448-455; 5, 568-575; 6, 683-691; 7, 799-807. — 1956, 8, 896-909; 9, 1032-1042; 10, 1126-1138; 11, 1250-1257; 12, 1373-1380; 13, 1478-1483; 14, 1600-1610; 15, 1706-1711; 17, 1948-1954. — 1957, 18, 77-84; 19, 172-176; 21, 409-419; 22, 517-521; 23, 651-657; 24, 773-778; 25, 909-914; 26, 1051-1057. — 1958, 28, 99-105; 29, 233-240; 30, 377-383; 31-528-532; 32, 711-715; 33, 854-861; 34, 1010-1014; 35, 1171-1181; 37, 1489-1500. — 1959, 38, 117-121, 39, 283-291; 40, 454-461; 41, 612-616, 42, 793-798; 43, 982-990, 44, 1145-1149; 46, 1491-1498; 47, 1674-1680.

Lê-văn-Duyệt Một danh-nhân triều Nguyễn : Lê-văn-Duyệt, *Anh-Nguyễn*, 1956, 6, 644-651.

Tả-quân Lê-văn-Duyệt, (1763-1832), *Hưng-Việt*, 1958, 37, 1468-1477.

Lê-quang-Định Thân-thế và sự-nghiệp Lê-quang-Định. (1759-1813) *Nguyễn-Triệu*, 1960, 55, 1220-1222.

Lê-văn-Hưu Những áng di-văn của Lê-văn-Hưu, *Phù-Lang*, 1960, 51, 589-593.

Lê-văn-Khôi Dự-nhượng Việt-nam : Lê-văn-Khôi, *Huyền-mặc*, 1957, 23, 589-594.

Lê-Lợi Lê-Lợi và anh chàng Thọ Xê, *Hoàng-Khôi*, 1956, 14, 1548-1550.

Lê-Quỳnh Nghĩa-sĩ triều Lê-mạt : Lê-Quỳnh (1804), *Văn-Chung*, 1958, 33, 837-844.

Lê-thánh-Tôn Cõi : thế-kỷ Lê-thánh-Tôn và việc thiết-lập *Hàn-lâm-viện* đầu tiên của nước ta.

Khảo-luận về Lê-thánh-Tông, *Phạm-văn-Diêu*, 1959, 40, 378-394.

Lean Evans Herbert Mc Lean Evans, *Thanh-Tâm*, 1960, 50, 468-480.

Lễ Mấy tiết-lễ chính trong tháng giêng, *Quyên-Lâm*, 1957, 18, 7-12.

Lịch Tết và lịch, *Nguyễn-chunng-Tú*, 1956, 17, 1967-1972.

Âm-lịch với dương-lịch, *Nguyễn-Triệu*, 1959, 47, 1603-1607; 1960, 48, 83-87; 49, 259-264.

Liên-hiệp-quốc Trụ-sở Liên-hiệp-quốc ở Nữ-ước, *Xuân-An*, 1956, 9, 1043-1046.

Liên-tường Tài-liệu triết-học : Liên-tường, *Lạc-Dô*, 1956, 13, 1445-1449.

Littre Gương cần-lao, gương nỗ-lực (Emile Littré), *Nguyễn-văn-Phúc*, 1955, 2, 285-286.

Loan-phụng Loan-phụng hòa-minh, *Hương-Giang*, 1958, 37, 1394-1399.

London Văn-hào Jack London, *Thanh-Tâm*, 1960, 52, 807-817; 53, 1020-1023; 54, 1142-1150.

Longfellow Thân-thế thi-sĩ Henri Wadsworth Longfellow, *Nguyễn-dình-Hòa*, 1957, 27, 1198-1203.

Long-khánh Tinh Long-khánh, *Nguyễn-văn-Khiết*, 1959, 45, 1282-1287.

Lý (nhà) Biên-cương về thời nhà Lý, *Nguyễn-Hưng*, 1957, 19, 113-119.

- Lý-Bạch Thân-thế Lý-Bạch, *Tu-trai* dịch, 1959, 41, 648-652 ; 42, 817-826,
 Lý-phục-Man Một danh tướng nhà Tiền-Lý : Lý-phục-Man, *Đỗ-bá-Yên*,
 1956, 12, 1345-1355.
 Lý-văn-Phúc Hoa-trình tiện lâm khúc (Nhật-ký trên đường từ Huế đi Bắc-
 Kinh của Lý-văn-Phúc), *Thanh-Liên*, 1960, 57, 1623-1628.

M

- Mã-lai Văn-học cổ-diễn Mã-lai, *Nguyễn-quảng-Xương*, 1955, 5, 584-587.
 Mai-hoa Lạc Mai-hoa và Mai-hoa lạc, *Thái-văn-Kiểm* 1960, 52, 725-735.
 Mạnh-Khương Nàng Mạnh-Khương trong văn-chương Hoa-Việt, *Vũ-dức-
 Trinh*, 1960, 55, 1249-1257 ; 56, 1436-1441 ; 57, 1601-1608.
 Máy chữ Máy chữ, *Nguyễn-văn-Phúc*, 1956, 13, 1510-1512.
 Mặc-Cửu Mặc-Cửu vói đất Hà-tiên. *Anh-Nguyễn*, 1957, 26, 1030-
 1036.
 Măng-đen Thế nào là học-thuyết măng - đen trong khoa sinh-học, *Nguyễn-
 công-Huân*, 1955, 4, 456-460 ; 6, 696-699.
 Mặc-học Mặc-học, *Nguyễn-đăng-Thục*, 1955, 4, 468-473.
 Mẫu-hệ Chế-độ mẫu-hệ của đồng-bào Đê, *Y.D.*, 1957, 20, 277-280.
 Mèo (người) Người Mèo miền Cao-nguyên Việt-nam, *Đ.B.Y.*, 1957, 20,
 336-337.
 Miến-Điện Giữa Miến-điện và Việt-nam, *Hương-Giang*, 1958, 29, 241-245.
 Thingyan hay là Tết Miến-điện, *Trần-văn-Dĩnh*, 1953, 31, 533-535.
 Minh-hương Cốc-tích người Minh-hương, *Thái-văn-Kiểm*, 1960, 55, 1222-1227.
 Móng tay Tết doan-ngọ nhuộm móng tay, *Nguyễn-công-Huân*, 1955, 4, 429-
 432.
 Mozart Truyện thần-đồng Mozart, *Thẩm-Oanh*, 1956, 10, 1139-1146 ;
 11, 1274-1277.
 Mustapha Kémae Mustapha Kémal, vị anh-hùng cứu-quốc, *Anh-Nguyễn*,
 1956, 12, 1395-1404.
 Mừng Coi : Những tục-lệ kỳ-lạ về ngày Tết của người Mừng.
 Mỹ Nền giáo-dục và học-vấn ở Mỹ, *Võ-Lang*, 1959, 46, 1520-1527 ; 47,
 1701-1706.
 Mỹ-thuật Nền mỹ-thuật Việt-nam, *Quang-Linh*, 1958, 30, 320-327.

N

- Nam-tiến Cuộc Nam-tiến dưới triều Trần, *Thanh-sơn*, 1957, 22, 467-470.
 Lược-sử cuộc Nam-tiến của dân-tộc Việt-nam, *Tu-Nguyên*, 1959, 43,
 969-681 ; 44, 1132-1141.
 Nam-Việt Những ai đã cai-trị miền Nam, *Đào-văn-Hội*, 1956, 11, 1233-
 1234.
 Một sử-liệu quý-giá về Nam-phần Việt-nam, *Bửu-Cầm*, 1958, 31,
 506-508.
 Thi-ai miền Nam, *Nguyễn-văn-Kiệt*, 1958, 31, 435-448 ; 32, 616-625 ;
 33, 804-810 ; 34, 970-978.
 Sông núi miền Nam : địa-danh học và phong-tục học, *Thái-văn-Kiểm*,
 1958, 32, 597-611 ; 33, 781-803.
 Hương sắc miền Nam, *Nguyễn-thành-Cung*, 1959, 46, 1406-1426.
 Nếu . . . Nếu . . . *Hoài-Quang* dịch, 1957, 26, 1094-1095.
 Nigeria Tìm hiểu việc nước bằng vô-tuyến truyền thanh tại Nigeria, *Thái-
 văn-Kiểm* và *Nghi-Ba* dịch, 1958, 32, 733-737.
 Nobel Nobel và giải-thưởng Nobel, *Nguyễn-quảng-Tuân*, 1955, 2, 256-263.
 Giải thưởng Nobel, *Thành-tường-Huy*, 1958, 36, 1337-1354.
 Nôm (chữ) Nguồn gốc chữ nôm, *Bửu-Cầm*, 1960, 50, 347-355.
 Nùng Người Nùng : một thành-phần của quốc-dân Việt-nam, *Phùng-bá-Khanh*,
 1956, 9, 983-988 ; 10, 1111-1113.
 Ngọc-Hân Ngọc-Hân công-chúa với bài ai-tư-văn, *Phạm-văn-Diêu*, 1958, 36,
 1262-1274.
 Ngọc-Liên, Ngọc-Đĩnh Theo dấu hai bà Ngọc-Liên, Ngọc-Đĩnh, *Phạm-dĩnh-
 Khiêm*, 1959, 43, 882-902.
 Ngọc-nữ Tổng luận về « bốn ngọc nữ miền Nam », *Nguyễn-thành-Cung*, 1959,
 43, 904-906.
 Ngọc-Vạn, Ngọc-khoa Theo dấu hai bà Ngọc-Vạn, Ngọc-Khoa, *Thái-văn-
 Kiểm*, 1959, 43, 861-880.
 Ngô-thời-Nhiệm Gương người xưa : Ngô-thời-Nhiệm, *Văn-Chung*, 1959,
 45, 1288-1294.

- Ngô-Nhận-Tĩnh Thân-thể và sự-nghiệp Ngô-nhận-Tĩnh (1813), *Nguyễn-Triệu*, 1960, 55, 1217-1220.
- Ngôn-ngữ Phương-pháp so-sánh các ngôn-ngữ, *Nguyễn-dình-Hòa*, 1959, 41, 566-572.
Ngôn-ngữ và thơ-ngữ, *Nguyễn-dình-Hòa*, 1959, 45, 1237-1242.
- Ngũ-giác Tòa ngũ-giác, *Nguyễn-văn-Chúc*, 1955, 6, 704-706.
- Nguồn-gốc Ảnh hưởng của một nguồn gốc, *Phạm-Xuân-Độ*, 1955, 4, 395-400 ; 5, 518-525.
- Nguyên-tử Mười năm lịch-sử của nguyên-tử-lực, *Tăng-xuân-An*, 1955, 7, 808-815.
Bao giờ có điện nguyên-tử, *Vũ-Lang*, 1960, 49, 312-315.
Nguyên-tử phụng sự canh-nông, *Vũ-Lang* dịch, 1960, 51, 647-652.
Đồng-hồ nguyên-tử, *Vũ-Lang* dịch, 1960, 52, 823-828.
Tàu ngầm nguyên-tử Spipjack, *Vũ-Lang* dịch, 1960, 55, 1323-1329.
Coi : *Oppenheimer*.
- Nguyễn (nhà) Nhà Nguyễn với Trung-quốc hay một ngộ-nhận tai hại, *Phạm-Cương*, 1956, 15, 1651-1655.
- Nguyễn-Biểu Nguyễn-Biểu ăn cổ đầu người, *Hoài-Quang*, 1956, 13, 1437-1444.
- Nguyễn-hữu-Cảnh, Lê-tài-Hầu Nguyễn-hữu-Cảnh, *Tu-trai thị*, 1959, 47, 1649-1652.
- Nguyễn-Du Coi : *Nguyễn-Trãi* và Nguyễn-Du cùng thuộc một dòng họ.
Coi : *Chen* dưới hai ngọn bút thần...
- Nguyễn-huỳnh-Đức, Danh-nhân Nam-Việt : Tiền quân Nguyễn-huỳnh-Đức (1748-1819), *Hưng-Việt*, 1960, 53, 971-986.
- Nguyễn-thượng-Hiền Thơ phú của nhà chí-sĩ Nguyễn-thượng-Hiền, *Hoài-Quang*, 1955, 2, 220-229.
Văn-chiêu hồn nước của Mai-sơn Nguyễn-thượng-Hiền, *Nguyễn-văn-Bình* dịch, 1955, 3, 355-357.

- Nguyễn-bình-Khiêm Khảo-luận về Nguyễn-bình-Khiêm (1492-1587), *Phạm-văn-Điêu*, 1959, 39, 228-237.
- Nguyễn-Khuyến Nguyễn-Khuyến với thơ nôm, *Nghi-Tâm*, 1956, 14, 1559-1568, 1579-1590.
- Nguyễn-hàm-Ninh Bạn đồng-diệu Cao-bá-Quát : thủ-khoa Nguyễn-hàm-Ninh *Văn-Chung*, 1958, 35, 1148-1161.
- Nguyễn-văn-Nhôn Hữu-quân quận-công Nguyễn-văn-Nhôn (1752-1822), *Nguyễn-Triệu*, 1960, 57, 1579-1588.
- Nguyễn-tri-phương Nguyễn-tri-Phương, *Anh-Nguyễn*, 1957, 21, 393-401.
- Nguyễn-trường-Tộ Nguyễn-trường-Tộ với vấn-đề kinh-tế (1828-1871), *Đào-văn-Hội*, 1957, 19, 131-136.
Nguyễn-trường-Tộ (1828-1871) *Tư-Nguyên*, 1957, 26, 1013-1021.
- Nguyễn-Trãi Cương hi-sinh của Nguyễn-Trãi, *Thành-tường-Huy*, 1958, 35, 1129-1138.
Nguyễn-Trãi và Nguyễn-Du cùng thuộc một dòng họ và chung một ông tổ, *Lê-Thước*, 1960, 57, 1620-1622.
- Nguyễn-công-Trứ, Nguyễn-công-Trứ với tinh thần quốc-gia, *N.H.* 1956, 12, 1305-1314.
Thân-thể và sự-nghiệp Nguyễn-công-Trứ, *Nguyễn-công-Huân*, 1959, 42, 701-707, 44, 1056-1060.
- Nguyễn-Trung-Trực, Nguyễn-trung-Trực vị anh-hùng miền Nam, *Đào-Viên*, 1956, 12, 1352-1353.
- Ngữ-học, Ngữ-học đã tiến đến đâu ? *Nguyễn-dình-Hòa*, 1959, 39, 256, 262 ; 40, 359-363.
Khoa ngữ-học ở Hoa-kỳ *Nguyễn-dình-Hòa*, 1960, 55, 1301-1305 ; 57, 1657-1661.
- Người Một người trị giá là bao ? *Nguyễn-công-Huân*, 1955, 6, 652-65,4
- Nha-trang Nha trang du-ký *Nguyễn-công-Huân*, 1957, 21, 368-377.
- Nhạc để Đọc thi phẩm « nhạc-dề » của Đoàn-Thêm, *Đình-Hùng*, 1960, 52, 770-780.
- Nhạc thơ Kim cổ nhạc thơ, *Phạm kỳ*, 1958, 32, 671-672.

Nhân-Khanh Một nữ-sĩ cận-dại : Bà Nhân-Khanh, *Dương thiệu-Cương*, 1956, 11, 1229-1232.

Nhân-chủng-học Nhân-chủng-học : một vấn-đề văn-hóa quan-trọng, *Nghiêm Thâm*, 1960, 48, 15-32.

Nhật-bản Bang-giao lịch-sử giữa Việt-nam và Nhật-bản, *Bửu-Cầm*, 1957, 25, 917-919.

Nền Giáo-dục Nhật-bản, *Anh-Nguyễn*, 1958, 31, 542-547 ; 32, 720-727.

Lễ anh-đào tại Nhật-bản, *Tu-Hương*, 1958, 34, 1020-1024.

Chương hiệu học của Nhật-bản, *Song-An*, 1958, 35, 1187-1191.

Công-cuộc truyền-thụ văn-hóa cho Nhật-bản, *Phan-khoang*, 1958, 36, 1328-1336.

Phương-pháp giáo-dục ở thời ấu-trì (Khảo cứu nền giáo-dục Nhật-bản hiện đại), *Đoàn văn-An*, 1959, 47, 1695-1700 ; 1960, 48, 129-137
Ngành giáo-dục ở thời đại Minh-trị Duy-Tân, *Đoàn văn An*, 1960, 49, 275-283, 50, 453-458 ; 51, 616-620 ; 52, 800-806 ; 54, 1172-1184 ; 55, 1306-1312.

O

Ốc Những khối óc nhân-tạo, *Vũ-Lang* dịch, 1960, 50, 463-467.

Ốc-eo Từ gò Ốc-eo đến vàm Bến Nghé, *Thái-văn-Kiểm*, 1960, 57, 1545-1555.

Oppenheimer Cha đẻ bom nguyên-tử : J.R. Oppenheimer, *Thùy-Nhân*, 1960, 51, 633-646.

P

Pestalozzi Thân-thế và phương-pháp giáo-dục của Henri Pestalozzi (1746-1827), *Minh-Tâm*, 1960, 57, 1681-1690.

Pearl Buck Bà Pearl Buck, *Nguyễn-quảng-Tuân*, 1955, 3, 375-379 ; 4, 474-477.

Thân-thế và sự-nghiệp nhà văn Pearl Buck, *Nguyễn-dinh-Hòa*, 1957, 21, 420-428.

Phạm-đăng-Hưng Họ Phạm Gò-Công, *Bao-La*, 1960, 56, 1417-1435.

Phan-thanh-Giản Thân-thế và sự-nghiệp cụ Phan-thanh-Giản, *Nguyễn-Quang*, 1958, 32, 648-658.

998/140

VĂN-HÓA — SỐ 63

Phan-dình-Phùng Đức độ và khí-tiết của nhà chí-sĩ Phan-dình-Phùng, (1847-1895), *Cao-Nhã*, 1958, 36, 1306-1317.

Hai bức thư lịch-sử hay là Hoàng-cao-Khải dụ Phan-dình-Phùng, *Trần-công-Chính*, 1960, 50, 406-413.

Pháo Lược sử về pháo và thuốc pháo, *Thùy-Nhân*, 1956, 17, 1984-1993.

Pháp Công-cuộc đào-luyện thợ-thuyền tại Pháp và nhiệm-vụ viện Lao-động Strasbourg, *Thái-văn-Kiểm* và *Nghi-ba* dịch, 1958, 31, 573-577.

Phần-lan Các học-viện và các trường Trung-học Lao-động tại Phần-lan, *Thái-văn-Kiểm* và *Nghi-Ba* dịch, 1958, 31, 561-972.

Phật-giáo Ảnh hưởng Phật-giáo dưới triều Lý, *An-Thuận*, 1956, 11, 1191-1195.

Giáo-lý nhà Phật và khoa-học, *Nguyễn-thị-Thuần*, 1957, 25, 939-953.

Văn-nghệ Việt-nam với triết-lý Phật-giáo, *Nguyễn-dăng-Thục*, 1959, 39, 194-201.

Phi-luật-Tân Nền giáo-dục tại nước Phi-luật-Tân, *Minh-Tâm*, 1958, 29, 260-263.

Phong-kiến Nguy hại của phong-kiến, *Phan-Khoang*, 1957, 22, 529-540

Phụ-phụ Tình nghĩa vợ chồng qua các câu ca-dao, *Tu trai thị*, 1958, 31, 459-463.

Phù-nam Phù nam về phương-diện địa-lý, *Nguyễn-khắc-Ngỡ*, 1960, 54, 1086-1092 ; 55, 1262-1267.

Phụ-nữ Phụ-nữ Ấn-độ qua các thời-dại, *Tăng-xuân-An*, 1955, 6, 692-695.

Địa-vị và sức tranh-đấu của phụ-nữ, Bà *Mai-Anh*, 1956, 10, 1069-1077.

Phụ-nữ Đông-phương với tinh-thần quốc-gia, *Cao-Nhã*, 1956, 12, 1381-1387.

Cương nữ-giới, *Thanh-Trai*, 1957, 19, 148-150.

Tâm-hồn phụ-nữ qua những ca-dao nọng ngữ, *Nguyễn-Quang*, 1957, 27, 1175-1178.

Phùng-tụy-Bạc Phùng-tụy-Bạc, một hàn-sĩ đất Hoài-Châu, *Nguyễn-quang*, 1958, 30, 421-4273.

VĂN-HÓA — SỐ 63

999/141

prudhomme Thi-sĩ Sully Prudhomme 1839-1908, *Nguyễn-quảng-Tuân*, 1956, 11, 1266-1270.

Q

Quang-Trung Vua Quang-Trung đã mưu đánh Trung-hoa bằng cách nào ? *Tôn-thất-Cánh*, 1960, 51, 555-561.

Quân-đồng Luật quân đồng và hai nhà bác học Trung-hoa, *Tương-mai-Huyền*, 1958, 37, 1506-1518.

Qui-học Qui-học là gì ? *Tu trai thi*, 1959, 43, 952-958 ; 44, 1105-1110.

Quí thần Cõi : Quan-niệm quí thần theo không-giáo.

Quốc Gia Số 12 : đặc san về tinh-thần quốc-gia

Quốc-gia dân-tộc và tở-quốc, *Nghiêm-Toản*, 1956, 12, 1315-1318.

Tinh-thần quốc-gia với dân-tộc Việt-nam, *Vũ-huy-Chân*, 1956, 12, 1331-1343.

Tư-tưởng quốc-gia (trích âm-băng văn-tập), *Nguyễn-văn-Bình* dịch, 1956, 12, 1392-1394.

Thuật giữ nước của người xưa, *Hoài-quang*, 1957, 22, 507-509.

Một quan-niệm quốc-gia, *Thanh-Sơn*, 1958, 30, 302-307.

Quốc-hiệu Quốc-hiệu nước ta, *Nguyễn-Triệu*, 1959, 40, 395-401 ; 41, 573-578.

R

Racine Cõi : *Ghen* dưới hai ngọn bút thần . . .

Rhadê Gốc tích đồng-bào Rhadê, *Nguyễn-công-Huân*, 1957, 20, 310-312.

Rừng Rừng Việt-nam, *Nha-thủy-lâm*, 1955, 5, 543-551.

Lâm sản Việt-nam, *Canh-nông lâm-sản*, 1955, 7, 750-755.

Rươi Nói truyện rươi, *Nguyễn-công-Huân*, 1955, 1, 47-54.

Rượu Rượu trong thơ văn Hoa, Việt, *Nghiêm-Toản*, 1956, 1, 1629-1634 ; 17, 1955-1965, 1973-1983.

S

Saigon Saigon xưa và nay, *Thái-văn-Kiểm*, 1958, 31, 449-458.

Từ lăng Mạc-Cửu đến đồn cây Mai, *Thái-văn-Kiểm*, 1960, 49, 187-196.

Từ Trần-tộc-từ đến Khải-tường-tự, *Thái-văn-Kiểm*, 1960, 50, 356-366.

1000/142

VĂN-HÓA — SỐ 63

Từ làng họ Hồ Thủ-đức đến miếu Phạm Gò công, *Thái-văn-Kiểm*, 1960, 51, 582-588.

Sóng tác Văn đề sáng tác, *Đoàn-Thêm*, 1958, 32, 612-615.

Sao sáng Một ông sao sáng, hai ông sáng sao, *Thanh-Tâm*, 1959, 47, 1707-1713 ; 1960, 49, 292-303.

Schweitzer Một vị Bồ-tát Âu-tây hiện-đại : Albert Schweitzer, *Nhất-chi*, 1955, 1, 102-112.

Sâm Sâm và nhân sâm, *Thái-văn-Kiểm* và *Nghi-Ba*, 1957, 25, 930-933 ; 26, 1064-1078.

Sầu riêng Lịch-sử trái sầu riêng, *Nguyễn-công-Huân*, 1955, 7, 790-793.

Sóc-Trăng Sóc trăng bút ký, *Đào-văn-Hội*, 1956, 13, 1450-1458.

Sông Hương Sông Hương, *Nguyễn-công-Huân*, 1956, 12, 1343-1351.

Sống, chết Ít khám phá quan-trọng của khoa-học về hai vấn-đề « sống, chết », *Thùy Nhân*, 1959, 44, 1173-1183 ; 45, 1308-1319.

Suối nước nóng Suối nước nóng ở Việt-nam, *Hương-Giang*, 1958, 34, 925-940.

Cõi : *Xuyên-mộc*.

Sử-liệu Cõi : Sử-liệu Việt-Nam, hay Việt-sử.

Sương-nguyệt-Ánh Sương-nguyệt Ánh, một nữ-sĩ miền-Nam, *Nguyễn-văn-Kiệt*, 1957, 18, 13-36.

Sương-nguyệt-Ánh (1863-1921) *Phạm-Xuân-Dộ*, 1957, 24, 758-768.

T

Tagore Thi-sĩ Rabindranath Tagore (1861-1941), *Nguyễn-quảng-Tuân*, 1957, 19, 177-187.

Đi tìm tài-liệu về thi-hào Tagore, *Đông-Hồ*, 1959, 39, 312-319 ; 40, 472-477.

Tại Mahal Phê-bình thi-phẩm « Taj Mahal » của Đoàn-Thêm, *Hương-giang*, 1958, 32, 646-647.

Tam Xuyên Đồi thăng trầm của một thi-sĩ tài-hoa : Tam-xuyên (1860-1913) *Thanh Mai*, 1959, 46, 1477-1485.

VĂN-HÓA — SỐ 63

1001/145

Tản Đà Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu : thân-thể và sự-nghiệp văn-chương, *Hà như Chi*, 1956, 9, 957-965 ; 10, 1084-1098.

Văn thơ Tản-Đà, *Phạm văn-Diêu*, 1957, 21, 743-747.

Tang-bồng Hẹn tang-bồng, *Lê-văn-Trang*, 1957, 19, 151-153.

Tao-Đàn Tao-đàn nhị thập bát tú, *Thái-văn-Kiểm*, 1960, 54, 1056-1060.

Tám-Cám Một giả-thuyết về truyện Tám Cám, *Nguyễn-khắc-Ngỡ*, 1959, 41, 587-590 ; 42, 724-731 ; 44, 1100-1101.

Tập quán Tập-quán, *Nguyễn-Cương*, 1957, 19, 137-148.

Tây-Hồ Lược khảo về Tây-Hồ, *Tu-Nguyên*, 1959, 41, 591-599 ; 42, 772-785.

Tây-sơn Nền thống nhất quốc-gia với Tây-sơn, *Văn-Cương*, 1957, 18, 1-6.

Tết Tết nói truyện Hoa mai vàng, đưa hấu đỏ, *Nguyễn công Huân*, 1956, 8, 846-849.

Những tục-đệ kỳ-lạ về ngày Tết của người Mường, *Anh-Nguyễn*, 1956, 8, 870-873.

Ý-nghĩa Tết-nguyên-Đán, *Văn-Hưng*, 1956, 17, 1883-1887.

Nói truyện về năm Dậu *Vũ huy-Chân*, 1956, 17, 1888-1896.

Câu đối xuân xưa và nay, *Quỳnh-Lâm*, 1956, 17, 1897-1900.

Năm Dậu nói truyện gà, *Cao Nhã*, 1956, 17, 1901-1907.

Người Việt đối với tiết xuân, *Phan-Khoang*, 1956, 17, 1908-1912.

Ý-nghĩa và cở-tục ngày Tết nguyên-đán Việt-nam, *Thái-văn-Kiểm*, 1957, 27, 1105-1110.

Trước thềm Mậu tuất, *Phan-Quân*, 1958, 28, 17-18.

Lược-thuật về tục-lệ ăn Tết từ Đông sang Tây, *Tam-Hóa*, 1958, 28, 109-113.

Mùa xuân và năm Kỷ-hợi, *Tu-trai*, 1958, 37, 1383-1390, 1406-1413.

Tết Kỷ-hợi : nói truyện Heo, *Nguyễn-công-Huân*, 1958, 37, 1391-1393.

Tết trong thi-ca Việt nam, *Thành-tường-Huy*, 1958, 37, 1453-1462.

Tết của đồng-bào Thượng tại Việt-nam, *Nguyễn-quỳnh-Ngọc*, 1958, 37, 1463-1467.

Ngày Tết : nhớ truyện thủy-tiên, *Đông-Minh*, 1959, 47, 1669-1673.

Bánh chưng ngày Tết, *Thanh-Mai*, 1959, 47, 1641-1648.

Tết với hoa mai, *Nguyễn-công-Huân*, 1959, 47, 1587-1593.

Coi : Tết và lịch.

Tiến-sĩ Cuộc lễ tặng phong tiến-sĩ danh dự, *Nguyễn-Cát*, 1955, 7, 735-739.

Tiết-lễ Nguyên-ủy các tiết-lễ Việt-nam, *Thái-văn-Kiểm*, 1958, 28, 1-16.

Tiêu-dao Tiêu dao du-lịch (dịch *Trang-tử*), *Trần-tuấn-Khải*, 1959, 45, 1342-1346.

Tinh-hú Quan-niệm nông-dân về tinh-tú trên trời qua ca-dao, *Nguyễn-công-Huân*, 1955, 7, 765-769.

Tĩnh-tâm Hồ Tĩnh-tâm, *Bửu-Cầm* 1959, 44, 1118-1121.

Toán-học Địa-vi toán-học trong nền giáo-dục mới, *Nghi-Ba*, 1956, 15, 1735-1739.

Tô-võ Tô-võ hay lòng nhớ đất nước, *Hoài-quang*, 1956, 12, 1368-1372.

Tôn-thất-Thuyết Tôn-thất-Thuyết với kinh thành Huế, *Anh-Nguyễn*, 1956, 11, 1214-1222.

Tơ sợi Tơ sợi nhân tạo, *Diệp-Chi*, 1956, 13, 1484-1496.

Tuân-từ Triết-lý Tuân-từ (310-230 tr.) *Ng-đăng-Thục*, 1956, 13, 1497-1502.

Tuốt Những năm Tuốt qua lịch-sử Việt-nam, *Tu-trai thị*, 1957, 27, 1111-1113.

Vài mẩu chuyện về năm Tuất, *Nguyễn-công-Huân*, 1957, 27, 1114-1120.

Từ-dự Từ-dự Hoàng-thái-Hậu, *Tu-nguyên*, 1959, 39, 263-272.

Từ-Long Tưởng-niệm cụ Từ-Long Lê-Đại, *Ngô-bằng-Giục Thùy-Thiên*, 1959, 47, 1617-1624 ; 1960/48, 74-82 ; 49, 249-258.

Từ-Thức Đọc tập thơ « Từ Thức » của Đoàn-Thêm, *Thái-văn-Kiểm*, 1958, 37, 1519-1524.

Ý-kiến về tập thơ « Từ thức », *Huỳnh-hữu-Nghĩa*, 1959, 41, 584-586.

- Theo dấu Từ thức, *Thái-văn-Kiểm*, 1959, 44, 1039-1055, 1061-1077.
- Tự-lực văn-đoàn, Tình yêu thiên-nhiên trong văn-chương Tự-lực văn-đoàn, *Phạm-văn-Điều*, 1957, 25, 867-868.
- Tý Năm Tý nói truyện Chuột, *Nguyễn-công-Huân*, 1959, 47, 1551-1559.
- Những năm Tý trong lịch-sử Việt-nam, *Phù-lang*, 1959, 47, 1559-1570.
- Thái-lan Văn-hóa nước Thái-lan, *Trần-văn-Đĩnh*, 1958, 29, 246-252.
- Những tác-phẩm xuất-sắc nhất trong văn-chương Thái-lan từ xưa đến đầu thế-kỷ XX, *Trần-văn-Đĩnh*, 1958, 30, 384-388.
- Nền Giáo-dục Thái-lan, *Nguyễn-hữu-Bằng*, 1958, 36, 1370-1373.
- Thanh-niên Thanh-niên dịch Tùng Phong, *Bùi-Lương*, 1957, 21, 455-456.
- Thanh-quan Thi-văn thuần-túy và bà Thanh-quan, *Phạm-xuân-Độ*, 1956, 8, 863-869; 9, 966-976.
- Thanh-tâm-tài-tử Thanh-tâm tài-tử quán-hoa đường bình-luận, *Bùi-quang-Tung và Nguyễn-đình-Diệm*, 1959, 45, 1215-1226; 47, 1628-1640; 1960, 48, 65-73; 49, 241-248; 50, 385-391; 52, 736-746; 55, 1340-1349; 56, 1516-1521.
- Thân Những năm Thân lịch-sử Việt-nam, *Mai-Anh*, 1956, 8, 835-842.
- Cảm tưởng về năm Thân, *Nguyễn-công-Huân*, 1956, 8, 843-845.
- Thích Nghi Khiếu thích-nghi, *Phạm-xuân-Độ*, 1960, 55, 1241-1248; 56, 1396-1402.
- Thiên-thê Cuộc sinh-hoạt của thiên-thê, *Thùy Nhân*, 1960, 48, 144-152.
- Thiên-Y-A-Na Sự tích đức bà Thiên-Y-A-Na, *Thái-văn-Kiểm*, 1955, 7, 740-749.
- Thiên-sư Một vị thiên-sư đã dung-hòa được nghệ-thuật và đạo-lý :
Thích-viên-Thành, *Bửu-Cầm*, 1959, 38, 57-60.
- Thiếu-Ngủ Bạn có thiếu-ngủ không ? *Võ-Lang* dịch, 1960, 56, 1497-1501.
- Thoại-Ngọc-Hầu Thoại-ngọc-Hầu, *Tu-traï* dịch, 1959, 46, 1468-1472.
- Thời-gian Thời gian, *Nguyễn thị-Thuần*, 1957, 24, 800-816.
- Thời-thế Thơ-văn thời-thế, *Vũ-huy-Chân*, 1955, 4, 417-428; 5, 526-537; 6, 625-636.

- Thu Mùa thu trong thi-ca, *Quỳnh-Lâm*, 1956, 15, 1676-1689, 1689-1698.
- Mùa thu với người Á-đông, *Phan-Khoang*, 1958, 34, 915-924; 35, 1086-1094.
- Thuốc-nam Thuốc Nam, *Nghi-Ba*, 1958, 30, 351-366; 31, 509-519, 32, 673-676, 698-710.
- Thư-viện Diển-văn buổi lễ đặt viên gạch thư-viện quốc-gia, *Ngô-Tông-Thống*, 1956, 13.
- Các hệ-thống thư-viện thế-giới, *Nguyễn-hùng-Cường*, 1960, 48, 124-128.
- Một thư-viện đẹp nhất thế-giới, *Võ-Lang*, 1960, 53, 1015-1019.
- Thực-tế Óc thực-tế của mấy vị danh-nho ngày xưa, *Quang-Khánh*, 1955, 3, 323-328.
- Thượng Thượng và Kinh, *Thanh-son*, 1957, 20, 231-242, 250-261.
- Nguồn gốc đồng bào Thượng, *Quốc-Khánh*, 1957, 20, 243-250.
- Nguyên ủy thần-kỳ và óc sáng-chế của đồng-bào Thượng, *Diệp-Chi*, 1957, 20, 291-300.
- Hôn-nhân giữa đồng-bào Thượng, *Lê-Thêm*, 1957, 20, 318-322.
- Hóa táng, *Nguyễn-khắc-Ngỡ*, 1957, 23, 629-633.
- Đồng-bào Thượng miền Nam, *N.X.V.*, 1957, 20, 338-345; 24, 748-757.
- Coi : Tết của đồng-bào Thượng.
- Trái cây Trái cây với sức khỏe, *Ng-công-Huân*, 1956, 9, 989-992.
- Trầm thương Một tác-phẩm chưa hề xuất-bản « Trầm thương » của Trương An quận-công, *Bùi-quang-Tung*, 1957, 24, 732-737.
- Trăng Cuộc lên thăm mặt trăng, *Anh-Nguyễn*, 1955, 5, 593-595.
- Trăng và cò-tích về trăng, *Văn-Thôn*, 1957, 23, 581-588.
- Mặt trăng : một người bạn bí-mật, *Chàng-Hai*, 1957, 23, 658-669.
- Coi : Bóng nga trong *Cung oán* ngâm khúc.
- Trầm Ngâm ngai tìm trầm, *Thái-văn-Kiểm*, 1956, 11, 1205-1213.
- Trần-hưng-Đạo Việc chống ngoại-xâm dưới thời Trần, *An-Khê*, 1956, 14, 1551-1558.

Kế thừa chính của Trần-hung-Đạo, *Chàng-Hai*, 1956, 14, 1611-1628 ; 15, 1722-1734 ; 16, 1866-1877.

Đức độ của Trần-hung-Đạo, *Văn-Chung*, 1958, 34, 989-998.

Trần-bích-san Một vị danh-nho Việt-nam : Trần-bích-san *Trường-Cung*, 1955, 1, 42-46.

Trần-cao-Vân, Đời cách-mệnh của nhà chí-sĩ Trần-cao-Vân (1866-1916) *Tư-Nguyên*, 1958, 30, 337-350 ; 31, 497-502.

Trần-tế-Xương Thi-sĩ bình-dân Trần-tế-Xương (1870-1907), *Tô-Nam Ng-dinh-Diệm*, 1956, 13, 1423-1436.

Trầu cau Truyện trầu cau (văn-hóa và khoa-học), *Ng-công-Huân*, 1955, 2, 185-191.

Tri-nhân Tri nhân, thiện nhiệm *Đ. V.*, 1957, 19, 207-211.

Triết-lý Á-đông Khái-luận về thời-đại triết-gia ở Trung-hoa, *Nguyễn-đăng-Thục*, 1956, 8, 910-915 ; 9, 1047-1052 ; 10, 1147-1149.

Triết-học Cõi : Đạo-học hay là Triết-học.

Triều-tiên Lược-khảo lịch-sử văn-hóa nước Triều-tiên: *Nguyễn-đình-Diệm* dịch, 1957, 25, 920-922 ; 26, 1079-1082 ; 1958, 29, 264-266 ; 32, 723-732.

Trịnh-hoài-Đức Thân-thể và sự-nghiệp Căn-trai Trịnh-hoài-Đức (1765-1828) *Nguyễn-văn-Bừu*, 1960, 55, 1212-1217.

Trịnh-quang-Nghị Trịnh-quang-Nghị là ai ? *Nguyễn-văn-Hậu*, 1959, 46, 1444-1449.

Trịnh-Sâm Trịnh-Sâm và Tâm thanh tồn dụ tập, *Thi-phê-Nhứt*, 1959, 38, 31-38.

Trống-quân Hát trống quân, *Tư-Nguyên*, 1957, 23, 595-601.

Trung-hoa Tư-tưởng Trung-hoa từ hơn một thế-kỷ nay, *Lê-thành-Tri* 1955, 2, 234-239 ; 5, 588-592.

Một danh-y Trung-hoa : Diệp thiên-ôi, *Đông-Minh*, 1956, 10, 1166-1172.

Sáu mươi năm cách-mạng (Lịch-sử quốc-dân đảng Trung-hoa), *Trần-*

tuấn-Khai, 1955, 2, 264-274 ; 3, 380-384 ; 4, 478-486 ; 5, 596-605 ; 6, 707-718 ; 7, 819-824 ; 1956, 9, 1053-1056 ; 10, 1153-1165 ; 11, 1282-1290 ; 13, 1513-1515.

Văn-chương với nhân-sinh qua văn-học sử Trung-hoa, *Nguyễn-quảng-Xương*, 1957, 18, 85-88.

Nguồn gốc văn-học Trung-quốc, *Bừu-Cầm*, 1959, 47, 1661-1668.

Thơ mới Trung-quốc, *Bừu-Cầm*, 1960, 56, 1461-1467 ; 57, 1648-1656.

Trung thu Ý nghĩa mấy đồ chơi trung thu, *Từ-Phong*, 1957, 23, 602-603.

Trung thu và câu đối Việt-nam, *Văn-Chung*, 1957, 23, 622-625.

Ý nghĩa, cổ-tục diên-tích và giai thoại về tết Trung thu, *Thái-văn-Kiểm*, 1960, 57, 1379-1395.

Trung-Việt Hương sắc miền Trung, *Thái-văn-Kiểm*, 1959, 46, 1427-1443.

Tìm hiểu vài địa-danh Trung-việt, *Bao-La*, 1960, 57, 1609-1619.

Truyện-cổ Truyện cổ Việt-nam, *Phạm-văn-Diêu*, 1958, 37, 1429-1438, 1448-1452 ; 1959, 38, 61-66.

Truyện-Tàu Lược khảo về truyện Tàu, *Vương-hồng-Sên*, 1959, 38, 133-137, 40, 484-488.

Thú xem truyện Tàu, *Vương-hồng-Sên*, 1959, 41, 660-664 ; 42, 809-816 ; 45, 1320-1325 ; 1960, 48, 138-143.

Trương-Tấn-Bừu Miền Nam đại Trương-tấn-Bừu (1752-1827), *Nguyễn-Triêu*, 1959, 44, 1092-1094, 45, 1274-1281

Trương-Định Trương-Định một chiến-sĩ Gò-công, *Đào-Viên*, 1956, 14, 1574-1578.

Trương-vĩnh-Ký Thân-thể và sự-nghiệp Trương-vĩnh-Ký (1837-1898), *Nguyễn-cao-Kim*, 1958, 33, 751-763, 771-783.

Trường-hận-ca Trường-hận-ca, *Nguyễn-văn-Trung* và *Nguyễn-hữu-Ngư*, 1959, 44, 1184-1194 ; 45, 1349-1363.

U

Unesco Việt-nam tại Hội-nghị lần thứ VIII, 1955, 1, 136-141.

Tờ-chức Unesco, là gì ? *Nguyễn-đình-Hải*, 1958, 29, 253-255.

Tòa nhà của tổ-chức giáo-dục, khoa-học, văn-hóa Unesco, *Nguyễn-bích-Mạc*, 1958, 30, 389-393.

Các phái-đoàn của Unesco *Thiện-Phước* dịch, 1958, 36, 1367-1369.

Cõi : *Giáo-dục*.

(Còn-tiếp)



A — TIN TRONG NƯỚC

1. — TÔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA ĐI KINH-LÝ BIÊN-HÒA

Sáng 1-7-1961, Tông-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa, đã chủ-tọa buổi lễ kỷ-niệm Đệ-Ngũ Chu-niên ngày thành-lập Phi-đoàn I Khu trục tồ-chức tại căn-cứ Không-quân Biên-Hòa. Trong buổi lễ có gắn huy-chương và biểu-diễn phi-cơ.

Sau khi thăm viếng các cơ-xưởng của căn-cứ, Tông-Thống đi Vũng-Tàu chủ-tọa một cuộc thao-diễn Hải-quân.

Tháp-tùng Tông-Thống có Ông Bộ-Trưởng Nguyễn-Đình-Thuần, Đại-Trưởng Lê-Văn-Tý, Tổng-Tham-Mưu-Trưởng Quán-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa và nhiều tướng-lãnh. Trong số quan-khách hiện-diện, người ta nhận thấy Ông Frederick E. Nolling, Đại-Sứ Hoa-Kỳ, Đại-Trưởng Lionel C. Mc Garr, Trưởng Phái-Bộ Quân-sự Mỹ và Phái-Đoàn chuyên-viên Kinh-tế Hoa-Kỳ do Bác-sĩ Eugène Staley cầm đầu.

Tông-Thống đã trở về Sài-gòn vào buổi chiều.

1008/150

VĂN-HÓA — SỐ 63

2. — BỒ-NHẬM TẠI NHA TÔNG-GIÁM-ĐỐC TRUNG TIÊU-HỌC VÀ BÌNH-DÂN GIÁO-DỤC

Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục vừa bổ-nhậm :

— Ông Phan-Thế-Roanh, giáo-sư trung-học đệ-nhi-cấp, Giám-đốc trung tâm Giáo-dục Căn-bản Long-An, giữ chức Phó Tổng-Giám-đốc Trung, Tiêu-học và Bình-dân Giáo-dục, thay thế ông Bửu-Trí được cử giữ chức-vụ khác.

— Nguyễn-Đình-Phú, Hiệu-Trưởng trường Trung-học Kiến-hòa, được chỉ-định giữ chức-vụ Giám-đốc Nha Trung-học.

— Ông Vũ-Đức-Chang, giáo-sư trung-học đệ-nhi-cấp tại trường nữ trung-học Gia-Long giữ chức Giám-Đốc Nha Tư-thục, Bình-dân Giáo-dục và Giáo-dục Căn-bản thay thế ông Nguyễn-Văn-Thơ được cử giữ chức-vụ khác.

Ngoài ra, ông Đỗ-Bá-Khê, Cử-nhân Vật-lý-học, giảng-nghiệm-viên trường Đại-học Khoa-học Sài-gòn, được cử giữ chức Chánh-Văn-phòng ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục thay thế ông Lý-Chánh-Trung.

3. — PHÁI-ĐOÀN VIỆT-NAM THAM-DỰ HỘI-NHỊ QUỐC-TẾ HỌC-CHÍNH Ở GENÈVE ĐÃ TRỞ VỀ SAIGON

Phái-đoàn Việt-Nam tham-dự Hội-nghị Quốc-tế Học-chính kỳ thứ 24 nhóm họp tại Genève, đi trở về Sài-gòn hôm thứ ba 18-7-1961.

Ông Nguyễn Chung-Tú hướng-dẫn Phái-đoàn, sau khi Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục trở về nước, và các ông Bùi Xuân-Bào và Phạm-Văn-Thuật đã cho biết công việc của Phái-đoàn trong những buổi họp sau cùng, đại-y như sau :

« Phần nhiều các tu-chính-án do Phái-đoàn Việt-Nam đề-nghị về trường mẫu-giáo và trường tiêu-học có một giáo-viên đã được Hội-nghị chấp-thuận trong các buổi họp khoáng-đại. Đặc-biệt là bản-văn tu-chính-án của Phái-đoàn về « vai trò cốt-luợc bất-di-dịch của gia-đình trong chương trình mẫu-giáo », đã được Hội-nghị chấp-thuận toàn-bộ.

« Phái-đoàn cũng có đệ-trình một bản báo-cáo với đầy đủ chi-tiết về sự phát-triển ngành giáo-dục quốc-gia ở Việt-Nam và đã trả lời tất cả các câu hỏi do một số đại-biểu của độ một chục quốc-gia nêu ra ».

VĂN-HÓA — SỐ 63

1009/151

4. - MẤY CUỘC TRIỂN-LÃM TẠI SAIGON

☆ Cuộc triển-lãm mô-hình và trang-trí sân-khấu do Trung-tâm Văn-hóa Pháp tổ-chức tại Phòng Thông-Tin Đô-Thành đã được bác-sĩ Trần Văn-Thọ, Tổng Giám-Đốc Thông-Tin, khai-mạc tối 30-6-1961.

Các mô hình và trang trí sân khấu trưng-bày tại đây đã giúp cho khán-giả Việt-Nam biết rõ hơn về nghệ-thuật sân khấu của Pháp quốc qua nhiều thế kỷ. Từ các kịch bản « L'Avare » của Molière, « Marie Tudor » của Victor Hugo, « Phédre » của Racine v.v. cho đến « La condition humaine » của André Malraux... Nhiều bản khắc trình-bày lại sân khấu từ thời tiền-cổ-điển, cổ-điển, đến thời hiện đại (1900 - 1947).

☆ Cuộc triển-lãm họa-phẩm của ông Vũ-Nhan đã khai mạc tối 10-7-1961 tại Phòng Thông-Tin Đô-Thành dưới sự chủ-tọa của ông Lê-Văn-Lãm, Giám-Đốc Nha Mỹ-Thuật học-vụ.

Họa-sĩ Vũ-Nhan trình-bày gần 60 bức tranh, phần lớn là chân-dung đồng-bào Thượng hoặc từng nhóm người. Cũng có một số ít tranh khỏa thân, phong cảnh, tĩnh vật.

Hầu hết họa-phẩm đều vẽ bằng phấn màu, tuy nhiên cũng có vài bức bằng sơn dầu, bột màu.

☆ Cuộc Triển-lãm Nghệ-thuật nhiếp ảnh tại Phòng Thông-Tin đường Tự-Do, Sài-gòn, đã khai-mạc tối 20-7-1961 dưới quyền chủ-tọa của ông Ngô-Trọng-Hiếu, Bộ-Trưởng Công-Dân-Vụ.

Trên 150 bức ảnh đẹp đã được trưng-bày trong cuộc triển-lãm. Đây là tác-phẩm của nhiều nhiếp ảnh gia, trong đó các ông Nguyễn-Cao-Đàm, Nguyễn-Mạnh-Đan, Trần-Cao-Linh, Lê-Anh-Tài, đều là những nhiếp ảnh gia nổi tiếng, từng chiếm nhiều giải thưởng quốc-tế về nhiếp ảnh mỹ-thuật.

Trong các bức ảnh trưng-bày, khách đến xem phòng triển-lãm phải chú-ý ngay đến những bức « Rạng Đông » của Nghiêm-Vinh-Cân « Non Nước » của Đỗ-Văn-Cương, « Hợp tấu » của Nguyễn-Cao-Đàm, « Tim sống », « Gió Thu » của Nguyễn-Mạnh-Đan « Ngõ Trúc » của Trần-Cao-Linh v.v... Rất nhiều bức khác với đề-tài mới lạ cũng được nhiều người ưa thích.

Cuộc triển-lãm mở cửa đến ngày 27-7-61.

5 - MẤY CUỘC DIỄN-THUYẾT TẠI SÀI-GÒN VÀ GIA-ĐÌNH

✪ Tối 22-6-1961 tại Câu lạc bộ Văn-Hóa, đường Tự-Do, Saigon, đã có buổi hội-thảo về đề-tài «Ngôn ngữ của Hội họa». Thuyết-trình-viên là Họa-sĩ Phạm-kim-Khải tự Mặc-Uyên.

Trong bài thuyết-trình, Họa-sĩ Phạm-kim-Khải nhấn mạnh về việc «Hội-họa có một ngôn-ngữ chung, không có biên giới, như các tiếng nói».

Đề cập đến dân tộc tính, diễn-giả tuyên-bố :

« Mỗi dân-tộc có một ngôn-ngữ, một văn-tự, một văn-chương riêng biệt. Còn như hình-thức các vật ở chung quanh ta, ai cũng có thể nhìn nhận được. Hội-họa có một ngôn ngữ chung, được phổ biến khắp nơi ».

Kế đó, diễn-giả bình-luận các tác-phẩm hội-họa như nghệ-thuật Ai-Cập, tác-phẩm của Picasso...

✪ « Tiếng Việt chẳng những không nghèo, trái lại còn rất phong-phú ; văn Việt không thua kém một văn tự ngoại quốc nào, mà lại rất mỹ-diệu. Tiếng Việt dung-hòa Đông-Tây kim-cổ, chữ Việt dễ viết và xuất sắc nhất trong các loại chữ ghi âm trên thế giới ngày nay ; văn phạm Việt-ngữ bao gồm đầy đủ những văn-phạm tuyệt-mỹ cả Đông lẫn Tây ».

Đó là lời kết-luận của Giáo-sư Thi-Đạt-Chí trong buổi nói chuyện về tiếng Việt do Hội Việt-Nam Nghiên-cứu Liên-lạc Văn-Hóa Á-Châu tổ-chức sáng hôm 25-6-1961 tại giảng đường trường Đại-học Văn-khoa Saigon.

Diễn-giả đặt vấn-đề « làm thế nào để thích ứng nhu cầu cần thiết trong thời đại mới », và trả lời đó là công việc phiên dịch, soạn từ điển.

Cuối cùng, diễn-giả nhấn mạnh :

« Tiếng Việt có thể làm chuyên-ngữ tại các trường Đại-học, vì có đủ điều-kiện và khả-năng. Thời kỳ thực-hiện mau hay chậm là ở trong tay chúng ta, bởi vì chúng ta có thể hoạch-định kỳ-hạn thực-hiện tại từng khoa một ».

✪ Tối ngày 11-7-1961, Ủy-ban trung-ương chống chính-sách nô-dịch văn-hóa miền Bắc đã tổ-chức tại rạp Thống-Nhất Saigon, một buổi diễn

4. — MÁY CUỘC TRIỂN-LÃM TẠI SAIGON

☆ Cuộc triển-lãm mô-hình và trang-trí sân-khấu do Trung-tâm Văn-hóa Pháp tổ-chức tại Phòng Thông-Tin Đô-Thành đã được bác-sĩ Trần Văn-Thọ, Tổng Giám-Đốc Thông-Tin, khai-mạc tối 30-6-1961.

Các mô hình và trang trí sân khấu trưng-bày tại đây đã giúp cho khán-giả Việt-Nam biết rõ hơn về nghệ-thuật sân khấu của Pháp quốc qua nhiều thế kỷ. Từ các kịch bản « L'Avare » của Molière, « Marie Tudor » của Victor Hugo, « Phèdre » của Racine v.v. cho đến « La condition humaine » của André Malraux... Nhiều bản khắc trình-bày lại sân khấu từ thời tiền-cổ-diễn, cổ-diễn, đến thời hiện đại (1900 — 1947).

☆ Cuộc triển-lãm họa-phẩm của ông Vũ-Nhan đã khai mạc tối 10-7-1961 tại Phòng Thông-Tin Đô-Thành dưới sự chủ-tọa của ông Lê-Văn-Lãm, Giám-Đốc Nha Mỹ-Thuật học-vụ.

Họa-sĩ Vũ-Nhan trình-bày gần 60 bức tranh, phần lớn là chân-dung đồng-bào Thượng hoặc từng nhóm người. Cũng có một số ít tranh khỏa thân, phong cảnh, tĩnh vật.

Hầu hết họa-phẩm đều vẽ bằng phấn màu, tuy nhiên cũng có vài bức bằng sơn dầu, bột màu.

☆ Cuộc Triển-lãm Nghệ-thuật nhiếp ảnh tại Phòng Thông-Tin đường Tự-do, Sài-gòn, đã khai-mạc tối 20-7-1961 dưới quyền chủ-tọa của ông Ngô-Trọng-Hiếu, Bộ-Trưởng Công-Dân-Vụ.

Trên 150 bức ảnh đẹp đã được trưng-bày trong cuộc triển-lãm. Đây là tác-phẩm của nhiều nhiếp ảnh gia, trong đó các ông Nguyễn-Cao-Đàm, Nguyễn-Mạnh-Đan, Trần-Cao-Linh, Lê-Anh-Tài, đều là những nhiếp ảnh gia nổi tiếng, từng chiếm nhiều giải thưởng quốc-tế về nhiếp ảnh mỹ-thuật.

Trong các bức ảnh trưng-bày, khách đến xem phòng triển-lãm phải chú-ý ngay đến những bức « Rạng Đông » của Nghiêm-Vĩnh-Cân « Non Nước » của Đỗ-Văn-Cương, « Hợp tấu » của Nguyễn-Cao-Đàm, « Tim sống », « Gió Thu » của Nguyễn-Mạnh-Đan « Ngõ Trúc » của Trần-Cao-Linh v.v... Rất nhiều bức khác với đề-tài mới lạ cũng được nhiều người ưa thích.

Cuộc triển-lãm mở cửa đến ngày 27-7-61.

1010/152

VĂN-HÓA — SỐ 63

5 — MÁY CUỘC DIỄN-THUYẾT TẠI SÀI-GÒN VÀ GIA-ĐÌNH

✱ Tối 22-6-1961 tại Câu lạc bộ Văn-Hóa, đường Tự-Do, Saigon, đã có buổi hội-thảo về đề-tài «Ngôn ngữ của Hội họa». Thuyết-trình-viên là Họa-sĩ Phạm-kim-Khải tự Mặc-Uyên.

Trong bài thuyết-trình, Họa-sĩ Phạm-kim-Khải nhấn mạnh về việc «Hội-họa có một ngôn-ngữ chung, không có biên giới, như các tiếng nói».

Đề cập đến dân tộc tính, diễn-giả tuyên-bố :

« Mỗi dân-tộc có một ngôn-ngữ, một văn-tự, một văn-chương riêng biệt. Còn như hình-thức các vật ở chung quanh ta, ai cũng có thể nhìn nhận được. Hội-họa có một ngôn ngữ chung, được phổ biến khắp nơi ».

Kế đó, diễn-giả bình-luận các tác-phẩm hội-họa như nghệ-thuật Ai-Cập, tác-phẩm của Picasso...

✱ « Tiếng Việt chẳng những không nghèo, trái lại còn rất phong-phú ; văn Việt không thua kém một văn tự ngoại quốc nào, mà lại rất mỹ-diệu. Tiếng Việt dung-hòa Đông-Tây kim-cổ, chữ Việt dễ viết và xuất sắc nhất trong các loại chữ ghi âm trên thế giới ngày nay ; văn phạm Việt-ngữ bao gồm đầy đủ những văn-phạm tuyệt-mỹ cả Đông lẫn Tây ».

Đó là lời kết-luận của Giáo-sư Thi-Đạt-Chí trong buổi nói chuyện về tiếng Việt do Hội Việt-Nam Nghiên-cứu Liên-lạc Văn-Hóa Á-Châu tổ-chức sáng hôm 25-6-1961 tại giảng đường trường Đại-học Văn-khoa Saigon.

Diễn-giả đặt vấn-đề « làm thế nào để thích ứng nhu cầu cần thiết trong thời đại mới », và trả lời đó là công việc phiên dịch, soạn từ điển.

Cuối cùng, diễn-giả nhấn mạnh :

« Tiếng Việt có thể làm chuyên-ngữ tại các trường Đại-học, vì có đủ điều-kiện và khả-năng. Thời kỳ thực-hiện mau hay chậm là ở trong tay chúng ta, bởi vì chúng ta có thể hoạch-định kỳ-hạn thực-hiện tại từng khoa một ».

✱ Tối ngày 11-7-1961, Ủy-ban trung-ương chống chính-sách nô-dịch văn-hóa miền Bắc đã tổ-chức tại rạp Thống-Nhất Saigon, một buổi diễn-

VĂN-HÓA — SỐ 63

1011/153

thuyết dưới quyền chủ-tọa của ông Trương-Công-Cửu, Bộ-Trưởng Đặc-Nhiệm Văn-Hóa Xã-Hội.

Trong bài diễn-thuyết về « Chính sách giai-đoạn của Việt-Cộng đối với tri-thức, nghệ-sĩ và nền Văn-Hóa Việt-Nam », ông Nguyễn-Trác đã tuyên-bố : « Việt-Cộng luôn luôn chủ-trương dùng người trong giai-đoạn có cần ích cho chúng. Khi giai-đoạn cần ích đã qua thì chúng tìm cách thủ-tiêu không ngần ngại, nhất là đối với tri-thức, văn nghệ sĩ ».

Đề kết-luận, diễn-giả kêu gọi : « Là chiến-sĩ văn-hóa, giới tri-thức, văn-nghệ, sinh-viên, trước hiểm-họa lan tràn của làn sóng đỏ, chúng ta phải xiết-chặt hàng ngũ chiến-đấu quyết-liệt để bảo vệ quyền tự-do tối-thiểu của con người và bảo-vệ Văn-hóa đạo-lý truyền thống của dân-tộc ».

Tiếp đó, nhà văn Lê-văn-Duyệt đã nói về : « Nỗi đau khổ của tri-thức Hà-nội ». Diễn-giả cho biết : « tình hình tri-thức miền Bắc thật là bi thảm đến nỗi Việt-Cộng cũng không có cách nào để tuyên truyền lấp liếm đi được ».

Sau hết, nhà văn Tam-Lang Vũ-Đình-Chí đã nói về : « Thanh niên mới trước nếp sống nô-dịch cũ ».

Theo diễn-giả, thể-hệ thanh-niên Việt-Nam hiện đại đã tìm được một lẽ sống chân-chính, một đường lối quang-đăng, một lập trường kiên-cố làm nền tảng cho cuộc xây dựng của thanh-niên. Và diễn-giả tin-tưởng mãnh-liệt rằng Xã-hội mới do thanh-niên thể hệ mới xây-dựng và bảo-vệ bằng máu đào, xương trắng, tất phải vĩnh tồn.

☆ Ngày 22-7-1961, tại Liên-trường Võ-Khoa Thủ-Đức, vào lúc 9 giờ có buổi thuyết-trình dưới đề-tài : « Thời-đại Tây-Sơn qua ca-đạo », Thuyết-trình-viên là ông Thái Văn-Kiểm, Phó Giám-Đốc Nha Văn-Hóa bộ Quốc-Gia Giáo-Dục. Buổi nói chuyện rất hấp dẫn và thành công. Thính-giả là các sinh-viên sĩ-quan sắp ra trường và các sĩ quan trong trường. Người ta nhận thấy trong giới quan khách, có các nhà văn : Á-Nam Trần-Tuấn-Khải, sử-gia Phạm-Văn-Sơn, Thi-sĩ Đông-Hồ.

Trong phần trình-bày giúp vui, có Mộng-Điệp ngâm bài « Ai Tư Văn » áng danh-văn khúc vua Quang-Trung của Ngọc-Hân Công-Chúa và nữ-sĩ Phương-Lan ca bài « Tiễn chân anh «hóa» của cụ Á-Nam Trần-Tuấn-Khải.

1012/154

VĂN-HÓA — SỐ 63

6 — TRUNG-CẦU Ý-KIẾN VỀ VẤN-ĐỀ VIẾT VÀ ĐỌC NHÂN-DANH CÙNG ĐỊA-DANH NGOẠI-QUỐC

Một nhóm Nghiên-cứu Sử Địa (138, đường Tự-Do, Sài Gòn) nhận xét thấy « nhân-danh và địa-danh dùng trong tiếng Việt hiện nay có thể nói là không theo một nguyên-tắc nhất-định. Theo ý-kiến nhóm này, tựu-trung người Việt-Nam thường phiên-âm theo tiếng Trung-Hoa, hoặc theo tiếng ngoại-quốc (Anh, Pháp, v.v...), hoặc không phiên-âm gì cả mà cứ viết nguyên các tên ngoại-quốc đã La tinh hóa, Pháp hóa hay Anh hóa. Song le, các lối viết và đọc trên gặp nhiều bất-tiện, vì không hợp-lý, phức-tạp và không thống-nhất.

Vi thể, nhóm Nghiên-cứu Sử Địa nói trên (gồm một số giáo-sư, và một số chuyên nghiên-cứu các vấn-đề Sử Địa), có cộng-tác với Câu-lạc-bộ Văn-Hóa để tìm một giải-pháp thực-tế nhất cho vấn-đề này : a) hoặc viết theo tiếng địa-phương La-tinh-hóa (vì cách viết này được các cơ-quan quốc-tộc như Liên-Hiệp-Quốc công-nhận) ; — b) hoặc viết bằng tiếng nước mình, (phiên-âm sát với tiếng địa-phương bằng tiếng Việt).

Nhóm Nghiên-cứu Sử Địa rất mong các bạn, vi trưng-lai của Văn-hóa nước nhà, vui lòng giúp thêm ý-kiến về vấn-đề này và hy-vọng được tiếp đón các bạn trong một buổi hội-thảo tổng-kết tổ-chức vào hạ-tuần tháng 9 năm 1961. Thư từ xin gửi về : « Nhóm Nghiên-cứu Sử Địa, 138, Đường Tự Do, Sài Gòn) trước ngày 20-9-61.

B — TIN NGOÀI NƯỚC

I — HAI HỘI-VIÊN HỘI THANH-NIÊN THIỆN-CHÍ VIỆT-NAM ĐI ĐÔNG-KINH

Sáng 2-7-1961, hai ông Trần-văn-Ngô và Nguyễn-hy-Văn, hội-viên Hội Thanh-niên Thiện-chí Việt-Nam đã rời Sài-gòn đi Đông-Kinh tham-dự những tại thanh-niên do Hội « American Friends Service Committee » tổ-chức.

Trong số những hoạt-động dự-liệu, các trại này sẽ có nhiệm-vụ tổ-chức những cuộc hội-thảo đề thảo-luận những vấn-đề như sau :

VĂN-HÓA — SỐ 63

1013/155

- Những giá-trị của con người trong một xã-hội chuyên về kỹ-thuật.
- Một cuộc cách-mạng không dùng bạo-lực có thể có được không ?

2 - VIỆT-NAM THAM-DỰ HAI HỘI-NHỊ
DO LIÊN-ĐOÀN GIÁO-GIỚI QUỐC-TẾ TỔ-CHỨC

Chiều ngày 15-7-1961, ông Nguyễn-Hữu-Chính, Chủ-tịch Ủy-Ban Văn-Hóa, Giáo-Dục và Thanh-niên Quốc-Hội, hướng-dẫn một Phái-đoàn của Tổng-Giáo-Giới Việt-Nam rời Saigon để đi dự hai Hội-nghị do Liên-Đoàn Giáo-Giới Quốc-tế tổ-chức tại Tel-Aviv (Do-Thái) vào cuối tháng Bảy, và tại Tân Đê-Li (Ấn-Độ) vào đầu tháng Tám.

Phái-đoàn còn gồm có hai ông Nguyễn-Quang-Nhạc, Giáo-sư Cao-đẳng Kiến-trúc, và Trần-Bích-Lan, Giáo-sư Trung-học. Ông Nguyễn-Hữu-Chính, hướng-dẫn phái-đoàn, là Tổng-Thor-Ký Tổng-Hội Giáo-giới Việt-Nam.

3 - « SONY » CHẾ-TẠO MÁY VÔ-TUYẾN-HÌNH BỎ TÚI

Sony, xí-nghiệp điện-tử nổi tiếng của Nhật-bồn sắp cho tràn vào thị-trường Hoa-kỳ một sản-phẩm mới của xí-nghiệp : đó là máy vô-tuyến hình bỏ túi chạy bằng transistor, có thể sử-dụng bằng pin hay điện, nếu gắn vào điện thì pin sẽ được tự động gia sức.

Công-ty Sony cho biết đã mất nhiều năm nghiên-cứu mới sáng-chế ra được máy vô-tuyến hình nhỏ bé này, cân nặng tất cả 17 cân Anh.

Một phát-ngôn-viên của công-ty cho rằng đó là một trong những phát-mình quan trọng nhất thế-kỷ trên địa-hạt điện-tử.

Giá bán một máy vô-tuyến-hình transistor là 249,95 mỹ-kim.

4 - KHÁM-PHÁ ĐƯỢC TRỌN BỘ XƯƠNG NGƯỜI
TIỀN-SỬ Ở MIỀN NAM GALILEE

Một nhóm khảo-cò Nhật làm việc từ một tháng nay ở Do-thái tại một động huyết gần Migeal thuộc miền Nam Galilée, đã khám-phá được bộ xương người tiền-sử, có lẽ ở vào thời-đại Neandertal.

Đoàn thám-hiềm dưới sự hướng-dẫn của giáo-sư Hisasi Suzuki, gồm 9 nhân-viên. Đoàn thám-hiềm sẽ tiếp-tục công-cuộc tìm kiếm đến tháng 9 tới.

Bộ xương này sẽ được gửi về các phòng thí-nghiệm Nhật để nghiên-cứu.



ĐỜI THỨC-GIA

Tập thơ của Cụ UNG-BÌNH THỨC-GIA-THỊ

- Tập thơ tiêu-biểu cho một thế-hệ qua.
- Là mối tình-thần nối liền cho hai thế-hệ liên-tục nhau, nhờ đây mà giòng Thơ không gián-đoạn.
- Đây không chỉ là những áng thơ hay mà còn là những bản di-chức, những lời gửi-gắm cho thế-hệ hiện-thời.
- Bóng ngày đẹp nhất vào lúc chiều tà, tập thơ ĐỜI THỨC-GIA hiện ra giữa đời là một bóng quái rục-rờ buổi hoàng-hôn của Trời Thơ cũ.
- Sách do nhà xuất-bản Bồn-Phương và nhà in Thư-Lâm Ấn-Thư-Quán trình-bày trang-trọng thanh-nhã cùng loạt với tập thơ « Mưa Gió Sông Tương ».
- Sách phát-hành tại Yiễm-Yiễm Thư-Trang

113-115, Nguyễn-Thái-Học, Saigon.

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

(NĂM THỨ 5)

Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

- Diễn-đàn chung của những người tha-thiết đến các vấn-đề chính-trị, kinh-tế, văn-hóa, xã-hội...
- Khởi đàng từ số 101 ngày 15-3-61 đến hết năm :
 - Một loạt bài biên-khảo về hội-hợp của Đoàn-Thêm, mỗi kỳ có in theo một số lớn tranh của các nhà danh-họa.
 - Một cuộc phỏng-vấn rộng-rãi các nhà văn, thơ, kịch, thuộc mọi lớp tuổi, về quan-niệm và kinh-nghiệm sáng-tác (Nguyễn-Ngu-Í phụ-trách).

TIN SÁCH BÁO MỚI

Văn-Hóa Nguyệt-San đã nhận được sách báo mới sau đây của tác-giả hoặc của nhà xuất-bản có nhã-ý gửi tặng. Xin thành-thực cảm ơn và ân-cần giới-thiệu với các bạn đọc thân mến.

★ *Quan-niệm Nhân-vị về lãnh-đạo* do ông Nguyễn-đình-Tuyển soạn. Tác-giả biên-khảo về nghệ-thuật lãnh-đạo theo quan-niệm nhân-vị, « một quan-niệm thích-trung và tiến-bộ, không xem con người như một con vật thiêu-thân như quan-niệm phát-xít và cũng không xem con người như một con vật hay một máy móc như chế-độ cộng-sản ». Sách dày 42 trang, do nhà xuất-bản « Gió lên » cho in lần thứ hai, giá bán 15\$.

★ *Lá thư về Bắc* của thi-sĩ Xuân-Chính trước-tác. Thi-phẩm này gồm 42 bài thơ tình-cảm do tác-giả cho ra đời để tỏ lòng tha-thiết hướng về miền Bắc và đề-chân-thành nhắc các bạn có tâm-huyết nhớ đến các đồng-bào thân yêu tại miền Bắc đang sống trong cảnh đói rét bần cùng đang ngóng trông và kêu cứu các bạn. Sách dày ngót 100 trang, in tại nhà in Nguyễn-Bá-Tòng, giá bán 25\$.

★ *Thế-chiến nhân dân* (People's Strategy) do Huỳnh-văn-Cao biên-soạn bằng Việt-Văn và Anh-văn. Sách gồm 3 mục chính : 1) Ai yêu nước — 2) Đánh ai — Ai đánh. Theo lời soạn-giả, sách này « trình bày với nguồn hy-vọng sẽ bắc được nhịp cầu thông-cảm giữa đôi bờ sông Bến-Hải ». Sách dày chừng 180 trang, giá bán 70\$.

● *Luận Hiến-Pháp* do Ô. Lưu-văn-Bình (Giảng-sư Trường Luật-khoa, Luật-sư Tòa Thượng-Thẩm) biên-soạn. Sách này, ngoài phần nhập môn (bàn về đối-tượng môn Luật Hiến-Pháp, khái-niệm quốc-gia, chương-trình và cách nghiên-cứu Luật Hiến-Pháp); gồm có ba phần chính : 1) Những vấn-đề căn-bản về tổ-chức chánh-quyền — 2) Khái-niệm tổng-quát về những chính-thể kiểu mẫu — 3) Nghiên-cứu về chính-thể Cộng-Hòa Nhân-vị Việt-Nam.

1016/158

VĂN-HÓA — SỐ 63

Sách này biên-soạn rất công-phu, và theo lời soạn-giả, nhằm mục đích giúp những bạn sinh-viên một tài-liệu tổng-quát về những vấn-đề nói trên và, ngoài phạm-vi học-đường, còn giúp bạn đọc muốn tìm hiểu luật Hiến-Pháp và chính-trị-học. Sách dày 340 trang, giá bán 100\$.

★ *Tứ-tự thành-ngữ* do Ông Hồ-đắc-Hàm biên-soạn. Trong sách này sưu-tập nhưng câu bốn chữ thuộc về danh-ngôn thành-ngữ hay là nhật-dụng thường-dàm, nguyên-văn bằng chữ Hán có phiên ra Việt-âm, sắp theo mẫu-tự A B C. Soạn-giả phiên-dịch và chú-thích rất rõ ràng. Ngoài ra, còn soạn thêm phần « phụ-trương » trong có ghi tiêu-sử những nhân-vật và lai-lịch của các kinh, truyện, từ, sử nào có cung cấp tài-liệu dùng trong quyển sách này. Sách dày ngót 300 trang (không thấy ghi giá bán).

☆ *Luận-án về Mỹ-thuật Việt Nam trong tương lai* do họa-sĩ Trần-quang-Hiếu trước-tác. Đây là bài diễn-thuyết của họa sĩ tại Câu-lạc-bộ Báo-chí (Sài-gòn) ngày 19-8-1961, trong đó họa sĩ « đóng góp với chúng ta những ý-kiến xác-thực về đường hướng phát-triển nghệ-thuật dân-tộc ». Theo lời họa-sĩ, đó là « một viên gạch nhỏ sẽ cùng với muôn ngàn triệu ức viên gạch khác xây dựng nền móng nghệ-thuật dân-tộc, khiến chúng ta có quyền tin rằng Việt-Nam sẽ ngang hàng với thế-giới về nền nghệ-thuật dân-tộc ở ngày mai ».

☆ *Tây-Tạng huyền-bí và đau khổ* Quyền sách này sưu-tập các tài-liệu chính-xác của Ủy-Ban điều-tra Quốc-tế và xếp đặt thành 4 phần chính :

- 1) Giới-thiệu xứ Tây-Tạng.
- 2) Nhắc lại cuộc xâm-lăng của Trung-Cộng.
- 3) Trình bày những tội ác của Trung-Cộng.
- 4) Ghi lại những phản-ứng của Thế-nới tự-do trước vấn-đề Tây-Tạng. Sách nói trên do nhà Văn-Hữu Á-châu xuất-bản, dày 160 trang (không ghi giá bán).

★ *Education de base et Education des adultes*, tập kỷ-yếu XII năm 1960, do UNESCO tại Pháp xuất-bản từng tam-cá-nguyệt, đã ra tới số 4. Trong số này có nhiều bài khảo-luận rất có giá-trị, viết bằng Pháp-văn về giáo-dục căn-

VĂN-HÓA — SỐ 63

1017/159

bản và giáo-dục tráng-niên (L'éducation pour le compréhension internationale, L'éducation des adultes à l'épreuve, L'accès des travailleurs à l'éducation et à la culture, v.v..)

★ *Định-Hướng*, tuần-san văn-hóa xã-hội do Ô. Nguyễn-văn-Quý đứng chủ-nhiệm kiêm chủ-bút. Tòa-soạn ở số 27B, Đ. Nguyễn-dình-Chiêu (Saigon). Số đầu ra mắt ngày 29.6.61 gồm nhiều bài có giá-trị. Mỗi số dày 34 trang, giá bán 6đ.

★ *Tin sách* ấn-hành mỗi đầu tháng, giới-thiệu đầy đủ các sách báo xuất-bản trên toàn-quốc. Đã phát-hành bộ II (tháng 3 năm 1961). Ngoài những mục thường-xuyên (Cổ-thư Kỳ-thư, sinh-hoạt thư-tịch, sinh-hoạt tạp-chí) có thêm mục điểm-sách (Saigon năm xưa, Hai quan-điểm phê-bình, Tác-phẩm mới tình « Chân », Đi hoang). Cuốn thư-mục này dày 34 trang (Khổ nhỏ) — Giá bán 5đ.

★ *Thăng Tiến* bán nguyệt san, cơ-quan truyền-bá tư-tưởng Công-giáo. Đã phát-hành tới số 112 ngày 1-7-61. Tập này do cha Phan-văn-Thắm đứng chủ-nhiệm. Tòa soạn ở số 1, Công-trường Hòa-Bình (Sài-gòn). Mỗi số dày 32 trang (khổ lớn). Giá bán 6đ.

★ *Hừng Đông* (Tin Lành) số 48 tháng 6 năm 1961, tức số đặc-biệt kỷ-niệm 50 năm Tin Lành đến Việt-Nam. Tập-chí do Ô. Nguyễn-văn-Vạn đứng Giám-đốc kiêm chủ-bút. Tòa soạn ở số 5/13, Đường Hòa-Hung (Sài-gòn). Mỗi số dày 50 trang (khổ nhỏ). Giá 5đ.

✱ *Bách-Khoa* số 110 phát-hành ngày 1-8-1961 gồm nhiều bài đặc-sắc và xây dựng (Một cuộc hội-thảo về phát-triển kỹ-nghệ, thử tìm hiểu hội-họa. Một quan-niệm y-học, Tội người trong sạch, v.v...). Mỗi số dày hơn 100 trang, Giá bán 10 đ.

✱ *Lành Mạnh*, tập-san khoa-học, văn-hóa và xã-hội, đã ra tới số 58, phát-hành tại Huế ngày 1-7-1961. Số này gồm có nhiều bài giá-trị và hấp-dẫn (Văn-hóa, văn-minh và văn-hiến, Ngọc-Hân Công-chúa, Bệnh già, Vui gặp bạn trí-âm, v.v...). Mỗi số dày 32 trang lớn. Giá bán 12đ.

1018/160

VĂN-HÓA — SỐ 63

✱ *Minh-tâm nguyệt-san* số 83 phát-hành ngày 25-6-61. Hình-thức trang-nhà, nội-dung lành-mạnh, gồm nhiều bài khảo-luận đặc-sắc và có giá-trị (Tâm-gương trung-liệt, Cuộc đời Trần-tế-Xương, Đạo chí-thành của Khổng-Học, v.v...). Mỗi số dày 44 trang lớn, giá bán 10\$.

✱ *Luận-Đàm*, cơ-quan ngôn-luận của Tổng-hội Giáo-giới Việt-nam xuất-bản hàng tháng do Ô. Thâm-Quỳnh làm chủ-nhiệm và Ô. Nghiêm-Toàn làm chủ-bút. Nội-dung tập Luận Đàm số 8 tháng 7 năm 1961 rất phong-phú và gồm nhiều bài rất có giá-trị và xây dựng (Quan-niệm hiện-tại về giáo-dục y-khoa. Vai trò của tài-liệu trong công-cuộc nghiên-cứu lịch-sử, Việc xây-dựng một tinh-thần Quốc-gia, Chiếu hướng cải-cách Giáo-dục tại Pháp, v.v...). Mỗi số dày hơn 150 trang, giá bán 15đ.

HIẾU-VĂN

ĐÍNH-CHÍNH

Trong V. H. N. S. số 63 này, về bài « *Cổ-tích và địa-danh xưa của trấn Gia-Định* » ở trang 888, dòng 16 và 17, xin đọc là : « *Hoàng-ngũ-Phúc làm chức Bình-Nam Thượng-tướng-quân Việp-quận-công.* »

Muốn biết rõ
tình-hình xuất-bản
trong nước
NHỚ ĐỌC :

TIN SÁCH

Ấn-hành mỗi đầu tháng, giới-thiệu đầy đủ tất cả các sách xuất-bản trong tháng vừa qua trên toàn quốc.

TIN SÁCH 1961 lại có thêm một phần hợp-luận gồm nhiều bài viết về Thư-Viện-học, Nghệ-thuật Đọc Sách, Thú Chơi Sách, Sinh-hoạt Văn-hóa... của quý vị học-giù danh tiếng trong và ngoài nước.

TIN SÁCH 1960 và 1961 chỉ bán cho độc-giả dài hạn. Muốn hỏi thê-lệ mua năm và được biếu không số nhất, hãy biên thư cho :

Tòa-soạn TIN SÁCH, 60 Kỳ Con, Sài-gòn

VĂN-HÓA — SỐ 63

1019/161

Tòa-soạn VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

NHA VĂN-HÓA (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)
266, Đường Công-Lý — Sài-Gòn
Điện-thoại : 24.633

✱
— Chủ-nhiệm : NGUYỄN-KHẮC-KHAM
— Chủ-bút : THÁI-VĂN-KIỆM
— Quản-lý : BÙI-ĐÌNH-SAN
— Thư-ký : NGUYỄN-VĂN-NINH

✱
Ấn-Quán : BÌNH-MINH
148 i, Đường Yên-Đồ — Sài Gòn
Tổng Phát-Hành bán lẻ: **THỐNG-NHẤT**
329, Đại-lộ Trần-Hưng-Đạo — Sài-Gòn